

VĂN HỌC

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

tưởng niệm hàn mặc tử
linh mục trần quý thiện
những lựa chọn căn bản
nguyễn văn trung
nguyễn xuân hoàng & người đi trên mây
đoàn nhã văn
đọc 'dì thu' của trang châu
mai kim ngọc
tiếng chim
đỗ quỳnh dao

truyện

trúc chi • lê minh hà • quán như
hoài mỹ • diễm âu • nguyễn thị hoàng bắc

thơ

dặng hiền • luân hoán • hồ minh dũng • như chi
dung nham • khánh hà • cổ ngư • phạm hải anh

176

THÁNG 12 2000



VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng



Ban Chủ biên: Mai Kim Ngọc, Thạch Hân,

Châu văn Thọ, Nguyễn Mộng Giác

Chủ Nhiệm: Châu văn Thọ

Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác

Tổng Thư Ký: Thạch Hân

Đại diện Văn Học ở Canada:

Mr. Nguyễn Minh Đức, 1905 Tupper # 22 Montréal,

Quebec, CANADA H3H 1N7

Phone: (514) 342-6270



Đại diện Văn Học ở Âu châu:

Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris,

FRANCE

Phone: (33) 1 45 83 19 12



Đại diện Văn Học ở Úc châu

Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,

NSW 2221, AUSTRALIA

Phone: (02) 9771-1770



Đại diện Văn Học ở Houston, Texas

Mr. Ngu Yên, 2055 Westheimer # 130

Houston TX 77098

Phone: (713) 524-6262



Đại diện Văn Học ở New Orleans, Louisiana

Nguyễn Khánh Hòa

2025 La Quinta Via, Harvey, LA 70058

Phone: (504) 368-4728

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về Văn Học

PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA

E.Mail: vanhoc@saigonline.com

Website: www.saigonline.com/vanhoc/ hay vanhoc.omely.org

Phone: (714) 894-8535

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN—0885—128X

Văn Học

số 176 ● tháng 12, 2000

VĂN HỌC	2	thư tòa soạn
L.M. TRẦN QUÝ THIÊN	3	tưởng niệm hàn mạc tử
NGUYỄN VĂN TRUNG	20	những lựa chọn căn bản
ĐẶNG HIỀN	41	<i>qua vùng ước mơ</i>
ĐOÀN NHÃ VĂN	42	nguyên xuân hoàng & người đi trên mây.
LUÂN HOÁN	55	<i>thơ luân hoán</i>
THƯỜNG QUÁN	56	giày, và chuyện viết
HỒ MINH DŨNG	62	<i>thơ hồ minh dũng</i>
NGUYỄN VY KHANH	64	nỗi nhớ qua 5 tác giả
MAI KIM NGỌC	73	đọc "đi thu" của trang châu
DUNG NHAM	80	<i>bài cầu nguyện tháng bảy</i>
TRÚC CHI	81	mong manh
LÊ MINH HÀ	88	trương chi
ĐỖ QUỲNH DAO	96	tiếng chim
KHÁNH HÀ	108	<i>bèo mây</i>
QUÁN NHƯ	109	con đẽ
NHU CHI	116	<i>như thơ</i>
HOÀI MỸ	118	vĩnh đen
CỔ NGƯ	130	<i>cây đời</i>
NGUYỄN THỊ HOÀNG BÁC	131	châu mai
PHẠM HẢI ANH	135	<i>khi hoa hướng dương tàn</i>
DIỄM ÂU	136	chờ cơm
NGUYỄN MẠNH TRINH	143	đọc catfish & mandala
VĂN HỌC	149	giới thiệu sách mới
VĂN HỌC	153	hộp thư

Copyright by authors and Văn Học, 2000

Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 2000

Thu tòa soạn *Văn Học*

Nói một cách long trọng, thì số báo này “đóng lại một thế kỷ”, để Văn Học Tết Tân Tỵ 2001 sắp ra vào đầu tháng Giêng mở đầu một thế kỷ mới.

Tuy ý nghĩa thời gian long trọng như thế, nhưng Văn Học không có gì khác thường để cống hiến bạn đọc, ngoài những suy nghĩ, xúc cảm bình thường, vì chung quanh chúng ta, không báo hiệu những biến chuyển ngoạn mục. Cuộc sống tiếp nối, theo dòng.

Tháng Mười Hai có ngày lễ Giáng sinh, nên đặc biệt trên số này có bài tưởng niệm một nhà thơ Công giáo (thi sĩ Hàn Mặc Tử) của Linh Mục Trần Quý Thiện

Cũng trong dòng tâm linh Thiên chúa giáo, Giáo sư Nguyễn văn Trung nhìn lại những lựa chọn khó khăn của đời mình để làm sao cùng một lúc làm tròn nhiệm vụ một giáo dân, một công dân và một trí thức. Đây là bài thứ hai Văn Học trích đăng từ tập hồi ký “Nhìn lại những chặng đường đã qua” của Giáo sư Nguyễn văn Trung.

Phần tiểu luận và phê bình văn học kỳ này khá phong phú, với đóng góp bài vở của Đoàn Nhã Văn, Thường Quán, Nguyễn Vy Khanh, Mai Kim Ngọc và Nguyễn Mạnh Trinh.

Phần thi ca có thơ của các thi sĩ Đặng Hiền, Luân Hoán, Hồ Minh Dũng, Dung Nham, Khánh Hà, Như Chi, Cổ Ngư và Phạm Hải Anh.

Phần văn có truyện ngắn của Trúc Chi, Lê Minh Hà, Đỗ Quỳnh Dao, Quán Như, Hoài Mỹ, Nguyễn thị Hoàng Bắc, Diễm Âu. Văn Học hân hạnh được đăng truyện ngắn “Tiếng Chim” do Đỗ Quỳnh Dao (ở Pháp) lần đầu gửi cho Văn Học, một truyện ngắn xuất sắc thích hợp với Mùa Giáng sinh.

Văn Học số Tết Tân Tỵ (tháng 1.2001 & tháng 2.2001) sẽ phát hành đầu tháng Giêng năm 2001. Mong quý bạn đọc đón xem.

Tưởng niệm nhà thơ Công giáo: Hàn Mặc Tử *Linh mục Trần Quý Thiện*

Ngược dòng thời gian trở về với gia tài Văn Chương Việt Nam, người ta thấy vào thập niên 1930, một Phong Trào Thơ Mới đã xuất hiện trên thi đàn và đã mở ra một kỷ nguyên thơ tiến bộ phóng khoáng thay thế cho những vần thơ Đường Luật cổ kính với những niêm luật khắt khe gò bó.

Do ảnh hưởng của trào lưu thơ mới trong Văn Chương Pháp, những vần thơ mới đầy sáng tạo, chất chứa hồn thơ, phong phú đa dạng này đã thúc đẩy cả một phong trào sáng tác thơ mới trong dân gian. Trong đó xuất hiện nhiều nhà thơ tên tuổi như Thế Lữ, Xuân Diệu, Lưu Trọng Lư, Nguyễn Bính, Chế Lan Viên, Hàn Mặc Tử ... Những tài năng thơ mới danh tiếng này đã thúc đẩy nền thi ca của dân tộc Việt bước vào những chặng đường mới đầy hoa thơm cỏ lạ...

Từ trước đến nay trên thi đàn nước Việt, có lẽ không có nhà thơ Việt Nam nào, sau khi khi mất đã để lại cho hậu thế bao nhớ thương ngậm ngùi bằng nhà thơ Hàn Mặc Tử, vì qua cuộc sống quá ngắn ngủi của mình, nhà thơ tài hoa nhưng bạc mệnh này đã chỉ có một giấc mộng duy nhất là làm thơ diễn tả và chia sẻ tình thương cho mọi người. Bằng chứng là gần đây nhà xuất bản Đồng Nai tại Việt Nam đã viết: "*Không ai nghi ngờ Hàn Mặc Tử là một hiện tượng nổi bật trong Văn học Việt Nam giữa thời kỳ thơ mới xuất hiện. Cho đến nay không ai đếm xuể những con người thuộc mọi tầng lớp, mọi trình độ, đã nghiêng mình kính cẩn trước anh linh Hàn Mặc Tử. Người ta cũng không dong được những giòng lệ mà người đời đã nhỏ xuống khóc thương người thi sĩ tài hoa nhưng bạc mệnh này!!*"

Hàn Mặc Tử là một Nhà Thơ Công Giáo Đầu Tiên đã tiên phong đi

tìm nguồn cảm hứng sáng tác trong nguồn mạch khai Thánh Kinh. Là một thi sĩ Công giáo tài ba, ông đã cảm nhận được những nét đẹp của tâm hồn, nhờ đó mới diễn tả hết được hồn thơ trong sáng qua các vần thơ siêu thoát vươn tới Chân Thiện Mỹ. Mặc dầu thời gian gần đây, đã có rất nhiều văn sĩ, thi sĩ, nhà phê bình văn học viết về Hàn Mạc Tử, như ông Võ Long Tề, một nhà văn học sử Công giáo đã có công đầu truy tìm và phổ biến thơ Hàn Mạc Tử; nhà thơ Đơn Phương đã viết tiếp để hoàn thành *Quần Tiên Hội* của Hàn Mạc Tử; linh mục Võ Tá Khanh, bút hiệu Tráng Thập Tự, đã tìm cảm hứng và đã tiến trong mạch khai Kinh Thánh như Hàn Mạc Tử, tuy nhiên trong dịp giỗ 60 năm (11 tháng 11, 2000 - 1940) ngày thi sĩ quá cố, chúng tôi xin được bày tỏ những tâm tình quý mến ngưỡng mộ trong bài viết: Tưởng Niệm Nhà Thơ Công Giáo Hàn Mạc Tử.

Để tránh những ngộ nhận, chúng tôi xin thưa đây không phải là một bài viết phê bình thơ Hàn Mạc Tử, nhưng chỉ là một vài nét đan thanh về cuộc đời nhà thơ tài hoa cùng với những suy tư cá nhân, xin được coi như một nén hương kính viếng một thi sĩ không chỉ nổi danh về sự nghiệp thi ca mà còn được nhắc đến qua những mối tình dang dở. Qua báo chí chúng tôi được biết một cuộc hội thảo lớn về nhà thơ Hàn Mạc Tử cũng được dự kiến tổ chức trong thời gian gần đây tại Bình Định nhân ngày mất của nhà thơ.

Vài nét về tiểu sử nhà thơ Công giáo Hàn Mạc Tử

Phạm Xuân Tuyền, một nhà sưu khảo, đã cất công bỏ ra trên 30 năm trường miệt mài trong cuộc hành trình sưu tầm những tư liệu chính xác nhất của Hàn Mạc Tử. Là người thị xã Phan Thiết, nơi có lâu Ông Hoàng nổi tiếng mà nhà thơ đã sống, nơi có mối tình đầu lãng mạn trăng nước giữa nhà thơ với nàng Mộng Cầm, Phạm Xuân Tuyền đã góp nhặt từ chứng chỉ Rửa Tội, Thêm Sức, bằng Tiểu Học, hồ sơ nhập Trại Phong Quy Hòa, những bài thơ, những hình ảnh, những bản nhạc, nghĩa là tất cả những tư liệu liên quan tới nhà thơ tài hoa yếu mệnh, để hoàn thành một tác phẩm giá trị nổi tiếng “Đi Tìm Chân Dung Hàn Mạc Tử”, dày 450 trang, đã được nhà xuất bản Văn Học, Việt Nam, phát hành năm 1998. Với những tư liệu chính xác trên, chúng tôi xin ghi lại vài nét tiểu sử của nhà thơ quá cố mà rất nhiều người trong chúng ta trân trọng quý mến:

Bé Nguyễn Trọng Trí, bút hiệu sau cùng Hàn Mạc Tử (con người của ngọn bút thời mực), đã cất tiếng khóc chào đời lúc 8 giờ sáng ngày 22 tháng 9 năm 1912 tại nhà, bên bờ sông Nhật Lệ, làng Lệ Mỹ, thuộc Giáo

xứ Tam Tòa, tổng Võ Xá, huyện Phong Lộc, tỉnh Đồng Hới (nay là tỉnh Quảng Bình).

Thân phụ cậu là ông Vinh Sơn Phaolô Nguyễn Văn Toàn, sinh năm 1882, làm Thông Phán Thương Chánh tại Nhật Lệ, Đồng Hới (1912), sau được bổ nhiệm Chánh Chủ Sự Thương Chánh tại Sa Kỳ, Quảng Ngãi. Ông Nguyễn Văn Toàn là trưởng nam cụ Phạm Bồi, người tỉnh Thanh Hóa, vốn gốc họ Phạm tộc, vì liên hệ tới Phong Trào Cần Vương kháng Pháp thất bại nên trốn vào lập nghiệp tại miền núi rừng Thanh Tân, xã Phong Sơn, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Để tránh rắc rối về lý lịch, cụ Phạm Bồi đổi họ cho con thành Nguyễn Văn Toàn thay vì Phạm Toàn. Thân phụ nhà thơ bị bạo bệnh qua đời tại Huế, năm 1926, hưởng dương 45 tuổi. Mộ phần an táng tại làng Dương Xuân Thượng, thôn Thượng Bốn, ấp Sơn Điền, xã Thủy Xuân, cách thành phố Huế 2 cây số.

Thân mẫu cậu là bà Maria Nguyễn Thị Duy, sinh năm 1881, trong một gia đình Công giáo danh tiếng thế giá. Là con gái cụ Nguyễn Long đã từng giữ chức Ngự Y triều vua Tự Đức, gốc làng Trà Kiệu, tỉnh Quảng Nam nhưng sau này ra lập nghiệp tại làng Vạn Xuân (Kim Long), ngoại ô thành phố Huế. Thân mẫu nhà thơ qua đời năm 1951, hưởng thọ 70 tuổi, tại làng Gò Bồi, thôn Kim Xuyên, xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, cách thành phố Quy Nhơn 15 cây số. Thượng tuần tháng 7 năm 2000 vừa qua, các con cháu nội ngoại đã cải táng lấy hài cốt cha mẹ là ông Nguyễn Văn Toàn và bà Nguyễn Thị Duy đưa về Nhà Thờ Núi thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Nhà thơ Hàn Mặc Tử là người con thứ tư trong một gia đình có 8 anh chị em: anh trai là Nguyễn Bá Nhân, hai chị là Nguyễn Thị Như Nghĩa, Nguyễn Thị Như Lễ và bốn em trai là Nguyễn Bá Tín, Nguyễn Bá Hiếu, Nguyễn Văn Hiền, Nguyễn Văn Tháo. Vì là một nhà nho học, ông Nguyễn Văn Toàn đã chọn Ngũ Thường (Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí Tín) của Đức Khổng Tử để đặt tên cho các con với ước mong chúng sẽ bước theo vết chân của các bậc thánh hiền.

Là một gia đình Công giáo, theo luật Giáo Hội, sau khi sinh được 3 ngày, ngày 25 tháng 9, 1912, bé Nguyễn Trọng Trí được cha mẹ đưa đến nhà thờ Giáo xứ Tam Tòa, (thành lập năm 1885, sau biến cố Văn Thân), tỉnh Đồng Hới, để được linh mục Phó xứ Giuse Trần Phan rửa tội, lấy tên thánh là Phanxicô Assisi, người đỡ đầu là ông Phanxicô Thông Hải, số

rửa tội giáo xứ ghi số 437. Nhưng mãi đến năm 1933, khi Hàn Mạc Tử lên 21 tuổi, mới được lãnh Thêm Sức tại nhà thờ Chánh Tòa Quy Nhơn với tên thánh Thêm Sức là Phanxicô Xaviê.

Lớn lên bé Nguyễn Trọng Trí được khai tâm lớp vỡ lòng tại trường làng với các nữ tu Mến Thánh Giá Giáo xứ Tam Tòa. Năm lên 9 tuổi (1921), cậu cùng với gia đình theo cha di chuyển đến nhiệm sở mới tại Bồng Sơn, Quy Nhơn, rồi từ Quy Nhơn đến định cư tại Sa Kỳ, Quảng Ngãi. Lúc đó Nguyễn Trọng Trí lên 12 tuổi theo học lớp ba tại Quảng Ngãi. Một cái tang lớn xảy đến cho gia đình, tháng 7 năm 1926, đang lúc giữ chức vụ Chánh Chủ Sự Thương Chánh Sa Kỳ, Quảng Ngãi, thân phụ cậu là ông Vinh Sơn Phaolô Nguyễn Văn Toàn đột ngột qua đời vì bạo bệnh.

Sau cái chết của người chồng và người cha thân yêu, bà Nguyễn Thị Duy đưa gia đình vào Quy Nhơn chung sống với người con trai trưởng là ông Nguyễn Bá Nhân, lúc đó đang làm công chức Sở Cầu Đường. Thời gian này, Hàn Mạc Tử bắt đầu làm thơ Đường Luật xướng họa với anh cả Nguyễn Bá Nhân, bút hiệu Mộng Châu. Còn Hàn Mạc Tử tự đặt bút hiệu đầu tiên cho mình là Minh Duệ Thị. Tài năng thơ của Hàn Mạc Tử được người anh cả phát hiện từ sớm và luôn cổ vũ em tiếp tục vun bồi phát triển.

Năm lên 16 tuổi (1928), vì đặc biệt quan tâm đến việc học của người con cưng, Hàn Mạc Tử được người mẹ chất chiu gửi con ra thành phố Huế theo học trường Trung Tiểu Học Pellerin, một trường Công giáo nổi tiếng thời đó vì kỷ luật nghiêm minh và học tập tấn tới do các Sư Huynh Dòng Lasan phụ trách. Năm 1930, Hàn Mạc Tử trở về Quy Nhơn được Giải Nhất trong một cuộc thi thơ do một Thị Xã tổ chức và lấy bút hiệu Lê Thanh và Phong Trần. Thời gian này, cả nước hướng về cụ Phan Bội Châu, một nhà cách mạng, một nhà chí sĩ yêu chuộng tự do đang tranh đấu cho dân tộc, bị người Pháp chỉ định cư trú tại Bến Ngự, thành phố Huế. Cụ Phan tổ chức “Mộng Du Thi Xã” với những cuộc thi thơ, bình thơ và dĩ nhiên thơ của nhà thơ trẻ Hàn Mạc Tử được cụ Phan khen ngợi và còn họa lại trên báo. Hàn Mạc Tử bắt đầu nổi tiếng từ đây...

Theo tác phẩm “Hàn Mạc Tử Anh Tôi” (Nhà xuất bản Văn Nghệ, Sài Gòn, 1991), tác giả là ông Nguyễn Bá Tín, em trai nhà thơ, tiết lộ thì một biến cố bất ngờ đã ghi sâu trong suốt cuộc đời anh của ông. Trong

một lần hai anh em tắm biển, anh ông sắp bị chết đuối! Từ biển cổ này về sau, Hàn Mặc Tử rất sợ nước, ít khi tắm giặt! Và lúc trưởng thành, kỷ niệm sợ hãi thời niên thiếu này được diễn tả qua những dòng thơ bất hủ với hồn thơ nồng nàn tha thiết nguyện cầu trong thi phẩm “Ave Maria”.

Năm 20 tuổi (1932), Hàn Mặc Tử làm thư ký công nhật Sở Đạc Điền Quy Nhơn, dưới quyền thân phụ người yêu Kim Cúc là Thương Tả Hoàng Phùng. Anh thường xuyên lui tới hội quán do linh mục Paul André Maheu (tên Việt là cố Mỹ) sáng lập cùng với ẩn quán và bán nguyệt san Lối Tham. Thời đó Hàn Mặc Tử yêu Hoàng Thị Kim Cúc, quen nhà thơ Quách Tấn, thường lên chơi thành phố Đà Lạt. - Thi phẩm “Đà Lạt Trăng Mờ” nổi tiếng được sáng tác trong thời gian này. Vì là một nhà thơ tài hoa, anh cũng được mời làm giám khảo trong một cuộc thi thơ tại trường Quốc Học Quy Nhơn.

Năm 22 tuổi (1934), Hàn Mặc Tử theo Thúc Tề vào Thủ Đức Sài Gòn bước chân vào làng báo, trọ tại số 107 đường Espagne (Lê Thánh Tôn hiện nay). Anh viết báo, làm thơ, lấy rất nhiều bút hiệu. Cuộc đời đem đến cho anh nhiều thành công, tình yêu, bạn bè nhưng cũng nhiều thiếu thốn, gian khổ! Thơ và Tình đến với anh cùng một lượt! Thời gian này anh được nhật báo Sài Gòn, một tờ báo tương đối có nhiều độc giả vào những năm 1934 - 1935 trao cho giữ mục văn chương thi phú. Sau đó anh chủ trương tờ Công Luận Văn Chương, viết cho các báo Tân Thời, Trong Khuê Phòng.. Một lần nữa, anh lại đổi bút hiệu là Hàn Mặc Tử, đây là bút hiệu cuối cùng để rồi trở thành bất tử trong thi giới Việt Nam. Thời gian này anh vẫn thư từ liên lạc và xướng họa thi ca với người yêu Mộng Cầm tại Phan Thiết.

Năm 24 tuổi (1936), Hàn Mặc Tử cảm thấy sức khỏe ngày càng sa sút, tuy chưa xác định bệnh phong, anh trở về Quy Nhơn, vào Tuy Hòa, xin tiền người anh cả ẩn hành tập thơ đầu tay Gái Quê. Năm 1937, anh hợp tác với Nguyễn Minh Vỹ, Hoàng Diệp, chủ biên tập san Nắng Xuân và cùng với nhà thơ Chế Lan Viên thành lập Trường Thơ Loạn. Lại một cái tang lớn đột ngột xảy đến với gia đình, người anh cả là ông Nguyễn Bá Nhân qua đời vì tai nạn xe hơi! Sau khi xác nhận bị hệnh phong, anh tự cô lập không tiếp xúc với bất cứ ai, ngay cả người yêu, nữ sĩ Mai Đình tức Mai Thị Lệ Kiều, đến thăm nhiều lần và tình nguyện ở lại nhà san sóc nhưng anh chỉ gặp đôi ba lần!!

Trong những năm 1937 - 1938, anh được gia đình âm thầm gửi đi lánh bệnh nhiều nơi trong tỉnh Bình Định: Xóm Đông, Xóm Tấn, Gò Bồi, Ghềnh Ráng, nhiều nơi chỉ là những túp lều chơi vơi trống trải ngoài đồng hoang vắng!! Bệnh càng tăng, đau khổ càng chồng chất, anh càng sáng tác rất nhiều tập thơ, nổi tiếng nhất là bài: "Đầy Thôn Vỹ Dạ" để tặng người yêu Kim Cúc. Anh cũng viết đề bạt tập thơ Một Tấm Lòng của Quách Tấn, đề tựa tập thơ Tinh Huyết cho thi sĩ Bích Khê, viết giới thiệu tập thơ Xác Thu của Hoàng Diệp. Thời gian này Trần Thanh Địch, em nhà phê bình Trần Thanh Mai, giới thiệu một nữ sinh Đồng Khánh Huế là Thương Thương, anh đã sáng tác rất nhiều tập thơ: Cầm Châu Duyên, Duyên Kỳ Ngộ, Quàn Tiên Hội để tặng nàng.

Ngày 8 tháng 9, 1940, vì không thể lánh bệnh mãi nơi này nơi khác, gia đình buộc lòng đưa anh vào bệnh viện Quy Nhơn được một bác sĩ người Pháp khám bệnh. Vào một buổi sáng ngày 20 tháng 9, 1940, gia đình xin cho anh được nhập Trại Phong Quy Hòa, hồ sơ mang số thứ tự 1134, dưới thời Mẹ Nhất người Pháp, nữ tu Maria Juetta (tục danh Blande Leroy, qua đời ngày 27 tháng 8, 1989 tại Do Thái). Trại Phong Quy Hòa tọa lạc phía Nam Thành Phố Quy Nhơn lối 7 cây số, do linh mục người Pháp Paul André Maheu, đồng Thừa Sai Truyền Giáo Ba Lê, thành lập năm 1929. Có người còn gọi trại Phong Quy Hòa là "Thung Lũng Tình Thương" hay "Thung Lũng Ngàn Hoa", cha Maheu trao cho các nữ tu Mến Thánh Giá Gò Thị phụ trách. Năm 1932, các nữ tu Phan Sinh Thừa Sai Đức Mẹ tình nguyện đến phục vụ các bệnh nhân phong cho đến nay.

Sau 52 ngày được các nữ tu, đặc biệt sơ Julianne và Mẹ Nhất Maria Juetta, tận tình săn sóc, cùng một người bạn thân đồng bệnh đồng đạo người Huế, ông Nguyễn Văn Xê, giúp đỡ, nhà thơ tài hoa bạc mệnh Hàn Mặc Tử đã nhẹ nhàng tắt thở lúc 5 giờ 45 sáng ngày 11 tháng 11, 1940, hưởng dương 28 tuổi. Theo bác sĩ, bệnh nhân không chết vì bệnh phong nan y, mà vì uống thuốc có quá nhiều độc tố cao sinh kiệt lý!! Lúc 14 giờ chiều cùng ngày, thi hài anh được tắm liệm trong một quan tài thô sơ bằng gỗ ván cây gòn. Đúng 14 giờ 30, sáu anh chị em giáo dân tiền đưa anh lên nguyện đường trại. Trước một quan tài phủ một tấm màn đen, cha Cận cử hành những nghi lễ cuối cùng tiễn đưa anh trong bầu khí buồn thảm thương tiếc. Những tiếng hát kinh cầu hồn hòa lẫn với những tiếng chuông nguyện đường đổ từng giọt buồn đưa tiễn nhà thơ trẻ tuổi tài hoa về bên kia thế giới. Anh là bệnh nhân đầu tiên được an táng tại nghĩa trang Quy Hòa chỉ

cách trại 200 mét.

Sau khi nhà thơ qua đời 19 năm, ngày 13 tháng 2, 1959 gia đình và người bạn thơ Quách Tấn xin cải táng đưa về an táng tại Ghềnh Ráng, thành phố biển Quy Nhơn. Mộ phần được kiến trúc hình chữ nhật. Trước mộ là một cây thánh giá lớn bằng xi măng cao 0 m 50. Trên đầu bia mộ là tượng Đức Mẹ Maria hai tay giang rộng mắt nhìn xuống mộ, vì trước khi chết Hàn Mặc Tử ước mong được một lần trong đời đến kính viếng Đức Mẹ tại thánh địa La Vang Quảng Trị nhưng không thực hiện được!! Bước lên ba bậc tam cấp, hiện nay du khách có thể nhìn thấy trên tấm bia ghi rõ tên thánh, họ và tên nhà thơ, ngày sinh và ngày tử cùng tên cha mẹ và anh chị em lập bia mộ. Năm 1991, nhạc sĩ Trần Thiện Thanh (ca sĩ Nhật Trường) cùng một số anh chị em nghệ sĩ trong nước đã bảo trợ kinh phí, để ban Giám Đốc trại phong Quy Hòa xây một đài Tưởng Niệm nơi nhà thơ được an táng đầu tiên tại “ Khe Nước Ngọc “ nghĩa trang Quy Hòa và một Phòng Lưu Niệm Hàn Mặc Tử cũng được thiết lập ngay tại địa điểm mà nhà thơ đã trút hơi thở cuối đời.

Tưởng niệm nhà thơ Công giáo Hàn Mặc Tử

Trong tác phẩm Danh Nhân Từ Điển (nhà xuất bản Xuân Thu Sài Gòn 1966), Giáo sư Trịnh Văn Thanh sau khi trình bày tiểu sử và thi văn nhà thơ Hàn Mặc Tử đã nhận định: *“Nhiều người thường cho Hàn Mặc Tử là một nhà thơ lãng mạn trữ tình. Nhưng đích thực ông là một thiên tài hiếm có trong Phong Trào Thơ Mới Việt Nam ... Từ một hiện tại lạnh mạnh, một người trai giang hồ đi ngao du Nam Bắc tới một hiện tại đau ốm, một bệnh nhân phong, một phế nhân nằm yên một chỗ chờ chết, Hàn Mặc Tử đã tìm cho đời mình một hướng đi, một con đường đi vào Vĩnh Cửu ... Lời thơ của Hàn Mặc Tử không phải chỉ là tiếng nói của một con người văn nghệ thời đại, nhưng trên bình diện con người, ông chính là một thi sĩ mà các thế hệ bây giờ cũng như sau này không thể nào quên được.”*

Nếu đề cập đến thơ mới Việt Nam, bất cứ một nhà văn học sử nào cũng không thể quên không nhắc đến Hàn Mặc Tử, vì ông chính là một tài hoa sáng chói trong thi ca Việt Nam. Mặc dầu cuộc sống của ông chỉ kéo dài 28 xuân xanh nhưng ông đã bắt đầu làm thơ từ năm 14 tuổi. Và sau khi mất đã để lại cho hậu thế những thi phẩm nổi tiếng với những cảm hứng dạt dào tình thương pha lẫn khát khao, máu và nước mắt.

Trong hoàn cảnh đất nước nghèo như Việt Nam, rất hiếm có trường hợp chỉ 2 năm sau khi nhà thơ mất, khi nhà phê bình Trần Thanh Mai ra mắt tác phẩm: Hàn Mạc Tử - Thân Thế và Thi Văn (Nxb Rạng Đông Hà Nội 1942 - Nxb Tân Việt Sài Gòn tái bản 1957) là bắt đầu cả một phong trào tìm đọc thơ của Hàn Mạc Tử, nhất là đối với giới trẻ thời đó. Từ đó đến nay, Hàn Mạc Tử vẫn là đề tài được rất nhiều văn sĩ, thi sĩ, nhà phê bình đề cập đến như một chủ đề bất tận! Thời gian qua, biết bao tác phẩm, đặc san, bài báo đã viết về ông, đặc biệt từ năm 1998 đến nay, sau khi cuốn Đi Tìm Chân Dung Hàn Mạc Tử, một công trình sưu khảo công phu giá trị do ông Phạm Xuân Tuyền phát hành.

Năm nay, ngày 11 tháng 11, 2000, kỷ niệm 60 năm (1940 - 2000) ngày mất của Hàn Mạc Tử, rất nhiều tổ chức văn hóa trong và ngoài nước sẽ tổ chức những cuộc hội thảo, những buổi lễ kỷ niệm để tưởng niệm nhà thơ tài hoa đoản mệnh này. Để bổ túc cho những nét tiểu sử trình bày trên đây, chúng tôi xin được ghi lại một vài khía cạnh trong cuộc đời ông dưới đây.

Những Ngày Cuối Đời của Hàn Mạc Tử

Không một người nào biết rõ những gì xảy ra trong 52 ngày cuối đời của nhà thơ Hàn Mạc Tử bằng ông Rôcô Nguyễn Văn Xê. Với nhà thơ, ông là một người đồng bệnh, đồng đạo, một người bạn tri kỷ đã tận tình giúp đỡ hết mình. Sau khi nhà thơ mất, ông được di chuyển vào Nam mất ngày 8 tháng 3, 1995 tại trại phong Bến Sắn, xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Trong một cuộc phỏng vấn trước khi mất, ông Nguyễn Văn Xê đã kể cho nhà sưu khảo Phạm Xuân Tuyền những chi tiết trong những ngày cuối đời nhà thơ như sau: (Trích Đi Tìm Chân Dung Hàn Mạc Tử).

"Ngày 20 tháng 9, 1940, Trí nhập trại phong Quy Hòa, thời Mẹ Maria Julietta. Sau ba tuần, nhờ sự chăm sóc tận tụy của các nữ tu dòng Phan Sinh (Franciscaine), bệnh tình Trí thuyên giảm .. Từ tuần lễ thứ tư, sinh hoạt của Trí đều đều như kinh Nhật Tụng: 5 giờ sáng dậy đi nhà nguyện đọc kinh, sốt sắng dâng lễ, rước lễ - 7 giờ cùng anh em bệnh nhân dùng điểm tâm cháo trắng với đường tán đen - 8 giờ được băng bó, uống thuốc hoặc chuyện vãn với anh em đồng bệnh - 11 giờ cơm trưa rồi nghỉ ngơi - 14 giờ 30 lên nhà nguyện đọc kinh lần hạt đến 17 giờ dùng cơm chiều. " (xem ĐTCDHMT trg 35).

Có lần Trí còn tâm sự: “Tôi đến Quy Hòa này là nơi có bãi biển, rừng dừa xanh, núi non hùng vĩ, cù lao xanh huyền ảo, đặc biệt là Tình Người nên tôi được hưởng sự bình an của nội tâm, cái thanh tao của nguồn vui tưởng như đã chết trong tôi khi sống ở Xóm Tấn đầy đau khổ, nghèo nàn, cô đơn, không một ai đến an ủi săn sóc dù là người thân quyến...” - “Trí là một người rất sùng kính Đức Mẹ Maria, lúc nào cũng cầu xin Đức Mẹ và thứ bảy nào cũng xưng tội” ... Trưa ngày 30 tháng 10, 1940, khi đọc kinh tại nhà nguyện về Trí hỏi tôi: Anh Xê có đến La Vang đi kiệu Đức Mẹ lần nào chưa? Trí lộ vẻ mặt buồn buồn nói: Từ ngày có bệnh tôi ao ước có một lần trong đời kính viếng Đức Mẹ La Vang ... Lúc này tôi lại càng vô cùng ao ước được quỳ gối dưới chân Mẹ La Vang xin Người tha thứ tội lỗi” ... “Suốt hơn một tuần, từ 30 tháng 10, 1940 đến 7 tháng 11, 1940, Trí bị bệnh kiệt lý nặng nên mất sức!! Đêm ngày 8 tháng 11, 1940 Trí lấy hai tập giấy pelure, dùng bút chì cùn trong áo veston sáng tác bài thơ cuối cùng *La Pureté de l'Âme* (Tâm Hồn Thanh Khiết) để ca tụng Đức Maria cùng các bà mẹ dưới đất là thân mẫu và các nữ tu Phan Sinh đã săn sóc Trí. Đây là bút tích cuối đời của Trí.”

“Chiều 9 tháng 11, 1940, Trí xưng tội lúc 16 giờ 30. Sáng ngày 10 tháng 11, 1940, lúc 6 giờ 45 Cha Tuyên Ủy cho Trí chịu phép Xức Dầu bệnh nhân và rước lễ lần cuối.. Đêm đó tôi (ông Xê) trực canh chừng Trí. Mẹ Nhất Juetta và sơ Julianne đến thăm Trí ba lần trong đêm. Lúc ba giờ sáng, sơ Julianne cho biết Trí khó lòng qua khỏi! Thời gian của đêm nay đối với tôi như chừng hẫng xuống. Tôi nhìn Trí, ngoài những lúc đau bệnh, Trí khi quỳ, lúc ngồi, khi nằm, trên tay lúc nào cũng cầm chuỗi hạt đọc kinh cho đến lúc 5 giờ 45 sáng ngày 11 tháng 11, 1940 thì Trí nhẹ nhàng tắt thở một cách êm ái” (Xem ĐTCDHMT trg 36 - 38).

Những Người Tình Của Nhà Thơ Hàn Mạc Tử

Hàn Mạc Tử rời ghế trường Trung Tiểu Học Pellerin Huế để bước vào đời ở tuổi 18 (1930) và trút hơi thở cuối cùng khi chưa tròn 28 tuổi (1940)! Vì thế thời gian va chạm với đời của nhà thơ chỉ kéo dài chưa tới 10 năm! Nhưng trong khoảng thời gian ngắn ngủi này, Hàn Mạc Tử đã mất hơn 4 năm vật lộn với chứng bệnh phong nan y, kể từ tháng 10 năm 1936 tới ngày 11 tháng 11, 1940 là ngày nhà thơ qua đời.

Dù sự hiện diện của nhà thơ trên cõi đời chỉ như gió thoảng mây bay như hương hoa trong khoảng khắc, nhưng đã lưu lại những dấu vết bất tử

theo thời gian và đã làm sống mãi bên cạnh tên tuổi ông, hình ảnh những người con gái đã trở thành quen thuộc với mọi người. Nếu Mộng Cầm, Kim Cúc, Thương Thương được kể là nguồn thì hứng tuyệt vời để nhà thơ tạo nên những vần thơ kỳ diệu trong lâu đài thi ca lãng mạn thì mới tình ông dành cho Mai Đình, tức Mai Thị Lệ Kiều, luôn khơi dậy những tâm tình vừa trân trọng vừa xót thương, đồng thời cũng góp cho làng thơ mới Việt Nam một nhà thơ nữ.

Theo các tài liệu sưu khảo văn học thì ngoài hàng trăm hàng ngàn độc giả say mê những vần thơ trữ tình lãng mạn của ông được phổ biến trên báo chí, có rất nhiều người tình đã đi qua cuộc đời của nhà thơ Hàn Mặc Tử và ông đã đổ biết bao máu lệ để tặng cho họ những vần thơ. Trong số 9 người tình mà hầu hết hiện nay còn sống, ông chỉ gặp 4 người (Mộng Cầm, Kim Cúc, Mai Đình, Thương Thương), còn 5 người kia chỉ nghe tên nhưng cũng trao đổi thư từ làm thơ tặng riêng mỗi người :

Tặng Mộng Cầm :

Nghệ hồi Nghệ, muôn năm sâu thăm

Nhớ thương còn một nắm xương thôi. (Muôn Năm Sâu Thăm).

Tặng Kim Cúc :

Xiêm áo hôm nay tề chỉnh quá

Muốn ôm hồn Cúc ở trong sương. (Hồn Cúc).

Tặng Mai Đình :

Quý như vàng, trọng như ngọc trên đời

Mai, Mai, Mai là Nguyệt Nga giáng thế. (Thăm Thiết).

Tặng Thương Thương :

Bây giờ đây khóc than niềm ly hận

Hỡi Thương Thương, người ngọc của lòng anh.

(Kịch thơ Duyên Kỳ Ngộ).

Tặng Ngọc Sương :

Ta đề chữ Ngọc trên tàu chuối

Sương ở Cung Thiềm gió chẳng thổi. (Người Ngọc).

Tặng Thanh Huy :

Thanh Huy hỡi ! Nàng chưa là châu báu

Cớ làm sao phúc lộc chảy ra thơ. (Bức Thư Xanh).

Tặng Thu Yến :

Chị ấy năm nay còn gánh thóc

Đọc bờ sông trắng nắng chang chang. (Mùa Xuân Chín).

Tặng Mỹ Thiện :

Đêm qua trăng vướng trên cành trúc

Cô lẳng giềng bên chết thiết rồi. (Cô Gái Đồng Trinh).

Tặng Thu Hà :

Chút tình bến cũ còn đeo đẳng

Hạt chuyển dò đưa nghĩ ghen ngào. (Bước Giang Hồ).

Nàng Mộng Cầm là mối tình đầu của nhà thơ khi hai người gặp gỡ nhau tại thị xã Phan Thiết và Quy Nhơn. Hai người thề nguyện gắn bó keo sơn, cùng nhau xướng họa thi văn, đưa nhau đi viếng thắng cảnh như lâu Ông Hoàng và hẹn hò trăm năm bên chạt sắt cầm. Nhưng 6 tháng sau khi Hàn Mặc Tử lâm bệnh, Mộng Cầm đã đi lấy chồng! Còn gì dón đau cho nhà thơ đang lúc bệnh hoạn hành hạ thì người yêu lại vội sang ngang! Tất cả nỗi ai oán chất chứa trong tâm hồn được nhà thơ giải bày trong hai vãn thơ bất hủ được người đời truyền tụng cho đến nay :

"Làm sao giết được người trong mộng,

Để trả thù duyên kiếp phũ phàng."

Về sau nhà thơ đã tìm cái say túy lúy để vơi bớt nỗi sâu và thường đến tận lâu Ông Hoàng để tìm lại dấu vết người xưa, nơi lưu luyến những kỷ niệm thuở ban đầu!! Chính vì những chi tiết này, hiện nay các đoàn du lịch trong và ngoài nước đến Phan Thiết viếng thăm lâu Ông Hoàng thường được các hướng dẫn viên du lịch kể lại mối tình dang dở thơ mộng của Hàn Mặc Tử và Mộng Cầm.

Trong các người tình của Hàn Mặc Tử, có lẽ không ai yêu nhà thơ tha thiết bằng nữ sĩ Mai Đình. Tên thật nàng là Mai Thị Lệ Kiều, sinh năm 1916 tại Nông Cống, Thanh Hóa, thuộc dòng đạo Phật. Thân phụ nàng là một vị quan bảo thủ ép nàng lấy một người mà nàng không yêu! Lúc 18 tuổi nàng bắt đầu làm thơ, đọc báo Sài gòn thời ấy càng đam mê thơ Hàn Mặc Tử, bút hiệu Lệ Thanh. Nàng thường gửi những bài thơ ký tên Lệ Kiều xin nhà thơ sửa và đăng báo. Từ đó tình thơ bắt đầu chớm nở. Thân phụ nàng biết được theo dõi cấm đoán, nàng đổi tên là Mai Đình (Hoa Mai + Đình Chùa). Cuộc trao đổi thư từ giữa hai người tiếp diễn đều đặn.

Nghe tin nhà thơ bị bệnh, ba lần Mai Đình đến thăm tại số 20 đường Khải Định, Quy Nhơn nhưng không được gặp!! Tuy vậy nàng không thất vọng viết thư cho biết nàng không sợ sự tàn phá của chứng bệnh nguy hiểm trên thân xác người yêu. Mẹ chàng giấu kín Hàn Mặc Tử tại một nơi hoang vu hẻo lánh trên bãi cát tha ma Gò Bồi. Cuối cùng theo lời khuyên của người mẹ, Mai Đình được Hàn Mặc Tử tiếp với điều kiện nàng phải bịt kín đôi mắt và trong khi nói chuyện không được nhìn trộm!! Chàng ngâm thơ cho nàng nghe. Cả hai cùng bồi ngùi xúc động. Hàn Mặc Tử

nghe lời còn Mai Đình khóc lóc nước mắt. Nàng nói sẽ nhớ mãi những kỷ niệm mà nàng cho là quý nhất trong đời nàng. Về nhà có bao nhiêu vốn liếng tư trang, nàng bán đi lấy tiền gửi bà mẹ Hàn Mạc Tử góp phần săn sóc cho người yêu. Sau này về thăm mộ nhà thơ, nữ sĩ Mai Đình đã viết những vần thơ nước mắt :

*"Bên anh, xin Chúa cho xây mãi
Nắm mồ thương nhớ, khổ thương đau
Hình anh, em khắc trong tim
Cho mai trắng nở quanh viền mộ anh."*

Mộng Cầm, Mai Đình, Kim Cúc đã đi qua cuộc đời Hàn Mạc Tử, nhưng hình ảnh sâu đậm trong trắng đã khơi nguồn thơ vô tận cho chàng thi sĩ dào hoa bệnh hoạn này lại chính là nàng Thương Thương, người mà Trần Thanh Địch, em ông Trần Thanh Mai, giới thiệu với thi sĩ và nói rằng đó là một cô gái Huế yêu kiều mảnh mai. Nhưng kỳ thực đó chỉ là cô cháu của ông mới chỉ 12 tuổi! Nhưng Hàn Mạc Tử cứ tin là thật và trong những lá thư gửi Thương Thương, chàng đã xác nhận tất cả sự nghiệp văn học của chàng mai sau nếu có, chính là nhờ vào sự đóng góp nguồn thơ của Thương Thương. Quả thật nàng đã trở thành nguồn cảm hứng cho Hàn Mạc Tử yêu đời sáng tác nhiều tập thơ như Cẩm Châu Duyên và hai kịch thơ Duyên Kỳ Ngộ và Quần Tiên Hội.

Những Tác Phẩm của Hàn Mạc Tử.

Hàn Mạc Tử bắt đầu làm thơ Đường luật năm 14 tuổi (1926) xưng họa thi ca với anh cả Nguyễn Bá Nhân. Năm 18 tuổi (1930) tham dự bình thơ, thi thơ với nhà chí sĩ Phan Bội Châu, nhưng thực sự mãi tới năm 22 tuổi (1934) khi bước vào làng báo Sài Gòn, phụ trách các nhật báo Sài Gòn, Tân Thời, chủ trương tờ Công Luận Văn Chương, tài năng và hồn thơ của chàng mới phát triển dồi dào và tạo uy tín trong làng thơ làng báo. Hiện nay, người ta ghi nhận Hàn Mạc Tử đã đóng góp cho Văn Học Việt Nam những tác phẩm dưới đây :

Lệ Thanh Thi Tập: Thơ Đường Luật đang rải rác trên các báo.

Gái Quê : Tập thơ mới đầu tay phát hành năm 1936, nhà thơ Phạm Văn Ký viết tựa.

Đau Thương (Thơ Điên) : phát hành 1937, gồm 50 bài hoàn thành trên giường bệnh.

Tập Thơ Mới Xuân Như Ý.

Tập Thơ Mới Thượng Thanh Khí.

Kịch Thơ: Cẩm Châu Duyên, Duyên Kỳ Ngộ và Quần Tiên Hội (đang viết dở dang).

Chơi Giữa Mùa Trăng (Thơ và Văn Xuôi).

Bút tích cuối đời là bài văn viết bằng tiếng Pháp với cây bút chì cùn nhan đề: *La Pureté de l'Âme* (Tâm Hồn Thanh Khiết) để ca tụng Đức Mẹ Maria và các bà mẹ dưới trần. Trong cuốn *Đi Tìm Chân Dung Hàn Mạc Tử*, nhà sưu khảo Phạm Xuân Tuyền cho biết: “*Khi ông Nguyễn Văn Xê đưa Mẹ Nhất Maria Juetta, người Pháp, đọc bài viết này, Mẹ Juetta nói: Giỏi quá, uổng quá, Hàn Mạc Tử là một thiên tài hiếm có ! Nhưng Mẹ xin phép tác giả đổi chữ “nénuphards” (hoa súng) thay cho chữ “lotus” (hoa sen) vì cuộc đời tu sĩ của chúng tôi tại đây với các bệnh nhân phong, chính là những bông hoa súng lên xuống theo con nước và bập bênh trôi nổi như mọi vật trong hồ, chứ không dám tự nhận mình như những bông hoa sen gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn*”.

Xin ghi lại đây một bài thơ tiêu biểu “*Đầy Thôn Vỹ Dạ*” của Hàn Mạc Tử và mời quý độc giả thưởng thức :

*Sao anh không về chơi thôn Vỹ
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền.*

*Gió theo lối gió mây đường mây
Dòng nước buồn thiu hoa bắp lay
Thuyền ai đậu bến sông trăng đó
Có chở trăng về kịp tối nay.*

*Mơ khách đường xa khách đường xa
Áo em trắng quá nhìn không ra
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh
Ai biết tình ai có đậm đà. (trích Đau Thương)*

Nét Công giáo trong thơ Hàn Mạc Tử

Năm 1942, nhà phê bình Vũ Ngọc Phan, trong bộ *Nhà Văn Hiện Đại*, tập III, khi nhận định về Nhà Thơ Hàn Mạc Tử đã viết: “*Hàn Mạc Tử có lẽ là người Việt Nam đầu tiên làm thơ ca ngợi Thánh Nữ Đồng Trinh Maria*

và Chúa Giêsu. Ông ca tụng đạo Công Giáo với một giọng rất chân thành. Đây là lần đầu tiên thi ca Việt Nam thấy được một nguồn cảm hứng mới. Tôi dám chắc rồi đây sẽ còn nhiều thi sĩ Việt Nam đi tìm nguồn cảm hứng trong đạo giáo và đưa thi ca Việt Nam vào con đường triết học.”

Nhà nghiên cứu Võ Long Tê, hiện sống tại Canada, trong đoạn kết bài Thi Hào Công Giáo Hàn Mặc Tử cũng viết: “Nghiên cứu Hàn Mặc Tử đã dẫn ông đến một kết luận thú vị bất ngờ. Trong Hàn Mặc Tử, không phải chỉ có một tác giả được thừa nhận như một thi hào mà còn có một con người sống với Niềm Tin Công Giáo nhiệt thành. Đối với Hàn Mặc Tử, làm thơ là Làm Người nghĩa là Sống Đạo.”

Quả thật, với bất cứ ai đọc thơ Hàn Mặc Tử, người ta thấy Đạo đối với ông chính là cứu cánh, là con đường, là Chân Thiện Mỹ tuyệt đối có giá trị vĩnh hằng mà nhân loại mãi mãi tìm kiếm, mãi mãi khắc khoải trong cuộc hành trình vào đời. Với Hàn Mặc Tử, thơ là một nét nghệ thuật cao đi vào chủ nghĩa siêu linh, là cõi xuất thế, là bến trăng sao an toàn cho con người ẩn náu khi sống trong tuyệt vọng khổ đau, trong cô đơn của nhân tình thế thái. Ở Không ai có thể phủ nhận nét Công Giáo trong thơ Hàn Mặc Tử, vì chính ông đã mở rộng biên giới thi ca Việt Nam nhờ những sáng tạo độc đáo, mà nền giáo dục công giáo từ cha mẹ, gia đình, trường Pellerin và gương sống các nữ tu Phan Sinh đã hun đúc hồn thơ của ông. Trong những ngày cuối đời, Hàn Mặc Tử đã sống như một nhà tu thực sự, cuộc sống chìm lặn trong câu kinh, lời nguyện pha lẫn với những đớn đau do bệnh phong hành hạ. Chính nhà thơ đã thổ lộ: “Trong những ngày cuối đời, tôi chỉ biết ngâm thơ và cầu nguyện là nhiều hơn cả.”

Hàn Mặc Tử đã sống với thế giới siêu linh một cách tự nhiên đến mức “hư thực làm sao phân biệt nổi”. Nhờ đó thi nhân đã nghe được điều chúng ta không nghe, đã thấy được cái mà mắt trần chúng ta không thấy. Thi nhân đã lặn chìm vào trăng sao, đắm đuối trong êm ả của sông Ngân, tan biến trong Tình Yêu bao la huyền nhiệm của Thượng Đế. Trong trường ca Đà Lạt Trăng Mờ, phải chăng nhạc sĩ Phạm Duy đã nắm bắt được hồn thơ Hàn Mặc Tử. Trong thi phẩm Đà Lạt Trăng Mờ được ông phổ nhạc thành trường ca bất hủ, Phạm Duy đã để cho hát ba lần dòng nhạc: “Đây phút thiêng liêng đã khởi đầu” với những âm thanh vời vợi mộng lung huyền nhiệm. Linh thiêng làm sao một đêm Đà Lạt Trăng Mờ huyền ảo :

*Cả trời say nhuộm một màu trắng
Và cả lòng tôi chẳng nói chẳng rằng*

*Không một tiếng gì nghe đung chạm
Dầu là tiếng vỡ của sao băng.*

Cứ thế, tiếp tục đọc những vần thơ cao sang thanh khiết của Hàn Mặc Tử trong các thi phẩm: Ra Dời, Đằm Lạ, Nguồn Thơm, Xuân Đầu Tiên, Đêm Xuân Cầu Nguyên, Ngoài Vũ Trụ, Vầng Trăng ... trong tinh thần tôn giáo, tâm hồn con người sẽ được cất cánh bay cao lên với trăng sao, ngào ngạt hương hoa, mặc dầu thân xác bệnh hoạn, đau thương đồn dập giữa những thăng trầm của cuộc sống.

Thật là một thiếu sót lớn lao, nếu muốn tìm hiểu nét Công giáo trong thơ Hàn Mặc Tử, mà chúng ta quên không đề cập đến thi phẩm bất hủ Ave Maria (Kính Chào Maria). Nhà thơ khai bút bằng lời chào mừng trang trọng cung kính Mẹ Maria, Người Nữ Tuyết Vời lung linh thánh thiện. Trong kho tàng Nghệ Thuật Công giáo thế giới, biết bao nghệ sĩ, họa sĩ, thi sĩ đã sáng tác muôn vàn tác phẩm với những nét nghệ thuật độc đáo như Michel Ange, Raphael, Fra Angelico, từ thời Phục Hưng đến thời Cận Đại. Người Việt Nam chúng ta tự hào vì với một Hàn Mặc Tử, chúng ta không thua kém với các nghệ sĩ nổi tiếng trên thế giới trong lãnh vực tôn giáo này.

Những kỷ niệm một lần gặp nạn trên bờ biển Quy Nhơn, những lời kinh với chuỗi tràng hạt luôn có bên mình, ngay cả niềm đau se buốt khi những ngón tay nhà thơ co rút lại vì bệnh phong, tất cả đã đưa anh đến trạng thái xuất thần khi sáng tác thi phẩm Ave Maria đưa hồn anh đi rất xa trong cõi mệnh mộng với các sứ thần thiên quốc. Những chữ viết về nhà thơ công giáo Hàn Mặc Tử của tác giả bài viết này để tưởng niệm anh sẽ trở thành vô nghĩa, nếu không kính mời quý độc giả đi vào chính thi phẩm bất hủ Ave Maria :

*Như song lộc triều nguyên ơn phúc cả
Dâng cao dâng thần nhạc sáng hơn trăng
Thơm tho bay cho đến cõi thiên đàng
Huyền diệu biến thành muôn kinh trọng thể
Và Tổng Lãnh Thiên Thần quỳ lạy Mẹ
Tung hô cầu đường hạ ngợp châu sa.
Hương xông lên lời ca ngợi sum hòa
Trí miêu duệ của muôn vì rất thánh.*

Maria ! Linh hồn tôi ớn lạnh !
 Run như run thần tử thấy long nhân,
 Run như run hơi thở chạm tơ vàng ...
 Nhưng lòng vẫn thấm nhuần ơn triêu mến.

Lạy Bà là Đấng tinh tuyền thánh vẹn,
 Giàu nhân đức, giàu muôn lộc từ bi.
 Cho tôi dâng lời cảm tạ phò nguy,
 Con lâm lụy vừa trải qua dưới thế
 Tôi cảm động rung rung hai hàng lệ
 Giọng thao thao bất tuyệt của nguồn thơ
 Bút tôi reo như châu ngọc đến vua
 Trí tôi hớp bao nhiêu là khí vị ..
 Và trong miệng ngâm câu ca huyền bí,
 Và trong tay nắm một nạm hào quang ...

Tôi no rồi ơn vũ lộ hòa chan,
 Tấu lạy Bà, Bà rất nhiều phép lạ
 Ngọc như ý vô tri còn biết cả
 Hướng chi tôi là Thánh Thể kết tinh
 Tôi ưa nhìn Bắc Đẩu rạng bình minh
 Chiếu cùng hết khắp ba ngàn thế giới ...
 Sáng nhiều quá cho thanh âm vời vời
 Thơm đường bao cho miệng lưỡi không khen.

Hỡi sứ thần Thiên Chúa Gabriel
 Khi người xuống truyền tin cho Thánh Nữ
 Người có nghe xôn xao muôn tinh tú ?
 Người có nghe náo động cả muôn trời ?
 Người có nghe thơ màu nhiệm ra đời
 Để ca tụng, bằng hoa hương sáng láng
 Bằng trăng hạt, bằng sao mai chiếu rạng
 Một đêm xuân là rất đổi anh linh ?
 Đây rồi ! Đây rồi ! Chuỗi ngọc vàng kinh.
 Thơ cầu nguyện là thơ quân tử ý
 Trọng phu lời và tông đồ triết lý
 Là Nguồn Trăng yêu mến Nữ Đồng Trinh ..
 Cho tôi thấp hai hàng cây bạch lạp,
 Khói nghiêm trang sẽ dâng lên tràn ngập

*Cả Hàn Giang, cả màu sắc thiên không
Lút trí khôn và ám ảnh hương lòng
Cho sốt sáng, cho mê mê nguyên ước ...*

Hàn Mặc Tử, một thi nhân, một nhà thơ Công giáo, một tâm hồn thuần nhâm Niêm Tin Công giáo sâu sắc, được nuôi dưỡng bằng kinh nguyện, bằng đời sống nội tâm phong phú thánh thiện, đã khám phá được những chiều kích mới lạ vượt qua những niềm đau bất hạnh mà thi nhân đã trải qua. Càng đọc thi phẩm bất hủ Ave Maria càng đưa chúng ta tới bến bờ huyền nhiệm trong thế giới vô hình. Phải chăng qua đó, nhà thơ đã đi tiên phong trong sứ mệnh trình bày một nền Thần học Á Châu dựa trên những suy tư và văn hóa lâu đời của Á Châu. Đem tôn giáo vào thơ, lấy nguồn cảm hứng thơ trong tôn giáo phải chăng Hàn Mặc Tử đã đi đúng con đường mà sau này Tổng Huấn Giáo Hội Á Châu đã trình bày. Đây chính là một vinh dự cho Giáo Hội Công Giáo Việt Nam, vì có một người con đã đóng góp và khai phá một con đường mới trong Văn Học Việt Nam.

Với tác giả bài viết này, từ khi còn theo học ban văn chương tại nhà trường vẫn đặc biệt ngưỡng mộ quý mến nhà thơ Hàn Mặc Tử. Nhưng có một kỷ niệm không bao giờ quên, mặc dầu đã 26 năm nay! Đó là nhân Mùa Đại Lễ Giáng Sinh năm 1974, Phòng Thông Tin Hoa Kỳ Sài Gòn tổ chức một buổi trình diễn đặc biệt Thánh Ca Giáng Sinh tại thánh đường Hội Việt Mỹ, chúng tôi vẫn nhớ mãi khi cố Nhạc sĩ Hải Linh điều khiển Ca Đoàn Hồn Nước với trên 60 ca viên trình diễn hai trường ca 5 giọng hai thi phẩm bất hủ của Nhà Thơ Hàn Mặc Tử: Ave Maria do Hải Linh phổ nhạc và Đà Lạt Trăng Mờ của Phạm Duy. Hôm đó cả hội trường đông đảo thính giả ngoại quốc và Việt Nam đã hoàn toàn nín lặng, khi những dòng nhạc hòa lẫn hồn thơ với những âm thanh vời vời mộng lung đưa lòng người vào một không gian huyền ảo thánh thiện tuyệt diệu. .. Nhân mùa tưởng niệm 60 năm ngày nhà thơ mất, xin thành kính gửi một nén hương về bên kia thế giới cho nhà thơ tài hoa bạc mệnh của chúng ta.

Văn Học Tết Tân Tỵ 2001

sẽ phát hành vào ngày 1.1.2001

Một số báo đẹp về hình thức và trình bày

Phong phú về nội dung

Nhìn lại những chặng đường đã đi qua
Những lựa chọn căn bản
Nguyễn văn Trung

Trong cuộc đời cầm bút của tôi gần 50 năm, đặc biệt thời kỳ 1955-1975, tôi đã viết khá nhiều, nhưng bị phê bình, đả kích, mạ lỵ, mạt sát cũng khá nhiều. Có lẽ tôi thuộc số ít người cầm bút là kẻ bị cáo có số lượng cáo trạng nhiều hơn cả, từ tất cả các bên, các giới xã hội, chính trị, tôn giáo trong một tình cảnh VN bị phân chia thành hai miền thù địch chiến tranh và riêng miền Nam có phân hóa đổ kỵ giữa các phe phái, giới nhóm với nhau. Tôi đã giữ được hầu hết sách báo phê bình đả kích đánh máy trên 500 trang và mong ước có ngày nào đó có thể xuất bản thành sách mang tựa đề: *Người cầm bút, kẻ bị cáo* phổ biến toàn văn nguyên tác những bài tố cáo, kết án.

Tôi nghĩ rằng việc sắp xếp theo thời gian và bên cạnh nhau những bài đả kích tố cáo cá nhân tôi buộc người đọc phải nghĩ đến tình cảnh chia rẽ, đổ kỵ, oán thù không đội trời chung giữa những tập thể gọi nhau là đồng bào của một nước VN mến yêu có 4000 năm văn hiến, vì thực ra tố cáo tôi là tố cáo tập thể thù địch gán ghép cho tôi, chẳng hạn tôi là người chống Cộng tình vi hay ngược lại tôi là người Cộng Sản, thân Cộng, có những lời nói hành động có lợi cho Cộng Sản.

Tôi là người Công giáo, bị người đồng đạo tố cáo, vu khống mạ lỵ là kẻ rối đạo, phản đạo, hoặc thân Cộng, Cộng Sản. Hầu hết là cáo gian vì chỉ dựa theo tin đồn, dư luận, ngay cả trong giới giáo sĩ, giáo phẩm, những người theo một đạo có giới răn rõ rệt về tội vu vạ, cáo gian, cấm xét đoán như lời Chúa dạy: *đừng xét đoán để khỏi bị phán xét*; nhưng đối với người không Công giáo, Cộng Sản và nhất là những người Phật giáo lại không tách tôi rời khỏi giới Công giáo, thậm chí coi tôi mới là người Công giáo đích danh, nên dễ nhìn những gì tôi viết liên quan đến Phật giáo đều mang

tính chất xuyên tạc, đả kích nhằm tiêu diệt Phật giáo. Như vậy, xét con người trước dư luận, tôi không thể tự nhận diện được tôi là ai !

Nhưng ở đây, trong ý định *Nhìn lại những chặng đường đã đi qua* nghĩa là những gì tôi viết liên quan đến các giới Việt Nam, tôi không phiến trách tố cáo lại ai, để phản trần tự biện mình, mà chỉ cố gắng tìm hiểu phần trách nhiệm của tôi đã gây ra mọi sự do chính những lựa chọn căn bản có ý thức của tôi và nhất là do những lệch lạc hay thiếu sót đã không thực hiện đúng, đầy đủ của những lựa chọn đó.

1- Lựa chọn về và ở VN

Tôi nghĩ rằng nếu tôi có lo lắng, làm gì cho đất nước VN thì tôi phải sống ở VN trong bất cứ hoàn cảnh nào, dưới bất cứ chế độ chính trị xã hội nào vì đó là thời đại của tôi, tôi không có thời đại nào khác để lựa chọn và vì chỉ có một nước VN, một giáo hội VN ở tại VN.

Xin nói ngay đây là một thái độ lựa chọn riêng của tôi và tôi tôn trọng những lựa chọn khác vì mỗi người có quyền lựa cho mình một lối sống, nơi sống mà mình cho là thích hợp hơn cả với hoàn cảnh riêng của mình.

Hồi 1955, tôi từ Âu châu về Sài Gòn. Hồi 1967, nhiều giáo sư phái đoàn đại học Mỹ sang VN có đề nghị tôi sang Mỹ dạy đại học và sẽ lo chỗ ăn ở cho cả gia đình. Tôi không nhận. Hồi 1975, nếu tôi muốn, tôi cũng có điều kiện để đi Mỹ. Không những tôi không đi mà còn khuyến cáo họ hàng nội ngoại không đi. Nhưng đó là một đánh giá sai lầm tình hình mà tôi ăn hận, vì sau mấy năm, họ hàng và cả con tôi có đứa quyết tâm ra đi vượt biên. Vào những năm 1990, bạn bè về VN, qua những trao đổi và những bài viết của tôi chưa xuất bản cho tôi thấy là tôi lạc hậu về nhận thức vì đã bị cắt đứt với các trào lưu tư tưởng thế giới sau 15 năm, nên tôi định đi Âu châu một chuyến mấy tháng để có dịp tiếp xúc lại. Nhưng chuyến đi không thành. Cuối 1993, trách nhiệm làm cha mẹ buộc tôi phải đi theo diện bảo lãnh vì mấy đứa con quyết tâm đi sẽ không đi được nếu không theo cha mẹ, nhưng cũng có đứa quyết tâm ở lại. Khi tôi báo tin cho những bạn bè là ân nhân như một linh mục Dòng Tên, (mà tôi đã quen qua những chuyến đi thăm những trại tị nạn dọc theo bức màn sắt phân chia nước Đức) đã nuôi sống gia đình tôi bằng những *colis* thuốc mẩu để tôi khỏi phải mách mung, hoặc những người đã can thiệp đưa tôi ra khỏi tù, tất cả đều không tán thành, coi việc ra đi của tôi như một đào ngũ, bỏ cuộc. Họ chỉ an tâm khi tôi cho họ biết đó chỉ là ra đi tạm thời vì tôi không bán nhà, vẫn giữ tù sách nguyên vẹn và chỉ đi đi về về cho đến

khí các cháu nội ngoại khôn lớn không cần ông bà chăm sóc nữa. Chính nhờ đi đi về về mà tôi hiểu được VN không có 5 thực tế mà chỉ có một. Ngoài ra, trong thời gian ở nước ngoài, tôi có dịp tham gia những sinh hoạt của những trí thức bản xứ, các nhóm khuynh tả tranh đấu xã hội và đã cho tôi nhận ra những kiến thức thu lượm được và những dẫn thân cụ thể vào các hoạt động tranh đấu xã hội thật cần thiết, ích lợi cho VN trong tình cảnh gọi là toàn cầu hóa hiện nay (như tôi đã bày tỏ trong bài: *Toàn cầu hóa VN*, đăng trong tạp chí *Đi Tới*, Montreal, Canada, số 10/1966 và đăng lại trong *Nhân Định 10*)

Đĩ nhiên, những lựa chọn kể trên của tôi không tránh khỏi những hiểu lầm, dị nghị.

2- Lựa chọn văn chương dân thân, triết học xuống đường

Tôi đã có thể chỉ cầm bút biên khảo văn học, triết học không dính dáng gì tới ai theo đúng tinh thần nghiên cứu truyền thống của giới đại học và tôi đã có thể xuất bản những bộ sách biên khảo đồ sộ về một số vấn đề nào đó. Người đọc có thể đồng ý hay không đồng ý, nhưng chắc chắn không có chuyện mặt sát mạt lý. Nhưng thay vì làm biên khảo thuần túy, tôi đã đưa văn chương triết lý vào thời cuộc, vào đời sống hàng ngày thậm chí liên quan đến chuyện làm tình, hay những cái thừa thãi của thân xác như dờm, dãi, nước miếng, nước tiểu... Trong một tình hình văn hóa còn bị những áp lực nặng nề của những lối sống rập khuôn (conformisme) về đạo lý xã hội, và trong một hoàn cảnh đất nước đang có chiến tranh ý thức hệ giữa hai miền Nam Bắc, những tranh chấp đố kỵ ở miền Nam giữa các phe nhóm chính trị, tôn giáo, nên những gì đã xảy đến cho tôi là không thể tránh được và do đó tôi phải nhận lãnh thôi.

Tôi là người của một tạp chí nghiên cứu, không phải theo kiểu hàn lâm viện, đại học, chỉ bàn những vấn đề muôn thuở, không dính dáng gì đến thời cuộc, nhưng là nghiên cứu gắn bó với thời cuộc, ngay cả khi đề cập đến những vấn đề thuộc lịch sử cũng nhằm phục vụ những mục tiêu hiện tại. Tôi có khả năng qui tụ một số người để làm một tạp chí. Chúng tôi chỉ đồng ý với nhau về một thái độ trí thức, một hướng chung trong tinh thần tôn trọng những lựa chọn dân thân cụ thể về chính trị của mỗi người.

Trong *Văn học Miền Nam Tổng quan*, nhà xuất bản Văn Nghệ ở Hoa Kỳ, Võ Phiến lấy lại một ý của Nguyễn Sa, cho rằng mảng văn học miền Nam trước 75 gồm 4 khối lớn: nhóm *Sáng Tạo* của Mai Thảo, nhóm *Đất Nước* của Nguyễn Văn Trung, nhóm *Bách Khoa* của Võ Phiến và nhóm

thứ tư gồm những nhà văn độc lập (trang 192)

Quả là khối Nguyễn Văn Trung có một tầm ảnh hưởng lớn. Cái ảnh hưởng ấy bắt đầu từ trước tờ Đất Nước ngay từ thời tờ Đại Học mặc dù Nguyễn Văn Trung không phải là chủ nhiệm tờ báo này (chủ nhiệm là Cao Văn Luận). Tờ Đại Học tiếp tục xuất bản cho tới năm 1964 nhưng nó đã mất sức thu hút từ khi NVT rời Huế vào Saigon nhiều năm trước (trang 199).

Lối nhìn của Võ Phiến quá đơn giản, không phản ánh đầy đủ, trung thực với thực tế và sử dụng những từ như *nhóm, khối* có thể gây hiểu lầm theo nghĩa bẽ phái. Ngoài ra, Võ Phiến không nhắc đến tờ *Hành Trình* chỉ ra có 10 số và không giấy phép, gọi là báo lậu, in ronéo, nhưng gây ra nhiều sóng gió, phản ứng tức thời từ nhiều phía ở miền Nam và cả ở miền Bắc và ở nước ngoài.

3 - Lựa chọn viết tiếng Việt

Đây là một lựa chọn mà ngay từ buổi đầu cầm bút, tôi đã coi là đương nhiên. Trong thời gian du học, tôi viết bài đăng trong các báo sinh viên và khi ở Bỉ, chúng tôi đã ra tạp chí *Cùng học* không phải chỉ để liên lạc mà còn nhằm trình bày những vấn đề chuyên môn. Chúng tôi thuộc thế hệ sinh ra trong thời thuộc địa, học tiếng Pháp và phải đọc tất cả bằng tiếng Pháp, nhưng nhận thấy không phải dùng tiếng Pháp để nói với nhau, ngay cả những vấn đề tư tưởng khoa học như sinh viên các nước Phi châu gồm nhiều thổ dân, thổ ngữ, không có tiếng nói chung nên buộc phải dùng chữ viết của nước thống trị để diễn tả.

Việt Nam đã trải qua hàng nghìn năm đô hộ Tàu, hàng trăm năm đô hộ Tây. Có hàng trăm miền đất đã bị đồng hóa, trừ Giao Chỉ vẫn còn là một nước riêng. Về văn hóa, thật khó có thể xác định được cái gì là VN, không phải là Tàu, Tây. Trước 75 và sau 75, tôi đã dự nhiều hội thảo về di sản dân tộc, về truyền thống VN, ai cũng đồng ý cần tìm hiểu để xác định, bảo vệ, nhưng cụ thể là gì thì chẳng ai đồng ý với ai. Tuy nhiên, có một sự thật hiển nhiên xác định sự khác biệt là tiếng nói VN và trải qua lịch sử, người Việt vẫn giữ được tiếng nói riêng của mình. Đó là một thành tích lớn lao hơn cả.

Về nước, tôi không tán thành chủ trương dùng tiếng Pháp ở Đại học Sài Gòn. Vào năm 1957 Đại học Huế được thành lập kêu gọi đường lối giảng dạy bằng tiếng Việt, không phải chỉ ở các ban Văn khoa, Luật khoa, mà cả ở ban Khoa học và Y khoa. Lúc đó tôi chưa nghĩ đến vấn đề phê phán các thể chế đại học, mà chỉ chú ý đến việc giảng dạy bằng tiếng

Việt, tôi đáp lại lời kêu gọi của Đại học Huế.

Như vậy, Đại học Huế đã nói với Đại học Sài Gòn có thể dạy bằng tiếng Việt ở các ngành Toán, Khoa học tự nhiên, và nói với Đại học Hà nội, không phải chỉ có miền Bắc mới dùng tiếng Việt để giảng dạy ở đại học. Để củng cố phát huy những cố gắng diễn tả các ngành trên đại học bằng tiếng Việt, Viện Đại học Huế cho ra tạp chí và nhà xuất bản *Đại Học*. Mùa hè, họ tổ chức những đại học hè ở Đà Lạt cho sinh viên cả ba viện và giáo sư của họ tham dự. Về nhân sự, Đại học Huế gồm vòn vẹn vài người độ 26-27 tuổi, vừa du học về, cấp bậc thấp nhất trong ngành đại học (giảng nghiệm viên, phụ khảo) cộng với một số học giả địa phương tất cả chỉ là một dúm nhỏ. Nhưng Đại học Huế là nơi gây cảm hứng, quí tụ những giáo sư, học giả ở Sài Gòn và cả ở nước ngoài về giảng dạy hay gửi bài, bản thảo về đăng báo, in sách...

Sau 1955, miền Nam vẫn giữ nề lối giáo dục theo Pháp nên cấp trung học có dạy Triết ở lớp cuối cùng, còn trên đại học thì có ban Triết học ở Văn Khoa và Sư Phạm, một phần nhằm đào tạo giáo sư Triết ở trung học. Mặc dù học theo chương trình Việt, nhưng không vì thế mà coi thường sinh ngữ. Nói chung sinh viên vào thời kỳ này đều có thể đọc sách báo bằng tiếng Pháp, Anh và cả tiếng Đức như điều kiện bố buộc để tham khảo làm luận án. Do đó có những giáo sư viết sách triết học, giới thiệu các trào lưu, tác giả triết học Tây phương. Chẳng hạn Trần Thái Đĩnh ra sách *Triết học hiện sinh*, và theo Trảng Thiên (bút hiệu của Võ Phiến): nhà xuất bản *Thời Mới* đã bán hết 2500 cuốn, vào thời điểm gọi là cao trào của hiện sinh (*Bách Khoa*, số 289, 15/11/1969, trang 39). Trần Văn Toàn viết *Tìm hiểu triết học Karl Marx*, và theo Trịnh Viết Đức, phụ trách nhà xuất bản Nam Sơn, cuốn sách in 3000 quyển đã bán hết và phải tái bản 3000 cuốn cũng bán gần hết. Theo chỗ tôi biết, có lẽ có một vài điểm sách như tôi đã viết về cuốn của Trần Thái Đĩnh, nhưng không có phê bình, đả kích gì.

Tôi cũng có nói đến hiện sinh, Marx, nhưng nếu tôi dùng ra khỏi giảng đường, vượt qua ngưỡng cửa đại học, đem triết học xuống đường thì chắc chắn không bị những mũi dùi của thứ chữ viết vĩa hè, thứ văn chương ngoài đường phố xuyên tạc, mạ lỵ, chửi bậy. Cuốn *Ca tụng thân xác* không bán chạy bằng *Tìm hiểu triết học Karl Marx*, nhưng được biết nhiều hơn ngoài giới đại học và độc giả có học. Thiệt ra lối dặt tựa như trên dễ bị hiểu lầm, nhưng đối với người đọc đứng đắn vẫn nhận ra cách viết, quan niệm của tác giả là đưa triết học vào văn hóa VN, cố gắng dùng những từ ngữ VN để diễn đạt những khái niệm triết học phương Tây, nhằm đặt những vấn đề liên quan đến đời sống cụ thể hàng ngày của

người đọc và tình cảnh thời đại của họ như ông Tâm Điểm (bút hiệu của Nguyễn Tử Lộc, tốt nghiệp ĐHSP, giáo sư Trung học và đã viết một bài dài hơn 20 trang về *Ca tụng thân xác* đăng trong tạp chí *Sinh viên và Nghiên Cứu* số 1, tháng 11/1967). Tâm Điểm viết như sau:

“Ca tụng thân xác của Nguyễn Văn Trung ngay sau khi xuất bản đã bị luồng dư luận báo chí công kích. Mũi dùi dựa vào tính chất khiêu dâm của tác phẩm, những đoạn văn nhỏ nhỏ được trích dẫn để tố cáo tính cách tục ở ngòi bút của một giáo sư đại học có tiếng. Tác phẩm đối với quần chúng được biết và có khi chỉ được đọc trong ý hướng đó của dư luận mà thôi... Viết bài này, chúng tôi không đặt câu hỏi Ca tụng thân xác có khiêu dâm hay không hoặc luân lý của người viết cuốn sách đó là gì? Cũng không phải để bình vực hay kết án nó trong dự định của mình. Chúng tôi chỉ xét vấn đề cuốn sách nêu ra một vấn đề thật quan hệ cũng như giải pháp cho vấn đề mà ông Nguyễn Văn Trung đem lại có ý nghĩa gì trong hoàn cảnh xã hội hiện tại; trong phần đó tính chất khiêu dâm và phương pháp hiện tượng luận cũng sẽ được đề cập tới...”

Trầm trọng hơn nữa, không phải chỉ tố cáo viết văn khiêu dâm mà còn bôi mớ đời tư, tố cáo tư cách trí thức, đạo đức của người cầm bút nhằm tố cáo thái độ chính trị gán cho tác giả.

Bây giờ nhìn lại, tôi nhận ra giả sử thay vì viết tiếng Việt, tôi viết tiếng Pháp, thì dù cho tư cách tôi có thật sự bẽ bối, tôi cũng không thể là đối tượng của thứ chủ nghĩa văn chương hạ cấp vì trong khuôn khổ văn hóa của nhiều nước phương Tây như nước Pháp, người tự hạ xuống viết thứ văn chương chữ nghĩa hạ cấp, chính là tự tố cáo và tự sát về văn hóa. Ngoài ra công luận xã hội cũng không chấp nhận những người viết thứ văn chương hạ cấp vì tự trọng của tập thể cộng đồng quốc gia. Cho nên dù đời tư của J.P.Sartre ra sao đi nữa, những người thù ghét lập trường chính trị của ông không bao giờ khai đời tư của Sartre ra để dả kích, mạt sát ông. Nhưng VN chưa phải nước Pháp hay nhiều nước Âu Mỹ khác.

Nhóm Nguyễn Ngọc Giao chủ trương tờ *Diễn Đàn* ở Paris hiện nay hồi còn làm tờ *Đoàn Kết* cũng thường phê phán chế độ trong nước. Phần viết bằng tiếng Pháp nói mạnh hơn phần viết bằng tiếng Việt. Nhưng những gì tôi nghe được từ dư luận hay trực tiếp từ một vài người lãnh đạo đảng về tờ báo đều xuất phát từ những bài viết bằng tiếng Việt. Lúc đó, tôi nghĩ một số ít đọc được bài bằng tiếng Pháp am hiểu chút ít văn hóa Pháp không thể có thái độ trí thức như những người chỉ có thể đọc bài tiếng Việt.

4- Lựa chọn một loại diễn từ

Bài viết là một diễn từ. Có hai loại diễn từ chính. Loại thứ nhất nhằm trình bày một vấn đề làm sao tới gần được chân lý khách quan của thực tại hiện nay hay lịch sử. Loại diễn từ này trong ý hướng viết không phải để gửi cho mọi giới độc giả mà cho các độc giả thuộc nhiều giới văn hóa, xã hội, chính trị, tôn giáo khác nhau, đôi khi đối kỵ oán ghét nhau với hi vọng độc giả vượt khỏi những hạn chế, hạn hẹp lối nhìn của giới mình để tiếp xúc với tác giả theo lương tâm, trí thức riêng của mình. Một ý hướng viết như vậy dĩ nhiên đưa đến nhiều ngộ nhận, chống đối đã kích, vì người đọc chỉ phản ứng theo giới mình, chẳng những không tìm thấy lối nhìn của giới mình qua tác giả mà còn thấy lối nhìn của giới mình bị phê phán xúc phạm, nhất là trường hợp tác giả thuộc một giới khác, một giới bị mình đối kỵ oán ghét.

Loại diễn từ thứ hai nhằm mục đích tìm ra những giải pháp cho một vấn đề đặt ra trong một trường hợp cụ thể. Loại diễn từ này đòi hỏi người viết những điều kiện khác hẳn thiết yếu liên hệ tới những người thuộc một giới hay những giới chính trị, xã hội, tôn giáo mà người viết muốn nêu vấn đề và đề nghị giải pháp. Như vậy, người viết buộc phải chấp nhận trân trọng những người mình muốn nói với, bất kể họ thế nào; nếu họ thuộc giới người đang cầm quyền, phải tỏ ra trân trọng quyền hành của họ, không thể một mặt nêu vấn đề, đề nghị giải pháp, đồng thời mặt khác làm như thể không thèm nói với những người mình muốn người ta chấp nhận giải pháp đề nghị và đem ra thực hiện, thậm chí còn bày tỏ thái độ khinh miệt hoặc hạch tội người ta. Thực ra, loại diễn từ này cũng nhằm nói với người đọc như cá nhân đọc theo lương tâm trí thức của họ vượt ra khỏi những hạn chế hay lối nhìn quan điểm của họ. Nhưng làm sao người đọc là một vài cá nhân có thể được thuyết phục và sau đó thuyết phục những người khác trong giới của họ nếu trước hết, người viết không chứng tỏ tư cách trí thức của mình để được họ phải lắng nghe, theo dõi những phân tích luận điểm trình bày của người viết ?

Phân tích, đưa ra luận điểm của người viết không phải để phê phán đả kích những lệch lạc, sai trái, mà trình bày những hình thành, diễn tiến xã hội hay lịch sử thế nào rút cục đã đưa đến tình trạng lệch lạc, sai trái mà người đọc có thể cũng nhìn nhận giữa họ với nhau. Nói cách khác, giải thích một đường lối chủ trương có thể tốt do thiện chí thuở ban đầu tại sao bây giờ lại thế này.

Sự phân biệt hai loại diễn từ rất quan trọng, ví dụ những người giới Phật giáo phê phán gay gắt chế độ ông Diệm là công giáo trị nhằm tạo

đoàn kết lương giáo mà không đếm xỉa đến người Công giáo, không muốn nói với người Công giáo thì làm sao những người Công giáo, kể cả những người Công giáo không ưa ông Diệm có thể chấp nhận đối thoại, đoàn kết được.

Từ 1955 đến 1975, tôi lựa chọn loại diễn từ thứ nhất. Tôi chỉ bàn tâm nêu vấn đề hay đúng ra là *đặt lại vấn đề*, đưa ra những nhận định, phân tích, phê phán nhằm gợi tới độc giả thuộc các giới chính trị, xã hội, tôn giáo khác nhau, đọc theo lương tâm trí thức của họ, bất chấp những nhạy cảm của những giới mà tôi dụng tới. Do đó, thật dễ hiểu tôi gặp chống đối từ phía những người đọc theo giới của họ. Tôi không thấy phiền hà gì trước những phản ứng chống đối vì tôi đã biết trước không thể tránh được. Tôi vẫn nghĩ tôi không viết làm gì nếu không buộc được người đọc phản ứng - phản ứng thế nào cũng được, miễn là có phản ứng và tôi coi như thế là đạt được ý định viết vì buộc người đọc theo lối nhìn quan điểm của giới mình *bộc lộ bản chất* của giới họ.

Sau 1975, tôi không còn điều kiện viết những vấn đề liên quan đến thời cuộc và nói chung, trừ một hai bài viết đăng trên báo chí công khai gây phiền hà cho những người phụ trách điều hành, tôi giữ im lặng. Tuy nhiên tôi vẫn viết và viết nhiều theo loại diễn từ thứ hai. Không phải tự ý viết mà được yêu cầu viết. Tôi viết cho hai giới: giới Công giáo và giới Đảng, nhưng không phải cho tất cả cho mọi người trong hai giới đó, mà chỉ một số người. Một vài vị lãnh đạo cơ quan Đảng đề nghị tôi làm những phân tích kèm theo những biện pháp về một số vấn đề như phải tiếp thu thế nào những trào lưu tư tưởng Tây phương (hiện sinh, cấu trúc), chính sách đối với trí thức cũ, đối với các tôn giáo, đặc biệt Công giáo... và đòi hỏi viết theo lối nhìn, quan điểm của tôi. Nói cách khác, tôi vẫn có thể nói thẳng, nói thật những điều muốn nói. Những bài viết cũng theo yêu cầu chỉ để phổ biến hạn chế, lưu hành nội bộ trong giới lãnh đạo. Về Công giáo, tôi viết cho một số trí thức, linh mục, và hạn hẹp hơn cho một vài giám mục, đặc biệt Tổng giám mục Nguyễn Văn Bình đã đề nghị tôi làm *consultant* riêng từ 1975 đến 1995. Ngoài ra, tôi cũng có viết một công trình nghiên cứu thuần túy văn hóa VN không liên quan gì đến thời cuộc, nên không đụng chạm đến lối nhìn riêng của mọi giới. Những công trình này đến nay chưa xuất bản được cả ở trong và ngoài nước. Tuy nhiên, khi xuất bản được, nếu có phản ứng, có thể sẽ chỉ là những góp ý mà thôi.

Chúng từ

Trước hết, xin giới thiệu bài *Trả lời phỏng vấn của báo Bách Khoa về Đại học hệ Đà Lạt* do tôi viết và bài *Đại Học Đà Lạt và kỷ niệm xa xưa* của Nguyễn Tiến Đức, hiện là giáo sư ở vùng Hoa Thịnh Đốn. Ông đã là tham dự viên của hai Đại học hệ Đà Lạt 1959, 60.

Mấy năm ở Huế là thời kỳ có nhiều kỷ niệm đẹp nhất của đời tôi trong đại học và ngoài đại học đối với Huế. Nhưng điều xảy ra cho tôi cũng là những điều xảy ra cho người xứ Huế, rút cuộc tự ý hay bắt buộc phải bỏ Huế và như vậy Huế không phải là nơi để ở mà là nơi để nhớ thương. *Người được coi là ngôi sao sáng của Đại Học Huế đã buộc phải bỏ Huế, đúng hơn nữa bị đuổi ra khỏi Đại Học Huế* (Dòng Việt trang 143-6 và Lê Thanh Minh Châu trong *Nhớ Đại Học Huế, Tiếng Sông Hương*, Dallas 1998). Ai đuổi và tại sao, sự kiện ra đi của tôi đã gây những dư luận tai tiếng quá ác vẫn được nhắc đến như một bằng cứ để đả kích, mặt sát tôi cho đến hôm nay mà tôi cố dịp sẽ nói sau (chương 3).

Sau đó, xin giới thiệu hai bài trả lời phỏng vấn bằng tiếng Pháp năm 1990. Đó là bài phỏng vấn của một nữ sinh viên Pháp gốc Việt làm luận án tiến sĩ về đề tài: *Người VN du học tại Pháp*; và bài trả lời người đại diện tổ chức phi chính phủ France Libertés do bà Tổng thống Danièle Mitterand đứng đầu, nói về văn hóa Tây phương nhân một dự định đi Âu châu không thành.

Qua các bài phỏng vấn, tôi nói về nguồn gốc đào tạo, vốn văn hóa tôi tiếp thu được trong thời du học ở Âu châu. Những ai đã ở Âu châu, Pháp hay ở VN am hiểu văn hóa Âu châu, Pháp đều dễ dàng nhận ra nguồn gốc đào tạo tiếp thu khi đọc những gì tôi viết bằng tiếng Việt, đặc biệt liên quan đến vấn đề giao lưu, chuyển dịch, đưa những lối nhìn khái niệm từ bên ngoài vào văn hóa, văn học, hoàn cảnh xã hội VN. Nhưng rất tiếc tôi ít được phê bình đúng đắn do những người am hiểu, có trình độ như Tầm Điểm đã phê bình *Ca tụng thân xác* về khả năng thực hiện văn hóa giao lưu kể trên. Phần lớn các bài phê bình đều có tính xuyên tạc, chụp mũ, vu khống, do những người cầm bút học hành đang dở.

Nhưng bây giờ đọc lại những bài phê bình thuộc loại đó, tôi nhận ra tôi cũng có trách nhiệm phần nào vì tôi đã chưa *thoát*, chưa *chuyển hóa* hoàn toàn lối nhìn, phương pháp khái niệm Tây phương vào văn hóa VN một cách sáng tạo làm cho những người kém am hiểu văn hóa Tây phương không thể nhận ra nguồn đào tạo, vốn tiếp thu từ bên ngoài như trường hợp Hồ Biểu Chánh mà tôi đã nhận ra trong công trình tìm hiểu văn học miền Nam. Tiểu thuyết nào của Hồ Biểu Chánh lấy chất liệu cảm hứng từ nhà văn Pháp nào mà nếu người đọc không am tường văn hóa Pháp sẽ tưởng rằng đó là những tác phẩm hoàn toàn Hồ Biểu Chánh.

Khi nói, viết cho những độc giả đọc theo lương tâm trí thức của mình, không phải cho các giới tôn giáo, chính trị, xã hội, thực ra tôi đã theo cách phân biệt của J.P. Sartre viết cho *des lecteurs* chứ không phải cho *le public*. Vì thế tôi không để ý đến phản ứng của các giới, đôi khi còn chọc giận các giới, bất kể là Công giáo, Phật giáo, Cộng sản...mà tôi cho là bảo thủ, lạc hậu, chật hẹp vì chỉ biết tìm mình qua kẻ khác: tìm được thì khen, không tìm được thì chê. Tôi có nhiều kinh nghiệm về điều này.

Chẳng hạn như Giám mục Phạm Ngọc Chi ra Huế chất vấn Linh Mục Cao văn Luận tại sao mời tôi là kẻ rối đạo dạy học (do LM Luận kể lại với tôi), nhưng khi Hội đồng giám mục trao lại quyền điều hành cho các linh mục người ngoại quốc, các giám mục đã bị nhiều phản đối mà GM Chi là một trong số vị bị nhắm vào hơn cả. Tôi tích cực chống lại quyết định đó tại Tòa Khâm sứ và đã góp phần vào việc bãi bỏ quyết định trên. Đức cha Chi lên tận nhà tôi bày tỏ lòng cảm ơn: *bây giờ mới hiểu thầy là người tha thiết bình vực quyền lợi giáo hội Việt Nam*.

Tôi đã viết đầu đó trước 75 tự coi mình là người không xếp hàng ngay cả với những người không xếp hàng, do đó tôi không quan tâm đến những chống đối và coi đó là đương nhiên. Tôi có ý định tích lũy nội dung những hình thức chống đối làm chất liệu suy nghĩ thành sách về đề tài: *Sự ngộ nhận giữa người với người qua chữ viết*.

Sau 75 tôi không thể viết cho những độc giả đọc theo lương tâm trí thức của mình, nhưng lại có dịp đưa tôi trở lại cảm thông chia sẻ lối sống, cảm nghĩ của những người thuộc các giới xã hội, tôn giáo mà trước đây tôi không lưu tâm, coi thường vì cho là bảo thủ, lỗi thời, chật hẹp... Hồi ở Sở Công An Thành phố (Nha Cảnh Sát Đô Thành trước 75), ban sớm mai, thỉnh thoảng tôi mới nghe được tiếng chuông nhà thờ từ xa vọng về, rất nhỏ, không rõ từ nhà thờ nào gần nhất. Tôi bỗng thấy thèm muốn đi xem lễ ở nhà thờ của những đám đông giáo dân mà trước đó tôi thường xa lánh, bởi ưa đi xem lễ nơi các nhà nguyện ít người, phần đông là trí thức... Rồi một ban sáng khác, tôi được nghe tụng kinh Phật, giọng miền Trung, từ một *cachot* nào đó, giọng thật truyền cảm của ông đại úy chống cũ của đào Thanh Nga. Ông bị tình nghi có dính líu tới vụ sát hại vợ ông ! Tôi không hiểu lời kinh, nhưng chỉ nguyên giọng tụng niệm đã đưa tôi vào tình tự Phật giáo mà tôi không tìm được qua các sách báo Phật giáo mà tôi đã đọc. Sau khi được thả, tôi thường đi lễ sớm ở các nhà thờ họ đạo. Tôi đến chùa Ấn Quang nhờ các nhà tu quen biết gốc miền Trung tìm giùm các băng *cassette* bài kinh, nhưng ít ai dám thu băng vào thời này. Mãi khi sang Bắc Mỹ, tôi mới tìm được.

Tôi nhớ đã được xem một phim trong đó có cảnh Chúa đang bị đóng đinh trên thập tự giá nhưng còn muốn làm tình với mấy người đàn bà, gây xúc động, phản đối trong số khán giả Ki-Tô giáo. Tôi không tán thành lối sáng tác nghệ thuật dành cho những khán giả xem với lương tâm trí thức của họ, bất chấp những nhạy cảm của tôn giáo mà xét về một mặt, phải tôn trọng ngay cả những niềm tin, lối sống đạo truyền thống bị coi là bảo thủ. Tôi muốn hỏi những người viết truyện, đóng phim kể trên, giả sử họ có những bà mẹ, người chị vẫn còn giữ đạo theo lối truyền thống có đau lòng không khi xem phim của họ, và nếu có, họ có dám xúc phạm đến những người mẹ người chị của họ hay không ?

Cũng trong tinh thần đó, tôi không tán thành lối viết xúc phạm đến tôn giáo của nhà văn Salman Rushdie trả lời phỏng vấn mà có lẽ trước 75 tôi thích thú: *Phép lạ thực sự của văn học là nhờ văn học, chúng ta không thuộc về ai cả, không ai chiếm đoạt được chúng ta. Trách nhiệm duy nhất của chúng ta là nói lên điều chính chúng ta thấy cần phải nói. Những người không ưa chúng ta chỉ việc tìm đọc sách khác.* (Le Nouvel Observateur, 1682, tháng 9/1996, t.50)

Trong bài trả lời phỏng vấn liên quan đến văn hóa Tây phương, tôi gợi ý việc tìm hiểu nguồn gốc tư tưởng Marxisme, Léninisme xuất phát từ *Triết học Ánh sáng*, cách mạng Pháp, xu hướng 1793 mang tính chất chống tôn giáo, giáo sĩ trị... đã có những hậu quả tai hại thế nào về văn hóa, chính trị, và đặc biệt đã có những hạn chế nào trong lãnh vực văn hóa do tình trạng độc quyền văn học của văn hóa Pháp ở VN, một nước thuộc địa của Pháp. Mấy ý này tôi đã khai triển rộng hơn trong một buổi nói chuyện về phương pháp luận cho lớp chuẩn bị tiến sĩ của trường ĐHSP thành phố Hồ Chí Minh. Chị Tôn Nữ Nha Trang, một Việt kiều ở Mỹ, làm luận án về văn hóa VN có mặt trong buổi hội thảo. Tôi đã nhờ chị trả lời câu hỏi: Giả sử VN bị người Anh thay vì bị người Pháp đô hộ thì nền văn học VN có đi vào một hướng khác, ảnh hưởng đến tư tưởng cách mạng chính trị vì nước Anh không có một truyền thống giống nước Pháp. Bài nói chuyện này sau đó đã được đăng trong tạp chí *Văn Học* do Nguyễn Mộng Giác chủ biên, tựa đề là: *Khái niệm và thể loại văn chương* (số 100, tháng 8/1994).

VN vì chịu sự khống chế của nền văn hóa Pháp nên kể như không có giao lưu văn hóa với văn hóa văn học khối Anglo-Saxon và cả văn hóa Nga. Chỉ về sau, dưới chế độ Cộng Sản, văn hóa Nga qua văn hóa Liên Xô mới du nhập vào VN do các sinh viên du học hay đọc sách báo Nga tại VN. Văn hóa Nga không có truyền thống chống tôn giáo, trái lại dựa vào

tôn giáo, đặc biệt về văn học và ngôn ngữ học. Sự tiếp thu văn hóa Nga đã tạo điều kiện cho trí thức VN cố dịp tìm hiểu văn học, ngôn ngữ VN qua mảng văn học bình dân, đại chúng là mảng quốc ngữ và nôm đạo từ thế kỷ 17, trong khi trí thức ở Sài Gòn trước 75 hay ở Pháp chỉ được thông tin bằng tiếng Pháp qua các nhà văn hóa ngôn ngữ Đông Âu. Với những lối tiếp cận từ nền văn hóa Nga, tôi đã khám phá ra mảng văn học đại chúng dân gian của người Công giáo VN. Mảng văn học đó chứng minh một cách không thể chối cãi người Công giáo đã là VN qua các kinh sách tuyên vận bằng chữ nôm ngay từ thuở ban đầu đạo Chúa du nhập vào VN từ thế kỷ 17. Điều trớ trêu là một số trí thức Công giáo chuyên về ngôn ngữ và văn học và một số trí thức từ miền Bắc vào cùng nhau nghiên cứu tiếng Việt dựa vào vốn tài liệu quốc ngữ đạo và nghiên cứu mảng văn học đại chúng Công giáo đều nhìn nhận và ca tụng một số văn bản đặc sắc nhất của mảng văn học đó. Nói tóm lại, quãng từ 1985, tôi bắt đầu lưu tâm tìm hiểu một cách trân trọng tâm tình giới Công giáo được biểu lộ qua các tài liệu nôm, quốc ngữ. Tôi đã viết được một số công trình biên khảo cho tất cả giới Công giáo đọc, không phải chỉ cho một số độc giả đọc theo lương tâm trí thức của họ và cho các giới khác đọc, đặc biệt cho giới còn chịu ảnh hưởng lối nhìn cách mạng Cộng Sản, còn rất nhiều thiên kiến đổ kỵ người Công giáo.

Chính trong ý định viết cho các giới đọc, đặc biệt để nói với giới còn nhiều thiên kiến đổ kỵ với Công giáo, và đề ra giải pháp và cùng với họ tham gia vào thực hiện giải pháp bằng một vài việc cụ thể mà tôi đã biên soạn một số công trình về Công giáo trong cộng đồng dân tộc. Nhưng cuối cùng mọi việc đều đang dở, chưa thực hiện được trọn vẹn. Cho tới bây giờ, tôi vẫn không hiểu những lý do và những phiền hà tôi đã gặp, hỏi ngay những người có thẩm quyền trực tiếp liên hệ vẫn không được trả lời. Tôi nghĩ rằng có chuyện nội bộ trong cuộc tiến hành đổi mới và những việc làm được yêu cầu, đề ra ở cấp cao như Ban kinh tế Trung ương Đảng, nhà xuất bản Sự Thật của Trung ương Đảng, Ban Tôn giáo chính phủ...; về phía Công giáo, Tòa Tổng giám mục, một số linh mục quản hạt, chính xứ, không được lòng Nhà nước. Hai năm sau, một biên soạn khác cũng về đề tài Công giáo được thực hiện, có lẽ vì ở cấp dưới và chỉ có một cấp đại học.

Bên cạnh bài trả lời về văn hóa Tây phương, tôi xin giới thiệu một vài thư từ qua lại (không đầy đủ), giữa ông Võ Oanh, Trưởng ban kinh tế Trung ương Đảng, ông Nguyễn Linh, Phó giám đốc nhà xuất bản Sự Thật ở miền Nam và tôi. Gốc gác của những liên hệ giao dịch qua hội Ái Hữu Cựu Học Sinh Bưởi-Chu Văn An. Tôi quen biết một số vị ở miền Bắc như

Võ Oanh, Thép Mới (đã qua đời), Thiết Vũ qua hội này. Tôi liên lạc với bạn bè ở Pháp, đặc biệt anh Nguyễn Đức Nhuận, viết cho *Le Monde Diplomatique* về VN, trước 75 có thời anh về nước dạy Triết ở Đại học Văn Khoa Sài Gòn. Anh Nhuận có cho tôi biết danh tánh của một số trí thức Pháp đã can thiệp cho tôi ra khỏi tù và đề nghị tôi viết thư cảm ơn họ. Qua anh, tôi liên lạc được với các tổ chức phi chính phủ và gửi cho tôi những sách báo về kinh tế, lịch sử, chính trị, triết học, tôn giáo... Tôi cũng nhận được tạp chí *Esprit* mà tôi có gần đủ bộ trước 75. Về đề nghị của nhà xuất bản Sự Thật, bạn bè ở Paris cho biết họ muốn có những tín hiệu cụ thể về quyết tâm đổi mới trong lãnh vực khoa học, tôn giáo. Do đó ông Nguyễn Linh đề nghị tôi biên soạn đề xuất bản một quyển sách về tôn giáo. Tôi nói với ông Nguyễn Linh nếu thực hiện được một tọa đàm về quyển sách này một cách nghiêm chỉnh thì đã là một tín hiệu đáng tin cậy rồi. Tôi sẽ nói sau về nội dung cuốn sách và buổi tọa đàm này. Tôi nghĩ rằng có thể buổi tọa đàm này là nguyên nhân làm ngưng trệ các cố gắng *đổi mới* hay *là chết* vào thời đó.

Trong buổi tọa đàm này, những trí thức do tôi mời đều dè dặt, ít nói, nhưng những người của nhà xuất bản Sự Thật có người phát biểu mạnh bạo về đòi hỏi đổi mới. Nói cho đúng, ở VN, bên này hay bên kia sử dụng những cặp đối lập tiến bộ/bảo thủ, tả/hữu về chính trị có lẽ không xác thực vì những đối lập đó thiếu cơ sở về giai cấp xã hội mà chỉ có những tranh giành quyền hành chính trị giữa các phe nhóm. Tôi biên thư cho ông Võ Oanh không được trả lời, sau đó ông nhờ người vào nói với tôi rằng thư từ giữa ban bí thư cũng bị kiểm duyệt, và ông Võ Oanh bị khó khăn vì bị nghi theo phe này phe nọ.

Cũng có khó khăn phức tạp về nhiều thể chế chồng chéo ít nhiều có quyền hành, Đảng, chính phủ, mặt trận, công đoàn. Những việc liên quan đến tôn giáo thường phải thông qua Mặt trận, Ủy ban Đoàn Kết. Việc chúng tôi cộng tác với nhà xuất bản Sự Thật, Ban Tôn giáo của chính phủ thực sự qua Mặt Trận, bộ phận phụ trách tôn giáo lại làm công khai, lộ liễu. I.M Nguyễn Hùng có đóng góp vào bản thảo của tôi, đứng ra vận động các linh mục góp tiền, vàng trong kỳ cấm phòng hàng tháng của các linh mục để in, được phép và có sự cổ vũ của TGM Nguyễn Văn Bình. Khi tôi bị Công an kêu lên làm việc vài buổi, họ không hề nhắc tới những vi phạm đó mà chỉ yêu cầu tôi giải thích nguồn gốc, diễn tiến sự việc như thể tôi chủ động và buộc tôi đi thu hồi các bản thảo in ronéo nội dung buổi tọa đàm. Họ chỉ yêu cầu về phía tôi mà không phía nhà xuất bản Sự Thật, vì chắc nhà Sự Thật không phổ biến trong khi bạn bè tôi đã chuyển cho nhau đọc, đem *photocopie* ra, và như vậy là đã vi phạm qui định phổ biến hạn

chế, lưu hành nội bộ.

Bây giờ nhìn lại chuyện hồi đó, nếu chúng tôi đã thận trọng tuân giữ một số qui định, mặc dù không đồng ý như tôi nói trong bài phỏng vấn, có thể cuốn sách đã được xuất bản trong thời điểm đổi mới còn sôi nổi, chưa có những biến cố Ba Lan, Đông Âu, và có thể có những vang dội trong nước lẫn ngoài nước. Ngày nay, nếu có xuất bản, nhiều phần đã trở nên lỗi thời và chỉ còn để ghi lại một cố gắng đổi mới về tư tưởng tôn giáo đã thất bại.

Giáo sư Luguern, người phụ trách tổ chức France, Libertés ở khu vực Đông Nam Á đã đề nghị tôi cho phép đăng bài phỏng vấn trên báo Pháp. Tôi không thuận vì tôi không muốn tạo cơ hội cho những ai ở hải ngoại chống chế độ tại VN: *một trí thức như ông Nguyễn Văn Trung, ở lại VN, đã sẵn sàng đáp lại lời yêu cầu của chính giới lãnh đạo cao cấp, nhưng rồi cuộc chẳng làm được điều gì ra hồn và chỉ chuốc lấy những phiền hà, thế thì những người ở nước ngoài hi vọng làm được gì đáp lại lời kêu gọi VN tham gia xây dựng đất nước.*

Cũng trong thời gian này, giáo sư Phan Công Chánh, dạy Triết ở Đại học San José về thăm nhà ngõ ý nhờ tôi thực hiện một *vidéo* giới thiệu những công trình nghiên cứu văn hoá VN từ 75. Nhưng rồi trước khi GS Chánh trở lại Hoa Kỳ, tôi đã yêu cầu giáo sư hủy bỏ băng *vidéo* cũng vì lý do kể trên.

Nói chung, tôi đã không lên tiếng, trả lời phỏng vấn hay cạy nhờ cơ quan này tổ chức nọ can thiệp vào những khó khăn thử thách mà tôi đã gặp từ 75 cho đến nay (năm 2000) để giới lãnh đạo phải trực diện với những gì đã xảy ra mà không thể mượn cớ, dựa vào bất cứ lý do ngoại tại nào nhằm biện hộ cho những việc làm dang dở, thất bại, và do đó phải nhận trách nhiệm về phần mình.

Bây giờ, phổ biến công khai bài phỏng vấn chỉ là để nhắc lại một sự kiện đã qua trên 10 năm để đáp lại lời yêu cầu của GS Luguern và để các độc giả người Việt nói tiếng Pháp thuộc thế hệ trẻ có thể biết được.

5- Lựa chọn một thái độ trí thức

Nói về người trí thức và thái độ trí thức, vẫn thường có những phát biểu tranh luận bày tỏ những cách hiểu khác nhau. Tôi tôn trọng cách nhìn của giới khác. Phần tôi, tôi có cách hiểu người trí thức và biểu lộ thái độ trí thức theo lối nhìn của tôi. Có người không đồng tình phê phán và tôi tôn trọng quyền phê phán đó.

Tôi hiểu người trí thức không nhất thiết phải là người có kiến thức

tiếp thu được ở nhà trường cấp đại học hay hậu đại học vì có những người có những kiến thức chuyên sâu nhờ đọc sách báo, kinh nghiệm tiếp xúc... Thực ra điều cốt yếu đáng nói không phải là vốn kiến thức mà là thái độ trí thức đối với chính cái vốn kiến thức và nhất là đối với những vấn đề cuộc sống trước mặt đặt ra.

Trong gần 50 năm cầm bút, tôi đã bày tỏ nhiều lần ý kiến của tôi về vấn đề người trí thức và thái độ trí thức, chẳng hạn viết bài phân tách *Sứ mệnh người trí thức*, sau đó đọc cuốn *Đi tìm một căn bản tư tưởng* của ông Nghiêm Xuân Hồng (Nhận Định 2, bài *Người vong bản trí thức*, Nhận Định 3).

Hồi 1966, viết bài phỏng vấn của nhật báo *Xây Dựng* ngày 8-8-1966 mà tôi nhắc lại ở đây trong phần Chứng từ. Sau 1975, tôi viết một bài dài đáp lại yêu cầu cho biết ý kiến về chính sách đối xử với trí thức chế độ cũ. Trong bài phân tách này, tôi đã sử dụng lý luận của một vài người thiên tả hay mất xít như Paul A. Baran và A. Gramsci (1980). Tôi sẽ nhắc đến bài này trong phần 2 (1975-1995) của tập: *Nhìn lại những chặng đường đã đi qua*. Năm 1993, tôi lại nói về trí thức, lần này chú trọng vào người trí thức trong đảng Cộng Sản: Đảng có trí thức hay không trong bài viết đáp lại cuộc tham khảo ý kiến một số trí thức thành phố về đổi mới, trí thức. Bài này được giới thiệu trong phần chứng từ của Chương 1.

Nhìn lại *Những chặng đường đã đi qua*: ở đây chỉ xin nhắc tới 10 tập *Nhận Định*, 6 tập đã xuất bản trước 1975, 3 tập viết trong thời 1975-1995, chưa xuất bản được và tập 10 (1994-1998) trong nước ngoài nước gồm một số bài viết ở nước ngoài và trong thời gian về nước.

Vào những năm cuối cùng trước 1975, tôi viết mục Bút ký hàng tuần cho nhiều nhật báo: *Tin Sáng*, *Hòa Bình*, *Dân chủ mới*... Những loạt bài này khá nhiều, chưa được gom lại xuất bản trong *Nhận Định* trước 75, và chính loạt bài này mới bộc lộ rõ hơn cả một thái độ trí thức đối với thời cuộc. Thái độ trí thức được bày tỏ trong các tập *Nhận Định* đúc gọn như thể một tuyên ngôn đảng nơi trang bìa 4 của tất cả các tập *Nhận Định*.

Triết lý là một nỗ lực nhận thức về cuộc đời. Nhưng bởi cuộc đời là một thực tại vô cùng phong phú, sống động và con người luôn luôn phải sống ở một vị trí nhất định mà nhìn cuộc đời cho nên ý hướng nhận thức của người bao giờ cũng chỉ lãnh hội được một vài khía cạnh trong muôn ngàn của cuộc đời đó.

Như thế cuộc đời toàn diện, chân lý tuyệt đối trở thành một nhãn giới mà con người càng vươn tới, nhãn giới càng lùi xa... Và triết lý có nghĩa đi tìm hơn là tìm thấy. Đó không phải là lý do để thất vọng, vì nếu sự thật đã

tìm thấy, sẽ không cần đi tìm nữa, đằng khác cái say mê cũng không phải hẳn ở chỗ tìm thấy nhưng ở chỗ đang tìm.

Trong viễn tượng đó, không nên đưa ra những phán đoán thanh toán vấn đề, chấm dứt cuộc tìm hiểu, nhưng chỉ nên có những Nhận Định, nhận những ý kiến đề nghị để trao đổi, đối thoại với những bạn đường khác cũng đang đi tìm một mình.

Ở cái thời độc tài, bạo động chia rẽ vì ai cũng cho mình nắm được chân lý toàn diện, thiết tưởng cần đề cao sự hoài nghi, phản kháng và gặp gỡ, trao đổi, đối thoại.

Tác giả muốn đứng ở phía những người yêu chuộng sự trao đổi đó.

Điều tôi thực sự lo ngại xảy đến cho tôi là xu hướng lão hóa trong sinh hoạt suy tưởng. Lúc còn trẻ, tôi biết một số đàn anh vào tuổi 60,70 đã trở thành bảo thủ, lạc hậu, lỗi thời mà không hay vì những người thuộc các thế hệ đàn em kính trọng tuổi già không dám nói ra ngay trong chỗ riêng tư. Bây giờ tôi ở lứa tuổi 70, tôi cũng thấy một số người cùng lứa tuổi đã lão hóa trong sự nghiệp cầm bút của mình. Tôi tự hỏi còn tôi thì sao? Tôi mong được các người cầm bút thuộc các thế hệ đàn em nói thẳng với tôi. Tuy nhiên, một cách chủ quan, tôi cảm thấy chưa đi vào xu hướng lão hóa về tư tưởng một cách nghiêm trọng có lẽ vì hai lý do sau đây.

Tôi tra hỏi cuộc đời, nhưng cuộc đời của tôi cũng xuất hiện như một tra hỏi không ngừng. Trong chủ trương tiếp cận với thực tại, tôi cho rằng chỉ có thể từ một vị trí và do đó chỉ có thể nhìn thấy một khía cạnh của thực tại. Nếu thay đổi vị trí sẽ nhìn thấy một khía cạnh khác và không bao giờ lãnh hội được thực tại một cách toàn diện, hoàn tất. Lỗi nhận thức đó đưa tới một quan niệm tương đối về chân lý và một thái độ khiêm tốn không bao giờ được tự cao, tự mãn.

Những nhận định từ những cái nhìn theo khía cạnh liên tiếp được đề nghị với người khác như bạn đường để gợi ý, thúc đẩy họ thực hiện cuộc hành trình tư tưởng của chính họ. Ngay cả trong tư thế người dạy học, tôi vẫn cố gắng tránh sự áp đặt. Chị Hồng Khắc Kim Mai, một sinh viên cũ, gần đây có cho tôi biết một sự việc. Tôi đã cho điểm cao bài thi của chị và chị đã hỏi tôi tại sao. Chị đã thuật lại câu trả lời của tôi lúc đó: *Mấy đứa kia trả bài như con vẹt, đôi lúc còn hiểu sai và xuyên tạc nữa. Còn cô ít nhất cô đã tỏ ra honnête, không học bài và đã trảm vào bằng một câu chuyện với những lý luận không ra gì nhưng mà hay. Ít nhất cô cũng biểu lộ được một cá tính đặc biệt.*

Tôi hay qui tụ bạn bè cầm bút thực hiện một công trình chung, như ra một tạp chí. Trong trường hợp này, chẳng qua cũng như trải ra một chiếc

chiếu, ngồi chung với nhau trên một đồng thuận nào đó, vào một thời điểm nhất định trong tinh thần tôn trọng những xác tín, lựa chọn cụ thể của từng người. Sự qui tụ đó không có nghĩa một mưu đồ thành lập nhóm này nhóm nọ, để xưng tụng lẫn nhau. Tôi nhìn nhận có những người trẻ hơn, chịu ảnh hưởng ít nhiều tư tưởng và lối viết của tôi, nhưng tôi không bao giờ xem họ là đồ đệ. Họ trưởng thành và đôi khi cũng bày tỏ công khai những phê phán chứng tỏ họ đã vượt qua các đàn anh của họ. Tôi vẫn đặc biệt ghi nhớ và hãnh diện 6 số *Sinh Viên* do những người đã tốt nghiệp đại học thực hiện vào những năm 1966-68 ở Sài Gòn, nhất là số 6, số chót dành cho việc phê phán các đàn anh của họ về triết học, lập trường xã hội do những cây bút trẻ sinh viết thời đó: Trần Triệu Luật, Nguyễn Tử Lộc, Nguyễn Trọng Văn...

Tự bản thân tôi, tôi luôn bất mãn với những gì mình viết ra, thích thú trong việc đi tìm khai phá hơn là tìm thấy và an nghỉ trong những cái đã tìm thấy. Vì vậy, tôi không có đồ đệ để được xưng tụng, làm sao tôi có thể bám víu vào quá khứ để trở nên lạc hậu lỗi thời.

Nhưng lý do quan trọng hơn là số người cầm bút điểm sách, phê bình có hiểu biết và nhìn nhận một cách nghiêm chỉnh thật ít so với đa số thích dả kích, mạt sát, chửi rủa đôi khi quá thậm tệ. Một vài người khác cũng có thái độ tương tự Mai Thảo, thường không bị một niềm tin, xác tín tôn giáo hay ý thức hệ nào chi phối.

Trái lại, tôi thực sự gặp chống đối, phủ nhận nơi những người phê bình *Nhận Định* thuộc giới những người có niềm tin tôn giáo (Công giáo hay Phật giáo) hay ý thức hệ mạt xít, vì không thể chấp nhận một thái độ trí thức dựa trên quan niệm tương đối về chân lý. *Nhận Định I* tái bản đến lần thứ tư, tôi đã bỏ bài: *Từ bi Phật giáo, Bác ái Công giáo* đã in trong lần xuất bản đầu tiên, vì sự chống đối của Phật giáo, chẳng hạn qua bài *Đạo Phật không có từ bi ?* hay của Đường Minh trong tạp chí *Nhân Loại*, cả sự chống đối của Công giáo qua bài kiểm thư của tạp chí *Ra Khơi*, tháng 1,2/1958, cơ quan ngôn luận in *ronéo* của Đại Chung Viện Bùi Chu.

Nhận Định 2, tái bản lần thứ ba, gặp sự chống đối mãnh liệt của Hà Nội sau lần xuất bản đầu tiên về văn học và triết học mạt xít qua các bài của ông Nguyễn Văn Hoàn và cuốn sách của ông Trần Văn Giàu *Nhận định về quyển Nhận Định, một tác phẩm duy linh nhân vị nhằm xuyên tạc chủ nghĩa Mác xuất bản ở miền Nam* (nhà xb Sự Thật, Hà Nội, 1962). *Nhận Định 4* tập trung các bài về chủ đề Chiến tranh, Hòa bình, Cách mạng qua bài: *Độc Nhận Định 4 của NVT* của Tam Thanh đăng trong tạp chí *Trí thức mới* số tháng 6 (12/1966), xuất bản trong Khu. Bài này nhẹ hơn so với bài của Trần Văn Giàu và các tác giả ngoài Bắc. Tôi sẽ trở lại

những phê bình của giới Cộng Sản trong một chương sau.

Sau đây tôi xin giới thiệu hai bài điểm sách về *Nhận Định I* mà tôi xem là đã hiểu đúng ý hướng, chủ đích viết Nhận Định của tôi:

***Nhận Định* của Nguyễn Văn Trung (Nguyễn Du xuất bản)**

Gồm những bài đăng trên tạp chí *Sáng Tạo*, *Bách Khoa*, *Gió Mới* và *Thông Cảm* (cơ quan của một nhóm sinh viên Công giáo), tập sách trình bày một số vấn đề văn chương, giáo dục, triết lý và tôn giáo, theo nhận định riêng của tác giả. Điều này được ghi rõ trong lời mở đầu : biểu lộ một nỗ lực giải quyết những thắc mắc của một người trong một hoàn cảnh riêng biệt của mình. Người đọc đã có một ý niệm rõ rệt về dụng ý của tác giả. Ông không thuyết phục, đòi hỏi một sự thống nhất quan điểm, cũng không có tham vọng xây dựng một phương pháp nhận định gương mẫu, duy nhất. Trái lại, ông chỉ chủ quan phân tích một số vấn đề trước hết thiết yếu đối với riêng ông và không chờ đợi gì hơn là sự thông cảm, sự chú ý, và những ý kiến chúng ta sẽ phát biểu về những vấn đề đó. Ý hướng triết học do quan niệm này được ông giải thích như một hiện tượng gắn liền với đời sống, và sẽ mất hết ý nghĩa khi tách rời khỏi đời sống. Triết lý thể hiện nỗi lo lắng tìm kiếm không ngừng, không nghỉ của con người.

Đó là một thái độ đúng. Và tiến bộ nữa. Chính nhờ có thái độ này tác giả có được một cái nhìn trong sáng, một lối nhận định linh động, trực tiếp về chân tướng và bản thể sự vật. Không phải do nơi kiến thức sâu rộng, học vấn uyên bác, mà bởi lòng chân thành nơi con người tìm thấy sự thực, phơi diễn dưới muôn vàn hiện tượng khác biệt và giá trị tương đối. Lòng chân thành ở đâu, sự thực và chân lý ở đó. Tác giả đã có sự chân thành này khiến cho tác dụng của tập sách không nằm trong những ý được nêu ra, mà trong cái thái độ của người đã nêu ra những ý kiến đó. Một vài vấn đề khác biệt, lẻ tẻ đề cập đến những lãnh vực quá ư rộng lớn, chưa thể xác định được ở đây, một nhà triết học lỗi lạc, nhưng đã giới thiệu được với chúng ta một con người có một đời sống tinh thần phong phú, một niềm tin mãnh liệt và một can bản vững vàng.

(Trích trong mục: *Qua các bộ môn văn nghệ* tạp chí *Sáng Tạo*)

Đọc sách

Ông Nguyễn Văn Trung, giáo sư Triết học thường cộng tác với các báo *Sáng Tạo*, *Bách Khoa*, *Gió Mới* với bút hiệu Hoàng Thái Linh vừa cho

phát hành cuốn *Nhận Định* về một số vấn đề văn chương, triết học, giáo dục, tôn giáo. Cuốn *Nhận Định* này là cuốn sách thứ tư của Nguyễn Văn Trung xuất bản tại VN. Ba cuốn sách trước ông đã soạn theo khuôn khổ mực thước của sách giáo khoa. Cuốn *Nhận Định* này ông đã cố gắng vượt ra ngoài phạm vi gò bó của loại sách giáo khoa kể trên.

Thật ra *Nhận Định* là tuyển tập những bài báo mà Nguyễn Văn Trung đã cho đăng trên các báo chí đô thành. Vì những bài báo đó bàn về đủ mọi vấn đề nên người đọc thoát đầu hơi bối ngỡ không tìm thấy tính cách liên tục của cuốn sách. Nhưng đi sâu vào nội dung thì hẳn ta cũng tìm thấy sự nhất trí của tác giả. Dù đọc những bài báo về triết lý, giáo dục, hay tôn giáo, văn chương, ta vẫn thấy một con người Nguyễn Văn Trung duy nhất xuất hiện. Đó là một con người đứng trong hoàn cảnh phức tạp của xã hội nên muốn nhìn bốn phía, muốn nhận định cho rõ những hoàn cảnh bao quanh mình. Nhưng dù nhìn về trước mặt hay nhìn lại sau lưng, nhìn những người tuổi trẻ hay những vấn đề siêu hình, bao giờ NVT cũng đứng trên quan điểm triết gia Công giáo, chịu ảnh hưởng một cách sâu sắc những tư tưởng hiện tượng luận hiện đại.

Về giá trị của từng bài, từng chương trong cuốn sách, người đọc giữ lại một cảm tưởng tổng quát: có những bài có giá trị trung bình nhưng cũng có bài xuất sắc. Những bài bàn về giáo dục của Nguyễn Văn Trung sẽ là những bài văn chống tàn vì chúng liên lạc trực tiếp với những sự kiện có tính cách thời sự. Chúng sẽ bị thời gian vượt qua chẳng bao lâu. Trong bài so sánh Phật giáo và Công giáo, tác giả đã tỏ ra khe khắt với thuyết nhà Phật. Đó là một quan điểm cần phải xác định lại. Trái lại, loại bài về Cái nhìn, Tự tử, E lệ của NVT xứng đáng cho ta khuyên bên cạnh một nét son rất đậm. Đó là những bài khảo luận của một người am hiểu triết lý thực sự và cố gắng góp một phần tư tưởng vào lâu đài triết học. Qua những bài đó, ta thấy NVT có một lập luận vững chắc, một lập trường cởi mở, nhân bản.

Nhận xét một cách tổng quát, ta vẫn phải nói rằng cuốn *Nhận Định* của Nguyễn Văn Trung là một cuốn sách có giá trị. Giá trị của cuốn sách và cố gắng của tác giả càng đáng đề cao hơn nữa trong tình trạng văn hóa hiện tại, khi mà sách vở triết lý quá hiếm hoi đến nỗi có những người vốn làm nghề mà dám viết nên những cuốn sách triết lý để lહે bịp người đời.

Nguyễn Linh (trích *Gió Mới*, 20/1/1958)

Phụ lục:

Văn Học xin đăng vào phần Phụ lục lá thư của Giáo sư Nguyễn van Trung, để bạn đọc hiểu rõ thêm toàn phần cuốn hồi ký “Nhìn lại những chặng đường đã qua” mà Văn Học đã trích đăng hai chương 8 và 2.

Montréal ngày 10.11.2000

Thân gửi người bạn xa xứ,

Để ghi thời điểm bước vào tuổi 70 năm 2000 và sau khi mở ung thư không biết còn sống bao năm nữa, tôi muốn “Nhìn lại những chặng đường đã qua” về cầm bút, từ 1955 đến 1995. Tôi viết hai tập:

Tập I (1955-5) Người cầm bút: Kẻ bị cáo

gồm 8 chương: 1. Tha thứ và xin tha thứ; 2. Những lựa chọn căn bản; 3. Thông tin, phịa tin, nạn nhân những tin đồn; 4. Ông Phạm Công Thiện (nhân danh Phật giáo, tố cáo); 5. Văn học trong vòng tay chính trị; 6. Rối đạo, cấp tiến; 7. Chống cộng tinh vi (người Cộng sản Miền Bắc tố cáo); 8. In memoriam Việt Nam Cộng Hòa. Tôi nhờ một số người có lòng đánh vào computer, trừ Chương 6, một người đã nhận rồi trả lại; chương 3 và chương 7 có hai người nhận đánh được một phần rồi cũng trả lại. Tôi dành gửi cho các bạn ở Boston đánh giùm. Mỗi chương đều có phần trích dẫn tài liệu liên hệ những điều tôi đã viết và phản ứng của người khác để trình bày một cách trung thực khách quan hơn các sự kiện đã xảy ra. Chương 8 đã đăng trong Tập chí Văn Học số 174 tháng 10.2000 ở California.

Tập II (1975-5) Người cầm bút: Kẻ làm chứng

Phần I gồm 5 chương: 1. Công giáo; 2. Triết học; 3. Văn chương hiện sinh; 4. Văn học và Sự phạm; 5. Người cầm bút, kẻ làm chứng. Bốn chương đầu gồm các bài tôi đã viết, hầu hết chưa phổ biến thuộc loại gọi là “phát biểu nội bộ”.

Vì không thể nhờ, thuê đáng mấy, tôi đành chụp photo vậy. Nhưng không đơn giản. Anh Trịnh Viết Đức, người đã lo liệu in ấn hầu hết công trình biên soạn của tôi ở nhà xuất bản Nam Sơn, Sài Gòn trước 1975, và đánh máy nhiều bài cho tôi sau 1975, vui lòng nhận phục hồi những bài đánh máy thật tốn công sức thời giờ, chẳng hạn phải dán những tờ giấy pelure quá mỏng trên giấy dày hơn, giấy bản gốc màu vàng khè hay sẫm đen như giấy thời kháng chiến chống Pháp, máy đánh chữ cũ, mòn, nét chữ không sắc, rõ, mực nội hóa bằng nội hóa, in không đều và đậm nét v.v...Do đó rất nhiều trang phải in đi in lại nhiều lần trong tổng số trên 500 trang. Anh Đức không kể công nhưng Tây tính từng phút, từng

trang...nên chi phí tập này lên đến 40-5 dollars, chưa kể thuế.

Phần II đang viết gồm các chương: 1. Công giáo Miền Nam trong lòng chế độ; 2. Miền Nam Việt Nam trước viễn tượng sống còn và phát triển của cả nước; 3. Trước 1975, Nguyễn Mạnh Côn xuất bản "Đem tâm tình viết lịch sử, còn tôi bây giờ không nói về mình mà "đi vào tâm tình người khác: cộng sản, thiên cộng, chống cộng ở trong nước và chống cộng ở ngoài nước để tìm hiểu lịch sử; 4. Thử phác họa một hướng lịch sử cho một giai đoạn lịch sử.

Tôi định chụp 50 bản mỗi tập gửi các bạn đã tiếp đãi, giúp đỡ tôi đi lại ở Âu Mỹ hay về Việt Nam, đề nghị chia sẻ những thông tin, kinh nghiệm sống qua các chế độ xem có thể rút ra được những gì là tích cực, thời Việt Nam Cộng Hòa và dưới chế độ hiện nay: trong nước chế độ toàn trị, công an trị, làm sao có thể sống được, có thể có ít nhiều tình người với mọi người, hơn nữa có thể làm được việc này việc nọ tích cực, có thể kiểm tra được. Tôi không bỏ nước ra đi hẳn, vẫn đi đi về về, nếu cần có lúc sẽ về hẳn vì thấy có trách nhiệm và hữu ích ở trong nước. Trong tinh thần đó, ngoài bạn bè quen biết, tôi cũng muốn chuyển tập này đến tay những người chưa quen biết đã âm thầm hay lên tiếng về những chuyện về Việt Nam làm việc nọ việc kia cùng là cảm nhận trách nhiệm đối với đất nước.

Vậy xin bạn cho biết có muốn chia sẻ những suy nghĩ, kinh nghiệm của tôi không, để tôi dần dần gửi những tập tạm gọi là "ký" này đến bạn.

Thân ái,

Nguyễn văn Trung

Địa chỉ liên lạc: Nguyễn văn Trung
1956 Emile Legrand
Montréal Quebec
H1N 3H5 Canada
Phone: (514) 899-5

Món quà Xuân ý nghĩa
dành cho thân nhân và bạn bè:
Tặng Một năm Văn Học

Phiếu mua báo dài hạn gửi cho thân nhân ở trang chót số báo này

Qua vùng ước mơ

ĐẶNG HIỀN

Nhu những chiếc bóng băng qua vùng mơ ước
Bỏ lại sau lưng ở đáy ly cà phê
Từng chuyến tàu băng đêm và nhớ

Nhu những con rối vật vờ theo gió
Lâu dài cổ, dốc đồi hình tượng
Lăn qua lịch sử mấy ngàn năm
Bóng tối đồng ca vết đen trở tới

Từ rừng cờ ca hát
Góc nhà thờ giồng sông thành phố
Khoảng trống mệnh mông
Đám đông, người trẻ xuống đường

Những tiếng thét cất lên
Tôi đi như đồng thiếp
Em ở xa, cùng nắng, cùng màu xanh lá
Ngày cuối xuống giọt rượu như rung

Chúng tôi băng qua vùng mơ ước
Mất hút con mua
Những con đường lát đá và đêm
Nghìn đời con người vẫn khóc...

(Tiếp-Rome 10-00)

Nguyễn Xuân Hoàng và Người Đi Trên Mây Đoàn Nhã Văn

Nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng đã có những tác phẩm xuất bản trước 1975. Ở ngoài nước, ông viết thêm bốn tác phẩm khác, gồm bộ *Người Đi Trên Mây*, hai tập: tập I - *Người Đi Trên Mây*, tập II - *Bụi và Rác* (1), cùng tiểu thuyết *Sa Mạc* và tập truyện *Căn Nhà Ngồi Đỏ*. Trong những tác phẩm viết sau 1975, theo tôi, bộ *Người Đi Trên Mây* có thể xem là tác phẩm tiêu biểu của ông. Vì thế bài viết này phần lớn sẽ dựa vào đó, dù rằng tài liệu trong những tác phẩm khác có được đề cập đến, nhưng mục đích cũng chỉ nhằm làm sáng tỏ những vấn đề thuộc về văn chương, và chỉ văn chương, trong tiểu thuyết của Nguyễn Xuân Hoàng.

Người Đi Trên Mây (NDTM) bắt đầu những năm 70 ở Sài Gòn. Nhân vật chính, Trần Lâm Thăng, người quen biết nhiều với giới văn nghệ sĩ thời đó. Thăng có cơ hội tiếp xúc với một khuôn mặt chính trị sáng giá lúc bấy giờ, cũng như một sự đam mê quyền lực tột cùng, ông Phan. Cũng có lúc Thăng nằm trong gọng kìm tiền bạc của ông Lý, mà chỉ cần một cái gật đầu Thăng sẽ có tất cả. Thăng có cái cơ may trong đời: lúc nào đàn bà đẹp cũng ở bên cạnh anh. Từ Lan - con gái ông Lý, đến Uyên - con gái ông Phan, cho đến Quỳnh, rất quyến rũ, người đã dám bước trên những mũi nhọn của dư luận mà sống chung với Thăng giữa một Sài Gòn đầy rẫy những dị nghị, những tin đồn, và dĩ nhiên không phải không ít lần ác ý. Trong những ngày tháng chuẩn bị chờ ra tòa lý dị với Lan, Thăng bước vào biệt thự của ông Phan để tránh những sức mạnh vô hình bắn ra từ phía Lan và ông Lý. Tù túng và ngột ngạt trong một không gian thừa mứa mọi thứ cùng sự chăm sóc quá ân cần và chu đáo của bà Phan và cô Uyên, Thăng dứt khoát bước ra khỏi ngôi biệt thự này và chung sống với Quỳnh sau đó, ở một khu thuộc loại tồi tàn của thành phố.

Bụi và Rác (BvR) tiếp theo những ngày cuối tháng tư 1975, khi thành

phố hỗn loạn trước cơn lốc đổi thay của lịch sử. Thang và Quỳnh, như bao người khác, chứng kiến những cảnh đổi dời, không những của riêng mình, mà của cả một thành phố hơn bốn triệu dân lúc bấy giờ. Người khác gọi đây là một cuộc cách mạng, nhưng chính cái tên gọi này làm cho một người, với những kinh điển triết Tây, như Thang, phân vân. Cách mạng? *“Cách mạng có phải là giạt ngôi nhà của người này, đuổi họ ra đường để cho một tay tự xưng là từng đổ máu xương cho chủ nghĩa dọn vào. Cách mạng có phải là làm trống trải những căn nhà - kể cả những căn nhà không còn có gì để làm trống trải thêm nữa - để làm đầy những căn nhà khác. Cách mạng có phải là hạ thấp mức sống của một xã hội đang không cao gì cho lắm xuống cho bằng một xã hội mà cuộc sống đã bị ngưng đọng suốt hai mươi năm?”* (BvR, trang 207). Giữa đất trời lồng lộng, Thang chỉ thấy “một bầu không khí đầy những “hơi gió” nghi ngờ.” (BvR, trang 66). Thậm chí, anh chỉ thấy mình như bụi giữa những đồng rác hay rác giữa cuộc đời đầy bụi bặm. Không thể sống với cái đổi thay mà người ta gọi là “cách mạng”; không thể hòa nhập vào cái không khí đầy “nghi ngờ” ám chương mà những người mới cố tình tạo ra, bao trùm cả đất nước, nên Thang và Quỳnh tìm mọi cách ra đi như bao người khác. Sau lần bị bắt ở miền Tây, về lại Sài Gòn, Thang thấy cửa nhà trống rỗng, biết Quỳnh đã ôm con lao ra biển đông tìm anh, vì Quỳnh nghĩ rằng anh đã không còn thương nghĩ về hai mẹ con nữa. Anh hết chỗ dựa, sống như một bóng ma, vất vưởng, nhưng lòng luôn phập phồng cho những dự định ra đi.

Nguyễn Xuân Hoàng dựng tiểu thuyết bằng những nhân vật thật, những người chung quanh ông, bạn bè ông và những người thân của họ. Bằng lối hư cấu từ chất liệu thật này, nhà văn dễ dàng “thấy” được mặt mạnh, yếu cùng những nét đặc thù của từng nhân vật. Nhờ thế, những trang chữ của Nguyễn Xuân Hoàng luôn lôi cuốn bởi những chất liệu sống ngoài đời và ma mị bởi những chi tiết chọn lọc cùng những hư cấu rất lý thú về đời sống của họ. Dưới ngòi bút của ông, mỗi nhân vật có một vị trí, một chỗ đứng riêng trong tiểu thuyết. Họ như những mắc xích nối liền nhau, mà ở đó, nếu thiếu bóng họ, bức tranh tổng thể sẽ khiếm khuyết và cái điều ông muốn nói đến, dù đẹp, vẫn không thể trọn vẹn.

Người đọc dễ dàng nhận ra những nhân vật trong tác phẩm của Nguyễn Xuân Hoàng. Những Ký, Lộc mà ông nhắc đến rải rác trong truyện chính là Tà Ký, Lê Tấn Lộc ngoài cuộc đời. Khó Khóc Thiên Sư mang nhiều nét của Huỳnh Phan Anh. Vinh, dĩ nhiên là Ngô Thế Vinh với vụ hầu tòa truyện ngắn Mặt Trận Ở Sài Gòn. Nhật cũng mang máu thịt, những phần

dời của Phan Nhật Nam. Đình, ắt hẳn ít nhiều dính dáng đến Nguyễn Đình Toàn. Nhon, cũng là Hà Thúc Nhon, ngoài một trái tim của một thầy thuốc còn là một chiến sĩ xã hội, một mũi tên trong phong trào chống tham nhũng, đã chọn một thể đứng, chọn một cách ngã, giữa quân y viện Nguyễn Huệ, Nha Trang v.v... Có một nhân vật được Nguyễn Xuân Hoàng nhắc đến rất nhiều lần, trong nhiều chương sách, từ *Người Đi Trên Mây* đến *Bụi và Rác*, chính là nhạc sĩ Nguyễn Giang, với nhạc phẩm *Nối Vòng Tay Lớn* được loan đi trên đài phát thanh Sài Gòn vào lúc giao thời của tháng Tư, 1975.

Những người mà Thăng quen biết, phần lớn đều là những văn nghệ sĩ của miền Nam, được khá nhiều người biết đến. Tuy vậy, có một người mà anh tình cờ quen được sau năm 1975, một nhà thơ sống và lớn lên từ miền Bắc, một nhà viết kịch mà tên tuổi của anh không xa lạ gì với mọi người trong nước sau 1975, nhất là những năm cuối thập niên 80. Người đó chính là Vũ, Lâm Quốc Vũ. Thực ra, Lâm Quốc Vũ trong tiểu thuyết cũng chính là Lưu Quang Vũ ngoài đời, mà những vở kịch của ông đã là những ngọn gió đầu mùa, làm chính quyền đương thời rất e dè. Sau đó, ông cùng gia đình mất đi trong một tai nạn giao thông đầy nghi vấn. Nhưng đó là chuyện sau này, không dính dáng đến Vũ rất nhạy bén và phóng khoáng của *Bụi và Rác* ở những năm đầu sau 1975.

Qua bộ *Người Đi Trên Mây*, chúng ta dễ dàng nhận ra ngay một điều: Nguyễn Xuân Hoàng là nhà văn có biệt tài xây dựng nhân vật. Những đường nét khác họa của ông không thừa, không thiếu. Những dòng chữ ngắn ngủi đủ làm nổi bật hình ảnh và nhân cách một con người. Xin được trích dẫn ở đây hình ảnh một vài nhân vật để thấy rõ hơn điều này.

Ông Phan, một người đam mê quyền lực:

“Tôi thấy cảm ông Phan bệnh ra, hai hàm răng nghiêng lại, đôi mắt nhỏ dưới chiếc kính lão nheo lại và thỉnh thoảng sáng lên một thứ ánh sáng kỳ lạ. (...)

Ông đặt ống nói xuống. Hai tay xoa vào nhau. Ông cần một hộp rượu. Các thứ thịt ở gò má ông cuộn lại. Tôi có cảm tưởng ông đang có một quyết định quan trọng trong đầu. (...)

Ông Phan bắt tay tôi. Cái bắt tay chặt chẽ thân mật, nhưng những ngón tay mập và nhão của ông vẫn không làm tôi bớt ghê sợ.” (NĐTM, trang 23-24)

Hiếm nhà văn dùng chữ “cần một hộp rượu” như Nguyễn Xuân Hoàng. Diễn tả như vậy đủ để chở một toan tính lớn giữa những thay đổi dồn dập

của thời cuộc và qua đó, người đọc có thể hình dung một cách khá rõ ràng về một “chính khách” lúc bấy giờ.

Ở hình ảnh của ông Lý, chỉ bằng một câu thôi, Nguyễn Xuân Hoàng cho người đọc thấy một sức mạnh ghê gớm của một nhân vật đại diện về tài chính ở Nam Việt Nam trước 1975:

“không có cánh cửa nào của chính quyền còn được coi là kiên cố dưới sức gõ của bàn tay ông” (NĐTM, trang 118)

Lan, người vợ cũ của Thàng, một người chỉ biết có tiền và tiền:

“...người đàn bà lớn lên trong một gia đình mà đồng tiền ngự trị trên tất cả, đã có lần nói với tôi rằng nếu phải đổi tất cả danh dự và phẩm giá con người để có được trong tay cái tài sản trở thành người giàu nhất Saigon cô ta sẽ không do dự đặt danh giá dưới gót chân mình.” (NĐTM, trang 53)

Mười Tân, một kẻ say sưa với chủ nghĩa Cộng Sản, với hai con mắt luôn nhấp nháy, thỉnh thoảng giật giật như bị kích thích. Những ngón tay lúc nào cũng gõ gõ trên mặt bàn, đã từng nói oang oang: *“Đảng luôn luôn là chân lý chỉ có những con người bất toàn mới sai thôi.”* (BvR, trang 188)

Một người cộng sản khác, Lê Hiên, dưới cái nhìn của Thàng:

“Ở Đông Đức khi cách mạng thành công, Lê Hiên nói, người ta không cần thầy giáo giỏi. Người ta cần một người trung kiên có lý tưởng cách mạng hơn là người có chuyên môn. Tôi lấy thí dụ như thế này cho dễ hiểu.

Nếu chẳng may người giáo viên có viết chữ Bát Hồ “T” chớ không phải Bát Hồ “C” thì cũng chẳng sao, T hay C để tính sau, trung thành với cách mạng trước đã.” (BvR, trang 16)

Nhạc sĩ Nguyễn Giang:

“Giang nói mặc dù âm nhạc của anh luôn luôn được quần chúng ưa thích, nhưng Mười Tân đã có lúc cho người gọi anh đến và nói rằng âm nhạc của anh chẳng qua chỉ là một thứ “nhân đạo chủ nghĩa”. Đó là một loại hình văn học “kết án chiến tranh mà không cần phân biệt loại chiến tranh nào, kết án bạo lực mà không cần hiểu xuất xứ, tính chất mục đích của mỗi bạo lực.”

“Âm nhạc của anh”, Mười Tân nói, “có chứa đựng những lời than thở phản chiến nhưng nó cũng làm đảo lộn mọi thứ, nó lẫn lộn trắng đen,

trung và nịnh, yêu nước và cướp nước. Coi chừng âm nhạc của anh cũng là một hình thức tiếp tay cho bọn phản loạn." Nguyễn Giang rung mình khi nhắc lại chuyện trên. Lúc đó tôi nhìn thấy hai bàn tay Giang run giật như người mắc kinh phong (...). Có lúc Giang thở ra, "Tôi như đứa trẻ tìm nơi nương tựa mà sao vẫn cứ lạc loài ... Đừng tin tôi nhé, vì tiếng cười." Đó là những lúc tôi thấy khuôn mặt Giang vốn đã nhỏ và nhỏ xương, hai con mắt sâu núp dưới đôi kính trắng, tối sầm lại." (BvR, trang 130-131)

Không bao nhiêu con chữ nhưng làm nổi bật được hai điều.

Thứ nhất, hình ảnh bên ngoài và đầy sâu tâm tư của người nhạc sĩ rõ mồn một. *Hai bàn tay run giật như người mắc kinh phong* là một hình ảnh động. Cái động tìm thấy từ một người nghệ sĩ trầm lặng. Cái động đã bứt ra khỏi con tim, làm đôi bàn tay run bần bật, chính là dấu hiệu của một sự kinh sợ, ghê hờn. Người nghệ sĩ vào đời, cho đời bằng trái tim, nhìn đời bằng đôi mắt. Trái tim đã giật thót. Đôi mắt đã tối xầm. Chỉ còn lại xác thân, gởi nhờ cõi tạm, mà lòng lúc nào cũng phập phồng, hoang mang.

Thứ hai, tất cả những phản ứng bên ngoài nối tiếp nhau của người nhạc sĩ cho thấy một sức mạnh ghê gớm đang diễn ra bên trong: quyền sinh sát của những "con người mới" đáng ghê rợn, mà điển hình là Mười Tân. Dùng hình ảnh này để tạo nên sự liên tưởng khác là một trong những điểm rất đặc thù của Nguyễn Xuân Hoàng.

Nhưng quan trọng hơn và nổi bật hơn tất cả những nhân vật khác, chính là: Trần Lâm Thăng. Thăng học triết, rồi dạy triết. Cái triết lý mà Thăng thấu lượm được từ trường lớp là thứ triết lý kinh điển của Tây Phương. Chính những thứ triết Tây còn lộn cộn trong dòng suy nghĩ, nên Thăng chỉ là một kẻ: sống lỏng bông, lêu bêu; không quyết định dứt khoát, không lập trường rõ ràng. Trong lúc mọi người lo cho cuộc sống hiện tại thì Thăng trôi giữa cuộc đời vô phương hướng. Trong khi người khác đạp chân xuống đất để sống, thì Thăng bước những bước vô hồn trên mây.

Xã hội miền Nam vào những năm 70 là một xã hội mang đầy sắc thái của chiến tranh. Chiến tranh không xảy ra ngay tại Sài Gòn, nhưng chiến tranh có thể *chen vào làn môi của những cặp tình nhân*. Tiếng súng không vọng về thành phố, nhưng lớp lớp thanh niên già từ người thân, ra trận. Trong rừng người này, có biết bao bạn bè của Thăng, những người như Vinh, như Nhật. Một Vinh, vừa mang trên mình trái tim của người thầy thuốc, vừa mang một tấm lòng nhiệt huyết của một chiến sĩ xã hội vào đời. Một người mang ba lô dầm nát núi rừng nhưng lúc nào cũng canh cánh trong lòng: mặt trận lớn nhất vẫn là *mặt trận ở Sài Gòn*. Một Nhật,

người mù dò vối hào khí bùng bùng, sẵn sàng chịu đựng mọi nghịch cảnh chung quanh, cùng đồng đội *dựa lưng nổi chết*, mờ bùng con mắt vẩn thấp chập choạng *tù binh và hòa bình*, rong ruổi *đọc đường số một*, mà nghe từng tắc lòng quặn thắt. Tuổi trẻ thời loạn ly với một ý thức rõ ràng về cuộc sống, về chính trị là thế. Còn Thăng? Thuở mới bước vào đời, Thăng hạnh phúc bên Lan. Khi gia đình lộn xộn và chờ đợi thủ tục ly dị với Lan, Thăng bám vào ông Phan để tránh những áp lực vô hình từ phía ông Lý, để có dịp nghe những phần thân thể rung động bên Uyên. Khi quá ngột ngạt với gia đình bà Phan, anh bám víu vào Quỳnh. Khi Quỳnh ôm con lao vào biển, Thăng như một kẻ mất hồn. Trong suốt bộ tiểu thuyết, Thăng chỉ hừng hực nhựa sống trước thân thể phụ nữ. Thăng chỉ tỉnh táo trước mùi hương phấn đàn bà. Thăng sống bám vào người khác, như một thứ dây leo. Không có người khác, anh chênh vênh bên này, nghiêng ngả bên kia. Vì thế, người đời nhìn Thăng như một thứ người không bình thường.

"Tại sao cậu không sống trong gia đình bình thường như mọi người? (...). Tôi muốn nói bình thường như mọi người: Làm việc, nuôi vợ nuôi con săn sóc nhà cửa. Bình thường như tất cả những người bình thường" (NDTM, trang 86)

"Người ta nói cuộc sống cậu phóng túng quá". (NDTM, trang 88)

"Còn cậu? Cậu là cái gì? Một thứ thầy giáo hạng bét. Dạy một môn học bá láp. Đồ cái thứ triết lý duy tâm không tưởng. Cậu tưởng là ghê gớm lắm phải không? Cái thứ triết trên trời trên mây đó chỉ để bọn ăn không ngồi rồi, bọn trà dư tửu hậu, bọn no cơm rủng mủ, bọn làm đầy tớ phục vụ đế quốc tư bản đọc ..." (BvR, trang 156 - 157)

Hơn thế nữa, Thăng từng tự nhận mình là một thứ bóng ma lờn vờn giữa đời thường:

"Có lần Mười Tân nói thứ người như tôi giống như bóng ma chập chờn trong một nghĩa trang những đêm tháng bảy. Cái bóng ma ấy chẳng làm hại được ai, nhưng chắc chắn xã hội không cần. Ông ta nói đúng." (BvR, trang 173)

Thứ người nhếch nhác như anh, chỉ *"như một thứ cây mọc ven sông, nhìn giòng nước chảy miết, liên tu hồ tận"* (NDTM, trang 204), chẳng làm được cái "giải" gì cho những đứa con của chính mình, hướng hồ gì là người thân, là cuộc đời.

Và không ai hiểu mình bằng chính mình:

"Tôi biết tôi là một tên lười biếng.

Tôi chỉ đọc những gì liên hệ đến công việc tôi đang làm, chỉ ăn những thức ăn đã dọn sẵn lên bàn, chỉ trò chuyện với những ai dựa vào trái tim tôi, chỉ yêu những ai can đảm yêu tôi. Tôi không biết sự sạo, buồn mớ như con gà tìm kiếm chút hạt gạo thừa ngoài sân.

Tôi là tên đàn ông thụ động trong tận cùng xương tủy." (NĐTM, trang 70)

Với một lối sống như vậy, dĩ nhiên người đời, ngoài bạn bè anh, hầu như người người đều nhìn anh mà ngán ngẫm. Không chán sao được, khi chính anh cũng chán lấy bản mặt của mình mỗi khi soi gương.

"Đừng tưởng tôi không chán tôi. Tôi chán tôi như người ta vẫn thường chán những thức ăn thừa phải hâm đi hâm lại mãi nhiều lần trong nhiều ngày." (NĐTM, trang 70)

Dưới mắt người thường, Thăng là một kẻ không bình thường. Bởi người bình thường, nếu không có những toan tính xa, thì cũng phải có những lo lắng gần. Nhưng với Thăng, tuyệt nhiên là không. Thăng bảo: *"Hiện tại tôi sống chưa xong, chưa hết, việc gì tôi tìm kiếm tương lai."* (BvR, trang 144). Vì thế, người đương thời với anh, khó lòng chấp nhận. Người đọc sau này cũng dễ dàng bực mình vì cá tính hợm hĩnh của anh. Nhưng Thăng là ai? Hãy nghe anh tự khai một phần tiểu sử của mình.

"Tôi là người đàn ông lang bang, lêu bêu. Tôi đang là cái tôi cách đây mười năm khi mới vừa tốt nghiệp ra trường. (...) Tôi đang bắt đầu từ âm số. Dưới con số không nhiều bậc kia. Tôi đã bị trừ đi cái mười năm của tuổi trẻ phung phí vào một người đàn bà gian trá. Tôi đã bị trừ đi cái mười năm của một sự trống trơn về tai tiếng. Tôi đang bắt đầu từ những âm số của nợ nần, của những lời thị phi, của nụ cười đã tắt, niềm vui đã chết, hi vọng đã tan hoang." (NĐTM, trang 70 - 71)

Đó là Thăng, là cái tôi, trong truyện. Từ trong tiểu thuyết nhìn ra cuộc đời, bóng dáng Thăng lẫn quẩn, chấp chờn. Hình ảnh của Thăng thời nào cũng có, xã hội nào cũng tồn tại, nhất là một xã hội xô bồ trong chiến tranh như miền Nam trước 1975. Thăng không còn là hình ảnh của một nhân vật, mà là hình ảnh của cả một lớp người sống trong các thành phố lớn của miền Nam. Lớp người này được trang bị bằng một thứ cá nhân chủ nghĩa, thờ phụng cái tôi học được từ những mớ triết lý chưa tiêu hóa hết từ phương Tây. Lớp người này coi chuyện nóng hổi thời sự là chuyện của người khác; xem chuyện binh lửa đốt cháy quê hương một cách dửng dưng; thấy cái đau của đồng bào vẫn bình chân như vại.

Song song với lối sống và cá tính “chăng ra con giáp nào cả” của Thăng, Nguyễn Xuân Hoàng còn dựng nên một khía cạnh khác trong cuộc sống của Thăng, đó là sự tĩnh táo. Tĩnh táo đến độ ngay cả trong những giây phút choáng ngợp khi đối diện người bên cạnh, dù họ là đại diện của cái đẹp đầy quyến rũ hay họ là trọng tâm của quyền lực. Hầu như ở mọi hoàn cảnh, Thăng nhận xét từng đường nét biến chuyển bên ngoài và đánh giá họ bên trong một cách sâu sắc. Anh quan sát người khác một cách hết sức tinh tường, như một cái máy quét, xuyên qua một lần là thu gọn hình ảnh mọi nhân vật, mọi sự kiện diễn ra chung quanh. Mà ở những hình ảnh này, cá tính của nhân vật, của người đối diện nổi bật lên, rõ nét. Đây không chỉ là biểu hiện về bản năng sinh tồn của kẻ thụ động mà xa hơn thế, nó ẩn chứa bề sâu của một cuộc đời, nằm đằng sau cái bộ mặt có vẻ hời hợt, nguội lạnh của Thăng.

Sau khi đọc xong bộ *Người Đi Trên Mây*, độc giả thấy Thăng dường như mang nhiều phần đời của Nguyễn Xuân Hoàng. Thăng học triết, rồi dạy triết. Thăng là một người đi trên mây. Thăng bị “tẩu hỏa nhập ma” với những tư tưởng triết học, nhiều lúc đối chọi nhau, từ cổ chí kim như Platon, Aristote, Descartes, Kant, Hegel, Heidegger, Nietzsche .v.v và v.v. Đứng bên bờ này mà mắt cứ dăm dăm nhìn sang bờ kia, khi đứng ở bờ kia thì lòng lại tham lam nhìn qua chân trời khác. Choáng, ngợp. Mất tự tin, xa lạ với cuộc sống. Cùng hít thở trong một bầu khí quyển như mọi người nhưng lại bước đi bên lề cuộc đời (2).

Còn Nguyễn Xuân Hoàng?

Ông cũng học triết. Vậy ông có thuộc loại người đi trên mây không? Ở một tác phẩm khác, trong một bài tùy bút, Nguyễn Xuân Hoàng đã cho biết: *“Thứ triết mà Đà lạt nhét vào đầu tôi là thứ triết học kinh điển, thuần túy kinh điển đến tội nghiệp. Nó là động cơ thứ nhất vẽ vờ trong trí tôi cái hình ảnh quá xa lạ với cuộc sống. Nó thổi tôi bay lên trời. Và từ đó tôi đi giữa những đám mây.”* (Căn Nhà Ngồi Đổ, trang 180)

Không còn nghi ngờ gì nữa, Thăng và Nguyễn Xuân Hoàng có nhiều mẫu số chung.

Nhà văn, người tạo ra những nhân vật, nhất là nhân vật chính, cho các tác phẩm của mình, thường dấn do, do dự. Cũng dễ hiểu, vì nhân vật chính thường ảnh hưởng đến sự thành bại của tiểu thuyết. Nhân vật chính có thể được lấy từ một nguyên mẫu nào đó, rồi tái tạo theo đường hướng nghệ thuật của nhà văn. Nhân vật chính cũng có thể là một sự tổng hợp của nhiều nhân vật ngoài cuộc đời. Nhưng dù nhân vật chính được dàn dựng thế nào đi nữa, họ phải mang những nét hết sức điển hình. Hay nói

một cách khác: họ là người đại diện của tầng lớp mà họ xuất hiện trong tác phẩm. Một Chí Phèo của Nam Cao, cũng là tập hợp của dăm ba Chí Phèo ngoài đời. Một Xuân Tóc Đỏ của Vũ Trọng Phụng cũng là tổng hợp của năm bảy Xuân trong cuộc sống. Ngược dòng thời gian, đi ngược trở về trước một chút, chúng ta đã từng biết, sau tác phẩm *Chiến Tranh và Hòa Bình*, khi được hỏi Natasha là ai, Tolstoi trả lời rằng: Natasha là một phép cộng của phu nhân Tolstoi và em gái của bà ta.

Vậy nếu hỏi Trần Lâm Thăng là ai? Qua bộ *Người Đi Trên Mây*, ta dễ dàng nhận thấy rằng: *Trần Lâm Thăng không phải là Nguyễn Xuân Hoàng* dù mang dáng dấp và một phần đời của ông. Thăng là một mẫu người điển hình trong lớp người may mắn được tiếp cận với kiến thức Tây phương, đồng thời cũng nhiễm cái lối sống thời thượng lúc bấy giờ: *sống vì mình và sống cho mình*.

Nguyễn Xuân Hoàng dựng nên mẫu nhân vật thuộc loại đi trên mây này, theo tôi, không có nghĩa là ông chủ trương hay cổ xúy cho lối sống như vậy trong cuộc sống. Dù nhân vật và nhà văn có mẫu số chung, giữa họ vẫn có một đường ranh giới. Cũng như để có được hình ảnh độc đáo của một gã say, thì bắt buộc một người dựng nên hình ảnh đó phải ở trong khoảng khắc tỉnh táo. Và quan trọng hơn hết, không vì hình ảnh gã say đó mà cho rằng nhà văn cổ vũ cái say quên đất, quên trời. Vì thế, dựng được người đi trên mây một cách ngoạn mục, nhà văn phải là người đạp chân xuống đất, tỉnh tã nhìn quanh cuộc đời, gạn lọc thật kỹ lưỡng, mới nhào nặn được mẫu người tiêu biểu này.

Có thể nói ngay rằng: nhân vật của Nguyễn Xuân Hoàng không giống ai. Cứ nhìn vào khu vườn tiểu thuyết Việt Nam, trước hay sau 1975; trong hay ngoài nước, ta vẫn thấy điều này rất rõ ràng.

Đọc Nguyễn Xuân Hoàng, đọc giả dễ làm một sự so sánh, dù biết rằng chẳng có so sánh nào là hoàn hảo. Cùng một "lớp" với Nguyễn Xuân Hoàng, người đọc dễ liên tưởng đến những nhà văn khác, những người ông đã từng nhắc đến trong tác phẩm của mình, như Ngô Thế Vinh, như Phan Nhật Nam. Thì cứ lấy họ làm ví dụ.

Cái khác biệt giữa Ngô Thế Vinh và Nguyễn Xuân Hoàng rõ rệt. Cái xông xáo vào đời cũng như sự chọn lựa ở những nhân vật của Ngô Thế Vinh là cách thể biểu lộ mình với thời cuộc. Cái sống ở những nhân vật của Ngô Thế Vinh là cái nhập cuộc, bùng bùng. Cái sống ở những nhân vật của Nguyễn Xuân Hoàng là cái đứng bên lề, nguội lạnh.

Cái khác biệt giữa nhân vật của Phan Nhật Nam và Nguyễn Xuân Hoàng cũng tương tự. Ở Phan Nhật Nam, nhân vật ông hừng hực một

ngọn lửa vào đời và cho đời. Ở Nguyễn Xuân Hoàng, ngược lại, nhân vật của ông hững hờ với thế sự, thờ ơ với thời cuộc, lãnh đạm với tha nhân, và để ngoài tai tất cả những gì không trực tiếp chạm vào tim mình. Ở Phan Nhật Nam, nhân vật của ông dập lún mặt đường-sổ-một, chạy đua với từng tích tắc đồng hồ để mưu tìm sự sống. Ở Nguyễn Xuân Hoàng, họ có thừa mứa thời gian để nhẩn nhơ, hầu như trong mọi tình huống.

So sánh Nguyễn Xuân Hoàng với những nhà văn cộng sản cùng thời thì chỉ như nước với lửa. Nhà văn cộng sản được “chỉ đạo” đưa lửa vào những trang sách của mình để phục vụ chính trị, phục vụ những mục tiêu của chế độ. Nguyễn Xuân Hoàng thì đối nghịch. Ông không tạo ra những anh hùng trong chiến tranh, những chiến sĩ thi đua trên mặt trận sản xuất, mà ngược lại đã tạo nên những nhân vật không giống ai, tính cách của họ như cơm nguội và nước lạnh trước cuộc đời và xã hội.

Sự so sánh giữa nhân vật của nhà văn này với nhân vật của nhà văn kia không phải để tìm cái đồng thuận, mà là để nẩy lên cái khác biệt. Tuy nhiên, không vì cái khác biệt này mà cho rằng văn chương người này hay hơn người kia. Sự so sánh chỉ góp phần làm sáng tỏ thêm một điều. Đó là: nhân vật của Nguyễn Xuân Hoàng thuộc lớp người ngủ đứng. Nói một cách nôm na, họ thuộc lớp người xé khô mực theo chiều dọc, chẳng giống ai và cũng chẳng ai giống. Họ thuộc thành phần *vô tích sự*. Họ là những *người đi trên mây*. Xa hơn một bước, dưới mắt không ít người, họ là những *kẻ tà đạo* (3).

Cuộc sống mới sau 1975 thực ra là một cuộc sụp đổ khá đớn đau của dân tộc Việt. Sụp đổ về kinh tế, đã đành. Sụp đổ về niềm tin mới đáng sợ. Không ai còn tin được ai, ngay cả những người thân quen, ngay cả những người tưởng là bạn bè xưa cũ. Khi mất niềm tin, con người như mất tất cả. Xã hội như cạn kiệt nhân tình. Con người như mất dần nhân tính. Quan hệ giữa những người tự xưng là bạn dân và người dân chẳng khác nào quan hệ của quan lại và dân đen trong thời đại phong kiến. Quan hệ giữa người và người trong xã hội không còn là mối quan hệ bình thường. Mà dường như đằng sau đó thường là những mối trục lợi, nếu không thì cũng e dè, khiên cưỡng. Tuy phần lớn là thế, nhưng cuộc đời luôn có những ngoại lệ. *Bụi và Rác* cho thấy những ngoại lệ đó. Và dù là bình thường hay ngoại lệ, Nguyễn Xuân Hoàng đã gần như đi đến đích trong những điều ông muốn diễn tả. Nói rõ hơn, cuộc sống sau tháng Tư 1975 dưới ngòi bút của Nguyễn Xuân Hoàng rất rõ nét. Ông đã đi vào thế giới nội tâm của nhân vật thật xuất sắc, từ những người cũ như Tâm, Nguyễn Giang, Phước v.v. đến những con người mới như Mười Tân, Nhị Hà, Lê Hiền, hay những người

một thời đóng góp máu xương cho “cách mạng” như Ba Trương Phi, chẳng hạn.

Ở *Người Đi Trên Mây*, Thăng là một kẻ lơ là với chuyện chính trị (4) Thăng là một kẻ ghê tởm chiến tranh. Anh chỉ như con đà điểu chôn đầu dưới cát, chạy trốn sự thực (NĐTM, trang 144). Ở *Bụi và Rác* Thăng lại có ý thức rõ rệt về chính trị. Không những rõ rệt mà còn sâu sắc. Mau thuẫn chăng? Thực ra không phải thế. Thăng đã thay đổi cách nhìn về thời thế. Bởi thời thế đã tạo nên những cảnh ngộ đau lòng chạm vào tim anh. Thời thế đã mở ra những thay đổi lớn, những thay đổi chỉ có xấu đi chứ không hề tốt hơn, ở thế nhìn của Thăng. Thời thế đã khoát cho mọi người một chiếc áo lạt lùng. Thời thế đã khắc trên từng khuôn mặt của mỗi người dân những đường nét quái gở, tạo cho “*mỗi khuôn mặt của người Sài Gòn luôn luôn có một chữ vô hình nhưng rõ nét. Nguy! Nguy! Nguy!*” (BvR, trang 205). Vinh và Nhật mang trên vai những năm lính, lội nát núi rừng: Nguy. Ký và Lộc mang thân phận biệt phái: Nguy. Trần Lâm Thăng đứng trên bục giảng, ám ố với chủ đề hợp tác xã: Nguy. Cả một thành phố, hay nói rộng hơn là cả miền Nam, chỗ nào người ta cũng thấy Nguy và CIA. Sự nghi ngờ của chính quyền mới bao trùm lên cả xã hội tạo ra những nỗi bất an. Người ta sợ một ánh mắt lạ, e dè trước một tiếng gõ cửa. Sau những tháng ngày đầu chờ đợi trong pháp phòng, người ta rõ dần với “cách mạng”. Hơn bao giờ hết, người người sợ sệt “cách mạng”, nhà nhà nhòm tòm “cách mạng”. Và rồi, người ta bàn tính chuyện lao ra biển đông bắt chấp mọi hiểm nguy đang chờ chực. Bởi nếu không ra đi, họ “*phải cúi xuống gánh tiếp những tai ương còn đầy rẫy trong một thời đại của “Chủ Nghĩa”*.” (BvR, trang 76). Cuộc sống mới sau 1975, đầy nghi ngờ và gây đổ niềm tin giữa người với người như thế, không phải là chỗ dung thân cho những văn nghệ sĩ đúng nghĩa. Càng không phải là chốn nương tựa cho những người đi bên lề cuộc đời như Thăng. Khi vào đường cùng, bản năng sinh tồn phải tìm lối thoát. Khi vào ngõ cụt, con người phải cố xoay sở để tìm đường sống. Vì thế, cái khác biệt trong ý thức chính trị của Thăng ở giai đoạn trước và sau 1975 là một hiển nhiên. Nhưng trước và sau: Thăng vẫn là Thăng, một kẻ bước đi trên những đám mây.

Có thể nói Nguyễn Xuân Hoàng đã giữ được điều tâm huyết của mình: không để chính trị lấn áp văn chương, trong một tác phẩm văn chương, điển hình là nhân vật chính, Trần Lâm Thăng.

Nguyễn Xuân Hoàng viết đều tay trong suốt tác phẩm. Ông cẩn trọng

với chữ nghĩa của mình, từ kết cấu cốt truyện đến từng câu văn, và ngay cả ở những dấu chấm, dấu phẩy. Câu văn của ông ít khi kiếm được những chữ thừa. Nó chắc, gọn. Khi cần trần trụi, ông để câu văn mình trần trụi. Khi cần góc cạnh, ông gọt dũa tạo nên góc cạnh. Đặc biệt ông có lối diễn tả rất bắt mắt: đầy hình tượng và giàu âm sắc. Nói một cách khác: văn chương của Nguyễn Xuân Hoàng đẹp. Không những đẹp mà còn đầy chất sống. Ở nhiều chỗ, ông có những hình ảnh so sánh lạ, tạo nên những liên tưởng mạnh, hiếm thấy các nhà văn khác sử dụng. Tất cả những điều này giúp cho những trang sách của ông chống lại sự bào mòn của năm tháng.

Có một nét khá đặc thù trong chữ nghĩa của Nguyễn Xuân Hoàng, tưởng cũng nên nhắc ở đây. Ông thường dùng chữ “rất” đứng đằng trước một danh từ để diễn tả những điểm riêng tư, hay cá tính của một nhân vật mà ông muốn nói, như: *rất đàn bà* (NĐTM, trang 22, 74, 77), *rất con gái*, *rất phụ nữ* (NĐTM, trang 76), *rất Sài Gòn* (BvR, trang 209), *rất Hà Nội* (BvR, trang 213) v.v...

Không phải chỉ ở bộ *Người Đi Trên Mây*, mà trên những trang sách khác của ông, người ta cũng thấy cách diễn đạt này. Chẳng hạn như:

“Ba má Đông đã già. Đó là một gia đình người Nam rất Nam kỳ quốc.” (Căn Nhà Ngồi Đỏ, trang 121)

Và không chỉ trên những trang sách của mình, mà khi viết về những người khác, Nguyễn Xuân Hoàng cũng viết cùng một lối như vậy. Như trong bài *Bạt* cho một tập truyện của Đỗ Kh. chẳng hạn, ông viết:

“Bằng một làn điệu riêng, ông hát những ca khúc của chính ông sáng tác, rất Đỗ Kh., và thuần túy Đỗ Kh.” (Không Khí Thời Chưa Chiến, trang 162).

Ở khía cạnh sử dụng “rất+danh từ” này, nhiều trường hợp Nguyễn Xuân Hoàng cố đọng được điều mình muốn nói. Tuy nhiên, cũng có nhiều chỗ, cụm chữ “rất+danh từ”, không chờ nổi điều ông muốn diễn đạt. Nhiều khi nó chỉ như một hình thức khái-quát-hóa, chung-chung-hóa. Nó chưa bẫy lên được cái riêng tư của nhân vật, chưa tách được họ ra khỏi đám đông. Đây một danh từ ra khỏi vị trí thường hàng của nó để làm thành một tính từ, không những một, mà là nhiều lần, gần như làm thành một đường dây nối liền tác phẩm này qua tác phẩm kia trong thế giới chữ nghĩa của Nguyễn Xuân Hoàng, cho thấy một khía cạnh về cá tính của nhà văn: khi ứng ý một cách diễn đạt nào, nhà văn thường lặp lại cách diễn đạt đó. Nhưng cũng có thể đây là một thói quen của người viết: lười. Cái lười đi tìm một chữ nghĩa riêng, một hình ảnh riêng để diễn tả cho từng trường hợp. Trong cái lười này, người thiệt thời nhiều, không phải là ông, mà là

độc giả, những người đọc đã “lỡ” yêu văn chương của ông, yêu nhiều hình tượng bén nhọn mà ông từng dựng nên, muốn tìm thấy thêm những lối so sánh mới lạ, độc đáo như ông đã từng, trên những trang sách khác.

Qua *Người Đi Trên Mây*, chúng ta dễ dàng nhận thấy ngay một điều: văn chương để đấu tranh giai cấp, không có Nguyễn Xuân Hoàng. Văn chương để tải đạo, hiểu theo cái nghĩa “*chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm*”, không có Nguyễn Xuân Hoàng. Văn chương để ca tụng lãnh tụ và dựng nên những anh hùng, không có Nguyễn Xuân Hoàng. Vì thế bản sắc của *Người Đi Trên Mây* càng đặc biệt. Nó như một thứ tuyên ngôn, mà người đọc thấy được, của Nguyễn Xuân Hoàng: văn chương của *Người Đi Trên Mây* là văn chương vì văn chương. Và ở đó, nhân vật chính, Trần Lâm Thăng, đã bứt ra khỏi cái chờ đợi trong lối thường ngoạn quen thuộc. Kết quả cuối cùng: hình ảnh và cá tính của Thăng rất dễ làm người đọc dị ứng.

Trong khu vườn tiểu thuyết Việt Nam, chúng ta thấy có nhiều nhân vật “lớn”. Lớn, hiểu theo nghĩa: đọc xong, khó lòng quên được, và những nhân vật này sống lâu dài bằng sự thử thách của thời gian. Lớn, hiểu theo nghĩa: khi nhắc đến nhân vật, người ta nghĩ ngay đến nhà văn và ngược lại. Trong số này, có thể kể sơ đến vài nhân vật như: Chị Dậu của Ngô Tất Tố, Chí Phèo của Nam Cao, Xuân Tóc Đỏ của Vũ Trọng Phụng, hay gần đây hơn, như Bốn Thoi của Võ Phiến .v.v.... Ở bộ *Người Đi Trên Mây*, dù quyển III chưa được xuất bản như tác giả dự định, chúng ta thấy Trần Lâm Thăng của Nguyễn Xuân Hoàng cũng mang tầm vóc đó.

Đoàn Nhã Văn

Những tác phẩm của Nguyễn Xuân Hoàng sau 1975, ở ngoài nước:

Người Đi Trên Mây, *Tiểu thuyết*, NXB Người Việt, 1987, Sa Mạc, *Tiểu thuyết*, NXB Xuân Thu, 1989, Căn Nhà Ngói Đỏ, *Tập ghi*, NXB Văn Nghệ, 1989, Bụi và Rác, *Tiểu thuyết*, NXB Thanh Văn, 1992

Chú thích:

1) Theo bìa sau của *Người Đi Trên Mây* (tập I), bộ tiểu thuyết này gồm ba tập. Tập I lấy khung cảnh Việt Nam trước 1975, tập II lấy đời sống sau 1975 làm nền, và tập III với đời sống Hoa Kỳ sau 1985. Cho đến hôm nay, cuối năm 2000, Nguyễn Xuân Hoàng chỉ mới cho xuất bản hai tập.

2) “*Như một người đứng bên lề cuộc đời, tôi cảm điếc dui mù trước cảnh sống ngọt ngào của một thành phố sa mạc.*” (BvR, trang 140)

3) Những chữ in nghiêng là tên truyện ngắn, hoặc tên các tập truyện của Nguyễn Xuân Hoàng.

4) “Trong đám đông có ai nói chiến tranh hay chính trị thì tôi luôn luôn là kẻ ngồi cảm miệng hén.” (NĐTM, trang 100).

Thơ Luân Hoán

Nghẹn Thơ Cuối Thu

xế chiều nắng ghé hiên thăm
con se sẻ nhớ chỗ nằm theo vô
thu còn dôi cụm lá khô
tiếc đời chụm mặt thì thảo đồ nhau
đốt buồn rơi chạm vào đầu
bén trong tâm mọc nhánh sầu tịnh yên
ta vừa ngồi chết hồn nhiên
bốn bề trời đất loan truyền tin vui :
có hoa vừa có thêm người
nghe ra được tiếng nói cười hu vô...

Trăng Đêm Nở Hoa

em từ bụi chuối bước ra
ánh trăng làm nũng chao qua ống quần
niềm vui giấu dưới bàn chân
vỡ theo sợi gió đêm lằng lằng cười
tốc chòng chênh rồi cơn vui
công du hương phút rung người chuyển thơ
em từ cõi tuyết vời nào
bước ra dập dặng bước vào vỡ tan
đêm thom vết xước dịu dàng...

Luân Hoán

Giày, và chuyện viết Thường Quán

*Shoes! Shoes! Shoes! Here The Shoes!
Giày! Giày! Giày! Dây dòi giày!*

Như người diễn viên của đoàn kịch dẫn đầu bởi Peter Brook đang dẫn dụ dân làng tụ về dưới một thân cây một mảnh đất làng khô, đặt đôi giày giữa chiếu, reo to mấy âm tiếng, cho mỗi làng quê Phi Châu suốt dọc một diễn trình chuyển đi của đoàn có được một đêm diễn trò, người nghệ sĩ trong nghệ thuật kể truyện phải biết lôi kéo người nghe ngay lập tức bằng một phát kiến riêng của mình. Ngay cả mấy chữ “Ngày xưa, xưa lắm” cũng phải được nói bằng một giọng khác thường. Thơ hơn. Kịch hơn. Vàng hơn... Người nghe phải bị dẫn dụ, và được hồi hộp chờ.

Truyện kể là một thành tố văn hóa rất sơ cổ, có lẽ là tận những ngày con người gầy được lửa, và quần tụ thành đoàn nhóm. Nhu cầu trao đổi, nhu cầu biểu tỏ, nhu cầu được giải trí mua vui, chả biết phần nào cấp thiết hơn phần nào? Nhưng, người kể truyện kể gì thì cũng là về thế giới hiện tại của hần. Ngay cả để giải thích một tin tưởng về quá khứ thì giải thích ấy phải là có ăn thua tới quan tâm và ý thích của con người đang cùng hiện diện. Truyện truyền kỳ của Thổ dân Úc - đã có mặt khoảng 50 nghìn năm - trước hết là để giải thích về lịch sử và phong thổ của từng mỗi bộ tộc. Những truyện huyền ảo, hay những ca truyện (songs, dreamings) sử dụng ngôn ngữ riêng của từng mỗi bộ tộc để truyền đi kiến thức - trong cả phần ý thức lẫn mơ mộng, huyền thoại, tiềm thức - của ban đầu là một cá nhân rồi dần thành chung một gia sản cộng đồng. Chúng nói gì, nếu không phải là để về cái thế giới mà con người cộng đồng ấy đang đối mặt. Tại sao có lưng núi này, tại sao có miệng hồ này, tại sao có loài kỳ nhông ấy

Giải thích lịch sử của đất, của người, từ khai thiên lập địa cũng là mong lý giải được ý nghĩa của hiện hữu, nối kết quá khứ vào hiện tại. Trong lửa mà Prometheus đã lấy cắp từ Zeus để truyền lại cho con người ắt phải gồm có cả những ngôn ngữ mới về số phận người, những ca từ, ca truyện để con người tìm được ý nghĩa hiện hữu của nó, và từ đó những kiến thức mới, những tình cảm lạ bạo dạn ra đời. Không có những cái nhìn mới và tình cảm lạ kia, nghệ thuật không có cánh cửa bước vào với nhân gian.

Giải thích quá khứ trong gán bó của nó với hiện tại, rồi đi xa hơn đến những mưu cầu khuất khúc và không còn đơn thuần nữa, như bày tỏ cảm xúc (một người) - trong tương quan với kẻ khác, ngôn ngữ truyện kể biến dạng dần. Cái tôi kể truyện có mặt càng lúc càng mạnh mẽ. Tiếng nói, cảm quan, ý tình của chính kẻ ấy càng lúc càng xê dịch dần tới trung tâm của vòng tròn câu truyện. Người nghe chấp nhận cái chỗ đứng gần vòng tròn kia của người kể. ‘Vấn chương không phải là khi một kẻ kêu “Sói! Sói!” và có một con sói đuổi đằng sau, mà là khi kẻ ấy kêu “Sói! Sói!” nhưng chẳng có một bóng sói’. Nabokov đã nói một câu rất hay. Điều kiện để có những câu chuyện ‘hay’ là người nghe/người đọc phải cùng biết tưởng tượng theo tưởng tượng của người kể. Cùng bước vào diễn trường và chọn nơi ấy là thế giới duy nhất của hiện tại. Tưởng tượng mở rộng và biến ảo thế giới. Thế giới trong văn chương đã chẳng là thế giới khách quan. Sự biến hoá kỳ ảo - tùy theo mắt nhìn, tùy theo cảm nhận của người kể - chỉ cần tính thuyết phục duy nhất như một lực quân bình để kéo chiếc cánh bay lượn của tưởng tượng dính liền với mặt đất hiện tại. Nói thuyết phục, khả tín là thuyết phục và khả tín trong thế giới vừa được sáng tạo, trong hiện trường thời gian của thế giới ấy. Tạo sức thuyết phục và, lên một nấc nữa, sức lôi cuốn của truyện, những nghệ nhân trong nghệ thuật kể truyện nhiều khi phải lặn lội vào trong thế giới mơ mộng tư riêng và, như ở thơ ca, sáng tạo một ngôn ngữ mới, một cấu trúc ngôn từ mới, một kỹ thuật kể truyện mới. Làm lạ hoá để chinh phục con người có lúc đã như là bản năng gốc rễ của nghệ thuật: như loài chim tới mùa xuân, để đáp ứng khát khao vừa chớm tới cơ thân, phải phát kiến những tiếng hót khác ngày thường, nghệ thuật nội riêng theo luật tự nhiên đã hàm tính tiến hóa. Và thế giới mà nghệ thuật ấy với tới không khép đóng: nó mở toang ra với những khả thể và tiềm năng, và vì thế như những nghệ sĩ ngầm hiểu (với cả niềm tự hào tư riêng), *bản thân của nghệ thuật vốn là tự do*. Thế giới nghệ thuật ấy ý thức thế giới bên ngoài và khách quan - đối tượng của các ngành khoa học tự nhiên - nhưng còn ý thức nhiều hơn nữa, quan trọng hơn nữa, là những chung dụng của thế

giới bên ngoài ấy với thế giới nội tại, của cảm xúc, suy tưởng, tư duy, tưởng tượng, mơ mộng, của một con người. Nó kỳ ảo vô định và tiềm ẩn bao nhiêu tầng lách. Và như thế nó rủ con người đi về khai phá.

Sự khai phá rồi chuyển đạt qua tác phẩm sẽ giàu có tính thuyết phục hay không khởi đi với chính người viết. Hắn đã bị tác động gì về thời đại hắn sống. Nếu chính Kafka không chấn động bởi những đêm tối thương tích của riêng ông tất cũng chẳng có một “Y Sĩ Làng Quê” cho chúng ta mất hút vào cõi tâm tối ác nghiệt dị thường của câu truyện đầy ám ảnh ấy. Nói *dị thường* cũng là một cách, thực ra *tính dị thường* trong những truyện kể để lại một ám ảnh sâu đậm bao giờ cũng gọi lên khả năng có mặt hữu hữu của câu truyện trong thế giới hồi hỗi cảm xúc của người đọc. Thời đại càng khắc nghiệt, phức tạp của truyện càng cao, càng vượt ngoài công thức. Nhưng bao giờ truyện kể cũng phải gắn bó, không thoát ly khỏi thời đại của nhà văn. Hơn thế nữa, nó hầu như gắn bó với đời sống có thật của người kể truyện như một quan sát viên hay như một người đã và còn đang lăn lộn trong cuộc. Người viết *tiểu thuyết hoá* cuộc sống. Nhưng không cứ là nhà văn con người cũng biết: coi chừng đấy, cuộc sống đi nhanh lắm, biến ảo dị thường lắm, nó còn vượt quá tiểu thuyết nữa. Tốc độ biến đổi của thế giới hôm nay, do những gia tăng trong tương hệ người, do chiến tranh, lịch sử, kỹ thuật, do những phức biến trong chính văn chương, đã tung tất cả vào *Hỗn Loạn* - để dùng một từ của Harold Blooms. Viết là bước vào hỗn loạn và đem ra một ổn định tạm thời. Là trình bày một phần mảnh vừa nắm bắt được, một bọt vỡ phản chiếu thế giới vừa thành tựu. Đưa nó vào thế giới ký tự với hy vọng nó sống sót hữu lý và có ý nghĩa trong một bối cảnh vừa được tạo thành, trước khi làm như tất cả đều sẽ lại nhào trộn vào trong giòng cuồng lưu tiếp tục hỗn loạn và bạo động trời chảy

Thơ vốn ý thức điều này. Có lẽ trong quá trình nói, để hy vọng tìm thấy (qua tiếng nói) ý nghĩa và sự thực, thơ vì thế đã phải mang một ngôn ngữ mông lung, hàm hồ, linh động như nước. Nhưng thời hiện đại của chúng ta cùng lúc lại đòi thơ phải bám chặt hơn vào thế giới cụ thể, của những vật thể và biến cố, nếu không làm như tất cả đều sẽ mất trôi không để lại một cái gì trong thế giới mới của hỗn loạn. Thơ hôm nay cũng đòi mang những bi kịch và chất oái oăm trên nghịch, chất *irony* lẽ ra là của bi kịch và tiểu thuyết ngắn, truyện ngắn.

Ở thơ của Tadeuz Rozewics, Paul Celan, Nina Cassian, Szymborska

... *irony* là sức mạnh thơ họ, còn hầu như là lý do khiến họ tiếp tục (được) viết, như một phản kháng lại bóng tối:

*Tôi từng thấy
một chuyên gia một đầu bếp
để tay vào chiếc miếng
ăn xuống
xuyên qua cổ họng một con trầu
chạm phải trái tim đang đập
bóp cả nắm tay vào quả tim
bút lấy
bằng một cú một
vàng, thưa ngài, đúng thế
ấy là
một chuyên gia*

Tadeus Rozewics ' Ngay 'Tim'

Rozewics đang nói về một chuyên gia của thời đại đen tối nào, hay một cuộc giải phẫu mà thuật phẫu sinh thô thấp nhất, hay là một nhận định gì về số phận người, như con trầu kia ? Những ý nghĩa hàm ẩn và đều có lý. Tác động lập tức tuy nhiên phải là cú sốc ngay tim mà nhà thơ đã cảm thấy khi quán niệm về thế giới hiện tại của ông. Người đọc không còn được cho nghỉ ngơi và mơ mộng, mà đã bị vất vào đúng hơn là một phân cảnh phim, sân khấu. Thời đại khốc liệt đòi hỏi những thể hiện cụ thể, tương ứng. Những cơn mộng của thơ ca phải được trình bày lại. Nhiều khi truyện và thơ không còn biên giới nữa ; những thành tố cổ điển được giảm trừ, triệt hoá dần, và sự thô thấp trơ trụi của truyện (đặc biệt truyện ngắn) được cho vào thơ, được đặt để lại trong những bố cục mới, hứa hẹn sẽ nói được nhiều hơn về thế giới.

Lời tự thú của Pasternak khi nói rằng *không còn thơ nữa* phải được hiểu như một nhìn thấy giới hạn của thơ trong một thế giới hoang tàn và khắc nghiệt**. Phục chế thơ để trả lại ngôn ngữ nhân tính, hay đẩy thơ vào chỗ mất và di viết những mẫu chuyện đời, để tiếp nối cho thơ ? Ấy cũng là một chọn lựa gay go.

Ở một chương về Pasternak trong *Tại Sao Đọc Những Tác Phẩm Cổ Điển* ? Italo Calvino *** đã viết:

"Tôi nghĩ chẳng phải tự nhiên mà thời đại của chúng ta là thời đại

của truyện ngắn, hay tiểu thuyết viết ngắn, những chứng từ có tính tự truyện. Một thể loại truyện đích thực mang tính hiện đại phải đưa năng lực thi ca của nó về chỗ gánh lấy thời đại mà chúng ta đang sống (bất kể ấy là thời đại nào), chứng tỏ cho được giá trị của nó như một hiện tiền quan trọng vô song và nặng tính quyết định. Do đó nó phải là ở ngay trong hiện tại, với kết cấu diễn biến xảy ra ngay trước mắt chúng ta, hợp nhất trong thời gian và trong diễn động như ở *Bi kịch Hy Lạp*.

I believe that it is no accident that our age is the age of short story, or short novel, of autobiographical testimony. Today a genuinely modern narrative can only bring its poetical charge to bear on the times (whatever they be) in which we live, showing their worth as a decisive and infinitely significant moment. It therefore has to be 'in the present', with a plot that takes place before our eyes, unified in time and action as in Greek tragedy.

Italo Calvino - Why read the classics ?

('Pasternak and the Revolution', p 182)

Italo Calvino đã nhìn thấy Pasternak bước vào tiểu thuyết cốt lõi vì muốn nắm cho hết, và nói cho hết, chất sống của thời đại. Và vì thế, chứ không phải ngược lại, tiểu thuyết của ông là một tiếp nối của thơ ông****. Gốc tích của cuốn *Dr Zhivago* đã bắt đầu từ những thi tập buổi đầu của Pasternak như *Em tôi*, *Đời Sống*. Nó không tách rời nhau. Chỉ khác: chất thơ xưa đã bị đẩy đi vào nằm sâu trong đất tuyết, đã khô trong lửa, đã trộn lộn trong biến động, để ngày khai mầm chúng ra đời như những những hạt mạch cứng trộn lộn than đen và xương vụn. Thời đại nào tác phẩm ấy, trường thiên tiểu thuyết *Mùa Biển Động* của Nguyễn Mộng Giác, hay những truyện ngắn của Phạm thị Hoài, Trần Vũ, Lê Minh Hà, Mai Ninh... nhắm trước hết là vào những người đọc hôm nay. Nó có trở thành *classics* hay không (mai sau) là chuyện của những thế hệ đọc trăm năm từ đây. Chất sống hiện tại là năng lực của tác phẩm, còn thúc đẩy bởi gì, đó là chuyện riêng tư ở mỗi bàn viết.

Thời Pasternak và Cách Mạng Nga đã qua, *Dr Zhivago* còn lại như một tác phẩm văn chương dấu ấn của thời đại ấy, hay vượt xa nữa, như một tác phẩm đơn độc sống, với những nhân vật, tình tiết, biến chuyển, ngôn ngữ, và trên nữa : một thứ lửa thúc đẩy nó, tác phẩm, cháy cùng với người đọc. Với người viết hôm nay, trong một thế giới còn biến đổi thoát nhanh hơn, một thế giới mà nghệ thuật hình ảnh (visual) đang chiếm thế chủ động, một thế giới thu lại như một ngôi làng ở đó ngôn ngữ của những nền văn hóa Á Phi (không được sức mạnh kinh tế đi cùng hỗ trợ) những

giá trị văn hoá truyền thống cũ ở đó đang bị “đặt lại vấn đề” một cách trầm trọng, nội câu hỏi: *liệu thơ ca ở đó có sẽ co rút lại ở dạng ca dao, dân ca, để mà nương theo truyền thống dân già truyền khẩu có thể tồn tại, hay sẽ phá vỡ trở thành một cái gì còn phải thử nghiệm, hoặc biến mất hẳn nhường chỗ cho văn xuôi, cho truyện*, cũng không dễ trả lời. Nó tùy thuộc vào khát vọng bảo tồn những giá trị riêng tư đã thành tựu của một nền văn hóa, lẫn năng lực sáng tạo của từng mỗi người viết, cùng cả toàn bộ sinh hoạt ý thức và tiềm thức của một cộng đồng: thử lửa linh của Prometheus ngày nào đã truyền di, vẫn còn cháy đầu đầy

Ở những ngôi làng Phi châu những diễn viên của Peter Brook xưa từng tới, biết đâu những đôi giày giữa sân làng lại chính là bài thơ có ý nghĩa nhất. Vì không phải ở nơi nào có tiếng nói, có chia sẻ, có một tụ điểm để diễn bày khát vọng, nơi đó con người ta sẽ còn nhiều hy vọng để thấy sự tồn tại của thơ ca, của văn chương ? Hy vọng điều này hiện hữu nhiều hơn là một xác tín.

Thường Quán, Nov 01, 2000

* Conference of the Bird, Peter Brook and Centre International de Créations Théâtrales.

** Pasternak, interviewed by the Paris Reviews.

*** Why Read the Classics, Italo Calvino, Vintage Classics, translated by Martin Maclaughlin

**** Pasternak không quan tâm tới tâm lý, nhân vật, trạng huống, nhưng một cái gì phổ quát và trực tiếp hơn, ấy là đời sống. Văn của ông đơn thuần là một nỗi dài từ thơ của ông’.

He is not interested in psychology, character, situations, but in something more general and direct: life Pasternak’s prose is simply a continuation of his verse

‘Pasternak and the Revolution’, Why Read the Classics, p183.

Tìm mua

Thế hệ Chiến tranh

tập truyện của **Trần Hoài Thư**. Dày 190 trang. Giá 12 Mỹ kim

Liên lạc: Trần Hoài Thư

PO Box 58 S. Bound Brook, NJ 08880 USA

Email: tht5@juno.com

Thơ Hồ Minh Dũng

Đối

Huyền Trân ơi, chút hương thừa
Đeo thân ngựa hí bồm thua thốt rồi
Phải chi Ô Lý không thôi
Mà thân cũng rẽ thành đôi nhánh về
Mới hay tình nặng như chì
Rùa chuông theo Mạc Đình Chi, kêu trời
Đồ Bàn ơi, xiêm áo ơi
Khi không hương ấn thân phơi, bìa người.

Tôn Nữ

Nhờ ơn trăng, chỉ đường dẫn lối
Đưa ta về một chốn khôn cùng
Thương nguồn cơn di hoài chua thấu đáy
Giữa phong ba, có vật nặng, mệnh mong.
Nhờ có sông, xui ta tát biển lớn
Ném muối này đỡ khát cả nghìn năm
Gàu ta múc, giếng nội thành, hoa sứ
Ngự uyển xưa chốn lót ổ, em nằm.
Cám ơn em, vẫn là tâm nhà Phật
Nến hoàng triều soi mãi bóng cơ ngơi
Đêm phóng đảng dầm dề sương muối
Núi non em dựng đến rốn trời.

Về

*Đêm riêng, không ngủ mình tôi
Chung ngày, có dóa sen côi cút tàn
Mai kia về đến đầu làng
Mẹ cha đứng đón dưới hàng mù u.*

Bùi Giáng

*Đứng giữa ngã ba, đưa tay chỉ
Nhắc người đi, không đi đường vòng
Chờ lúc quáng gà đường không thấy
Quờ quạng ngón tay - chỉ tìm mình.*

Hạ Tuân

*Khi trăng khuyết dụ lòng ta xuống suối
Mò kim xua lặn đáy chén Trương Chi
Em My Nương xé rách rèm thủ thi
Xé trăm phương không ráp đủ tình si.
Khi trăng bạc dụ đời ta lên dốc
Lời nguyện xua cũng bạc trắng như vôi
Vì thương nhau gần mái chèo tầu mã
Buổi không em, ngựa hí lộng vang trời.*

Nỗi nhớ qua năm tác giả

Nguyễn Vy Khanh

Sau hơn một phần tư thế kỷ bỏ mình sống ở ngoài nước, người Việt chúng ta thường vẫn sống với những quá khứ đã ngày càng rời xa, với những mảnh đất con người ngày càng thay đổi hoặc biến dạng, với những thân quyến bạn bè mới *nhì bất hoặc đã cố lai hy*. Cũng trong thời gian đó, nhiều nhà văn đã cố công ghi lại những nỗi nhớ, những quá vãng và kỷ niệm, thơ mộng hoặc hiện thực. Trong bài này chúng tôi ghi lại một số nhận xét và tán mạn tổng quát về một số nhà văn có liên hệ mật thiết với vùng tỉnh Mỹ Tho - Bến Tre.

Trong bài *Những hiện tượng văn học Việt Nam thế kỷ XX*, chúng tôi đã có dịp nhận xét rằng sau 1975, ở hải ngoại đã có *hiện tượng đặc biệt văn chương miệt vườn*, vì đây là lần đầu trong lịch sử người miền Nam lục tỉnh phải bỏ nước ra đi: “Một văn nghệ “miệt vườn” nở rộ. Có thể nói với biến cố 30-4-1975, trong hoài niệm người miền Nam đã làm sống lại một “mảng” văn học trước đó bị lơ là. Việt Nam Cộng hòa là của chung, nhưng người miền Nam lần đầu phải bỏ quê hương đồng đảo đã thành công ghi lại quá vãng văn hóa, tình tự con người và những thú điền viên không còn nữa hay không còn hy vọng tìm lại! Võ Kỳ Điền, Nguyễn Tấn Hưng, Kiệt Tấn, Hồ Trường An, Nguyễn Văn Sâm, Nguyễn Văn Ba, Sĩ Liêm, Nguyễn Thị Phong Dinh (Nguyễn Vĩnh Long), Nguyễn Thị Long An, Huỳnh Hữu Cửu, v.v. Nếu ở giai đoạn ngay sau 1954, văn học miền Nam ghi nhận sự đóng góp mạnh mẽ của người miền Bắc và Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình khi họ phải rời quê cha đất tổ, phải vượt tuyến lội sông hoặc băng rừng qua Lào, thì sau 1975, là thời của người miền Nam “lục tỉnh” (1). Nhưng vào những năm cuối thế kỷ, “mặt trận” văn chương “miệt vườn” lạng lờ hơn, người viết ít lại và ít tác phẩm hơn. Tính chất khai

phóng của văn học miền Nam dần mất phần nào khía cạnh bộc phát hồn nhiên văn chương và tình ý được làng-kính tâm và trí thức gạn lọc hơn. *Khói Sóng Trên Sóng* (2000) của Nguyễn Văn Sâm (2) là một thí dụ đáng kể!

1. Xuân Vũ

Toàn bộ tác phẩm của ông từ trước 1975 đến nay, là cuộc đời từ kháng chiến đến chống Cộng, từ những ngày Thanh niên tiên phong Việt minh thời 1945, tập kết ra Bắc 1955, trở lại miền Nam 1971 và hồi chánh. Nổi nhớ ở đây lùi xa nhất, thời miền Nam hãy còn là đất thuộc địa Pháp, thuở thanh xuân của tác giả.

Phần chính tác phẩm của Xuân Vũ viết về kinh nghiệm kháng chiến và cộng sản Hà Nội. Bộ *Đường Đi Không Đến* khởi từ 1973 đến 1996 gồm năm tập, hồi ký viết về chuyển vượt đường mòn Hồ Chí Minh. Kế tiếp là bộ *2000 Ngày Đêm Trán Thủ Củ Chi* viết chung với Dương Đình Lôi, gồm 2250 trang. Bộ *Văn Nghệ Sĩ Miền Bắc Như Tôi Biết*, đã in 3 tập cho đến 1998 là những chân dung lồng tình cảm, ứng xử của con người Nam-bộ Xuân Vũ. Cùng chủ đề còn có các tập bút ký, tiểu thuyết: *Cách Mạng Tháng 8 Cha Để Còng Số 8*, *Sóng Nước Hậu Giang*, *Bùn Đỏ*, *Kẻ Sóng Sốt*, *Đỏ Và Vàng*, ... và các tập truyện ngắn *Thiên Đàng Treo*, *Thiên Đàng Treo Đứt Dây*, *Ông Lão Thối Bong Bong*, *Con Người Vốn Quý Nhất*, *Tự-Vị Thế Kỷ*, ... qua đó, ông đã liên tục vẽ lại chân dung và hành trình của nh”ng con người Nam-bộ chân thành yêu nước bị lợi dụng tập kết, bị lừa và lợi dụng suốt hai cuộc chiến tranh 1945-54 rồi 1957-1975. Người đọc nhận chân những giả trá của Việt-cộng, những mưu mô, mảnh khốc, những “đòn” chính trị, những tằm thương của các khuôn mặt “lớn”! Xuân Vũ tự thuật cuộc đời ông, cũng là của nhiều người, cho thấy hận thù của ông đối với tập đoàn lãnh tụ và chế độ cộng sản Hà Nội. Những phản ứng, kinh chống của những người bị lợi dụng này ở ngay giữa lòng Hà Nội cũng là những phản ứng với tâm địa và con người đất Bắc, ... “*Kỳ Cục là cảm giác đầu tiên của tôi đối với cộng sản*” (*Lời Tựa, Tự-Vị Thế Kỷ*, tr. V). Lỡ tập kết ra Bắc, ông “trốn” chế độ, vào Nam để phải chứng kiến những tàn khốc của con đường mòn mang tên lãnh tụ miền Bắc, bộ *Đường Đi Không Đến* đã làm chứng cho những dây dợ có-một-không-hai này! Rồi chuyện trong bụng, chuyện chính trị, xã hội và cả tình ái những nhân vật của cục R.

Loại thứ hai gồm hồi ký và truyện viết về miệt vườn, chuyện đồng quê và xã hội thời thanh bình cũng như thời chiến và hậu chiến: *Tám Lúa Đào*, *Cô Ba Trà*, *Quê Hương Yêu Dấu*, *Trăng Kia Chưa Xế*, *Vàng Mơ Bông*

Lúa, Những Độ Gà Nồi, Xóm Cái Bần, Buồng Cau Trổ Ngược, v.v. Trong khi các tập *Ngọc Vui, Hột Xoàn Là Của Trời Cho*, ... là chuyện cộng đồng người Việt ở hải ngoại. Ngoài ra mới 1999 đây, ông đã xuất bản truyện do chính ông viết bằng tiếng Anh, *The Survivor* (Kể Sống Sót) như một tiếp tục sứ mạng với độc giả tiếng Anh!

Xuân Vũ có trí nhớ, có tài cộng với cái duyên con người Nam-bộ, kể chuyện đa dạng, ngôn ngữ hồn nhiên, khi tròn trịa, khi dài dòng, khi lý luận cho ra lẽ ... Mỹ Tho với ông là nơi ông “*từng ăn những ổ bánh mì ba-tê gan tuyệt trần, đến nay tôi vẫn chưa tìm thấy ở đâu ngoài Mỹ Tho thành phố nguy nga của tuổi học trò tôi, nơi tôi nghe Trần Văn Trạch hát những bản nhạc tình đầu tiên, nơi tôi biết “hôm nay lạnh mặt trời đi ngủ sớm” của Xuân Diệu ...*” (Tựa, *Đỏ Và Vàng*, tr. 10).

Viết đối với Xuân Vũ “*là một việc khó khăn, cao quý, gian khổ và đau khổ, - lắm khi còn đầy đe dọa. Nhưng nếu chết đi mà còn được tái sinh theo thuyết luân hồi của nhà Phật, thì tôi xin được tiếp tục cầm bút để viết nốt những gì còn bỏ dở ở kiếp này. Ôi, cây bút gầy gò nhỏ bé! Nhưng nếu không có nó thì loài người chỉ là một lũ người câm*” (Trích giới thiệu của Xuân Vũ trong *Văn Nghệ Sĩ Miền Bắc Như Tôi Biết* 3).

2. Hồ Trường An

Mỹ Tho là quê ngoại và là nơi ông trải qua thời niên thiếu với ngôi trường Nguyễn Đình Chiểu. Qua gần 30 tác phẩm đã xuất bản, chuyện miệt vườn với Hồ Trường An đã là một trường thiên tiểu thuyết, trong đó các nhân vật tiếp nối nhau, các chuyện tình, ghen tương và những khung cảnh gia đình miệt quê cũng như tình lý Ông chứng tỏ sống và biết nhiều, đời lính và làm văn nghệ của ông trước 1975 đã giúp ông không ít trong việc sáng tác, chủ yếu từ khi sống tị nạn ở Pháp.

Đọc Hồ Trường An, chúng ta thấy cái hoa hede trải rộng của ông có khi làm người đọc bối rối, lạc lõng, không phải như trong câu chuyện dài tình tiết của Xuân Vũ, hay dài cố ý của phim bộ, mà là ở chi tiết, hình dung từ, cái trang điểm thêm khi đã đủ tươm tất! Cách đặt tên nhân vật lại là một đặc điểm khác của ông: tên đặt cho nhân vật quá đẹp không hợp với hoàn cảnh địa lý thôn quê thường dùng tên cục mịch hơn, “dân gian” hơn. Chỉ lấy thí dụ cuốn *Phấn Bướm*, nhân vật nào là Diễm Lăng, Lệ Phi, Phương Tần, Mỹ Căn, mà ngay thú vật, bồ câu được gọi là Tuyết Cẩm, Ánh Tuyết, Như Băng, Hoàng Hạc, ngựa thì Đạm Lớn, Đạm Nhỏ, Bích, Huyền Ô,... Tên món ăn dù không cao lương mỹ vị vẫn được tác giả ầu yếm bác-học đặt tên!

Từ những tác phẩm đầu tay *Lớp Sóng Phế Hưng* (1985), *Phấn Bướm*, *Hợp Lưu* (1986), *Đêm Chong Đèn*, *Ngát Hương Mật Ong*,... đến những tiểu thuyết sau này như *Trang Trại Thần Tiên*, *Vùng Thôn Trang Diễm Áo*, *Chân Trời Mộng Đẹp*, *Tình Sen Ý Huệ* (1999) và những tập truyện ngắn *Tạp Chủng*, *Chuyện Miệt Vườn*, *Chuyện Quê Nam*, *Chuyện Ma Đất Tân Bồi*, ..., Hồ Trường An đưa người đọc trở về và sống lại với miền đất Hậu giang như Mỹ Tho, Trung Lương, Vĩnh Long, Rạch Giá,..., với đủ hạng người, dân quê, nửa quê nửa thành thị, người Minh Hương, dân ruộng rẫy, thương hồ, đào kép cải lương, trẻ già,... chung đụng trong một không khí mát lạnh của chốn quê mà cũng đầy hấp dẫn dục tình, tự nhiên như thời tiết, như con nước phù sa... Người đọc cũng được nhìn thấy những cảnh đẹp miền quê, những căn nhà lợp bằng lá dừa nước, những mảnh đời sống của thập niên 1950, 60. Trong tác phẩm của Hồ Trường An cũng có những biến cố nhưng thường là đời sống bình nhật,... với những tiếng nói lạnh lạnh, ngọt ngào, những tiếng chữ có vần du dương...

Trích đoạn tiếng than khóc của một cặp thương hồ:

"Hồi đó tui biểu anh đi tập hát cải lương, anh không nghe; anh nghe lời ông bầu gánh Rương Đen đi theo nghề hát bội. Giờ đây hát bội hết thời, không ai thèm coi. Gánh Rương Đen rã tại chợ Lách, may mà tui còn chút đỉnh tiền mua chiếc ghe để về đây vớt phân thiên hạ. Vớt ba cái thú tha hoài, rồi chẳng biết ngày nào về quê quán đây! Năm cùng tháng tận rồi mà mình chưa mua được chai rượu, con vịt để dành ăn Tết.

Tiếng người đàn ông lẽ nhè:

- Tao biểu mày nín. Số tao là số bần cùng, dẫu có đi theo cải lương, thì cái giọng thùng thiếc bể chắc gì tao được làm kép chánh đâu. Nghề hát bội là nghề ông cha tao nuôi các cô, các chú, anh chị em tao đã hai đời rồi, lẽ nào tao phụ nó..." (Bèo Bọt, *Tạp Chủng*, tr. 18).

Tinh dục trong truyện Hồ Trường An có khi thường trực như bản năng, có khi như là tác động của tiềm thức, của quá khứ. Nói chung là cái tự nhiên, bộc phát, như hơi thở, như ăn uống. Nhưng nhìn kỹ, toàn bộ tác phẩm của Hồ Trường An có thể nói có cái thế giới của *giống thứ hai* (deuxième sexe), có nữ tính, màu hồng, ở những không khí, tâm lý dịu dàng hoặc sôi sục ở bên trong, ở cái hồn nhiên, thật thà dễ tin người, ở những đam mê đắm đuối không thể thắng, ở những món ăn, cách ăn cách mặc, ở y phục, ở những dáng điệu, bộ tướng, bộ di, ở cái không khí dào dạt, cải lương, đời như kịch tính, ở cách đặt tên nhân vật nhất, v.v. Tóm,

của màu mè, của *mùi* và *lãng*! Khi tả những tiếng hát, có thể “quí khốc thần sầu” có thể vô danh, Hồ Trường An tỏ ra không khác gì một bác sĩ chuyên viên chăm sóc dây gân hay thanh đối, thanh âm của người ca sĩ! Nếu truyện và thơ Trần Sa toát một “nam-tính” thì toàn thể tác phẩm của Hồ Trường An mang một “nữ-tính” rõ rệt, bao trùm.

Hồ Trường An, trong một vài tiểu thuyết, đã viết sai thời gian tính, như khi để một bà già đầu thập niên 1950 lý luận ăn nói như sau 1970. Cả về y phục, kiểu cách,... vì chi tiết, mỹ hóa, kỹ xảo quá có thể khiến người đọc đâm nghi ngờ đọc tiểu thuyết hơn là chuyện phong tục miệt vườn!

Nhưng Hồ Trường An có trí nhớ tốt, trong cả chi tiết, do đó không lạ khi ông là người thành công nhất ở hải ngoại viết về cuộc đời sự nghiệp các danh ca, đào cải lương, tài tử phim ảnh, hoặc giới văn nghệ sĩ, báo chí, v.v. với *Côi Ký Ước Trăng Xanh*, *Chân Trời Lam Ngọc*, *Giai Thoại Hồng*, *Theo Chân Nh*”ng *Tiếng Hát Đào*,...! Và rõ rệt là ông chịu ảnh hưởng truyện bình dân Tàu như Phấn-Trang Lầu, ... và truyện “nghĩa hiệp”, “ái tình tiểu thuyết” như của Hồ Biểu Chánh, Nguyễn Chánh Sắt, Lê Hoàng Mưu, Phú Đức,... kể cả một truyền thừa nhiều biến ngẫu, nhạc tính!

3. Kiệt Tấn

Kiệt Tấn sống hiện sinh hết mình, sống thật, trong đời sống cũng như tình yêu. Nhân vật Kiệt Tấn nổi loạn, sống và đòi sống, bất kể hậu quả. Ông hết mình vì không giấu diếm gì với người đọc. Một tâm hồn thẳng tuột, không sợ mất lòng, không cả rào đón lo “an ninh” cho “cá nhân”!

Trong tiểu thuyết *Lớp Lớp Phù Sa*, ông viết về phong tục và đời sống khó khăn ngày xưa, về tình con người hào hớn và băng đảng hội kín. Tình cảm đặc biệt tràn đầy trong *Nụ Cười Tre Trúc* về người mẹ, về “nụ cười tre trúc rì rào”. Trong nỗi nhớ, giữa những người thân và bạn bè còn có những bà-già-quê-hương bán hàng rong mà tác giả đã gặp. *Năm Nay Hoa Đào Lại Nở* (NCTT) chính là nỗi nhung nhớ quê nhà qua một bà bán đậu phộng, nỗi nhớ mỗi năm hoa đào lại nở ở xứ người!

Ông hay trích thơ nhạc, câu hát cải lương, cả ngay trong câu văn, may mà tác giả thường cẩn thận cho in chữ nghiêng: “... Vài con vịt xanh đỏ xinh đẹp nhón nhơ trên mặt sông. *Vịt nằm bờ mĩa rĩa lông, cảm cảnh thương chồng đi học đường xa.* Vịt đưa mỏ rĩa lông chăm sóc sự phình nổi của mình. (...) *Thôi thì em chẳng yêu tôi, leo lên cành bưởi nhớ người rừng rưng.* Bớt rồi em, tôi còn biết sống với ai?” (EOBDT, tr. 99).

Vấn đề xác thịt trở nên yếu tố không thể thiếu của đời sống nổi loạn đó. Tình dục ở Kiệt Tấn không là vấn đề để bàn, mà phải sống, phải hiện sinh, với diện cường nhiệt tình, với tối đa cảm xúc. Trong nhiều tiểu thuyết và truyện ngắn khác nhau, người đọc được gặp lại hơn một lần những cô Út thời học trò nhỏ, cô Tuyết bán quán ở Bắc Mỹ Thuận, Hoa bên dòng Rạch Miễu, những cô gái mắt xanh tóc vàng Michèle, Danielle ở Xóm Học (Quartier Latin) Paris, Diane, Danyèle, Louise của đất Quebec, Canada mà nhân vật ông dịch là Ca Bá Đại. Chưa kể những chuyện ăn chơi nhậu nhẹt bên những cánh hồng nơi chỗ tối tam (Sáng Dậy Nghe Em Khóc, Những Đoá Hạnh Phúc Không Ngờ trong *Thương Nàng Bấy Nhiêu*). Nhưng lâu lâu vẫn có nhân vật Ánh xuất hiện ở những lúc cần thiết để “chà râng”, đưa tác giả trở lại thực tế cuộc đời. Tính chất tự-truyện khiến tác phẩm ông thành công, dù có khi sống sượng, như hai anh em chung người yêu, Hoa, Liên, Diane,... *Vô luân*, chính Kiệt Tấn đề cập đến nhưng lại cho đó là một cách nhìn của xã hội cần phép tắc và lễ nghi để trị an nhưng theo ông “*đôi lúc càng trị loạn, loạn càng dữ*” (3). Ông từng thú “gian lận trong tình yêu” vì với đàn bà ông “chỉ biết si tình và đam mê thôi chứ không biết yêu” (4).

Kiệt Tấn đùa tình với phái nữ, tình nghịch với đời, với ông anh (Lê Dung Sang Tề, Thư Cho Lộc, ...) và bạn bè (ông viết bút ký thăm Montreal và Toronto cũng đặc biệt lạ lắm không kiêng dè). Nhưng nghĩ cho cùng, Kiệt Tấn hay nhân vật trong tác phẩm của ông đều có ý dùng kinh nghiệm sống để vượt lên trên, làm người. Cái hết mình, “dzô, dzô”, “100%” trong truyện Kiệt Tấn, chính là Nam-tính rất địa phương đó! “*Ông hôn chùn chùn...*” diễn tả đặc biệt chi li động tác, tình cảm sâu, nặng như mùi cải lương. Trong các truyện nhiều chi tiết trở lại như những tham chiếu, tiếp nối. Như ba truyện ngắn Bến Đò Trao Thơ, Người Em Xóm Học và Em Điền Xõa Tóc đã mở đầu cho truyện *Vườn Chanh Miệt Biển* (NCTT).

Không biết những nổi loạn, sống hết mình của Kiệt Tấn có ảnh hưởng gì đến con người tác giả không, vì truyện Em Điền Xõa Tóc (sau in trong *Nụ Cười Tre Trúc*, 1987) chứng tỏ người viết truyện đã từng sống trong bệnh cảnh đó! Nói chung, tính chất tự truyện, hiện thực trong tác phẩm của Kiệt Tấn đã làm mạnh thêm tính lãng mạn và thi vị. Tựu trung chuyện ăn chơi, đam mê, làm lỡ,... của nhân vật xung tới hay Kiệt đã là những tác phẩm khá thơ mộng và thành công, để lại nơi người đọc sự quý mến, dĩ nhiên là với người đọc không đạo đức giả! Sống thật vì theo ông, hạnh phúc chỉ là một cảm giác (4). Cũng nên ghi lại đây quan niệm về truyện ngắn khác người của ông: “*Tôi có quan niệm về truyện ngắn hay hoặc dở như sau: tôi tưởng tượng độc giả là người nữ. Khi sáng tác truyện ngắn,*

tác giả rủ độc giả làm tình. Nếu cả hai đều đã đời, truyện ngắn thành công. Nếu chỉ có một bên đã đời, truyện ngắn thất bại. Nếu không có bên nào đã đời, truyện ngắn thảm bại..." (5).

Gần đây, cái sôi nổi, hết mình của Kiệt Tấn đã được thể hiện dưới một hình thức khác cũng vốn là sở trường của ông khi bắt đầu nhập làng văn nghệ : thi ca. Ở những ngày tháng đời mà kỷ niệm và kinh nghiệm sống trút lại trong sinh mệnh của tập thể, đất nước, ông cho xuất bản tập trường ca *Việt Nam Thương Khúc* gồm 3100 câu song thất lục bát, tiếng ca đau thương, hệ lụy thăng trầm của đất nước, của con người. Nguyễn Văn Sâm khi giới thiệu đã viết

"Đó là cái không khí tình người bat ngàn thương yêu gia đình và đồng loại của những nhân vật nạn nhân, đó là sự dấy dựa cố thoát khỏi nghịch cảnh của những người bị con quái vật định mạng kéo vào lò tai ương. Đó là một hơi thơ trong suốt không bao giờ lạc vận, được phụ họa bằng những chữ dùng trang nhã mà chính xác. Dĩ nhiên tất cả tình tiết và sự kiện lịch sử xảy ra trước đây, người đọc đã cất kỹ trong ký ức sẽ được trí đón nhận trở về một cách thích thú vì Kiệt Tấn dùng những sự kiện đó làm nền cho câu chuyện của mình..." . Xa, những vần thơ thiết tha nhưng trầm buồn *Ba Mến* của Bình Nguyên Lộc, và xa hẳn những nỗi loạn tâm hồn tuổi trẻ của những *Điệp Khúc Tình Yêu Và Trái Phá* (1966) :

"đêm hôm đó / khi trúng đạn người lính giận dữ / chửi thề / rồi phun ra một búng máu / sáng hôm sau / người nông dân mang cây ra đồng nhìn thấy vũng máu / chửi thề / rồi xẻ đường cho máu đi vào đất / mạ gieo xuống / mạ không buồn đếm xỉa máu của bên này bên kia / mạ mọc lên / bình thản / tốt tươi / khỏe mạnh" (Trong *Cơn Bình Lửa*).

4. Nguyễn Tấn Hưng

Không khí tác phẩm của Nguyễn Tấn Hưng thu hẹp trong cuộc đời của một số nhân vật khởi đầu làm học trò ở quê lên Mỹ Tho trọ học với những cuộc tình đầu đời, vụng về, nơi lớp học, vườn cây. Sau thành sinh viên lên Sài-Gòn rồi phạm trai thời chiến nhập ngũ, theo binh chủng Hải quân, theo thời gian thành sĩ quan lên đến chức Trưởng phòng Nhì Vùng 4 duyên hải Phú quốc (*Một Thuở Làm Trùm, Một Chuyến Ra Khơi, Một Trời Một Biển, ...*). Sau 1975 là cuộc sống tha hương, hội nhập, vươn lên (*Một Đời Để Học, Một Nỗi Buồn Riêng, Một Cảnh Hai Quê*). Nhưng rồi quê hương Mỹ Tho và quá khứ thanh xuân của ông trở lại ám ảnh mạnh mẽ (bộ *Một Giấc Mơ Tiên*)!

Trong tác phẩm của Nguyễn Tấn Hưng hay có cảnh sex: tình dục được ông tả như là hậu quả tất nhiên của tình yêu, bất kể hạnh phúc hay trục trặc. Khi còn là học trò, tình dục còn ngại ngùng, đến khi lên Sài-Gòn trọ học thì mạnh liệt hơn, tìm kiếm hơn, đến khi đã là sinh viên sĩ quan hay ra trường hải quân, tình dục bất kể ngày mai. Mỗi giai đoạn một cường độ và “lập trường” khác nhau. Nhìn chung, truyện Nguyễn Tấn Hưng toát cái không khí xác thịt tự nhiên, với những quan sát đặc biệt chi tiết và tâm lý dành cho nhân vật nữ trong khi tác giả hay lơ là nhân vật nam, như cố tình quên chất tự truyện chàng?

Quá khứ và hiện tại trong truyện Nguyễn Tấn Hưng cùng sống động, do đó có khi thứ tự thời gian như bị xáo trộn, hay vì trí nhớ bị hành vì quá nhiều tầng và thứ lớp chồng chất! Mỗi truyện của ông như có dàn sẵn, có đầu có đích hẳn hoi, hầu như không có những lừng lơ con cá vàng! Nhưng với Nguyễn Tấn Hưng, khi cần, lý trí vẫn thắng tình cảm, kể cả tình yêu; khi thấy không đi tới đâu với một cô là nhân vật nam rút lui có trật tự, không phiền hà, thù oán...! (1C2Q, Ta tắm ao ta). Trong *Một Giấc Mơ Tiên*, lang bạt tình ái từ nhà lên tỉnh, “sống bao nhiêu nước cũng vừa, trai bao nhiêu gái cũng chưa bằng lòng”, phải “bỏ trong bịch ngoài”, từ Hồ Điệp, Hoài Hương ở sông rạch, vườn cây, vai chị cũng không tha, đến tỉnh thành như Mỹ Hạnh, Hồng Ngọc đều là gái có chồng, trải qua những mạn mà dục tình cứ như truyện dành cho người lớn, v.v. thế mà cuối cùng Hiếu trở về quê lấy người yêu thuở nào!

Trong bộ *Một Trời Một Biển*, anh sinh viên Hải quân Tần với người con gái gặp gỡ tình cờ: “Hiền bỗng đứng mềm nhũn trong tay Tần, (...) Từng khuy áo bật nút và, theo bản năng, bàn tay chàng ve vãn bờ vai trần, mơn mẩn thịt da. Hương con gái ngào ngạt tỏa ra từ đôi ngực đào tơ, lồ lộ, không mặc áo sũ-cheng. Nàng bất giác rung mình, nổi da gà, khi những ngón tay chàng chạm vào đầu vú, phớt qua phớt lại... rồi nắn bóp, cương lên, sần gợn trong lòng bàn tay chàng...” (tr. 177).

Gần đây ông tổng kết mọi chuyện vô hai bộ trường thiên tiểu thuyết *Một Trời Một Biển* (1994) và *Một Giấc Mơ Tiên*. Bộ sau hoàn thành nhưng chưa xuất bản, tuy vậy có dịp đọc qua bản thảo và trích đoạn trên một số tạp chí, chúng tôi có cảm tưởng Nguyễn Tấn Hưng muốn vẽ lại bối cảnh tuổi trẻ của mình lồng trong bối cảnh chung của miền Nam ở hai mươi năm trước ngày 30-4-1975. Ý tổng hợp, không muốn để sót, dàn trải nhiều chương tập là truyện tình anh sinh viên sư-phạm tên Hiếu, dàn trải theo nghĩa tình yêu cho người tỉnh nhỏ, mà cả người đô thành.

Thường thường tác giả bắt đầu truyện bằng những màn tả cảnh, như đầu truyện *Dòng Sông Cửa Tùng* (Một Chuyến ra Khơi, 1990):

"Vào mùa khô, cái nắng của những làng quê miền Nam kéo dài dai dẳng. Trẻ con trần truồng rong chơi. Bụi đóng lớp dày trên phiến lá, trên hàng rào... Con đường mòn heo hút, mặt cát đất gồ ghề trắng bệch, thỉnh thoảng một chiếc xe bò chất đầy lúa, một người đàn bà gánh hai bó rơm to hơn người uể oải, lê thê. Quang cảnh đìu hiu vắng vẻ, không còn sức sống, không có dấu hiệu hoạt động. Mảng đất giồng bỏ lâu không xới, cỏ mọc xen lẫn rơm rạ phủ lên mấy lớp...". Truyện thêm thất thơ văn, ca dao, câu hò,... làm cho truyện trở nên hấp dẫn, dễ theo dõi! ("Nhún mình như thể nhún đu" (CPQC, MGMT); *"Mặc dù tiết tháng bảy năm nay chẳng có mưa dầm sùi sụt, cũng chẳng có toát hơi may lạnh buốt xương khô vốn rất thích hợp cho sự lang thang của những hồn ma đói khát..."* (DTĐTT, MGMT)),

Điểm đặc biệt trong thơ văn Nguyễn Tấn Hưng là dù thơ hay văn, đều là những mảng, những khía cạnh của một tâm hồn, đứng riêng cũng đàng mà để chung cũng xong. Những một nửa, những tiểu truyện, những giây phút chạnh lòng, những nhung nhớ bất chợt,... *Một Giấc Mơ Tiên* gồm nhiều tập nhiều chương, nhưng mỗi chương có thể "sống" thoải mái một mình "yên". Tập thơ và nhạc *Một Thoáng Trong Mơ* cũng trong chiều hướng sáng tác: *"Có ai về Mỹ Tho / Nhớ theo sông Bảo Định / Thả trôi ra tận vàm / Tắm mát dòng Tiền Giang (...)* (Về Mỹ Tho)

Tính chất tự truyện bao trùm nhưng với Nguyễn Tấn Hưng hầu như là chuyện thật không thêm bớt, chuyện gốc nghèo, chuyện ông Trầm nhận hối lộ,... chẳng hạn, nhờ vậy truyện có ý tích cực, tố giác, vạch tội, dễ được người đọc cảm tình hơn!

5. Phùng Nhân

Từ tập truyện *Vết Thương Vằn Mỡ* (1992) đến các tiểu thuyết *Xóm Nhị Tì* (1994), *Vàm Đát Cả Cao* (1995), Phùng Nhân viết về con người và xã hội ở miền đất Mỹ Tho, Bến Tre, ngày xưa và hôm nay. Tác giả khởi viết tiểu thuyết khi đã mất quê hương, nơi đó có những con người và mảnh đất chứ không phải là một tổ quốc trừu tượng! Với một tâm tình thiết tha Ông cho người đọc nhìn thấy những tâm lý nhân vật đặc biệt lục tỉnh, chân chất nhưng nhiệt thành, dứt khoát khi cần. Những con người đã góp phần làm nên lịch sử. Các nhân vật trong *Vàm Đát Cả Cao* từ Bảy Ngàn người đã có công khai phá vùng đất Cả Cao sau theo kháng chiến cứu nước, con là Huy bị chết vì chế độ mới phải "trừ gian", đến thành cháu Út Hậu, con

Bông ... đã sống chết với những hệ lụy của đất nước.

Xóm Nhị Tì là bức tranh vãn cảnh của một xóm nghèo ở ngoại ô thị xã Mỹ Tho, thời gian và chế độ thay đổi nhưng con người lúc nào cũng sống với những bận tâm thường ngày, những nhân tình thế thái. Tập *Vết Thương Vẫn Mở* có những truyện thành công, có tính cách tiêu biểu Phùng Nhân hơn. Truyện độ gà mà lại nhằm ngày mừng một Tết dưới chế độ cộng sản là một thí dụ đáng kể.

"Nuôi được một con gà nòi đã khổ, nhưng đến lúc đã lại còn khổ hơn. Cờ bạc thì còn lén lút, chớ đá gà thì như dạy giặc. Thậm chí như mấy bà bầu coi gà đá mà còn ngứa ngáy tay chân! Miệng la chết mầy chưa ... chết chưa mầy!!! Hà hưởng gì mấy người nóng tánh... (...) Con Ô Bông đưa mớ vào cánh mần lông, thỉnh thoảng trụ bộ bước đi vài bước rồi dừng lại. Cặp cựa ánh lên sắc thép xanh rờn. Ông Hai Bắc bồng lên phun nước sương vào hai bên nách. Con Ô Bông trụ bộ, cho hai mũi cựa giao nhau. Thôi rồi, đích thị là cặp song dao của Tiểu Long Nữ và Dương Quá!!! Trên chốn giang hồ này còn ai dám đối đầu. (...) Khi tiếng chuông vừa dứt, thì ông bung nhẹ vào cọng lông thép của Ô Bông. Tức thời, con Ô Bông lạng sâu thêm vài bước, rồi bất ngờ cất cẳng đá tạt ngang, một đòn rất độc. Nhưng con Chuối Lửa tránh được, đồng thời hai con xấn vào, như hai mãnh hổ giành mồi. Con nào cũng muốn đem hết đòn hiểm độc của mình ra để hạ đối phương, con Ô Bông bị cựa dài trước, yếm lông bắt đầu máu nhuộm, bạc xuống sáu, rồi ăn năm. Ông Hai Bắc hét lên: "Ô Bông; đòn 'tảo địa bàn môn' đâu mà con chưa chịu hạ". Dứt lời ông, thì con Ô Bông ghệt cái lông dây của con Chuối Lửa đá một đòn thẳng cẳng. Con Chuối Lửa bị đâm phụt bông chết tươi, giồng máu nóng trào ra hai khõe miệng..." (tr. 8, 18-19). Công an du kích kêu loa cấm đá gà, con Ô Bông phải đi đá nơi xa nhưng khi thắng thì bị du kích cộng sản đang làm khán giả lộ bộ mặt thật nổ súng bắt cấp con gà vô địch của Hai Bắc!

Nhân vật, đối thoại đặc sắc của một vùng đất, rất lục tỉnh, rất riêng! Những phương ngữ, những điệu và nhạc trong lời nói. Rồi những đặc sản địa phương như: cơm gạo nàng sen, rau đắng biển, rau bồ ngót, những con cá thòi lòi, cá đục, cá sủi, cá chêm, cá bóng bèo, cá óng sao, những con rắn hù ri, v.v.

Nói chung, truyện của Phùng Nhân đặc biệt bình dân, cuộc đời người nghèo tri túc tiện túc, lúc nào cũng lạc quan vui sống; ngay cả trong khó khăn, nhọc nhằn, bất hạnh, vẫn le lói tia sáng... của tình người, của những hy vọng! Ông có óc quan sát bén nhạy, dù cách diễn tả có khi hơi nặng, bắt người đọc phải theo dõi.

Nói chung, tác phẩm cả năm tác giả nói trên đều có tính chất tự truyện. Đây là một thể loại văn chương có sáng tạo, có nỗ lực của tác giả, dĩ nhiên khác với hồi ký vốn văn chương chỉ là phụ! Truyện Kiệt Tấn, Nguyễn Tấn Hưng, Xuân Vũ nhiều tính tự truyện hơn truyện Phùng Nhân và Hồ Trường An; hai tác giả sau đã tiểu thuyết hóa đời sống, mỗi người theo một màu mè riêng! Tự truyện ở đây là một nhu cầu tự nhiên, một thiết yếu cho cuộc sống ở hải ngoại !

Đặc tính thứ nhì, là cả năm từng sống nhiều nên dồi dào chi tiết, nhân vật riêng của địa phương. Có lẽ vì thế mà cả năm có những tương đồng vì cùng ở một vùng Tiền giang nên cùng ngôn ngữ chẳng! Tính Nam ở văn phong du dương thơ nhạc và câu hát cải lương mà còn thấy ở những cảm đồ luân lý, xa gần như có những gương phải theo, những phong tục phải gìn giữ. Những tình cảnh và răn đe thiện ác, những nhân sinh quan, triết lý sống á-đông! Xuân Vũ là một trong nh"ng nhà văn viết nhiều với tâm huyết muốn thuyết phục. Phùng Nhân nhiều địa phương tính nhưng văn chương thì phải ghi nhận Kiệt Tấn, Nguyễn Tấn Hưng và Hồ Trường An!

Nếu phải phân biệt so sánh, ta có thể nói người đất Bắc giỏi làm văn chương, thích làm "mới" hình thức, khuynh hướng mới, làm văn học và nghiên cứu, thì người Nam sống văn chương, nếu có làm văn chương thì vẫn khác ở chỗ dài dòng, chi tiết, đối thoại, ở câu chuyện, v.v. . Dù gì thì nếu người đọc đã từng bước dưới những con đường ngập bóng cây với người tình tươi mát, nhí nhánh, từng với nàng tung tăng ở những vườn xoài, mận ... ở Trung Lương, từng thưởng thức mì vắt ở chợ Mỹ, từng qua lại những phà Rạch Miếu, đến Mỹ Tho, Kiến Hoà vì tình hay vì trốn cái nóng và xô bồ của Sài-Gòn,... đều không khỏi bàng khuâng khi đọc năm tác giả này !

Nguyễn Vy-Khanh

8-8-2000

Chú:

(1) Chủ Đề số 2 (hè 2000), tr. 85.

(2) "Độc Khói Sóng Trên Sông của Nguyễn Văn Sâm". Văn (CA) số 42 (6-2000). tr. 84-91. Liên hệ đến Mỹ Tho gần đây có Nguyên Nhi với Con Gái Người Gác Đèn Biển (1999) và Quái Phong (2000) nhưng địa phương tính đã phai nhạt ít nhiều!

(3)(4) (5) "Thư Cho Lọc". Nghe Mưa (Xuân Thu, 1989), tr. 242, 245 và 243.

Đọc “Dì Thu”* và vài cảm nghĩ về những người nữ của Trang Châu.

Mai Kim Ngọc

Dì Thu gồm nhiều truyện ngắn. Có truyện hoài niệm một cuộc hành quân Bình chủng Dù ba chục năm trước. Có truyện ghi lại cảnh cố nhân tái ngộ nơi đất khách, trang trang còn nóng hổi hơi thở của những nhân vật hư cấu từ thân phận tác giả hay người quen. Nhân vật nam thuộc nhiều tầng lớp. Họ là y sĩ, binh sĩ tác chiến, sinh viên y khoa, hay ông cụ tám chục có lẽ nằm chờ chết trong nhà dưỡng lão... Nhân vật nữ cũng đa dạng không kém, có người mới tuổi ô mai, có người sồn sồn, lại có người như dì Thu thuộc hàng lão bà trưởng thượng thất thập cổ lai hy. Phải ghi nhận ngay ở đây, Trang Châu không viết về những bậc nữ thượng lưu trong văn chương hay ngoài xã hội Việt Nam. Ông cũng không viết về những người đàn bà có cuộc sống bình thường về kinh tế cũng như đạo lý cũng như tình cảm hay hạnh phúc lứa đôi.

Không, ông viết về những người đàn bà không may mắn có cảnh sống éo le đầy gian truân trắc trở. Mọi chuyện liên hệ đến họ hay xảy ra cho họ hắc bạch chẳng bao giờ phân minh phản ánh những vùng xói đục của cuộc chiến đang diễn ra.

Phải chăng để đền bù cho họ mà ông ưu ái họ hơn những nhân vật nam của ông. Tuyển tập của ông thật ra là để ghi lại cách xử lý quyền biến của những người nữ bất hạnh này với liên hệ nam nữ trong những hoàn cảnh có khi khắt khe đến đen tối, khi sự sống còn có lẽ không cho phép dù một chút xa xỉ của đạo lý quy ước thường tình.

Mở đầu là *Dì Thu* truyện ngắn mang tên chung cho cả tuyển tập. Khi truyện bắt đầu dì mới tuổi trung niên, đã sống, thành thạo đàn ông, từ ông chồng không ra gì cho đến các đàn ông khác phong trần hay dạn dày đi đã

gần gũi trong tư thế chủ *bar*. Di có người bạn gái thân chết đi để lại một đứa con trai di thương như cháu ruột. Nhiều năm sau gặp lại, cháu khôn lớn thành cậu sinh viên y khoa tuần tú, đi lấy làm thích mắt. Một tối cháu đến chơi, đi lấy bánh xà-phòng thơm ra lu nước kỳ cọ cho cháu, đổi tình di cháu thành tình nhục dục một đêm. Ba chục năm sau tại hải ngoại (Canada?), tình di vẫn cháy như lửa khi tìm lại được cháu.

Bà mối là cô bạn cư xử như em gái nhỏ tìm mối cho ông “anh” đang cô đơn giữa hai nhiệm kỳ đàn bà. Em quen khá nhiều, giới thiệu nhiều chị em bạn gái cho anh, nhưng vẫn không đi đến đâu... Sau cùng, một đêm trần trọc mất ngủ anh khám phá ra chân lý: người đàn bà anh thích nhất lại chính là bà mối. Mặc đầu đã khuya, anh cầm điện thoại gọi cho cho bà mối nay đã trở thành nữ thí sinh trúng tuyển. Chuyện gì xảy ra từ đó đến sáng cho hai anh em, không cần đánh vần chắc độc giả cũng hiểu...

Người Mang Lại Mùa Xuân còn *risqué* hơn. Người đàn bà trẻ khá giả cô đơn, có con gái mới tuổi ô mai, không cần tiền nhưng cho thuê phòng chỉ để nhà bớt trống lạnh. Người đàn ông thuê phòng cũng cô đơn, có đầu óc, có tâm hồn, và đã từng đau, tóm lại một người đi tản buồn có khả năng đóng vai chính trong một phim ly hương lâm ly sâu cảm. So với bà chị, anh đáng tuổi em trai. So với cháu Ô mai, anh xứng vai chú. Xăng cùi lẩn bụi nhùi đã chất sẵn, và tác giả đánh bật lửa. Tình yêu phát sinh, và hai mẹ con cùng yêu. Chị hai yêu thì bạo dạn tỏ tình, và út trai dùng dằng rồi cũng chiều chị. Còn Ô Mai yêu thì âm thầm viết nhật ký. Khi khám phá ra mối tình giữa mẹ và chú, Ô Mai thất vọng, nhưng tuổi thơ không đau lâu mà cũng không độc ác. Thương mẹ thương chú, Ô Mai quyết định tạm nhường chú cho mẹ, tự an ủi nay mai mẹ già đi thì Ô Mai cũng vừa lớn tới để tiếp thu lại chú...

Trong *Người xưa* Kim và Tâm gặp lại nhau thì hai bên đã có vợ có chồng. Vậy mà cuộc sống lại đồng lõa với cố nhân. Người chồng bất lực vì ung thư nhiếp hộ tuyến đã chấp nhận cho vợ có bạn trai.

Trong *Bên bờ hạnh phúc*, người con gái thời chiến hề yêu ai có đầu có đuôi đến nơi đến chốn, là kẻ ấy chết bom chết đạn. Gặp lại cố nhân, cô sợ yêu anh rồi lại mang tai họa tới cho anh. Cô ra điều kiện là yêu nhau thì được, mà tính chuyện lâu dài thì không. Hôn nhân phải đợi bao giờ hòa bình mới được nói đến.

Khi chiều xuống người chồng già và giàu trở nên liệt dương (lại ung thư nhiếp hộ tuyến), người đàn bà tìm liên lạc lại với người yêu cũ của cuộc tình tám năm trước. Thật ra ba năm đầu, hai người chưa đoạn tuyệt hẳn, thỉnh thoảng vẫn còn đi uống cà phê với nhau, và cà phê xong thì vào khách sạn làm tình. Năm năm sau sống với chồng giàu, nàng xem ra có

hạnh phúc mới dứt khoát bật tin. Giờ đây Papa liệt dương, thuốc Viagra có đấy nhưng lại kỵ với thuốc khác nên không dám dùng. Nàng tìm đến chàng như một người em gái cần một người anh hay một người bạn. Nàng gọi chuyện dục tình bằng cách giao hẹn “cắm” chuyện ấy, đồng thời rủ chàng đi uống “cà phê”, mỹ tự năm xưa của hò hẹn có ái ân...

Thiên đường tìm thấy là hạnh phúc của người đàn ông có cô vợ đẹp, giỏi, chân dài, ham nhẩy đầm, và hư, bỗng trở thành một hiền thê kiểu mẫu sau khi cô què mất đôi giò vì tai nạn xe cộ (do ông thuê người gây ra)...

Thuê tình là kế hoạch một người đàn bà thèm dẻ con nhưng góa chồng. Bà thuê một ông bác sĩ ngủ với bà để lấy giống.

Tâm sự một của một người đào hoa xem ra có phần tự truyện. Có thể không hẳn là kinh nghiệm bản thân trung thực, truyện phản ánh ráo rẹt quan niệm của tác giả về thế nào là đào hoa.

Và sau cùng là *Bên đường*, chuyện người đàn bà vùng xôi đậu trong cuộc chiến quốc cộng phần tư thế kỷ qua, khi cuộc sống tình cảm và nhục dục chỉ còn là những chung chạ không ngày mai với đàn ông của cả hai bên chiến tuyến... Tôi nghĩ ông thành công nhất với truyện này.

*

Tà nghĩ gì về sưu tập nhân vật nữ của Trang Châu?

Như đã nhận xét phần nào ở trên, truyện Trang Châu thiếu bóng một số nhân vật điển hình của cuộc đời bình thường. Nó thiếu cô hàng xóm với mộng ước ngoan hiền, nó thiếu cô em gái bạn thân, nó thiếu cô tiểu thư con các bác các chú quen với ba mẹ, nó thiếu cô nữ sinh bằng lớp hay kém vài lớp... Thời chiến cũng không hiếm gì con gái nhà lành, vì người đàn bà nào dù nàng Kiều của văn học cũng có một thời gian chưa phong trần chưa lam lũ. Phải chăng tác giả chỉ gặp họ khi thơ ngây đã chết và cuộc sống đã xuống dốc. Phải chăng sành đời như nhân vật ông cụ đào hoa, Trang Châu kinh sợ sự nhạt nhẽo, và thích chất muối mà chỉ người nữ đã phong trần mới có.

Về muối, quả thật nhân vật nữ của Trang Châu có sẵn đến mức đậm đà, có khi đến chỗ mặn chát. Họ đối ứng có duyên, xử lý mọi chuyện dễ dàng dễ dãi, và cái vui đùa cợt nhả bất cần đời của họ dễ lấy sang người khác. Nhưng ngấm lại, câu chuyện không hẳn chỉ có khôi hài, mà còn rất nhiều bất hạnh. Nhân vật nữ của Trang Châu không được đời ưu đãi. Không có cảnh một vợ một chồng, vừa đôi phải lứa, chàng đối ngoại, nàng nội trợ chăm lo nhà cửa con cái. Người đàn bà không được phép lãng mạn mộng mơ, hay ảo là yếu mềm. Chút vui thú hiếm hoi nếu có, họ phải chụp giật ngay lấy nếu không sợ sẽ lọt tay.

Họ sinh hoạt theo nhu cầu cảm quan và bản năng, bản năng làm đàn bà, bản năng có bầu, bản năng sinh con. Và thỏa mãn bản năng ấy, họ có thể cán lui cán tới vạch phần đạo lý thông thường mà có khi cũng không còn bận tâm rằng vạch phần ấy có hiện hữu hay không... Với họ, lịch sự cung cách hay đoan trang khi mưu cầu hạnh phúc với nam giới từ lâu đã trở thành cái xa xỉ ngoài tầm tay.

*

Trang Châu thấy gì nơi những người đàn bà của ông?

Có lẽ ông thấy nhiều lắm, nhưng chỉ trình bày, mô tả, mà không phân xét. Ông không phê bình mà cũng không tán đồng, nhưng lấy tình mà đãi ngộ họ. Ông thấy họ khát yêu đương, dối đàn ông, nhưng dưới mắt ông cái dối khát ấy không làm họ trở thành những quái vật dâm bôn đáng kết tội hay khinh khi. Vì lỗi lầm lớn nhất của họ là không bị tai được trước tiếng gọi của con tim, của thân xác, của cảm quan, của tế bào, của sự sống...

Để minh họa cho ý niệm đặc thù này có lẽ Trang Châu thành công nhất với truyện cuối tập *Bên Đường*, về đời sống của người đàn bà vùng xôi đậu trong cuộc chiến quốc cộng ba mươi năm trước. Ông kể, những vùng này thường không một bóng đàn ông trừ những ông già hom hem không còn khả năng tác chiến cũng như sinh lý. Vậy mà những người đàn bà trẻ vẫn có bầu. Đám quân chúng, vì tò mò hay sinh kế thường tụ tập đưa đón những đoàn quân qua làng, vẫn không thiếu những cái bụng chứa no no tròn tròn như có “nón sắt” giấu dưới áo (chữ của Trang Châu). Và không hẳn chỉ có nón sắt của lính Dù, người đàn bà vùng xôi đậu tất nhiên còn có thể giấu dưới áo những chiếc nón cối của lính cộng nữa.

Tuổi xuân đàn bà thời loạn trông trái héo hơn những bông hoa không bướm ong tiếp nhụy, cơ hội kết thành trái chín mơ hồ như cuộc chiến không ngày mai. Khan hiếm đàn ông, họ đón nhận nam tính khi nam tính tới, không đòi hỏi lễ nghi đẽ đàng, hay lãng mạn, hay hoa mỹ. Thậm chí họ cũng không đòi hỏi cái nam tính ấy phải tới từ phía bạn hay thù... Đêm nay trái dừa lột vỏ sẵn hay trái măng cầu chín nhũn kín đáo đặt bên chiếc ba lô đầu giường người chuẩn úy là tín hiệu mời mọc của đang hiển đêm mai. Và sau cuộc ái ân vội vã, khi trời vừa sáng, người đàn bà mà chồng hay nhân tình là du kích hay cán binh Việt cộng đã thất tung hay tử vong, hốt hoảng ghi nhận là người chuẩn úy Dù tình lang đêm qua của chị đã đi rồi. Chị chạy vội vã ra đầu làng, đứng lẫn trong đám đông nhìn lần chót người đàn ông mới mấy giờ trước còn là của chị, bây giờ uy nghiêm trong ca-bin chiếc xe nhà binh, bận rộn với bốn phận chỉ huy trung đội xuất quân... Chị nghe xót xa quyến luyến trong lòng khi nhìn

theo con người có thể đã giết chồng hay nhân tình của chị trong một trận đánh quá khứ, hay sắp bị giết bởi chồng hay nhân tình của chị trong trận đánh hôm nay... Mất cay mờ lệ, chị không nghe hận thù với bất cứ một người đàn ông nào của đời chị... Chị chỉ mơ hồ nghĩ đến với hy vọng chiếc nón sắt của sự sống có khả năng đền bù cho tất cả tang thương chết chóc của chiến cuộc, chiếc nón sắt ấy người chuẩn úy dù đã reo mồm trong bụng chị đêm qua...

Vấn đề của những người đàn bà của Trang Châu không còn là vấn đề đạo lý, để lấy đạo lý mà phán xét. Nó lớn hơn đạo lý. Nó là chuyện sống còn không những của bản thân người đàn bà, mà còn của chính đời sống... Chỉ có đàn bà mới biết trân trọng sự sống, mới có thể bảo đảm cho sự sống tiếp tục mặc dầu những nỗ lực phá hoại của đàn ông. Và một khi sự sống, cuộc sống, chất sống, niềm sống có cơ hội sống lại trong cái sa mạc khô cằn của chiến tranh, thì ngay cả cái chiến tuyến hận thù đàn ông dựng lên bằng trí tuệ, lập trường, chính nghĩa, giết chóc... người đàn bà vẫn không quản ngại vượt qua bằng cảm quan, trái tim, và thân xác của mình.

Tôi nghĩ Trang Châu và những người đàn bà của ông muốn nêu lên chân lý này. Qua văn phong cổ tình sôi dã cho phù hợp với cảnh sống sôi dã của người thật việc thật, Trang Châu vẫn thành công khám phá ra chất người chất đàn bà nơi những người đàn bà tội nghiệp mà dễ thương của ông. Và ông tìm cách thăng hoa họ, thăng hoa đời sống và khả năng tồn tại của đời sống ngay trong những dạng lem luốc nhất của nó, như ước mơ của vợ hay nhân tình của người du kích thất tung được mang dưới vạt áo bụng "chiếc nón sắt" của người lính Dù bỏ lại. Và tôi nghĩ ông đã thành công.

Mai Kim Ngọc
Thanksgiving 99.

* *Di Thu*, tập truyện của Trang Châu, tựa của Mai Kim Ngọc, Bạt của Kiệt Tấn, Văn Mới (California USA) xuất bản năm 2000.

Nhà xuất bản **Thị Văn** (Canada) vừa phát hành hai tác phẩm mới nhất của *Nam Dao*:

* *Tiếng Cồng*, tiểu thuyết, dày 182 trang, giá 10 MK

* *Ba Vở Kịch*, dày 232 trang, giá 12 MK.

Liên lạc: Nhà Xuất bản Thị Văn

2699 Morgan, Ste-Foy, QC, G1W 4R9 Canada

Email: thivan@videotron.com

Bài cầu nguyện tháng 7
DUNG NHAM

*Tôi khóc mắt ráo hoảnh
Nước mắt bốc hơi trước
Hai con mắt khô rang
Hai con mắt chết trước .*

*Người chết vẫn còn khóc
Lúc sống khóc chưa đã
Chết rồi vẫn còn khổ
Nỗi khổ đeo xuống mồ .*

*Xin cho một nén nhang
Đốt khắp cùng mặt đất
Trên biển và trên rừng
Khói bay thấu chín tầng .*

*Đọc một kinh cầu siêu
Cho nỗi khổ tiêu tan
Hồn sống khổ thác nhục
Nuông theo khói siêu thăng .*

DN
Tháng 10/2000

Mong manh

Trúc Chi

Nắng vàng trong và tươi lấm. Mà trời cũng trong veo không một vẩn mây. Gió lạnh từng đợt xa gần. Hàng vạn chiếc lá khô vàng cứ thi nhau mà lên đường theo chiều vận chuyển của không khí, lúc lang thang, lúc quay cuồng. Hương thu đã đậm đà lấm rồi.

Tôi ghi mấy nhận xét trên đây vào quyển sổ tay rồi lật lơ là mấy trang đầu của tờ *Los Angeles Times*. Liếc qua thôi, không đọc kỹ. Cả nước Mỹ đang đếm xuôi đếm ngược, đếm tay đếm máy, đếm đi đếm lại mấy cái thùng phiếu bên tiểu bang Florida: những lá phiếu mà tổng số chữ nặng một yếu tố quyết định có tính cách... chằm chằm may rủi. Nếu ý dân là ý Trời như người La Mã ngày xưa từng nói, thì lần bầu cử này, không biết mệnh trời về tay ông thiên tử Dân Chủ hay là ông thiên tử Cộng Hòa. Chênh lệch có mấy trăm lá phiếu mà vì tinh thần dân chủ nên cả nước cứ nháo nhào cả lên. Kể cũng hay và cũng vui. Dù rằng trong cái màn sơ đẳng này của số học - học đếm - thỉnh thoảng có nghe được một vài điều thuộc vào loại ngớ ngẩn. Thí dụ: đang đếm mà phải ngưng, thì khi bắt đầu lại, phải đếm từ chỗ nào? Chả bù với những ông thiên tử tại nhiều nơi ở châu Phi và châu Á cứ chằm chằm ngồi ỳ mãi đấy mà không ai có quyền đếm những lá phiếu bầu họ lên, (nếu quả có một thùng phiếu đưa họ lên ngôi) cứ lì lợm ngự trị năm này qua năm kia mà không cần phải hỏi ý kiến ai. Mà có hỏi thì cũng hỏi theo lối "không ừ thì liệu hồn đấy."

Đi bầu thì có đi bầu, nhưng mà tôi không phải là một người thích đếm phiếu. Bỏ phiếu xong, tôi phó mặc cho... Trời. Bởi vì, tôi được cái may mắn sống tại một nước mà, bất luận đảng nào thắng - chữ đảng tôi có quyền không viết hoa - tự do cá nhân tôi trong mọi lĩnh vực vẫn nguyên vẹn. Vào một buổi sáng đẹp trời như hôm nay, những chiếc lá vàng ngoài cửa sổ được tôi xem trọng hơn lá phiếu. Tôi thích đếm lá vàng hơn. Đếm

lá là một việc không có ảnh hưởng xấu tới tình hình quốc tế hoặc quốc nội hay quốc ngoại của một ai cả, một việc mà đôi khi chính tôi cũng thấy là hơi ngớ ngẩn. Nhưng mà, Trời sinh ra mình có cái số “thích” đếm lá thì chịu vậy. Bao giờ cho hết lá vàng?

Phải rồi, bao giờ cho hết lá vàng?

Tôi bỏ quyển sổ tay vào túi áo rồi lái xe ra chợ Nhật Bồn, khu Tiểu Đông Kinh (Little Tokyo) xem triển lãm hoa lan theo lời mời ân cần và dụ dỗ đường mật của một trang quảng cáo trên mặt báo. Ít lâu nay, chơi lan đã thành một cái mốt, một phong trào. Tôi không nhập cuộc mà thích đứng ngoài rìa, thỉnh thoảng sấm một chậu đặt bên cửa sổ, ngắm màu sắc trên cánh hoa, ngắm dấu vết của ngày tháng trên những cấu trúc thảo mộc mong manh ấy. Nhờ vào tiến bộ trong ngành thực vật học, có vẻ như mùa nào cũng có lan nở. Một lần, đến thăm một trại hoa vào một buổi chiều hè mà nắng California đang nướng dẻo cả nhựa đường, tôi đã nghĩ đến chu kỳ chơi hoa của người đời trước trong câu nói “xuân lan hạ liên thu cúc đông mai”. Và như vậy là, hiểu theo một nghĩa nào đó, con người của thế kỷ XXI đã đoạt được quyền của tạo hóa trong việc ban bố sắc hương cho thời tiết. Có lẽ không bao lâu nữa, dạo chơi bên một bờ hồ nào đó ở Âu châu, như hồ Como bên Ý - nơi hẹn hò của nhiều văn nghệ sĩ hồi thế kỷ XIX trong số có George Sand và Chopin, giữa một ngày đông sương tuyết, có thể mình sẽ may mắn thưởng thức được hương sen ngào ngạt. Mà rồi chiều hè oi ả bên hồ Tịnh Tâm lại được điểm xuyết bởi một thoáng hương của những đóa mai vàng. Lúc bấy giờ chắc lại sẽ có những cô gái Việt Nam mỹ miều mang những cái tên Hạ Mai và Đông Liên. Nghe quả có mới lạ, tuy rằng hơi ngược đời.

Định viết, nhưng vào một buổi sáng đẹp trời như thế này mà lại vùi đầu vào chữ nghĩa, mà gõ, mà sửa, mà đi ra đi vào, mà tốn trà tốn thuốc, thì kể cũng đại. Viết văn chơi cho vui chứ có phải thảo luận ngôn, lập trường mà tranh đấu cho một thứ gì đâu. Tội gì mà phải tự làm cho mình giảm thọ. Tội gì mà phải hành cái xác của mình vào một ngày có những cung đàn gió vừa rộn ràng vừa xao xuyến, có những đợt lá khô đang rũ nhau, theo nhau, đuổi nhau trên đường phố, trên vỉa hè trong những chuyến đi vô định này.

Sợ khó tìm chỗ đậu, tôi để xe ở chợ Yao Han rồi đi bộ sang khu Little Tokyo gần đấy. Hàng tre già ngoài chợ đã được cắt xén tỉa dọn sạch sẽ. Trong những bụi tre vàng này không có hai thân cây nào chạm nhau cả. Thành thử, trời nhiều gió mà không nghe được tiếng kêu kịt của những lũy tre bên quê hương. Cái giản dị trong nghệ thuật Nhật Bồn quả đã đạt đến chỗ “siêu”, nhưng mà riêng trong trường hợp bụi tre mạnh mẽ này,

người ta đã tắt mất một âm thanh gợi cảm đối với tôi. Ngược lại, ngắm những bụi trúc rậm rạp cứng cáp trong một bức họa của Tô Thúc, tôi vừa bị thu hút bởi cái linh động của ngọn bút tài hoa ấy, vừa “nghe” được thứ tiếng đìu hiu của những thân tre già cọ xát nhau ở những chỗ đậm nhạt của mực xạ.

Nhưng mà trong bức họa của Tô Đông Pha mà tôi xem được trong một cuộc triển lãm hội họa đời nhà Tống tại viện British Museum cách đây cũng đã lâu lắm rồi và trên khoảng đất rộng này bên ngoài chợ Yao Han, lại có rất nhiều những chiếc lá tre đã rụng, đã đi hết cái chu kỳ sinh diệt của chúng. Thu rồi.

“Mới hôm qua đây còn là hè, mà hôm nay đã thu

Thu, âm thanh kỳ diệu này nghe reo như một chuyến lên đường” ()*

Tôi đã nhớ đến câu thơ bất hủ ấy trên đường vào khu Little Tokyo. Nhưng mà những chuyến lên đường mà mùa thu đang mời mọc, đang giục giã thường đối với tôi lại là những cuộc khởi hành để đi về với tất cả những gì nay đã héo úa, đã tàn phai. Vừa bước chậm rãi trên đường Alameda tôi đã tự hẹn với tôi là phải nghĩ cho ra một chữ mới nào đó, chứ không lẽ cứ thu xưa, thu cũ mãi, nếu lại muốn viết về những rung cảm mà gió và lá đã để lại trong tôi tự những ngày xa lắc xa lơ.

Tôi sức nghĩ rằng có nhiều sự việc, nhiều chuyện gây vui buồn trong tôi mới đây chưa đầy một năm, mà nay đã thuộc về thế kỷ trước, thiên niên kỷ trước. Phút này, lòng tôi hơi dao động vì một đôi hình ảnh trong những “ngày thu của thế kỷ trước.” Nghe là lạ và xa xôi thật, nhưng với tôi lại kém thơ mộng. Có lẽ vì “thế kỷ trước” là một cái mốc rõ rệt - tương đối - trong thời gian. Nó chặn mất cái uyển chuyển, cái linh động của ngày tháng đã qua, cái cụ thể của “thế kỷ trước” không cho phép tôi nhón nhor từ một chiếc lá vàng nam ấy sang một ánh mắt tình cờ gặp gỡ giữa một ngày thu nam nọ vân vân và vân vân.

Với lại, cũng có một điều rắc rối nữa. Giả dụ bây giờ tôi viết “nàng và tôi bước chậm chậm trên con đường đầy lá khô vào một ngày thu nam ấy...” thì đành là sáo rỗng. Nhưng kể cũng không tai hại gì. Mà cũng không có hại hoặc lợi gì cho đảng Cộng Hòa hay đảng Dân Chủ. (mấy lá phiếu bên Florida vẫn còn “bay” trong đầu tôi.) Vậy mà cũng câu ấy “...vào một ngày thu ở thế kỷ trước” hẳn sẽ có người nghĩ rằng nàng, không biết nàng nào, nay đã chết! Cho dù lần sóng bước ấy chỉ mới năm ngoái đây chẳng hạn, năm 1999. Kể cũng nguy hiểm. Là vì trong số những gót bước đã từng sóng đôi với tôi trên những đoạn đường cũ, có những dấu chân đã

mất hẳn nhưng mà người thì vẫn còn sống.

Thôi thì tạm thời cứ giữ lấy “xưa” và “cũ” và kiên nhẫn chờ cho đến lúc bạn văn nào đó sáng chế ra một từ mới, tôi sẽ học, sẽ bắt chước để tránh một đôi chữ đã cũ mòn và xưa rích. Trong chuyện viết lách, riêng đối với khả năng có giới hạn của riêng tôi, nghĩ cho được một chữ mới, một thứ gì mới, nát óc mà chưa chắc đã ra. Hình như là, nếu quả có một điều gì được xem là mới, tôi nghĩ chỉ mới trong cách diễn đạt, diễn tả thôi. Chữ còn điều được diễn đạt, diễn tả - tôi cố tránh hai từ nội dung và hình thức - có vẻ xưa nay cũng chỉ ngần ấy, tính từ lúc con người biết dùng ngôn ngữ và văn tự để ghi lại cảm xúc của mình trước ngoại cảnh và nội tâm. Chẳng thế mà một thi sĩ mà người đời cho là điển, một thi sĩ người Nga, ông Essenine ở thế kỷ XX (thiên niên kỷ trước) trước khi kết liễu đời mình vào năm 1925 bằng cách tự cắt đứt gân máu, đã làm một bài thơ kết thúc bằng hai câu :

“Trong cõi đời này, chết không phải là mới

*Mà sống chắc chắn cũng không phải là một điều mới mẻ gì hơn” (**)*

Một ý nghĩ khá bi quan. Nó vẫn làm tôi cụt hứng mỗi lần sờ đến giấy bút. Bởi vì viết là một phần nhỏ trong cái sống của tôi. Mà nghĩ như vậy rồi thì viết làm gì nữa? Nhưng mà... nằng vằng có cái quyền rũ của nó. Những chiếc lá lang thang bên hè phố có cái gọi cảm của chúng. Không có chi mới lạ đối với tôi. Nếu có một thứ gì đó làm tôi ngạc nhiên thì chính là những rung động là lạ khi gió và lá nhắc nhiều chuyện cũ trong đời tôi vào những ngày thu cũ... một lần cùng đi với anh bạn họa sĩ Vĩnh Ấn đến thăm mộ Baudelaire tại nghĩa trang Montparnasse, đôi vai gầy của một người con gái mặc chiếc áo len đã rách ở cùi chỏ đang bước nhanh dưới hàng sấu ven Hồ Gươm, một chiều thơ thẩn ngắm màu trắng lạnh trên cổ một đôi thiên nga trong Serpentine ở Hyde Park , một lần dừng lại khá lâu ở đèo Prenn mà lắng gió thông ngàn Dalat.... Tôi nghĩ cuộc sống tình cảm của bất cứ một ai, cũng giống như một điệu nhạc, một cung đàn mà người đó yêu thích. Thuộc lòng từng nốt, từng câu, từng đoạn cao thấp và cũng không thể nào quên được cái quen thuộc của từng cái nắm tay, từng ánh mắt, từng câu nói, từng lời thở than, từng phút hờn dỗi. Vậy mà những lúc tình cờ nghĩ đến hoặc cố ý nhớ lại, hình như chúng vẫn hắt lại, gửi về thêm chút vui đột ngột, chút buồn khó hiểu hơn, ngay cả trong lòng những người tự cho mình là khô khan, ít tình cảm. Cái kỳ diệu của kỷ niệm là vậy.

Nghĩ lẩn thẩn vậy mà rồi đến khách sạn Otani, nơi có cuộc triển lãm

lan, hồi nào không hay. Trên cái sân thượng thênh thang này, tôi vừa gặp một rừng lan chưng trong mấy dãy rạp dài. Tôi chỉ thích ngắm mà lại không biết nuôi lan, thành thử cái phần kiến thức của tôi về loài hoa này, mà Ôn Như Hầu gọi là hoa có hương vương giả, quả là một con số không vĩ đại. Tôi dừng lại trước một chậu lan vàng và hơi ngạc nhiên không hiểu tại sao tôi lại chọn loại lan này mà ngắm. Chậu lan tươi và đẹp thật, nhưng không có một nét đặc biệt nào khiến nó nổi hẳn giữa hàng trăm chậu khác. Có lẽ vì nãy giờ tôi đang nghĩ đến những chiếc lá vàng nền màu vàng trên những cánh lan đã nũ tôi lại. Cái tác phẩm tuyệt hảo này của thiên nhiên được người đời đánh giá “đúng mức” là 12 đô la, không thêm không bớt. Người đây là cô hàng hoa trạc gần ba mươi, khá xinh, đặc biệt có làn da mịn, mạnh khỏe hồng hào không son phấn của những người thường làm việc ở ngoài trời. Và đời đây là đời duy vật ở chợ hoa. (Cái phần duy tâm và duy linh trong con người hình như không nên mong tìm thấy giữa chợ) Tôi đang chăm chú nhìn những cái rễ ứ nhựa của chậu lan (thường rễ mạnh thì cây tốt) thì cô hàng hoa đã tươi cười don đả:

“Loại lan này nhìn từ xa xa thì trông như những con bướm bướm, mà nhìn gần thì lại giống như một đoàn vũ nữ, vì thế nên người ta gọi nó là *dancing girl*.”

Duyên nghiệp nợ nần với hoa với bướm thế nào đây mà giữa hàng trăm chậu lan trong buổi triển lãm tập nập khách xem hoa này, tôi lại gặp ngay một ... dóa vũ nữ! Sức nhớ tới những đường nét quyến rũ trên thân hình một vũ nữ có mớ tóc mun bông bênh trong một tiệm nhảy ở Bangkok, tôi tùm tùm đùa rằng đã từ lâu, tôi không thích khiêu vũ nữa, tôi chán rồi. Câu bông lơn của tôi có làm cho rạp hoa mất may xửa hay không thì tôi không biết nhưng mà “nàng” tắt phụt nét cười don đả rồi lễ phép tạt một câu:

“Mong rằng ông vẫn còn thích nhìn người khác khiêu vũ.”

Khéo khéo mà đáo để đến thế thì thôi! Vừa mời vừa gây mình như vậy, tôi cứ tưởng chỉ có ở chợ Đông Ba hay chợ Bến Thành. Thật ra cái tên *dancing girl* chỉ có nghĩa là thiếu nữ đang khiêu vũ. Nhưng mà cả cái quá khứ không lấy gì làm cao khiết cho lắm của tôi, cái quá khứ bề bộn, lộn xộn ấy nó xui tôi cho tôi hiểu hai tiếng *dancing girl* theo một nghĩa không được đẹp lắm, ít ra là không được đẹp trong sinh hoạt xã hội ngày nay của giòng giống Âu Lạc.

Chẳng lẽ lại ăn thua đủ với cô hàng hoa xinh xắn này, ngay giữa chợ. Tôi đã dần chút thanh niên tính còn sót lại ở tuổi ngoài sáu mươi này, không để cho nó làm loạn như thời còn trẻ. Tôi chọn một cái nhìn hiền lành mà hơi thách thức rồi buông một câu lững lờ:

“Ấy, tôi nói không thích khiêu vũ nhưng cũng... tùy người.”

Và hình như cái ồm ờ trong câu nói, trong cái nhìn mà tôi cố ý để cho nó đọng khá lâu trên mặt cô hàng hoa đã “hóa giải” được chút bức mình trên nét mặt đã hơi danh lại. Bằng chứng là tôi đã thấp lại nụ cười đã tắt ngấm.

Lòng tôi đang vui. Cái thứ nắng thu vàng này nó khiến lòng tôi tươi. Tôi không muốn vì một chút hiếu thắng mà rồi cả một ngày thu đẹp này có thể mang một cái tì vết vào những phút nhớ lại những đóa lan đang thi nhau mà khờ sắc, khoe hương. Giận dữ mà xem hoa thì còn gì là hoa. Tôi biết là rồi thế nào cũng có một ngày nào đó, tôi sẽ viết về buổi sáng hôm nay. Bởi vì cái cố tật của tôi là chỉ thích viết về quá khứ.

Trừ những bản tin tức hoặc đặc ký mà ngày trước tôi vẫn thường viết - kể như là ngày một - vì nghề nó đòi hỏi, tôi ít thích viết ngay về những điều xảy mới xảy ra. Ghi vào sổ tay những gì đáng ghi trong ngày vì chúng đập mạnh vào giác quan vào ý thức của tôi thì có. Ngoài sự việc hàng ngày còn có vui buồn, hờn giận, hăm dọa, chán chường, chua chát, tếu, dửng dưng, yêu ghét. Hầm bà lằng đủ thứ trong cái món hồ lớn ấy.

Nhưng mà viết về cách tôi sống với sự việc ngay lúc chúng đang xảy ra thì tôi vẫn ngại ngại. Sợ rằng cảm nhận mình còn mới quá nó đâm ra sượng như hạt cơm non lửa, thiếu nước.

Đọc lại những hàng nguệch ngoạc trong những quyển sổ tay đã nhàu nát có lúc tôi đã nghĩ rằng cảm nhận hiện tại không khác gì khẩu vị trong một bữa cơm: ngon dở, nóng nguội, mặn ngọt, chua cay, tôi biết hết. Nhưng mà ngon dở ra sao, nóng nguội đến độ nào, phải chờ đến một phút nào đó, có thể chỉ là một vài hôm sau, có khi đến hàng chục năm trời, tình cờ nhớ đến bữa cơm, tôi mới sống thực sự với khẩu vị ấy.

Mà màu vàng này của nắng, của lá của hoa phút này đang gây một phút rộn ràng, không hẳn là sung sướng, nhưng tôi nghe lòng mình phơi phơi nhẹ tênh. Tôi mua chậu lan rồi gửi nó lại ở rạp hoa, hẹn với cô hàng là dạo xem hết cuộc triển lãm, tôi sẽ đến lấy trước khi về. Đi lang thang mà tay lại vướng víu thứ này thứ nọ là một điều tối kỵ đối với tôi. Thật ra thì không riêng gì một lần tản bộ trên đường phố, dọc bờ sông hay theo chân đồi, mà ngay cả cái việc “đi” trong cuộc đời mà lại mang theo nhiều thứ quá có vẻ cũng... mệt. Khoan nói đến chuyện không mang theo được thứ gì sau khi “bái-bài” cuộc sống.

“Đã biết được rằng sang không bằng hèn, giàu không bằng nghèo, chỉ không biết lẽ sống chết thế nào thôi” Nói xong câu ấy, nhân vật nọ trong một điển tích văn học Trung Quốc dựng vợ gả chồng cho con cái rồi đội nón lá, chống gậy trúc ra đi, về sau không biết vân mây..... Cái

phủi tay nhẹ nhàng này thật hiếm thấy, mà cũng đẹp. Biết rằng mình không đủ tỉnh táo cũng như không đủ “điên” để học đòi theo người xưa, tạm thời tôi đi dạo qua từng rạp lan, nhìn ngắm và riêng mừng cho loài hoa này, có thứ tươi đến hàng tháng cánh mới nẫu. Cũng là một ngoại lệ - tương đối - trong cái qui luật sớm nở tối tàn.

Đạo mãi cũng mỏi chân, tôi vào quán nước ở góc sân rộng này trong khách sạn, gọi một tách cà phê. Mấy người du khách Nhật ngồi bên cạnh nói gì tôi không hiểu, nhưng mà câu chuyện của ba người Mỹ ngồi trước mặt tôi vẫn xoay quanh mấy lá phiếu bên Florida. Quán đông khách, không còn một ghế trống nào ở phía ngoài sân cả, không thì tôi cũng đã tìm cách đổi chỗ ngồi. Làn hơi nước bốc nhẹ lên từ tách cà phê đang nhẹ nhàng uyển chuyển tan biến, nắng thu khúc xạ qua hơi nước nhiều màu loáng thoáng ẩn hiện trong cái mống cụt, trong cái cầu vồng tí hon này. Vào một buổi sáng mà ngay cả một làn hơi nước cũng riêng tặng tôi một chút sắc màu, tôi không muốn nghe đến chuyện danh, chuyện lợi ở đằng sau những lá phiếu sôi nổi ấy. Không phải là tôi ăn ở bạc với nơi chốn mà tôi biết luật pháp luôn bảo vệ cho quyền đi đứng, ăn nói của tôi, nhưng mà phút này... nắng tươi, hoa xinh, gió lành lạnh, hương cà-phê thơm phức... một thoáng yên tĩnh trong tâm hồn...đòi gì nữa? Suýt nữa là quên ghé lấy chậu lan trước khi về.

(*) Trong bài Chant d'automne của Baudelaire:

...C'était hier l'été; voici l'automne!

Ce bruit mystérieux sonne comme un départ.

(**) Bản tiếng Pháp:

Dans cette vie mourir n'est pas nouveau

Mais vivre n'est certes pas chose plus neuve.

Đã phát hành khắp nơi
tác phẩm mới nhất của nhà xuất bản *Văn Mới*

Dì Thu

tập truyện của Trang Châu

Tựa của Mai Kim Ngọc

Bạt của Kiệt Tấn

Bìa của Khánh Trường

Sách dày 180 trang. Giá tại Hoa Kỳ 10 MK (ngoài HK 12 MK)

Văn Nghệ tổng phát hành

Trương Chi

Lê Minh Hà

... Hò khoan mơ bóng con dò trôi...

Gió đưa câu ca về đâu...

Vân Cao

Khuya lắm. Trăng nửa vành đã xế. Trương Chi đẩy thuyền ngược nước. Ánh trăng rung rung trong sóng tự xế làm đôi trước mũi thuyền. Lòng chàng chờn vờn một giai điệu u hoài. Con thuyền và chàng từng lúc lút đi trong bóng sẫm của những lùm tre ở những khúc sông hẹp, rồi lại lăm lăm vượt ra với ánh trăng. Trương Chi dừng tay sào ở gần ngã ba sông. Nơi ấy, ánh trăng dường như mệnh mang hơn. Nơi ấy, có lâu quan thừa tướng dựng cho con gái yêu... bờ bên lở...

Trương Chi cầm thuyền, ngửa mặt tìm trăng, cười khan. Trăng nửa vành kiêu hãnh và hiu hắt. Trương Chi yêu trăng. Dưới trăng, chàng biết mình bớt phần xấu xí. Ánh trăng nhân hậu xoa mịn làn da mặt sần sùi của chàng. Trăng tạo những khoảng tối những vũng sáng cần thiết làm cho cái mũi bè bè của chàng dường như cao lên, quai hàm bạnh của chàng dường như mềm mại lại, cái nhìn vừa soi mói vừa rụt rè của chàng bớt phần khổ não. Trương Chi biết vẻ xấu xí của mình là vẻ xấu xí không cá tính. Đây là đường nét bộ dạng của kẻ lam lũ nhiều đời. Điều đó làm chàng đau khổ. Giá mà chàng xấu xí kiểu một kẻ thành đạt, hay kiểu con cầu tự nhà giàu, hay đơn giản là xấu xí kiểu một kẻ cướp đường, có lẽ chàng sẽ tự tin hơn.

Trương Chi cầm cái chày gõ nhẹ vào sợi dây căng sát mạn thuyền. Tiếng chày gọi cá đục trầm rót xuống đáy nước, dội lại thành tiếng gõ có độc trong ngực Trương Chi. Chàng quên chuyện giăng câu. Trương Chi nín hơi, rồi bất chợt cất tiếng. Giọng Trương Chi không bốc cao thơ thới như nhiều đêm trước mà giống như một tiếng thở dài, hay một tiếng gầm gừ:

*‘Ôi những con cá khát trắng
 Có biết điều ấy ngu ngốc
 Ý nghĩ về hạnh phúc không phải là hạnh phúc
 Le lói, sáng bừng, tắt lịm
 Chỉ làm tan nát lòng
 Trắng là không
 Ta cũng không...’*

Tiếng mõ dội từ phía lâu tây bên kia ngã ba sông nơi bờ lở nghe vô sự. Trương Chi đột ngột dừng tay gõ nhịp. Chàng nhìn mặt. Cái bóng đen di hình trên lâu biến đi, rồi lại hiện ra. Trương Chi biết đấy là lính canh đổi gác. Đã canh tư rồi...

Nhịp đã lạc đi. Những bầy cá chơi trang đã biến vào lòng sông tối. Trang đang lặn về phía sau lâu của My Nương. Trương Chi ngồi bất động, dõi ánh trăng mờ dần trong sóng nhỏ. Chàng không thể nào nắm bắt được ý nghĩ của mình. Giai điệu cũng bay đi. Đến tận lúc ánh ngày sắp rạng, chàng mới lạng lẽ rút sào đẩy thuyền xuôi bến. Lòng thuyền của chàng chỉ óc ách nước với vài ba con cá dơi câu được tự lúc đầu đêm. Chẳng đủ cho bữa gạo trong ngày. Trương Chi ngửa mặt. Trăng chỉ còn là một mảnh bẹ dẹt dán thẳng vào lòng trời, nom bệch bạc. Lòng Trương Chi thấm buồn, một nỗi buồn khó hiểu, làm người ta có cảm giác bất an trước ngày mới. Chàng thấy trang dơ dáy và thốc mách, còn mình thì dờ dẩn.

Nhưng đêm đêm Trương Chi vẫn đẩy thuyền ngược về ngã ba sông. Chàng nghiện trăng nước mùa này. Sương phủ từ trời cao xuống. Sương dâng từ đáy sông lên. Ủ kín bờ cây và thôn xóm. Trắng xóa. Lạnh và đặc. Mà đột nhiên trong vắt, nhẹ bẫng, thơ thới khi trăng hiện. Trăng làm rung những cảm xúc không thường trong hồn Trương Chi. Chàng phát hiện ra cõi lòng con người là vô hạn và chàng sống sờ. Chàng quên hết. Quên túp lều dựng ở cuối làng ngày ngày chàng vẫn chui ra chui vào ngóng chiều rơi để xuống thuyền ngược xuôi theo con nước. Chàng quên chuyện giảng câu, quên cảnh nước sông gạo chợ thúc bách từng ngày. Chàng quên ngôi nhà nhỏ bên bến dò ngang dưới gốc gạo đầu làng và cả cô lái dò hình như rất nhiều tình ý với chàng. Quên con dò nhỏ mà chàng đã muốn neo đời mình vào đó. Còn lại với chàng, dưới trăng, chỉ những cung bậc ấy. Cay đắng ư? U hoài ư? Trương Chi không bao giờ tự hỏi có ai đang lắng nghe mình. Chắc không ai. Người làm lụng vất vả nơi thôn ổ cần giấc ngủ, có chàng họ chỉ nghe được đám ba câu vọng lại từ sông vắng khi đánh thức lũ trẻ bò dậy ra làm một bãi vào cái nôi chõ dặt cạnh chuồng lợn, hoặc giả

cái lúc canh khuya vợ chồng đột nhiên tỉnh giấc quờ tay tìm hơi ấm của nhau. Nghe chàng hình như chỉ có những bầy cá theo trăng, những con rắn uốn mình trong bụi tre, và triệu triệu giun để quần cư hai bên bờ nước. Trương Chi hát như tự đáy dạ. Đó là điều duy nhất chàng có thể làm để tự khẳng định mình còn sống.

*Thoảng như có tiếng ai cười
 Đời vui sao anh
 Thoảng như có tiếng thở dài
 Đời buồn sao em
 Ta đi trong ngày
 Hôm qua nghe tiếng thở dài
 Hôm nay nghe một giọng cười
 Ngẩng mặt dõi tiếng chim xanh
 Cúi đầu tìm lá cỏ gầy
 Dưới trăng này, nay, mình ta gõ mạn thuyền hát
 Dưới trăng này, nay, mình ta và trái đất
 Cõi nát bàn đâu
 Chốn u tì đâu...'*

Lời ca âm thầm cắn rứt lòng chàng. Trương Chi gầy rộc đi. Nhưng đó còn vì chàng không đủ tiền gạo muối hàng ngày. Cô lái dò hốt hoảng không biết phải làm gì. Cô không thể lờ Trương Chi từ con thuyền nát của chàng vào ngôi nhà của hai cha con mà chăm bẵm. Cũng không thể cấp quần áo chui vào túp lều rách bên rệ đê com nước hàng ngày cho Trương Chi. Chung một phận nghèo, có sá gì miệng tiếng ở đời, miễn nên cháo nên cơm với nhau mà không bị làng phạt vạ. Nhưng cô lái dò không được làm bất kể điều gì mà cô có thể nghĩ ra. Bởi bây giờ, những chiều muộn, không thấy Trương Chi ghé con thuyền nhỏ, trò chuyện với cha cô và khách qua dò mà như ngóng đợi cô cầm sào xuống bến. Cô không tưởng ra rằng Trương Chi không còn muốn thấy lại cô. Nếu biết, cô sẽ thẹn suốt một đời và có lẽ sẽ tức tối. Còn làng xóm hẳn buồn cười. Không ai biết rằng Trương Chi đã dần vật mình chỉ vì thế suốt bao nhiêu ngày ngồi ủ ẻ nơi cửa lều ngóng chiều rơi chậm. Chàng bỗng nhiên sợ cái hạnh phúc đầm ấm rất đời bình thường kia, sợ chạm mặt ngày ngày với người con gái tốt bụng thiết tha với giọng hát của chàng nhưng đã cứng tuổi và nhẹ phần duyên sắc. Mà chàng thì xấu xí và nghèo hèn.

Chàng xót xa vì ý nghĩ của mình. Vì niềm đau tủi bởi bờ côi bờ cút từ tấm bé. Vì xấu xí một cách bình thường và nghèo hèn quá mức bình

thường. Vì dòng sông mà chàng không bao giờ có thể vượt được tới nguồn hay xuôi được về tới cửa. Vì chàng đã không thể ao ước chỉ một mái nhà, một người đàn bà, một chiếc dờ ngang.

Bây giờ, hàng ngày Trương Chi ngược xuôi giăng câu ở khúc sông cạn cuối làng. Nhưng cứ nửa khuya là chàng lại không sao cầm lòng nổi, lại đẩy thuyền ngược nước về phía ngã ba sông. Đã sắp rằm. Trăng đã bắt đầu tròn. Dưới trăng trong biếc, hàng cây, bến nước, nhà cửa chòm xóm đôi bờ nom xa xa gần gần không thực. Lầu Mỵ Nương cao vượt lên trên các làng mạc xung quanh. Có bao nhiêu lời đồn đại quanh ngôi lầu quan thừa tướng xây riêng cho con gái yêu. Rằng nàng ra ở đó tránh cảnh di ghê con chồng. Rằng Mỵ Nương đẹp chim sa cá lặn nhưng chưa tìm được duyên lành. Rằng nàng đi một bước là phải có thị nữ cầm quạt hay xách hỏa lò theo hầu tùy mùa. Rằng nàng tài đàn sáo cũng như thơ phú, lại khéo chuyện thêu may. Không ai biết có bao nhiêu thực hư trong những lời đồn đại được lan truyền trên những chuyến dờ. Chỉ một mình Trương Chi biết về nàng nhiều nhất. Điều ấy làm chàng đau đớn, vĩnh viễn đau đớn.

Chàng tức điên lên khi hình dung lại cái cảnh mình lủi lủi đi dọc bờ sông theo người lính canh lầu để làm cái việc mà kẻ đó vừa bõn cợt vừa hách dịch thông báo: "Tiểu thư đòi. Rảo cẳng lên! Ai mà thêm con thuyền nát của chú mình. Lên trên ấy hát cho tiểu thư nghe. Này, tình thực với chú mình, chú mình hát nghe buồn bỏ mẹ. Chỉ tổ làm chúng anh nhớ nhà. Mà giờ có hát thì hát cho hay hay vào. Chắc tiểu thư sẽ thưởng cho vô khối... Ối chao ơi là nhà có!" Trương Chi không hiểu sao cái giọng hách dịch ấy bỗng dung nhuốm một âm sắc buồn thảm. Nhưng chàng không nghĩ tiếp được bởi cả hai người lúc đó đã trôi hết bậc thang dẫn tới cửa lầu. Chàng cảm ghét mình đã luống cuống khi bước vào phòng Mỵ Nương. Chàng run lên vì ngượng khi nhớ tới tiếng hát của mình đã chấp chới bay lên giữa bốn bức tường, dưới những con mắt và những cái cười nửa miệng, nửa tò mò nửa chế nhạo. Chàng không biết chính vẻ ngần ngại và bộ dạng xấu xí của chàng đã làm cho chàng có một vẻ hiền hậu nghiêm trang khiến Mỵ Nương kinh ngạc. Cả giọng hát của chàng đêm đó cũng làm nàng kinh ngạc. Và thất vọng. Thiếu một nốt bí ẩn vẫn làm trái tim nàng se thắt và hoàn toàn không vang vọng những ngân rung đã khiến nàng say mê.

Trương Chi cũng kinh ngạc khi chỉ hát được một bài đã được thưởng hậu rồi cho lui. Chàng không vui mừng mà xấu hổ. Thoạt đầu chàng hay mừng tượng lại vẻ mặt ngán ngấm hồ hững của Mỵ Nương và đồ rằng đó là vì nàng vừa nghe lại vừa phải nhìn chàng. Mà chàng thì xấu xí.

Nhưng về sau thì chàng biết. Chàng biết giọng chàng đã bị phò trong ánh đèn nền tung bùng. Thiếu bè trầm rào rạt của sông đêm, thiếu nhịp chày gọi cá khô khô dưng dục, thiếu tiếng gió vút trên những chòm tre thôn xóm đôi bờ, thiếu tiếng cá quẫy đột ngột đầy hứng khởi và tiếng ngàn ngàn lá ngô lay đêm gió trở, thiếu những đốm lửa lập lòe đầm ấm trong xóm bãi, thiếu cái tịch lặng thanh thản vĩnh cửu của trời đất, giọng chàng mới thô và trơ làm sao. Trương Chi không biết rằng Mỹ Nương trong những đêm thiếu nữ mất ngủ cũng dần dần hiểu ra điều đó và ân hận. Nhưng nàng ân hận nhiều nhất là vì đã vượt quá phép nhà, đại đột cho gọi Trương Chi vào lúc nửa đêm về sáng.

Chàng không biết rằng những đêm chàng cảm thuyền chìm đắm trong trang thì trên lầu cao Mỹ Nương vẫn ngồi bên cửa sổ. Nàng biết mình ngóng chờ gì. Trang sáng xanh, xa rợn. Nàng ngạc nhiên thấy lòng bơ vơ.

Nếu nàng biết được những đau đớn và u uất trong lòng Trương Chi, hẳn nàng sẽ ân hận nhiều hơn thế nữa và theo một cách khác. Một đêm khuya khoắt, Trương Chi đẩy thuyền ra giữa ngã ba sông, thả nén bạc mà thị nữ của Mỹ Nương đã đặt vào tay chàng khi Mỹ Nương cho chàng lui gót. Nén bạc sáng mờ mờ dưới ánh trăng lu, rơi rất ngọt vào lòng sông tối làm vang lên một tiếng động, nặng, trầm, sâu hút.

Vào khoảng thời gian đó, cô lái dò đã nhận lời làm lẽ một ông lý cựu góa vợ nhà ở làng gần cửa sông. Cô đã hoài công nhiều đêm ngóng lại tiếng hát Trương Chi. Nỗi nhớ tiếng hát của chàng làm cô mệt mỏi. Ông lý cựu có lần qua bến dò bị cảm phải dừng chân một đêm tại nhà cô đã nhìn ra trong dáng dấp đàn bà bất đầu cần khả năng quán xuyến bầy con gà vịt mất mẹ của ông, nhờ người đem trầu cau đến hỏi cô chính vào đàn ấy. Cô lái dò chợt hiểu ra rằng tiếng hát hay có chăng cũng chỉ làm người chệnh choáng khi nó cứ chơi vui hoài dưới sông kia. Nhà ông lý đón dâu bằng dò dọc. Ngang qua túp lều nát nép mình ở rệ đê của Trương Chi, khách ngồi dò tiện miệng nhắc đến người bấy lâu nay bật giọng. Cô lái dò cúi nón, nhớ cha già một mình ở lại với con dò, bỗng đứng thấy khiếp sợ sông nước.

Trương Chi có nghe về đám cưới của cô lái dò. Chàng càng ngày càng gầy, tới tả. Không ai biết chàng sống thế nào, chỉ có mấy bà già thỉnh thoảng nhắc chừng lâu không thấy Trương Chi vào xóm rao bán cá. Có người đồn chàng bị ma da chà. Trương Chi mỉm cười ơ hờ.

*'Dù không bao giờ còn về bên nhau
 Ta vẫn mong cho nhau điều lành
 Phải không em...
 Nắng se sợi
 Con dò
 Vẫn con dò xưa hình như sang chậm
 Chiều tan
 Cánh chim trời
 Hay những tro tàn
 Bay loạn ngoài chân mây...'*

Trương Chi vẫn chỉ hát thầm. Chiều buông trên cánh bãi. Chàng rút sào đẩy thuyền tách khỏi bờ, mím miệng:

*'Thì cũng là người phải không
 Những con ma dưới lòng sông tối
 Ta là người
 Đứng rồi
 Ngày mai chết đi sẽ thành ma mới
 Chết trẻ khoẻ ma
 Biết đâu chừng lại có thể hát ca...'*

Lời ca luẩn quẩn trong trí chàng từ lúc đầu đêm cho tới lúc chàng đẩy thuyền ngược về ngã ba sông. Đêm nay Trương Chi gỡ câu sớm. Trăng suông, sáng nhờ nhờ, rất lạnh. Ánh trăng lênh loãng tan vào trong sương bạc làm nhòe những khoảng tối sáng. Mặt nước không lung linh như những đêm trăng tròn vàng vạc mà phẳng lặng và vô cảm. Trương Chi dừng thuyền. Một cánh chim gì loáng qua bóng trăng suông, không để tiếng. Trương Chi nhớ chị và nhớ mẹ. Mẹ chàng chết từ lúc chàng còn tằm bé. Chị chàng cấy gặt thuê đồng xa đồng gần nuôi em. Cho đến ngày tậu được cho em con thuyền nhỏ. Chị lấy chồng xa, nhà nghèo, chẳng mấy thừa chị em gặp mặt. Trương Chi khum hai bàn tay vốc nước vỗ mặt. Nước sông tanh tanh man mát, phẳng phất mùi thánh năm tàn. Chàng thở dài, cất tiếng:

*'Ta giữ nắng mùa thu
 Ta giữ gió mùa thu
 Không ai hỏi tại sao...
 Giá em đi bên ta
 Đừng nói...'*

*Trên tháng ngày lại thêm tháng ngày nữa
Trên nỗi buồn lại thêm nỗi buồn nữa
Cuộc đời ta...'*

Xóm làng còn thức cả. Nghe tiếng hát Trương Chi có người đàn ông gật gù lặng lẽ, có người đàn bà cười văng cả nước cốt trầu: 'Thằng Trương Chi khéo rồi thành dở người. Hát mấy chả hò. Không vợ không con, độc con thuyền nát, mà còn phởn ...'. Tất cả thờ dài, lắng nghe trong lòng thức dậy một khao khát không thể nào hiểu nổi và chưa bao giờ có ai để mất thì giờ vào đó. Tiếng hát Trương Chi lồng lộng đêm thanh vắng, mệnh mang xô dạt phía ngã ba sông:

*'Này tôi ơi lênh đênh ở đâu thì về đi thôi
Trời trong lắm nắng xanh lắm
Hoa hình như đã nở ở đâu rồi
Này tôi ơi về đi thôi về đi thôi
Về bến làng xưa có người giặt áo
Về với sông xa mắt dò đau đầu
Tần ngần làm gì về đi thôi về đi thôi
Lênh đênh ở đâu tôi ơi về với tôi
Những bến bờ xa xôi xa làm sao bằng bến ấy
Tới làm sao khi mãi mãi một mình
Đừng lênh đênh tôi ơi thôi đừng lênh đênh
Ơi hời ơi... Nhi bất hoạc...ơi hời...ấy a ta cười... ấy a... ta cười... cười
với ta...'*

... Không bao giờ dân các làng quanh ngã ba sông còn được nghe lại tiếng hát Trương Chi. Chàng đã hát bao năm tháng như một đam mê và, bằng nỗi tuyệt vọng, đã vĩnh viễn tiếng hát của mình thành một đam mê trong lòng người khác. Chàng sung sướng vì đã làm được điều đó. Với chàng, đó là một hồi sinh xót xa.

Buổi sáng, khi mù sương đã tan, người qua đò tới chợ huyện họp bên cánh bãi kinh ngạc chỉ trở chiếc thuyền con đang quay quay giữa dòng. Nơi ấy có một xoáy nước mà người lớn vẫn răn con trẻ không được lai vãng ra đấy ngộ nhờ thường luồng rút căng. Có người đàn bà nạ dòng thu xếp chỗ ngồi xong chia cho người ngồi cạnh khẩu trầu: 'Này! Nhai một miếng cho ấm. Cơ khổ cái nhà anh Trương Chi. Mới đêm qua còn thấy hát. Lâu lắm rồi... Ấy ấy, chụp cho tôi cái nón... Lâu lắm rồi mới thấy anh

ta hát lại. Nghe chỉ thấy toàn những tội tội với ta ta. Cơ mà hay lắm. Nhưng cũng kinh kinh. Như gọi hồn...'

Trương Chi không biết rằng chết đi tên chàng lại được nhắc nhớ nhiều đến vậy. Trong câu chuyện cổ tích có lẽ là thơ mộng nhất và được nhiều người lớn nghe nhất. Một câu chuyện như thế, có giàu có nghèo, có gái có trai, có trắng có nước, có tình mà không duyên, có bệnh tật và suốt nữa là có tới những hai xác chết, lại còn có cả thơ bình rõ là vãn 'Nợ tình chưa trả cho ai - Khỏi tình mang xuống tuyền đài chưa tan', làm gì mà chẳng làm người nghe rồi cùng tương tư. Nào ai biết nổi lòng chàng. Nếu biết trước điều này, không rõ Trương Chi có thể tuyệt vọng hơn không? Hay có thể, chàng sẽ chỉ bớt phần sung sướng lúc gieo mình xuống nước. Cũng có thể là cái mũi bè bè sần sùi của chàng sẽ dò lên một chút khi chàng mỉm cười hờ hững, và chàng vẫn sẽ đẩy thuyền tới đúng ngã ba sông ấy, chỗ có cái xoáy nước hút được cả trâu mộng đấy.

Tích cổ kể rằng ai uống nước trong cái chén làm từ trái tim hóa đá của Trương Chi cũng đều thấy hình một chàng trai chèo thuyền qua lại. Cái chén sau về tay My Nương, lúc đó đã yên bề, nhưng rất buồn trong cảnh gia thất. Ở mọi dị bản, tôi không tìm thấy một lời nào về lần cuối cùng nàng được nghe lại tiếng hát Trương Chi. Khi My Nương kê môi miệng chén, trong lòng chén không thấy hiện dòng sông và con thuyền của người trai nghèo khổ, xấu xí và cô đơn ấy như lời đồn. Chạnh lòng, nàng ứa nước mắt. Những ngón tay ướt lệ My Nương áp vào chén, cái chén bỗng tan dần thành máu. Tiếng hát Trương Chi nổi lên, lộng bốn bức tường, huyền nhiệm. Là trăng rung rung. Là mái dầm khua bịn rịn khi bờ tách khỏi dờ. Là bão trên nguồn. Là giông trên sông ngày hạ. Là nắng xôn xao chòm tre buổi bình minh lên rất chậm. Là những sợi khói lá vào vòm xoan vừa xanh lại trong chiều. Là tiếng lá ngô lay một ban trưa mùa xuân phơi phới và ẩm ướt. Là tiếng người vỗ áo bến sông xưa...

Sau hôm đó, My Nương sai người cắt mảnh chén chưa tan hết thành cái mặt nhẵn hình trăng, luôn đeo không rời. Gió trúc quý định dùng làm cây sáo mới nàng cho quảng xuống bếp và kẻ hầu người hạ đem dùng làm ống thổi lửa.

Lê Minh Hà

27. 28. 29 tháng Chín 2000

Chú thích: Ngoài ý lấy từ Trương Chi của Văn Cao: 'Ngồi đây ta gõ mạn thuyền ta ca trái đất còn riêng ta...', hầu hết lời ca của nhân vật trích từ thơ ĐQN

Tiếng chim.

Đỗ Quỳnh Dao

Một tuần sau ngày sinh nhật năm mươi tuổi tôi mới biết từ lâu nay mình khờ dại như con nít. Đứa trẻ vừa lọt lòng mẹ đã mở mắt, còn tôi phải sống đến nửa thế kỷ mới bắt đầu mở mắt. Nhưng mở mắt đó biết mình khờ dại đó, rồi thì đã sao?

Hôm sinh nhật năm mươi tuổi, đứa con gái mua tặng mẹ một giỏ mây đựng giò lan trắng tuyệt đẹp, mua trong tiệm hoa đang hoàng, có giấy kiếng trong suốt bọc lại, có thắt nơ bằng nhung hồng dính kèm theo tấm thiệp của tiệm và lời chúc sinh nhật vui vẻ.

Tội nghiệp con bé, tất cả số tiền túi mẹ phát hàng tháng đã bay trọn vào trong giỏ hoa tặng mẹ, chắc nó cũng định quơ đại một bó hoa ở sạp chợ gói sơ sài bằng giấy báo, lòng thông sơi giấy buộc cho có lệ, và như vậy sẽ còn thừa tiền cho nó mua lon coca hay tấm bánh sô cô la khi tan học về nhà. Trong cái đầu âm ỉp kinh nghiệm sống của mười bốn năm tuổi, nó đã đắn đo cân nhắc mua giò lan trong tiệm hay bó hoa ở chợ, nó đã đếm bao nhiêu lon coca bao nhiêu bánh sô cô la nó phải nhịn, nó đã nghĩ đến bao nhiêu lần từ chối không đi học về cùng với bạn để tránh nghe đứa bạn tốt nói: - tao bao mày ăn. Cuối cùng, nó đã quyết liệt dứt khoát, dù sao cũng là sinh nhật năm mươi tuổi của mẹ, ba vẫn nói tuổi năm mươi rất quan trọng trong đời người nhất là cho người đàn bà. Nó chưa năm mươi tuổi nên chưa biết quan trọng ra thế nào, tại sao lại quan trọng, và tại sao lại là năm mươi mà không ba mươi hay bốn mươi. Dù sao đi nữa ba mươi bốn mươi hay năm mươi tuổi đối với nó đều quá xa vời, đều già như nhau cả. Trước mắt nó chỉ thấy có tuổi mười sáu, tuổi có thể học lái xe với người ngồi kèm bên cạnh, có thể có chương mục ở ngân hàng, có thể có thẻ tín dụng. Chỉ nghĩ đến lúc nhét tấm thẻ bọc nhựa màu xanh có in tên nó vào máy và bấm mã số là đủ thấy sướng rơn. Trong tầm tay nó sắp với được, chỉ có tuổi mười sáu là quan trọng, ngoài ra...nó không thấy gì cả.

Nhưng ba đã nói vậy và người đàn bà ở đây lại là mẹ thì đối với nó như thế quá đủ.

Ngày hôm ấy nàng thật sung sướng. Đứa con trịnh trọng đưa cho mẹ món quà đẹp và bập bẹ cầu chúc bằng tiếng Việt ngọng nghịu của nó: “chút mần sin nhạc vu vẽ cho mẹ”. Người chồng chợt nhớ đã quên bếng ngày mà anh vẫn nhắc nhở với con là rất quan trọng, cười cười khiêm tốn làm như chính mình là đạo diễn trong bóng tối đã giật dây cho con gái thay mặt ba mua quà tặng mẹ, lẽ dĩ nhiên với tiền của anh. Và nàng đã tưởng như vậy. Và nàng đã sung sướng, sung sướng thật nhiều. Nàng đến trước bàn thờ của ba nàng thăm thì với khung ảnh vàng ủa như vẫn thường làm khi lòng đầy ứ cảm xúc cần có người san sẻ.

“Ba ơi, ba có biết con gái ba sung sướng và hạnh phúc không? Chồng con yêu con và tế nhị biết đường nào, cô cháu ngoại của ba thật dễ thương, hai cha con nó thương con quá ba ơi. Không biết có người đàn bà nào sung sướng bằng con không ba? Ai nói tuổi đàn cao số, dễ gãy đổ trong chuyện vợ chồng, con tuổi đàn mà được chồng yêu quá. Ba có mừng cho con không?”

Chồng nàng quên tặng quà cho vợ đúng ngày sinh nhật, nhưng một tuần sau anh đã đền bù lại, đền bù thật nhiều, bằng món quà nhớ suốt đời.

Người đàn bà lái xe chầm chậm, đảo đảo tìm chỗ đậu. *Parking* của thương xá chật cứng: nhìn đâu cũng là xe, xe âm áp, xe san sát, xe khìn khịt. Đủ màu đủ kiểu đủ loại đủ quốc tịch. Xe *van* bầy chỗ cho gia đình đông con, xe *sport* hai chỗ cho hai người vi vút, xe nhỏ để tìm chỗ đậu, xe lớn cộp to tha hồ chất. Xe Ý xe Đức xe Nhật xe Đại Hàn... và xe Pháp - dĩ nhiên rồi- tất cả đàn dúm lại vẽ ra bức tranh xe, khiến người nhìn thoát tiên bị ngợp choáng nhưng sau thì bật cười vì tìm thấy cảnh chung sống hòa bình của thế giới ngay trên bãi đậu xe.

Queo trái, rẽ phải, lên lầu, xuống nhà, vẫn không một chỗ trống, người đàn bà bực dọc lắm lắm: - quái gở thật, xe đâu mà lắm thế!

Vòng xe mấy lượt cuối cùng mới thấy tí ở đằng xa một cặp vợ chồng lớn tuổi đang loay hoay xếp đồ từ *caddy* vô cốp, nàng lao xe đến gầm gầm chực sẵn như sợ ai giành chỗ...

Ouf! mua bán xong xuôi. Không biết hôm nay có cái gì ở thương xá mà nhiều xe thế, đảo lên đảo xuống mấy vòng mới tìm ra chỗ đậu. Nhưng dù sao cũng dễ thở hơn là đi cuối tuần, lúc đó không phải mấy vòng mà ngay từ ngoài đường trước khi vô *parking* đã phải chạy chậm lại rồi nhích xe từng tý một. Đi chợ trong tuần là hay nhất. Với anh thì sao cũng được, trong hay cuối tuần thì cũng rửa, nếu không chen lấn lúc cuối tuần thì

trong tuần cũng phải đôn đáo hối hả lúc tan sở mua sắm thật nhanh để kịp về lo cơm tối. Sao thì sao, lúc nào anh cũng phốt phốt tà tà. Anh bảo tôi “ngan học” quá làm mất hứng cuộc sống, phải *zen* phải *nirvana* như anh thì mới sướng! Cứ *zen* với *nirvana* thì lúc nào cũng như đi trên mây quên đầu quên đuôi cả. Cũng như lúc này nếu tôi không soát lại bộ quần áo com lê của anh trước khi đưa cho người ta giặt ủi thì làm sao mà thấy cái tích kê lấy hình. Không biết anh chụp lúc nào? chắc kỳ đi công tác vừa rồi đến khi về nhà tiện tay bỏ vô túi quần và quên tuốt... Tội cho chồng tôi, anh làm việc cực quá, cứ phải đi công tác liên miên.

Từng miếng *puzzle* kỷ niệm bỏ ngổn ngang trong hộp ký ức lần hồi được sắp xếp lại thành bức hình rõ nét. Ta thấy một quả đồi nhỏ ở xa trung tâm thành phố, mũm múp như quả vú cau cô gái dậy thì. Ta thấy Làng Đại Học nằm chênh vênh trên đỉnh và chung quanh là đồng cỏ xanh lăm lăm tấm hoa *coquelicots* đỏ ối. Ta thấy những con đường đất ngoằn ngoèo và lối sỏi trắng buồng thoai thoải từ cư xá sinh viên đến giảng đường, ta thấy hàng cây rợp lá tròn nhỏ như lá me đang rung mình khua động. Ta nghe bên tai tiếng sóng vỗ rì rào tình tự, ta ngửi trong gió mùi tanh mặn của rong rêu. Ta đang ở một thành phố nhỏ gần biển quanh năm có gió thổi, đến xuân gió thổi tung chiếc khăn quàng lụa nồn trên vai cô sinh viên, vô hè gió mơn man khoảng gáy để trần phơi phớt đường lông măng mềm mịn, sang thu gió nổi giận đập cành lá kêu xào xạc, vào đông gió hần học trên cây khô trơ trụi.

Dạo đó ở thành phố nhỏ này, sinh viên Việt Nam xúm xít ở Làng Đại Học đếm chưa đến hai mươi người, họ quen biết nhau hết và vẫn thường tụ họp nấu nướng ăn uống chung vào những dịp lễ...

Chiều tháng mười hai vừa mới sáu giờ trời đã sụp tối, màu đen hăm hở nhuộm thắm cây cỏ và màn đêm khép thật nhanh như bao dung đất trời đang quăn quít lấy nhau. Gió rít từng cơn dữ dần càng chìm quả đồi thấp trong heo hút quạnh quẽ. Nơi cư xá, những ô cửa sổ chong đèn sáng nhìn xa như bầy sao vuông vức đang lấp lánh trên trời.

Trong nhà nhóm bạn ồn ào lảng xãng ở căn phòng cuối hành lang gần nhà bếp, bao nhiêu bàn ghế giường đều được khuôn ra kẻ dọc theo tường ngoài hành lang. Còn ai đâu mà than phiền? Tất cả đều về với gia đình trong mùa Giáng Sinh, chỉ còn có bọn họ ở lại trấn thủ cả mấy tầng của dãy nam cư xá. Căn phòng trống rỗng và bóng lộn nền gạch hoa, mùi thuốc chùi hiệu « Monsieur Propre-Ông Sạch » thoang thoảng hương hoa táo tóa ra thật dễ chịu.

Quầy phá, đùa giỡn. -Làm gì mà tám rủa xúc đầu thơm cho phòng dữ

vậy? bộ xịt hết chai một lít «Ông Sạch» rồi chứ gì. Có gì đâu cả tháng không tắm vì trùng trong người nó bò ra lúc nhúc, phải lo mà khử trùng khi các chị đến chứ!

Cửa bếp mở ra, mang theo mùi hoa hồi nồng nực từ nồi nước phở. Gọi phở cho xôm chứ thật ra chỉ là nước của tảng thịt bò dính xương hầm nhừ với cà rốt, hoa hồi và ớt gừng. Rưới lên bánh phở làm bằng sợi mì vàng hiệu Panzani có bày sẵn vài lát thịt bò tái, thêm thêm khoanh hành tây thái mỏng và lá menthe-húng hái trộm từ vườn thực tập của phân khoa được. Thế là xong.

Buổi tiệc phở đãi các chị thật thơm tất, ai nấy cũng xuýt xoa khen. Chan húp, xì xụp, hít hà.

Tiệc ăn chấm dứt nhanh chóng và tiệc vui bắt đầu ngay sau khi gian bếp được dọn dẹp. Bây giờ họ mới vô phòng. Nền gạch ấm mềm dưới chân nhờ đồng tủ ngủ trải rộng ra. Họ ngồi la liệt xuống chật kín cả căn phòng. Chiếc đèn đọc sách bốn mươi watts treo lủng lẳng nơi cửa sổ hát ra một vũng sáng mờ mờ nhòe nhòe.

Nhón nháo, ào ào. -Bắt đầu đi, bắt đầu đi.

Hắn đứng dậy với lấy cây *guitare* dựng nơi góc tường, so dây và nói:

-Bắt đầu nhe, một hai ba, *Việt Nam Việt Nam tiếng gọi...Việt Nam hai câu nói trên vành môi...*

Phùng phùng, phùng phùng, tiếng *guitare* rộn rã đốc thúc mọi người cùng hát.

Cả căn phòng cả hành lang cả tầng nhà cả cư xá vang dội tiếng hát của bài mở đầu cho mọi buổi họp mặt. Bên ngoài, gió ngừng thổi lắng tai nghe hát và cây lặng yên thường thức tiếng đàn. Nơi tầng trệt ông gác đàn nói với vợ: các cậu trẻ này hát nghe thật hùng mạnh, làm tôi nhớ hồi xưa đi hướng đạo tôi cũng hát như vậy. Ông đứng dậy đập tay gõ nhịp trên bàn và hát một loạt bài ca lên đường của thời làm sỏi.

...*Việt Nam... Việt Nam... muôn đời.* Phùng phùng phùng phùng.

Tiếng phùng phùng tiếp nối ngay sau đó theo nhịp *valse*- *Trường làng tôi, cây xanh lá vây quanh...*

Hắn mở đầu cho hợp ca, hắn đánh nhịp trong tốp ca, hắn hát bè lúc song ca và hắn là ngôi sao khi đơn ca. Ngôi sao sáng chói với cây *guitare* và giọng hát thiết tha mơn trớn. Thiết tha như ánh mắt hắn dong đưa như đang hát riêng cho ai, có người bảo ánh mắt rà ăn ten. Mơn trớn như bàn tay hắn đang nắn vuốt dây đàn, bàn tay với những ngón dài bốc toát nam tính, có người bảo bàn tay đi thõa.

Các bạn thích nghe hắn đàn và hát, họ nhao nhao yêu cầu, họ yên lặng ngồi nghe, và những lúc đó, hắn thấy mình rực rỡ như mặt trời với

bao nhiêu hành tinh bao chung quanh. Nàng cũng là một trong những hành tinh nhưng là một hành tinh rất xa mặt trời.

Hắn có nhiều cuộc tình nhưng không có một bạn gái nào chính thức rõ rệt và nàng cũng chưa bao giờ là một trong những cuộc tình của hắn thuở đó.

Bốn năm học lãng đãng qua trong buổi sáng lạnh cảm cơn mưa lất phất đang tỉ tê cùng chiếc lá sắp bứt rụng khỏi cành, trên lối sỏi lạo xạo tiếng chân ngày ngày đến giảng đường, với những đêm cận Tết nhớ nhà quay quắt, với những vu vơ khắc khoải lần hẹn hò, với những miệt mài thấp thỏm vào mùa thi.

Khi tốt nghiệp ra trường một số bạn tách múi đi thành phố khác tìm việc làm, những người ở lại thì dọn ra ngoài cư xá. Ông gác đàn nói bằng quơ:

- Vắng vẻ quá, cái xứ gì nếu không gió hú thì còn trùng rỉ rả, nghe mà nẫu ruột!

Hắn đi Paris và gặp nhiều cuộc tình khác nhưng không có cuộc tình nào giữ chân hắn lại được. Hắn không gắn bó được với ai lâu dài, hắn sợ bị đóng khung trong cái luôn luôn mãi mãi, hắn sợ bị giam nhốt trong cái thường xuyên chắc chắn. Chỉ nhìn thấy hai tờ cà phê sữa buổi sáng bằng sứ trắng có in hàng chữ "Tôi" và "Moi" là hắn đã nghe no ứ, chưa kể hai bàn chải đánh răng cắm phập trong ly, hai khăn rửa mặt treo lưng lửng nơi phòng tắm, hai chiếc gối phình bụng nằm trên giường, mới nghĩ đến đã thấy gáy lạnh như đeo gông, chân nặng như bị cùm. Hắn rút lui bỏ chạy khi cảm thấy bắt đầu khấn khít với một cuộc tình.

Nàng cũng đến Paris làm việc. Có vài gặp gỡ, vài toan tính nhưng nàng vẫn chông chênh không dứt khoát được với ý định lập gia đình với người ngoại quốc. Cho đến lúc nàng bắt gặp mình sắp xếp đời sống như một người lỡ thì, tiếp tục đời sống độc thân thời đi học nhưng không còn cái háo hức trông đợi chuyện lứa đôi của thuở xưa.

Họ gặp lại nhau trong một buổi dạ tiệc.

Mừng rỡ, cảm động, cũng đã hơn mười năm rồi mới gặp lại. -Khỏe không? Đến Paris hồi nào? làm việc ở đâu? Ông xã đâu? có bà xã đi cùng? mấy con? có gặp lại bạn cũ không?...Cũng như xưa, không thay đổi...

Họ nói thế nhưng cả hai đều thấy ở nhau lần xếp nơi đuôi mắt và nếp nhăn trên trán. Không sao, nếp gấp trên trán khiến hắn chín chắn và vết

chân chim làm ánh mắt nàng dịu dàng. Họ trao đổi địa chỉ và hứa giữ liên lạc. Phải giữ liên lạc để cùng trở về Làng Đại Học cheo leo trên quả đồi thấp, để cùng tản bộ trên con đường sỏi trắng, để cùng nghe tiếng gió lồng lộng nơi cửa sổ, để cùng xuýt xoa món phở nấu với nước gừng...

Như chợt nhớ ra điều gì, hắn đứng dậy nói:

- Hôm nay tôi có bạn đi cùng. Hẹn hôm khác nhé, phải điện thoại cho nhau đấy.

Hắn chào nàng và quay đi. Đôi mắt nàng bị hút dính khấn vào lưng hắn, như có gì đang vuốt ve mơn trớn dài theo cột sống khiến nàng rung mình.

Không bao giờ tôi nghĩ anh sẽ gọi điện thoại lại. Đêm tái ngộ bất ngờ đó ai mà không xúc động, ai mà không mềm lòng khi bắt gặp lại hình ảnh tuổi trẻ của chính mình, nhưng có bụi ngùi có rung rung rồi thì mọi sự đau cũng lại vào đấy, có khi chỉ ngủ một đêm sáng hôm sau thức dậy anh không còn nhớ số điện thoại ghi trên mẫu giấy là của ai.

Tôi bắt đầu quên đêm tái ngộ đó, bắt đầu quên cái cảm giác rờn rợn gai gai nơi sống lưng thì anh gọi lại chiều chủ nhật đó.

Chiều chủ nhật luôn luôn dài lê thê. Buổi sáng cố nấn ná thật lâu trong giường tuy giấc ngủ đầy làm sưng mọng hai mí mắt, rồi lục lọi chiếc áo cũ và sạm soi vào giặt thật kỹ mấy đốm vàng ố cổ từ trước, rồi xếp đặt đổi chỗ mớ sách từ lâu vẫn nằm ngán nắp trong tủ. Lãng xằng bày ra việc, loay hoay vẽ ra trò nhưng khi nhìn lại đồng hồ, chiếc kim giờ chỉ mới uest oài nhích có một vài số. Chiều chủ nhật đó bắt đầu ngay sau bữa cơm trưa. Bữa cơm, như những bữa cơm gia đình Huế, linh kinh với thật nhiều món dựng trong các chén và đĩa nhỏ, nửa khoanh cá kho, một nhúm dưa chua, vài lá dền luộc, ít con tép rim, và lắt nhắt bên cạnh nào canh nào nước chấm... Đó là cái lệ mà nàng tự ép phải giữ, trong tuần đi làm thì sao cũng xong, nhưng đến cuối tuần dù ăn một mình hay với nhiều người cũng phải bày biện giống bữa cơm với ba mẹ và các em bên nhà. Miếng gấp miếng chấm miếng chan miếng và, rồi nhai rồi nuốt, quanh đi quẩn lại cũng là gấp chấm chan và nhai nuốt, có nhơi có kéo dài cách mấy cũng chẳng thêm được bao nhiêu, bữa cơm ăn một mình không người nói chuyện chấm dứt thật nhanh. Buổi chiều đó bắt đầu ngay sau bữa cơm trưa lúc mới ngoài một giờ.

Nàng xếp vô máy ba *compact disc* vừa mua ở một trung tâm băng nhạc tại quận 13.

Anh bán hàng có giọng nói ngọt ngào nhưng dẻo nhẹo như kẹo mè xúm đã chọn giùm nàng ba C.D. mà theo anh nghe xong "cứ thấy lao

lao trong nòng ấy”. Ba đĩa hát là ba giọng khác nhau, nhưng nghe sao nán, cũng một giai điệu đều đều, cũng một lời diễn tả buồn buồn. Nàng thay đĩa và để một bản cổ điển Tây phương thường thích nghe. Vẫn là «Les quatre saisons-Bốn mùa» của Vivaldi nhưng sao không thấy lâng lâng phơi phới như mọi khi? Có hát ư theo: la la la là lá, lá la la là lá la, tiếng la la ca ngợi mùa xuân mang mầm sống trở lại nghe gương gao đến chán ngấy.

Nàng tắt máy và đến giá sách chọn ra một quyển. Đây là bút ký của một tác giả người Tàu kể lại chuyến về quê, trên đường đi ông đã gặp và nói chuyện cùng những nông dân quanh năm suốt tháng sống lẫn lộn ở làng và chưa hề bước chân ra tỉnh thành...

Hàng chữ bỗng dưng nhòe nhoẹt, lệch lạc, lúc lên lúc xuống khi đứng khi nằm. In ấn bây giờ thật cầu thả, không trân trọng độc giả tý nào cả! Kia, bây giờ là những con chữ đang xiêu vẹo. Chúng bò lổn ngổn, chúng chạy tứ tung. Có con nằm sấp có con nằm ngửa, có con lại ngoe ngoe hai càng, có con lại phe phẩy cái đuôi. Sao lạ vậy? Còn các nhân vật trong chuyện, họ nói gì mà tôi không hiểu. Từng câu nói rời rạc, có nghe lồm bồm nhưng không hiểu nghĩa, hệt như lúc đang ngủ gật trước truyền hình. Nhưng tôi đâu có ngủ? tôi đang đọc sách mà, tôi đang sống với những nhân vật trong chuyện mà. Họ là...là ai? có liên hệ gì với nhau? Lạ quá! sao tôi không bắt được họ, mới đó còn rõ ràng sao thoát lại mập mờ, ẩn hiện? Tôi cố đuổi theo họ, một bước tôi tiến một bước họ lui, một bước tiến một bước lui, bước tiến bước lui, tiến lui...

Tiếng điện thoại sắc nhọn cửa dứt giấc ngủ chập chờn.

Giọng nói dần ông vui vẻ trong điện thoại:

- ...phải không?... đây, khỏe không? Đang làm gì đó? có chương trình cho tối nay không? Đi ăn ngoài nhé?

Rồi những lần đi ăn ngoài, những lần đi xi nê, những lần ngồi cà phê với nhau. Không có chi là thơ mộng, hay lãng mạn cả, chỉ là hai người bạn rảnh rỗi gặp nhau để qua một buổi chiều hay tối thoải mái. Chỉ là bạn bè thôi, bạn bè thì đi chơi, đi ăn với nhau có chi là lạ? Có phải không? có phải chỉ là bạn bè thôi? có thật chỉ là bạn bè thôi? Hay như có một lực hướng tâm đang cuốn hút tôi về anh. Hay anh là mặt trời tôi là trái đất, trái đất quay chung quanh mặt trời. Hay anh là đất tôi là cây, cây bám đất để sinh sống. Hay anh là nước cho tôi là giếng đầy, hay anh là ngày rằm cho tôi là trăng tròn.

Nàng còn nhớ buổi tối nơi quán ăn quen ở khu La Tinh. Quán chật

hẹp chỉ kê được ít bàn, không tấp nập xếp hàng nhưng lúc nào cũng có người ra vào. Không khí dễ chịu thân tình, không bình dân luông tuồng, mà cũng không sang trọng lạnh lẽo. Chùm đèn hình trứng ngỗng mắc từ những cột nhà làm bằng gỗ sồi để lộ ra ngoài, thả xuống từng vòm sáng ấm cúng. Bàn ăn trải khăn trắng đơn sơ với một ly thủy tinh chân thấp đựng cây nến hồng cắm trong vòng nhôm tròn.

Nàng thích nhìn hán nói chuyện, ngắm lửa nơi ngọn nến lung linh chập chờn khiến gương mặt hán lúc gần gũi lúc xa lạ. Quán nhỏ nên ai cũng nói chuyện thật khê, giọng hán trầm thì bên tai nàng như muốn san sẻ điều gì. Thịnh thoảng hán đưa tay lên hất sợi tóc nhỏ đang vương nơi vết sẹo ở đuôi mắt trái. Vết sẹo dài thẳng tắp nơi đuôi mắt tạo nên một nét rất bụi trên mặt hán, nó xoắn xít và ủ ập nàng trong cảm giác dè dặt hăm hấp.

Phần hán vẫn loanh quanh với nhiều cuộc tình một lúc nhưng chưa dứt khoát hán với ai, cho đến lúc hán bắt gặp đang nhớ nàng da diết. Hán trở lại buổi tối cùng nàng đi xem opéra. Trên đường về, từ hầm *métro* vô nhà nàng, cả hai đều im lặng. Đêm thật đẹp, đêm không trăng- ở Paris thì làm gì có trăng- chỉ có ánh đèn hắt từ những cột cao lêu nhêu. Con đường trải dài một thảm nhung đen óng vàng, hai bên viền hàng ren xe đang thềm thếp ngủ. Đêm hiền hòa như người mẹ cho con bú, đêm dịu dàng như người đàn bà lúc trao tình.

Nàng ngược lên nói: -Đêm đẹp quá.

Hán nhìn nàng trần trối. Đôi mắt nàng thật kỳ lạ, mới đó dam mê nồng nàn thoát lại lạnh lùng trống vắng. Cũng đôi mắt ấy vừa quẩn quít si mê vừa lẩn tránh xa lạ, cũng đôi mắt ấy lúc vờ vấp dịu dàng lúc lơ lửng thách thức. Hán hăng tề trong tâm trạng hoang mang vô định, thực hư hư thực, cái nào thực cái nào hư, có không không có, cái nào có cái nào không? Hán cố cưỡng lại như với những cuộc tình khác, nhưng đôi mắt vẫn đi theo ám ảnh hán. Vùng vẫy cựa quậy, nhưng đôi mắt vẫn ở đó, thôi thúc như rừng nhớ tiếng thú, gọi mời như biển thềm mùi rêu.

Lần đó, trong tiệm cà phê hán bỗng dung hỏi nàng:

- Tại sao tụi mình không cưới nhau?

Người đàn bà mở xấp hình ra xem, bỗng nàng nắc òa lên nét mặt xám ngắt. Xấp hình rơi tung tóe trên sàn gỗ, tấm úp tấm lật.

Trên tấm lật, hán đang âu yếm quàng vai một thiếu phụ trẻ, đằng sau họ là tấm bảng lớn với hàng chữ kim tuyến lấp lánh- *Bonne Année Happy New Year 2000*. Đêm cuối năm đó, hán nói phải trực cho cái bug 2000.

Trên tấm lạt, hần bế một đứa bé, bên cạnh vẫn là thiếu phụ kia, họ đứng trước một *chalet*-nhà gỗ trên núi. Tháng 2 đó, hần nói phải đi công tác ở Bourg Saint Maurice (1).

Đó là món quà anh tặng cho tôi một tuần sau ngày sinh nhật thứ 50 và thiếu phụ trẻ trong hình là người mà anh vẫn bấu môi che: -thứ đầm giấy, thứ đầm chuối vỏ vàng ruột trắng, nói tiếng Việt kiểu “tuyệt té nhiều nó làm lạnh”.

Buổi tối, khi vô phòng, hần thấy xấp hình trên bàn ngủ. Nàng nằm trên giường im lặng không nói một lời. Hần nhìn nàng. Nàng hoàn toàn quá, từ mái tóc chải khéo lúc nào cũng như vừa mới ở tiệm ra ngay cả khi đi hè ngoài biển cũng không thấy một lọn tóc rối, cho đến bộ cánh luôn luôn tươm tất, nếu không *tailleur jupe* (2) thì cũng *tailleur pantalon* (3). Nàng sang trọng trong phòng khách lịch sự, nàng như ly như lau trong gian bếp sạch bóng Nàng hoàn toàn quá, hoàn toàn đến không còn gì bất ngờ, hoàn toàn đến không còn gì đáng nhớ.

Hần ôm nàng vô lồng, giọng ngọt mềm như mật pha.

- Đừng giận anh, anh xin lỗi em, hãy tha thứ cho anh...

....

- Anh định chừng nào dọn về bên ấy, bên gia đình mới của anh?

- Tại sao anh lại dọn về bên ấy? Đây mới là nhà anh, đây mới là gia đình anh, với vợ con anh. Em quên rồi sao? em là vợ của anh, anh là chồng của em, và chúng ta cùng có chung một tác phẩm vĩ đại, con gái yêu của chúng ta. Cô ấy chỉ là một “vấp ngã”... chỉ vậy thôi. Anh là cha đứa bé, em cho anh giữ trách nhiệm của người cha...chỉ vậy thôi, em nhé.

Trong căn nhà nơi khu chung cư, hần dỗ dành người thiếu phụ trẻ:

- Anh yêu em, anh cần em. Đừng bao giờ nghĩ em chỉ là một “qua đường”, em là người duy nhất hiểu anh, và cũng là người duy nhất anh yêu. Với vợ anh thì đâu còn chi nữa, có chăng chỉ là nghĩa thôi. Anh không thể ly dị với bà ấy liền bây giờ là vì kẹt đứa con, em cũng biết đó, nó đang tuổi *ado* (4) mà cái tuổi này là tuổi khó khăn, anh sợ nó bị sốc rồi bỏ học bỏ hành bỏ nhà đi hoang luôn. Em cho anh làm tròn bốn phận của người cha, đợi vài năm nữa nó trưởng thành và hiểu biết thì anh sẽ ly dị vợ...chỉ vậy thôi, em nhé.

Hần ngồi duỗi chân dài nơi ghế, một tay cầm điện thoại một tay gõ gõ trên bàn làm việc. Thời gian tác hại với người khác, nhưng với hần thì lại

rất nương tay. Mái tóc húi cua kiểu nhà binh loảng thoảng vài sợi bạc bên thái dương cùng gương mặt xương hần nếp gấp trên trán và dưới mắt, mang lại cho hán nét sành sỏi từng trải. Cách ăn mặc không hoàn toàn theo thời trang, nhưng thật chải chuốt với một tý gì cổ tình buồn thả. Cũng sơ mi trắng nhưng không phải áo cô tông cứng mà áo lụa ngà dán lên vòm ngực khỏe mạnh, cũng quần tây đậm nhưng là quần *alpaga* màu nâu ngời cận rượu (*lie de vin*) trẻ trung.

- ...Cảm ơn toa, moa cũng thường. Còn toa và bà xã với mấy đứa nhỏ?

- ...

- Chuyện nhà moa hả? tính cái gì? có gì đâu mà tính?

- ...

- À., lúc trước thế nào thì bây giờ thế đó, có gì đâu mà tính.

- ...

- Tại sao lại ly dị, vợ moa đâu có lỗi gì mà moa phải ly dị?

- ...

- ...Nhà ai nấy ở chứ, moa đang ở nhà rộng có vườn có đất, sức mấy mà moa dọn vô trong chung cư chật hẹp.

- ...

- Giải gì, hồi xưa mấy ông còn năm thê bảy thiếp chứ moa thì nhảm nhò gì...Chỉ có khác là mấy bà của moa đều đi làm hết, moa không cần nuôi ai cả.

- ...

- Có gì đâu toa, ăn thua là mình biết lấy trách nhiệm và biết giữ tròn bốn phận.

Bàn tay gõ gõ trên bàn, đúng hơn chỉ ba ngón, ngón cái ngón trỏ ngón giữa, mỗi ngón gõ một tiếng. Cộc cộc cộc, một hai ba, cộc cộc cộc, chách chách bùm. Nhịp ba của một điệu luân vũ *valse* đây. Không phải, giữa ba tiếng cộc cộc cộc thì có một lần nghỉ. Cộc cộc cộc, nghỉ, cộc cộc cộc, nghỉ, cộc cộc cộc, nghỉ... À, hán đang gõ nhịp cho một tấu khúc mà nốt trắng là trách nhiệm khắp khiêng, nốt đen là bốn phận quật què và móc đơn chỉ nét tự mãn đang lặn hồi nở toạt trên mặt.

Thời tiết vùng Paris năm nay thật bất thường, *lũ giboulées de Mars*-mưa tháng Ba dâng trí lằm lằm ngày tháng ùn ùn kéo đến thăm viếng vào tháng Năm. Con người bị thiên nhiên lừa gạt, trời đang nắng mây đang xanh, bỗng trong chốc lát gió nổi lên vùn vụt làm rác rến tung bay, cây lá nghiêng ngả. Gió lồng lộng gió chao lượn. Trên cột đèn cao gầy, dây điện

rung lên bần bật như sắp đứt, tấm bảng quảng cáo oằn rạp xuống như chực đổ. Ngoài đường khách bộ hành chạy tán loạn tìm chỗ ẩn trú, người lớn kêu la trẻ con khóc hét, chim chóc vỗ cánh phành phạch, lá cành khua đập lào xào, gần ấy tiếng dội lên một lúc rồi cùng tan loãng trong cơn thịnh nộ của đất trời. Gió càng lúc càng giận dữ, gió lồng lộn, gió xoáy tít, gió quay cuồng. Gió quét vào mặt từng bùm mưa đá tròn nhọt rất buốt như xát muối hột, gió len lỏi qua cổ áo đi xục xạo mọi nơi... Nhưng, ngoài đường khách bộ hành chưa hết nhớn nhác lo lắng, trong xe chiếc quạt nước lúc lắc đầu chưa đủ hạ nhiệt thì đột nhiên gió ngừng mưa tạnh. Mặt trời vén màn nhẹ nhẹ bước ra, thoát tiên còn thấp thò lấp ló nhưng sau đó thì lờ lờ ngồn ngộn.

Người đàn bà bước ra ngoài vườn, trong tay cầm đôi gang vãi dây và cây kéo cắt hoa.

Vườn cô được cắt xén cẩn thận nhưng cỏ dại lan rộng chiếm gần hết đất, chỉ chừa lại vài đóm cỏ tốt loáng thoáng đây đó như nhắc nhở sự có mặt của mình. Xa xa vài hoa cỏ dại tròn xoe như quả cầu nhỏ lung lay nhẹ trong gió và hất ra từng chùm cánh mỏng manh xơ xác. Hàng chai bia rỗng màu xanh lục cắm phập xuống đất theo một đường dài thẳng tắp làm biên giới ngăn chia vườn cô với thửa đất bên kia. Bên kia không có bóng một cọng cỏ, chỉ có hoa và đá. Mặt đất dụn lên từng đường ngoằn ngoèo nhỏ, công sức của bọn giun trùng đã dội vun lên sau trận mưa khiến đất được thoáng mát. Trừ lúc đông, khi vạn vật trùm kín chân dạ ngủ say một giấc dài ba tháng, vào các mùa khác thửa đất thay đổi áo hàng loạt, đủ màu đủ kiểu như những người mẫu trong buổi trình diễn thời trang. Mấy tảng đá tổ ong lốm chớm hang hốc màu nâu vàng nằm lênh khênh đây đó, tạo nên một nét tự nhiên có sắp đặt. Mọi thứ đều thứ tự lẽ lối. Đám đất góc trái chiếm phân nửa hình cánh cung với loại hoa chỉ hạp với đất *bruyère* đen mun, nổi bật lên trong màu *fuschia*- hồng tím của bụi sơn lựu, đỏ quỳnh. Nơi góc mặt giàn *glycine* cheo leo trên khung gỗ đan treo đang thả từng chùm hoa thấp chuông tím tím. Phía trước xen kẽ với khoảng đất dành cho hoa mùa khác là mấy cụm *pensées* đủ màu...

Nàng đứng ngầy người nhìn bụi *jonquilles* lá um tùm, trên ngọn còn sót lại một hoa tàn, cánh khô queo cụp đầu nhìn xuống. Người ta bảo phải đợi đến lúc lá tàn rồi mới được cắt vì chính lá cất chứa nhựa dùng để nuôi củ nằm trong đất để sang năm đơm hoa trở lại.

Lòng tôi cũng um tùm những đau khổ, tim tôi cũng sót lại một đoá tình yêu ứa khô, tôi cũng phải nuôi đau khổ để trông đợi nở một hoa tình yêu mới hay sao?

Từ đầu hai con chim khướu lông đen thẫm bay sà đến đậu trên cành anh đào từ nhà hàng xóm chìa sang, một con dụi chiếc mỏ vào cổ bạn và kêu rúc rúc thật âu yếm. Như có cảm giác ấm áp của môi anh đang vờn trên cổ tôi và đi xuống thật sâu nơi rãnh trước ngực, như có cảm giác ướt ướt của đầu lưỡi anh đang cuốn hút lưỡi tôi, như có cảm giác dịu dàng của tay anh đang khám phá tôi như lần đầu tiên yêu nhau.

Những lúc yêu nhau, anh vẫn nói:

- Thương để ban cho con người 86400 giây trong một ngày, ngoài thời giờ ăn ngủ làm việc anh muốn dành hết để yêu em, không để thừa một giây một phút nào cả nếu không thì giây phút đó sẽ mất vĩnh viễn không giữ lại được cho hôm sau.

Những lúc yêu nhau, anh vẫn nói:

- Em là đồng tuổi cho anh tẩy bụi.

Có phải đồng tuổi quá hạn hẹp nên anh đã ra sông rộng.

Những lúc yêu nhau, anh vẫn nói:

... Em là khuôn vườn cho anh bóng mát.

Có phải khuôn vườn quá nhỏ bé nên anh tìm đến rừng cây.

Có thật anh yêu tôi? không, anh không yêu tôi và cũng không yêu một người đàn bà nào cả. Tôi hay bất cứ người đàn bà nào khác chỉ là một sân ga cho anh ghé đến, hay một bến đò cho anh đậu lại. Chỉ tội cho những người đàn bà bên anh, chỉ tội cho ga và bến, con tàu không nằm lại một ga vì sợ thành mớ sắt thép, con đò không ngủ lại một bến vì sợ thành đống gỗ mục.

Không, anh không yêu ai cả, anh chỉ yêu sự chinh phục chứ không yêu người anh chinh phục.

Trời ơi, tôi phải làm sao đây?

Trên cành anh đào, đôi khướu ngừng rỉa lông cho nhau, xốt xa ái ngại:

- Tội nghiệp bà ấy quá, phải làm sao đây?

Cành anh đào từ nãy giờ yên lặng ngấm thòà thuê những chùm trái sai oằn chín đỏ, bỗng dưng lên tiếng:

- Có thật bà ấy đang chờ đợi nghe người khác nói những gì họ nghĩ hay chỉ muốn nghe những điều bà muốn họ nói?

Chim khướu nhỏ cong cớn chiếc mỏ, buồm tiếng gắt:

- Thấy người ta đau khổ mà còn ăm ớ xa gần nữa?

Cành anh đào nhìn đôi chim thật lâu rồi thờ dãi nói:

- Cái khó không là bà ấy phải làm gì mà là bà ấy muốn làm gì, khổ nỗi cái phải và cái muốn thường hay mâu thuẫn chống đối nhau. Nhưng ở đây, vấn đề chính không còn là bà ấy phải hay bà ấy muốn mà là trái tim

Bèo mây

KHÁNH HÀ

gởi chị TMT

*kiếp sau anh làm bèo
bềnh bồng trên sóng nước
theo sông hồ dạo bước
ngắm trời đất thênh thang*

*kiếp sau em làm mây
bay khắp nẻo đông tây
xa nhau mà không cách
vẫn thấy nhau ngày ngày*

*một hôm nào nước cạn
bèo phơi trên bãi hoang
mây làm mưa rớt xuống
xanh lại trái tim chàng*

*trăm năm lời ước hẹn
hai ta kiếp bèo mây
có nhau hay không có
tình xưa vẫn còn đây*

bà ấy muốn...

Đôi khứ cùng ví von:

- Hãy tìm đến nơi trái tim bà muốn... Tìm đến nơi trái tim muốn...

Trái tim muốn... Trái tim...

Một cánh hoa uất kim hương vàng úa rơi soạt xuống đất, chú bướm ngập ngừng nhìn những cánh khác sắp rụng dứt, ngưng một lúc rồi ngoe nguẩy đôi cánh bay thẳng đến bụi đỗ quỳnh rụng rở. Da trời xanh dịu một áng tơ mềm đang soãi dài, dài thật dài, dài đến tận chốn hò hẹn cùng biển.

Sceaux 2-11-00

- 1- Bourg Saint Maurice: thành phố nhỏ gần núi Alpes.
- 2- tailleur jupe: bộ áo và váy cùng vải và màu.
- 3- tailleur pantalon: bộ áo và quần cùng vải và màu.
- 4- ado: adolescent, tuổi 13-16

Con đế *Quán Nhu*

Thế này là quá lắm! Còn trời đất nào chịu nổi. Nhấn nhục Ba-La-Mật của tôi cũng có mức giới hạn. Tôi đứng lên, hít ba hít. Ngồi xuống, hít năm hít. Tâm tôi vẫn chưa tĩnh lặng. Mặt tôi vẫn dài thòng nên không mím miệng cười nổi. Tôi làm đủ mọi cách. Tọa thiền, hành thiền, ngọa thiền cũng không đi tới đâu. Tên bạn Úc cũng phòng ngấm nghĩa, quan sát một chập rồi hỏi: “Have you got a problem with that?”. “What’s that!”. Nó chỉ vào phần giữa hai mông. Tôi nói: “No”. Xong rồi tôi chỉ vào đầu “This!”. Tên bạn chỉ nói “Oh”, xong bỏ lên thư viện. Còn lại một mình, tôi nghĩ là bề gì mình cũng đã thề giữ tam quy ngũ giới. Không lẽ hạ sát giới. Ngày thi gần kề. Cứ sân hận thế này thế nào cũng thi rớt. Phạm thì phạm cũng chả sao. Tôi thấy bằng mọi giá “nó” phải chết. Tôi phải bóp “nó” nát trong tay tôi. Nhưng trước hết phải nghĩ ra mưu kế thần diệu nào để diệt đối thủ. Bạn bè ai cũng khen tôi là nặng chưa tới 45 ký mà mưu mẹo đã nặng hết 40. Nghĩ tới lúc không còn phiền toái vì nó nữa, tôi muốn hát thật to để biểu lộ tâm trạng giải thoát của mình, nhưng vì không nhớ trọn một bài hát nào, tôi ư ử một hồi rồi tắc tị. Tôi bỗng nhớ đến một tựa sách của Hemingway, tôi đắc ý nói thật to với “nó”: For ‘You’ the Bell Tolls!

“Nó” mà nãy giờ tôi trút tất cả sự nóng giận lên đầu là một con... đế! Không biết bằng ngã nào nó lên vào phòng tôi. Hễ tới ban đêm khi tôi sắp sửa mở sách ra học thì nó gáy. Lúc đầu nghe nó gáy cũng hay và tôi còn làm ra vẻ ngạc nhiên “Ồ Úc mà cũng có... đế?”. Tôi cứ để mặc nó gáy nữa là khác. Nó làm cho tôi nhớ lại cái thuở mà tôi còn là một “yên hùng” về nuôi và đá đế. Tôi nói gạt me tôi, trốn học ra đồng bắt đế. Chủ đất là cậu tôi, có lần bắt gặp, bắt tôi trối vào cây cau sau nhà, bỏ đói một ngày trời. Lần đầu tiên trong thời thơ ấu, tôi có dịp nghiền ngẫm triết lý về đế. Tôi

không thấy đau khổ vì cái chuyện bị bắt buộc phải tuyệt thực cả một ngày trời, mà chỉ hơi xấu hổ vì cô bé học dưới tôi một lớp ở trường Nguyễn Du, cứ trốn qua ẹo lại, nhìn tôi cười tủm tỉm. Mẹ tôi đêm nào cũng tụng kinh A Di Đà, thấy tôi ngất đầu mấy con đẽ thua trận, cắm vào một cây tầm, ngoáy ngoáy cho đẽ gấy, inc giảng cho tôi một trận về luân hồi, nhân quả. Tôi không hiểu mà cũng không muốn chú tâm nghe, đầu óc cứ lảng vảng vì cái chuyện Hoa Sơn luận.. đẽ vào ngày mai.

Tôi xin trở lại câu chuyện con đẽ trong phòng tôi, kéo quý vị lại nói tôi lạc đề quá xa, hay tưởng tôi bắt chước Lỗ Tấn định viết một quyển *Á Dế Chính Truyện*. Như tôi nói lúc đầu tôi khoái nghe con đẽ gấy. Nhưng sau đó tôi nhìn mấy trang sách mà không hiểu chữ nào, cứ bị ám ảnh vì tiếng gấy. Không những không học được, mà tôi lại đâm ra mất ngủ (May là tôi vẫn còn ăn được. Ở Boarding mà bày đặt ăn không được có mà chết đói). Con đẽ nó muốn gấy lúc nào thì nó gấy, nó chẳng tôn trọng nhân quyền của tôi một chút nào, trong khi tôi chưa hề vi phạm đế quyền của nó! Nó làm như là nó trả trọn tiền thuê phòng còn tôi chỉ là một kẻ ăn nhờ ở đậu! Nó làm như nó là cái rốn vũ trụ, chỉ một mình nó là hiện diện, còn người khác đều là... hư vô cả. Nó tưởng nó là đẽ thì nó muốn gấy thì gấy. Nghe một hai lần thì cũng hay hay, nhưng nghe một chấp tiếng gấy của nó trở nên bần xỉn, lổ bịch như tiếng gấy của một đứa tiểu nhân đặc chí.

Thôi thì bẽ gì tôi cũng phạm sát giới. Nghĩ tới đây tôi hơi run một chút, vì nhớ tới lời hứa trước mặt bổn sư T.A. vào ngày nguyên đán tại chùa Linh Sơn. Tôi nguyện là giữ giới luật nghiêm minh, tại sao bây giờ tôi lại muốn tàn hại một chúng sinh? Tôi phải tìm trong kinh điển và trong lịch sử để biện chính cho hành động của tôi. Tôi nhớ tới chuyện Bồ Tát trên thuyền phải giết một ác nhân muốn làm đắm thuyền để cứu năm trăm hành khách khác. *Sát nhất miêu cứu vạn thú!* Sát nhất đẽ, cứu cái sự nghiệp của tôi. Thi rớt tức là mất học bổng. Mất học bổng tức là không thể nào tốt nghiệp ra trường. Không tốt nghiệp ra trường tức là... Tôi không cần biện chính thêm nữa. Thế là đủ. Nó phải chết. Tôi bỏ một đêm rình nó. Biết nó nằm trong một góc tủ, tôi ngồi rình, sẵn sàng ra tay chop nó khi nó lên tiếng gấy. Như biết có nguy hiểm rình rập, nó im thin thít. Khi tôi sắp sửa lên giường chop mất một tí thì nó lại cất tiếng gấy. Rõ ràng là nó thách thức tôi. Chẳng lẽ tôi khùng lên vì một con đẽ? Tôi quên hết mấy cái nguyên tắc thờ ra hít vào. Thế là tôi bị con đẽ chơi một vố thật đau! Thù hận lên ngút ngàn trong lòng tôi. Tôi với nó không thể nào sống chung hòa bình hay hòa hợp hòa giải gì cả. Tôi phải thi hành chánh sách *ethnic cleansing* cho dù phải ra tòa án chiến tranh Liên Hiệp Quốc (nhưng nó đâu phải khác *ethnic* với tôi, nó với tôi khác nhau hoàn toàn về *spe-*

cies!) Tôi mắng mỏ nó đủ điều bằng tiếng Anh, nhưng đó đâu có hiểu ngoại ngữ nên vẫn tiếp tục gáy. Nhưng tôi có tới 40 kí lô mưu mẹo thì tôi đâu có chịu thua nó dễ dàng như thế. Người Cộng Sản có tới 3 dòng thác cách mạng. Sử dụng dòng thác mưu mẹo tư tưởng cần phải phối hợp với dòng thác khoa học kỹ thuật. Tôi ra siêu thị ngắm nghía cái quầy chứa các loại thuốc xịt côn trùng. Dân Úc sợ nhất là dán nên lọ nào cũng có hình dán, ruồi, muỗi, nhện nhưng không có lọ nào có hình con đế. Tôi đành phải mua một lọ xịt dán xài đỡ. Lần này nó làm tôi hao tài. Tôi xịt hơn nửa chai, quá “đồ” cho chắc ăn. Chẳng có xó xỉnh nào mà tôi không xịt; gầm giường, gầm tủ, gầm bàn. Nó có ba râu sáu cặp lân này nó cũng không thoát được. Quả nhiên nó im tiếng được hai ba đêm. Nó ngủm rồi chăng? *A Di Đà Phật*. Để thi xong tôi tìm xác nó, chôn hay thiêu và cầu siêu cho nó được vãng sanh. Lần sau đừng thêm làm đế. Làm cây thông hay cây tùng gì đó, khỏe hơn. Tha hồ đứng giữa trời mà reo. Lại còn được mấy ông bà *greens* bảo vệ, không ai dám dấn.

Nhưng nó chỉ im hơi có 24 hay 48 tiếng gì đó, nó lại cất tiếng gáy. Lần này giọng nó lanh lảnh, làm như thuốc trừ dán là thuốc bổ phổi của nó không bằng. Tôi vừa thất vọng, vừa tức tối. Tôi lắng nghe nó gáy một chập, tiếng gáy thì cao nhưng thỉnh thoảng có tiếng khịt khịt như người bị suyễn. Nó bị nội thương rồi chăng? Nó chỉ gáy để khiêu khích tôi mà thôi. Tôi lấy nửa bình còn lại, chơi xả láng. Phen này thì tôi yên chí và có thể tập trung tư tưởng cho kỳ thi sắp tới. Nhưng lần này thì tôi tuyệt vọng. Vài ngày sau nó lại gáy. Tôi đành đầu hàng. Tuy nhiên bất chước nhân vật A Q tôi áp dụng phương pháp thắng lợi tiêu cực. Tôi xem nó như không có, là hư vô. *Sắc tức thị không*. Nhưng tôi biết tôi tự dối mình. Tôi không thể nào quên nó được. Nó có mặt đó thách thức tôi. *Không tức thị sắc*. Nếu quý vị độc giả cho phép tôi được dùng từ ngữ của mấy anh kép cải lương, mấy anh nhà văn chống đối... bằng cái lỗ miệng, lúc nào cũng dùng mấy cái danh từ kêu như xe chữa lửa, nó là niềm đau nhức nhối của tôi. *Niềm đau nhức nhối* của tôi vẫn gân cổ gáy, xòe cánh gáy. Tôi cứ tưởng tượng lúc nó phùng cái cánh, vểnh cái râu mà gáy, chắc nó trông khá ố lăm! Tôi dùng thêm vũ khí của kẻ yếu: con gà nó chết vì tiếng gáy. Con đế cũng có ngày chết vì tiếng gáy cho mà coi. Tôi cũng dùng phương pháp cả vú lấp miệng em. Hễ nó gáy thì tôi hát. Tôi hát không đầu không đuôi, hát kiểu liên khúc, chỗ này một ít, chỗ nọ một ít. Thằng bạn chung phòng cho là tôi hết thuốc chữa, dạo này ít về phòng, ăn xong nó vọt lên thư viện. Cho đến một hôm tôi chợt nghe giọng hát vượt không gian vượt thời gian của tôi, tôi thấy mình quá lố bịch. Tôi đành chịu thua con đế. Từ trước giờ tôi ít chịu thua ai, thế mà bây giờ tôi lại chịu thua một con đế! Tôi đem *niềm*

dau nhức nhối của tôi kể lại cho một bạn. Nghe xong nó máng tôi có vắn có điệu, như tát nước vào mặt.

“Sao mày ngu thế! Cơm cha, áo mẹ, chữ thầy mày để ở đâu. Mày có miệng thì mày muốn ăn muốn nói. Có ai phàn nàn mày nói bằng miệng đâu, trừ phi mày nói dai, nói dài, nói dở hay nói dốt. Để nó có cánh thì nó gáy. Đó là chuyện tự nhiên nhĩ nhiên! *Cỏ vẫn xanh, liễu vẫn thắm*. Chỉ trừ có để mọi, để nhủi mới không gáy.”

Giọng thằng bạn đổi từ giận dữ sang mỉa mai, chế nhạo:

“Có khi nào mày nghe chính mày gáy không? Bao giờ mày cũng nói tôi là, tôi, tôi tôi... Lúc nào mở miệng mày cũng chê đàn anh là vô dụng, cờ tới tay không biết phất, hèn hạ. Mày chê đàn em là thiếu kinh nghiệm, là ngựa non hấu đá. Lúc nào mày cũng khoác lác nói chuyện đội đá vá trời. Mày dùng những danh từ thật kêu, lúc nào cũng hiu hiu tự đắc với cái thái độ xem trời bằng hạt tiêu. *Thiên ngoại hữu thiên*. Có ai ghi những lời mày nói để mày nghe lại, có lẽ mày cũng đâm ra ghét chính mày”.

Tôi ngậm miệng nghe nó chửi, không trả lời được một câu. Nó nói đúng tim gan phèo ruột của tôi, trả lời làm sao bây giờ?

Nói không sợ sai văn phạm, tôi gáy ngày, gáy đêm. Gáy khi ăn, gáy khi ngủ. Gáy từ lúc nhỏ tí teo cho đến nửa đời người vẫn chưa hết gáy. Càng gáy càng hăng. Thế tại sao tôi lại tức giận vì một con dế gáy?

Lời chửi của thằng bạn làm tôi tỉnh người. *Hoát nhiên đại ngộ*. Nhớ lại tiếng gáy của mình tôi chỉ muốn dọn thổ. Lúc mới lớn, khi nói chuyện với mấy cô gái thì lỗ tai lùng bùng, tôi đã gáy vang trời, vang đất. Chỉ trừ khi đứng trước cô Lựu, cô em bé bỏng có cái răng khểnh ở Kim Long, là tôi lú lười. Trưa thứ Bảy nào tôi cũng đạp xe đạp từ An Cựu xuống Kim Long, mà không thấy đường xa chi mấy. Chỉ cần nhìn thấy Lựu ông ọ từ xa, là tôi thấy khỏe như vừa mới uống một viên Cừ Long hoàn. Rồi qua cô em gái tôi cũng làm quen được với Lựu. Tôi hay rủ Lựu ra vườn bắp cạnh bờ sông ngồi nói vớ vẩn. Khi nào thêm bắp tôi lúng lờ nói: “Bắp của Cậu Tí tốt ghê hề!” Lựu tuy không thông minh lắm, nhưng cũng không đến nỗi chậm hiểu. Có lần bẻ mấy trái bắp của ông cậu đem nướng và cả hai cùng ăn. Có lần Lựu hỏi: “Nghe nói anh học giỏi nhất trường?” Tôi biết tôi con nhà nghèo, nhan sắc cũng thường thường, người đẹp như Lựu không có lý do gì lại muốn thân với tôi, trừ cái chuyện tôi nổi tiếng học giỏi. Tôi giả dờ ngạc nhiên: “Ai nói cho em biết rứa?” Tôi cố tình kéo dài chữ *em* cho nó có vẻ thân thiết. Xong tôi nói: “Chỉ có mới vài thành công lực thôi. Anh mà rán hết sức thì anh sẽ đề đầu đề cổ mấy đứa nó cả đời”. Xong tôi cười hô hố hay hăng hắc, tôi không nhớ rõ. Có điều là nếu có gì ghi lại giọng cười đó, chính tôi cũng thấy tôi khá ố nữa là người khác.

Nhưng tôi bất cần, vì lúc đó Lưu cũng thích chỉ cười theo. *Có thì có tự mảy may*. Tôi có cái nụ cười của Lưu ngày đó là tôi có tất cả tam thiên đại thiên thế giới. Ai nói gì mặc kệ. Lúc đó tôi không có để ý gì ngoài cái hình ảnh Lưu cười, lời mấy cái răng khểnh. Hình ảnh rực rỡ là hình ảnh Lưu cười bên sông Hương lấp lánh nước.

Không cần nói dài dòng, quý vị cũng biết những mối tình (mối tình? Tôi đi chơi với Lưu thì có, ngây ngất nhìn Lưu thì có, nhưng chưa có lần nào dám cầm tay nàng) không đi đến đâu đó chẳng đi đến đâu cả. Một người đẹp như Lưu lấy một ông học giả non choẹt như tôi... chắc là không dạng. Thôi thì tình trước phụ duyên sau, nàng đi lấy một ông trung úy phi công, lúc nào mặc quần áo một mảnh, hào hoa phong nhã như Toàn Phong hay Nguyễn Cao Kỳ. Có lần gặp Lưu ngoài phố, nàng khẽ đưa cái răng khểnh ra cười chào tôi. Tôi cười cầu tài chào lại, vì thấy chồng Lưu đeo lủng lẳng cái giẻ heo, trông phát ón. Thời chiến tranh, lính, nhất là mấy anh không quân, về thành phố muốn bán ai thì bán! Chả chơi đại!

Từ cái vụ thất tình đó, tôi càng đâm ra gáy dữ hơn. Thật tình mà nói, tôi học khá, viết lách cũng loẹt choẹt, có lần được đăng thơ trên tờ *Văn Nghệ Học Sinh* của Lê Bá Thắng. Nhưng vì có tật gáy quá, ai cũng ghét. Càng bị ghét thì tôi càng kiêu ngạo. Càng kiêu ngạo thì càng bị chúng ghét. Đúng là cái vòng luân hồi lẫn quẩn! Khi lên Đại học, tôi tự cho mình đã lớn. Lúc nói chuyện lúc nào cũng giả dờ dăm chiêu, nhú mảy, lúc nào cũng lo âu về những vấn đề trọng đại của đất nước: chiến tranh, cách mạng, hòa bình. Mở miệng ra là pha mấy câu tiếng Pháp "nè toa, toa có thấy lù... còn moa thì". Lúc nào cũng dẫn chứng các triết gia, nhà văn... thời thượng. Không Sartre thì cũng Camus. Không Camus thì cũng Nietzsche. Lúc đó chúng tôi sống ở một thế giới mà... *mặt trời không bao giờ có thực(!)*, kịch cỡm, giả trá (chúng tôi không chịu dùng chữ *giả trá*, chỉ muốn dùng chữ... *ngụy tín* cho nó có vẻ triết lý hơn). Và tôi cũng như các bạn hữu thế hệ cùng thời... mắc bệnh ngụy tín thực. Gáy quá, tôi cũng nghĩ là mình xuất chúng thực nên có khi bị lừa phỉnh một cách đau đớn. Khi ra trường tôi đi dạy học ở một tỉnh nhỏ. Có một lần đi chấm thi, một cô đồng nghiệp lén nhìn tôi, rồi quay sang nói nhỏ với một cô đồng nghiệp khác. Tuy là thì thầm nhưng cô cố ý nói đủ lớn để lọt lỗ tai tôi. "Ngó anh Như một chập thấy ảnh hao hao giống tài tử Perkins". Cái tài tình thiên cổ lụy của cô đồng nghiệp là ở cách dùng chữ. *Hao hao* thôi. Không ai kết tội cô nói láo được. Dùng chữ kiểu này còn hơn mấy nhà văn trường phái phản văn chương, phản triết lý! Biết là cái bẫy, nhưng tôi vẫn nhảy vào một cách sung sướng. Buổi chiều tôi ra các nhà sách lục lạo xem mặt

Anthony Perkins (may quá không phải cái lão Anthony Quinn xấu trai trong *Zorba The Greek*) đẹp trai tới mức nào. Tôi thấy đời thực đẹp, ra bờ sông Hàn uống bia một mình, thấy mình cao vời vợi và... đẹp trai như Anthony Perkins! Nhưng ngày hôm sau, cô đồng nghiệp khen tôi đẹp trai “thò thè” xin thêm điểm cho một đứa em họ (em họ này đáng nghi. Súng cà nông 125 ly bắn cũng chưa tới). Tôi đành ngậm bồ hòn làm ngọt, phết thêm cho thằng em họ... cà nông bắn của cô thêm mấy điểm. Nhưng nói cho thật tình, lúc đó cô xin cả đời tôi, tôi cũng cho nữa là mấy điểm thi tú tài. Khi cô cười và cảm ơn, tôi mới nhìn kỹ: cô cũng có hai cái răng khểnh! Trời ơi, sao đời tôi cứ phải khổ lụy về mấy cái răng khểnh như thế! Nhưng cô này khá hơn Lưu. Ít ra cô cũng gởi tôi một thiệp báo tin khi đi lấy chồng.

Xin lỗi quý vị độc giả, tôi đã lạc đề quá xa. Tôi xin trở lại cái chuyện con đế trong phòng tôi. Hồi tưởng lại quá khứ, tự nhiên tôi đâm ra thương con đế làm sao. Tại sao tôi lại có thể tìm mưu giết nó? Đế là nạn nhân của chính nó, cũng như tôi là nạn nhân tiếng gáy của tôi. Tôi thấy mình ngộ đạo nhờ một con đế. Mấy ông thiền sư có thể ngộ đạo nhờ ngó cây tùng cây bách, tôi cũng ngộ đạo nhờ nghe được tiếng đế, không phải sao? Rồi một biến cố xảy ra. Hơn một tuần con đế không còn gáy nữa. Hát nữa đi đế. Gáy nữa đi đế. Hát điệu nhạc buồn, vui gì cũng được. Hát di, hát di. Lúc trước tôi mất ngủ vì con đế gáy thì bây giờ tôi cũng mất ngủ vì nó không chịu gáy. Khi tuyệt vọng người ta hay quay về thế giới siêu nhiên. Tôi van vái Trời Phật làm sao cho con đế gáy. Nhưng nó vẫn bặt tăm. Mệt mùng tằm dạng. Đúng là trời cao có mắt. *Không thì cả thế gian này cũng không.* Nói theo điệu triết lý cùn, tất cả chỉ còn là *im lặng của hố thẳm!*

Vài ngày sau, khi dọn phòng, tôi thấy xác con đế nằm chết khô trong gộc tủ. Cánh của nó vàng sạm, dòn khô. Tôi để con đế trong lòng bàn tay tôi, nâng niu cái xác khô của nó. Mắt nó vẫn trong và trong một sát na, tôi bỗng thấy chúng long lanh như vừa muốn khóc. Tôi không sợ xấu hổ khi thú nhận với quý vị, lòng tôi tan nát. Một chúng sinh tan đi trong vũ trụ vô cùng, trong thời gian vô thủy vô chung, đâu có nghĩa lý gì. Nhưng nó với tôi bây giờ đã tương tức tương hiện. Nó có chọc ghẹo gì tôi đâu! Nó là đế thì nó gáy. Những chuyện như chọc tức, chống đối, thách đố đều do chính tâm cảnh của tôi tưởng tượng ra cả. *Tôi tạo ra chính cái ngục tù để làm khổ tôi.* Con đế đáng thương của tôi mới mấy ngày trước còn hăng hái gáy, bây giờ đã chết khô trong tay tôi. *Khi bất diệt đi ngang dòng sinh diệt.*

Đọc lại những gì tôi viết ở trên tôi lại đâm ra băng khuâng. Ban đầu tôi định viết một chuyện vui, vì tôi nghĩ tài “u mặc” (mấy anh ba phiên

âm từ chữ *Humour*) chưa chắc gì đã thua Lâm Ngữ Đường (Xin hứa với quý vị đây là lần chót mà tôi gáy!) Sau đó tôi lại nhớ đến quãng thời thơ ấu làm tôi buồn bã không cùng. Như cô Lựu răng khểnh của tôi. Hình ảnh đậm đà của ba mươi năm tình cũ là hình ảnh Lựu cười, đôi mắt long lanh giữa dòng sông lấp lánh nước. Cái răng khểnh của Lựu cắn ngập nửa trái bắp non. Ôi những mùa hè năm cũ, khi tôi còn là một con đẽ khờ dại, ngồi cạnh bờ sông, yêu vô cùng đời sống. *Dòng nước buồn hiu hắt khểnh ơi!*. Như cô đồng nghiệp khen tôi đẹp trai như Anthony Perkins. Tuy cô có hơi xạo một chút, nhưng cô là nguồn cảm hứng rào rạt của những vần thơ làm ly bì đất của tôi. *Em hai mươi tóc xoắn dài. Sóng Nha Trang vọng tiếng dầy trên môi*. Và con đẽ của tôi, con đẽ đã cho tôi một bài học quý báu. Tôi lén chôn nó dưới một cây *jacaranda* trong *Campus*. Tôi chỉ muốn đưa tiễn cái hình ảnh của con đẽ ngày ngò ngày nào, nằm giữa những hàng hoa bắp lay, cạnh dòng sông lấp lánh nước.

Bat: Bùi Giáng khi viết tập thơ *Mưa Nguồn*, đã gửi tặng mấy con chuồn chuồn Phi Châu. Tôi cũng bắt chước tiên sinh, tặng đoàn văn này cho mấy con đẽ Úc Đại Lợi.

PHÂN ƯU

*Chúng tôi vô cùng xúc động nhận được tin
thân phụ của bạn văn Nhật Nguyễn (New Orleans, Louisiana)*

Cụ Nguyễn Quốc Thùy

Vừa thất lạc vào lúc 8.00 tối ngày thứ tư 1 tháng 11 năm 2000 tại Việt Nam, hưởng thọ 75 tuổi

Xin chân thành chia sẻ cùng Nhật Nguyễn, Hữu Việt và tang quyến nỗi mất mát to lớn này.

Nguyện cầu hương linh cụ sớm về nơi an bình.

Bùi Trần Tuấn, Cao Đồng Khánh, Đàm Quang Vinh, Dư Mỹ, Đức Phổ, Hà Huyền Chi, Hà Nguyên Du, Hoàng Ngọc Liên, Hoàng Chính, Hoàng Lộc, Hoàng Xuân Sơn, Khánh Ly, Lâm Chương, Lương Thư Trung, Lưu Nguyễn Từ Thức, Mai Anh Việt, Nguyễn Trung Hối, Nguyễn Khánh Hòa, Nguyễn Vĩnh Long, Nguyễn Hoàng Đoan, Nguyễn Vy Khanh, Nguyễn Văn Sâm, Nguyễn Thị Thảo An, Nghiêu Minh, Phạm Ngọc, Phạm Ngọc Vinh, Phạm Ngũ Yên, Phan Xuân Sinh, Quan Dương, Song Vinh, Thu Thuyền, Trần Trung Đạo, Trần Quán Niệm, Trần Thái Văn, Trần Doãn Nho, Triều Hoa Đại, Trương Gia Vy, Tường Vi, Trầm Hương, Thanh Trúc, Viêm Tịnh, Vũ Đức Thanh, Nguyễn Mộng Giác & Diệu Chi.

Nhu thơ NHU CHI

Bỗng một buổi trời nhu xanh trở lại
Nắng huy hoàng trên từng đóa mây to
Ta khám phá lòng vẫn còn thơ dại
Và tình thương vẫn biển rộng không bờ
Chú chim hót những sớm xưa khuya cũ
Những đêm hè nằm ngắm khuôn trăng mơ
Tiếng mẹ trầm trầm những câu chuyện kể
Đất ta về thời cổ sử hoang sơ
Cũng một đêm, đêm nay, ta sống lại
Với trăng này, mây ấy, gió lơ thơ
Thấy đời sống ta, và đời tất cả
Đầy ắp yên vui, và vĩnh cửu không ngờ
Ôi trăng, ôi trăng
Ôi mây và hơi gió
Những hôm qua đã gặp gỡ bây giờ
Muôn kiếp trước kiếp sau phút giây hội ngộ
Sống một đời, sống vạn đời
xanh muốt những vần thơ.

.....

Ta ước làm sao lòng ta lòng người sáng tỏ
Dù thế gian còn đêm tối mịt mờ

.....

Có khi ước làm mây bay
Có khi ước làm trẻ nhỏ
Có khi tan trong một bài thơ
Có khi là một câu chuyện kể

Chúng ta là tất cả
Đã là trẻ thơ từng là mây từng là biển cả
Chỗ nào đi và chỗ nào về
Đêm nằm nghe những con sóng vỗ
Tiếng sóng trăm trăm
Tiếng sóng trong mơ

.....

Những vần thơ như trên mây cao
Những vần thơ hiền như bầy trẻ nhỏ
Bầy trẻ nhỏ chạy chơi dưới cơn mưa rào
Chạy theo điệu bay ngày hè lộng gió
Ôi những vần thơ, ôi những ngày thơ
Những bình minh xanh
Những hoàng hôn đỏ
Những bài tình ca và những câu hò
Những ngày muọt mà trên quê hương đó

.....

Những giấc mơ nối tiếp giấc mơ
Vài mươi năm chẳng đầy một giấc
Trong giấc mơ lại cố mơ thêm
Chạy ngược xuôi theo bao được mất
Còn cho ta những gì đây
Mỗi khi giấc mơ hết.

.....

Giấc mơ hết
Ngày hè mới mẻ
Nắng chói chang và mây thì bay
Cây khoe lá – hoa thì khoe sắc
Con người ngồi con mắt hấp háy!

Vĩnh đen

Hoài Mỹ

*"Dù thoát ra nước ngoài, người Việt vẫn
không tẩy được bẩm sinh làng xã"*

Thuy Khuê.(*)

Người Việt ở thành phố này gọi anh là Vĩnh đen. Mà anh ta đen thật. Đen không ngờ. Gặp Vĩnh lần đầu, dố ai dám nghĩ anh là người Việt. Và nếu muốn bắt chuyện với anh, người ta coi như đương nhiên phải sử dụng tiếng Anh, thứ ngôn ngữ quốc tế: *How do you do?* Đến khi nghe anh trả lời bằng tiếng Việt, mười người như một đều trợn mắt thốt lên như thể vừa chứng kiến một sự lạ:

"Ủa, người Việt hả?... Cứ tưởng..."

Người ta ngưng lại kịp thời, nhưng Vĩnh cũng thừa hiểu câu nói bỗ lũng đố. Anh chỉ nhe bộ răng màu cà phê sữa, cao giọng thoải mái:

"Chắc tưởng Mỹ lai hay Phi châu chứ gì?"

Cười trừ.

Đã đen, Vĩnh lại xấu. Phải nói thẳng như vậy dù muốn giữ chút lịch sự tối thiểu. Một tác giả - chắc để an ủi những kẻ thiếu may mắn về nhan sắc - đã viết đại khái rằng trên đời này không ai xấu cả. Ở mỗi người bị đánh giá lầm là xấu đó, vẫn có nét duyên ngầm hoặc một điểm đáng yêu nào đó. Tôi cũng đã tin như vậy nên nhiều lần (công khai có, len lén cũng có) ngắm Vĩnh đen, nhưng tuyệt nhiên không khám phá được ẩn số nào nơi anh ta. Chịu! Tôi vốn kém khả năng miêu tả nhân vật, thành thử ở đây không dám liều phác họa diện mạo của Vĩnh đen, sợ không "lột" được hết, không "đạt" được đầy đủ, ấy là phạm đến chân lý. Thôi để gọi là có cầu chứng tại tòa, tôi chỉ xin ghi nhận phản ứng của các cô gái lỡ thì hay những góa phụ nào bị gán ghép với Vĩnh đen:

"Thèm vào, xấu như quỷ!"

Chưa một ai thấy quỷ, nhưng thành ngữ này có ý ám chỉ một sự tuyệt đối. Vậy ta có thể an tâm kết luận: Vĩnh đen xấu hết thuốc... bào chữa!

Một phần do trời bắt Vĩnh đen làm một người đàn ông xấu, phần nữa cũng bởi chính anh tự tạo cho mình. Cách nay khoảng mười lăm năm, Vĩnh đen cùng với những người chung thuyền vượt biển được tàu Na Uy vớt trên biển khơi rồi chở về đây cho định cư. Chỉ hôm trước hôm sau Vĩnh đen đã trùm khăn kín mít từ đỉnh đầu xuống cổ. Bộ mặt đã đen bầm sinh giờ lại chìm sâu trong bóng tối nên càng kịt lại. May còn có cặp mắt động đậy. Mà mắt này trông trắng nhiều hơn trông đen, lại lớn quá khổ, với con ngươi lơ lơ, giống kiểu mắt lợn luộc. Đàn ông chê Vĩnh đen trùm khăn như dân nhà quê. Đàn bà thì kêu khiếp, cứ chòm hụp như mẹ sẽ nằm ổ. Vĩnh chỉ nhún vai liên tiếp ba bốn cái, ra kiểu rùng mình:

"Rét lắm!"

Ở Na Uy mà kêu rét thì đúng điệu quá rồi. Nhưng lạnh thì người ta đội mũ len, mũ da, mũ dạ hay mũ ny lông chứ, hoặc nếu quấn khăn thì ít ra cũng kiểu của tín đồ Hồi giáo hay kiểu dân Ấn độ, đằng này Vĩnh đen như cố tạo cho mình một lối riêng, độc đáo, bất kể thẩm mỹ hay sự chướng mắt của thiên hạ. Trước hết Vĩnh đen phủ ba bốn lớp vải trên đỉnh đầu thành một ụ cao rồi kéo hai đầu khăn xuống đôi bên thái dương, xiết lại cho ôm gọn khuôn mặt, sau đó còn bao nhiêu vải thì quấn vòng quanh cổ. Đầu hai đuôi vải được cài lại bằng chiếc kim băng to cỡ ngón tay trỏ. Từ thời Vĩnh không thay đổi kiểu. Người ta đồn ban đêm ngủ, Vĩnh đen cũng vẫn trùm khăn như vậy, chỉ trừ nam thì mười họa phải gội đầu hay để cắt tóc mới bắt dắc dĩ phải gỡ ra mà thôi.

Phần sợ thời tiết lạnh lẽo, phần ngại tiếp xúc, Vĩnh đen ẩn mình trong nhà nhiều hơn là đi ra ngoài. Căn phòng của Vĩnh nằm trên tận cùng một chung cư 15 tầng mà người Việt quen gọi là *New York City*. Nơi đây thanh niên độc thân ở đông hơn cả. Ấy vậy những lời bình phẩm vẫn bay lên được, chui qua khe cửa, đập vào tai Vĩnh:

"Người gì mà ở bẩn hơn heo!"

"Chưa đầy ba chục tuổi đầu mà cứ làm như ông cụ!"

"Úi dà, làm bộ làm tịch để trốn việc quan đi ở chùa!"

Vĩnh đen chẳng oán trách ai hoặc cãi cọ lại. Nhưng trời xanh có mắt, cũng đưa đẩy cơ hội để Vĩnh thanh minh. Số là, một hôm có ba người đồng hương đứng tuổi đến bấm chuông phòng Vĩnh, không phải để thăm anh, nhưng nhằm khuyến dụ anh gia nhập đoàn quân cầm tử cứu quốc. Vĩnh than thở:

"Chẳng giấu gì các bác, em vốn bị bệnh... sốt rét ngã nước từ hồi đi kinh tế mới sau giải phóng, bây giờ chẳng còn sức đâu mà múa máy."

Bác lớn tuổi trợn mắt và nhanh nhẩu lên tiếng trước:

"Ấy chết, thế đã thuốc thang gì chưa?"

Vĩnh đen vừa rót thêm nước trà cho khách vừa nói ra chiều chán nản:

"Rồi. Thế nhưng ở đây Na Uy cho toàn thuốc tây mà cơ thể em lại kỵ thuốc tây mới khổ. Giá có thuốc dân tộc thì đã chữa dứt rồi."

Người có bộ mặt bánh bao nhất trong bộ ba sứ giả vội tiếp lời:

"Khó gì, nói người nhà ở Việt Nam gửi qua cho. Bằng không, cứ chuyển tiền sang Mỹ nhờ ông lang bướm trắng hay bướm đen, à quên... bướm vàng gì đó bắt mạch kiểu thần giao cách cảm mà bốc thuốc cho. Lá cây ở đâu thì cũng là... dân tộc cả."

Giọng Vĩnh vẫn yếu ớt:

"Dạ không, thuốc dân tộc của em đặc biệt lắm."

Bác trung niên chỉ chờ dịp này để lên tiếng sau khi nhấp thêm hụm trà:

"Thì cũng lắm thêm nhân sâm, mật gấu hay hai ba hột dái hải cẩu thì cứ gọi là bệnh quỷ đã có thuốc tiên!"

Nhưng Vĩnh lắc đầu, ngẫm nghĩ vài giây rồi mới hạ giọng:

"Xin các bác giữ kín cho... Xưa, em chữa bệnh bằng cách ăn... giun đấy."

"Hả?"

Cả ba cái miệng đồng loạt mở toang ra; nước trà toé cả xuống cằm, xuống áo. Giọng Vĩnh đen vẫn đều đều:

"Vâng, giun, à... trùn. Cứ độ một vốc trùn thể này bỏ vào tô cháo trắng mà nhắm mắt nhắm mũi nuốt."

"Khiếp!... Thật không đấy?"

Vĩnh đen chỉ thở thật dài thay câu trả lời.

Câu chuyện ở thượng tầng ngôi nhà chọc trời tưởng đã bay lên không trung, theo mây gió, ai ngờ lại có trọng lượng, lan tràn trong giới người Việt. Không đầy một ngày một đêm sau đường như ai cũng biết Vĩnh đen ăn cháo giun để chữa bệnh sốt rét ngã nước. Có người quả quyết:

"Tôi còn lạ gì chỗ kinh tế mới của chú Vĩnh đen. Ngày xưa tôi đi hành quân mòn mỏi dờ dờ ở đấy. Phải, nước độc lắm. Suối, lạch lúc nào cũng đỏ như máu. Lếng phếng nhúng chân xuống đấy, không những lông lá rụng mà có khi cả da thịt đều tuột ra hết. Chú Vĩnh đen chỉ bị sốt rét là còn phúc đức bấy mươi đời, cứ như người khác thì... tiêu từ lâu rồi!"

Lại có kẻ tỏ ra thành thạo hơn:

"Gì mà kinh! Trùn nó ăn đất chứ ăn cứt dái gì mà bảo ghê với gớm. Thuốc đáng đã tạt. Bây giờ ông Vĩnh đã kể ra rồi tôi mới dám nói, chính mắt tôi có lần chứng kiến ông Vĩnh xào một đĩa giun rồi ngồi nuốt như thể mình ăn sò-ba-ghét-ti vậy."

Thấy các bà, các cô nhân mặt kêu khiếp quá, người này như được kích thích thêm, hùng hồn:

"Ồ Na Uy này khí hậu lạnh, giun giếch chui sâu xuống lòng đất, nếu không, mình chịu khó ngày nào cũng đào lấy một mớ cho ông Vinh ăn, bảo đảm chỉ đảm bữa nửa tháng là tiết bệnh ngay. Giun Na Uy béo lại sạch sẽ, tẩm ít bột, chiên thêm tí bơ lên thì phải biết là ngay. Gì chứ người Việt với nhau, một con ngựa đau cả tàu không ăn cỏ!"

Tuy vậy vẫn có vài người tỏ ra... tiếc rẻ. Họ nghĩ đáng lẽ mình phải là người đầu tiên khám phá việc Vinh đen bị sốt rét ngã nước, chứ không để đương sự tự thú như vậy. Khó gì, kẻ bị bệnh này bao giờ cũng xanh rớt hơn tàu lá. Đàng này, chỉ vì Vinh... quá đen mà họ mất cơ hội chứng tỏ con mắt tinh đời và kinh nghiệm y lý của mình. Tiếc là phải!

Nhưng cũng từ dạo đó đa số người Việt tỏ ra thông cảm với Vinh đen nếu muốn tránh hai tiếng tội nghiệp. Chẳng mấy ai còn trách cái sự trùm khàn kín mít của Vinh nữa. Ngoài ra việc Vinh không đi làm, ở nhà hưởng trợ cấp an sinh xã hội cũng được dư luận đóng dấu có chính nghĩa. Chỉ thỉnh thoảng các bà, các cô có dịp tán gẫu, lại lời cái miệng của Vinh ra mà bình phẩm để rồi ai cũng cảm thấy... kinh kinh làm sao ấy!

Rồi không hiểu phát xuất từ đâu tin Vinh đen đang sửa soạn tự tử. Như bụi đường bị cơn gió thổi, tin hấp dẫn này cuốn cuộn bốc lên bay nhanh. Một người kể, mười kẻ nhắc lại, cuối cùng cả cộng đồng người Việt đều bàn tán. Chỉ có Vinh đen là chẳng biết gì. Mà nếu có nghe được, chắc Vinh cũng ngạc nhiên không hiểu mình có ý định ấy từ bao giờ. Người tỏ ra sành tâm lý và đời sống hải ngoại say sưa giảng giải:

"Vinh nó không tự tử tôi mới ngạc nhiên, còn nếu nó... làm thật, ấy cũng thường thôi! ở cái xứ lạnh lẽo khi ho cò gáy này, người có gia đình, đỡ khổ, chứ còn độc thân, tránh sao khỏi chán đời. Tối ngày cứ ru rú trong nhà, lại không có việc gì làm, thì không muốn chết trước cũng tự ý chết sau. Nhất là vào mùa thu, mùa đông. Ban ngày mà trời cũng chỉ tranh tối tranh sáng, cảnh vật lúc nào cũng như đờ đẫn. Mà cảnh buồn, người có vui đâu bao giờ. Bó chân bó cẳng chẳng đi đâu được. Vả lại có đi, cũng không biết đi đâu. Ngồi lì ở nhà, tì tì cà phê thuốc lá, đầu óc không mụ ra thì cũng đầy ý nghĩ đen tối. Cuối chỉ có chết mới là... thượng sách! Thanh niên Na Uy còn tự tử cả đồng hướng hồ giới trẻ ngoại kiều độc thân!"

Nhưng rồi Vinh đen vẫn sống. Phần chờ đợi lâu cũng nản, phần lúc đó xảy đến nhiều chuyện mới khác, dư luận dần dần quên Vinh đen. Bấy giờ đề tài thời sự nóng bỏng là chuyện về Việt Nam. Khởi đầu người ta ghi

số những ai mau mắn “đáp lời sông núi”. Kể nào sớm xâm mình về thăm quê hương thì hoặc bằng mọi cách giấu giếm hành vi của mình, bằng không, đành chấp nhận bị tập thể cô lập hóa vì đã dám thân với *Việt cộng khát máu*. Nhưng chẳng bao lâu sau, thiên hạ đua nhau về nước. Đảng Cấp Tiến Na Uy vốn có chính sách kỳ thị chủng tộc, thấy người Việt tị nạn cộng sản đã có thể vô, ra Việt Nam mà vẫn an toàn, bèn hồ hoán đòi đuổi người Việt về nước. Một số văn phòng du lịch đều đều hốt bạc của kiều dân Việt. Nhất là vào dịp hè và tết Nguyên đán. Vế máy bay phải được đặt trước hai ba tháng, chậm chần kể như *mộng không thành*. Khá đông thanh niên hoặc tình duyên bị ế ẩm hoặc gia đạo nửa đường đứt gánh cũng tranh nhau bay về nước kiếm vợ. Kết quả, không ai bị thất vọng dù kẻ dó thuộc hạ tầng cơ sở ở nước ngoài hoặc tâm trí tứ thời thất thường. Năm sáu ông cụ độc thân tại chỗ bỗng xuân tình phơi phơi trở lại, cũng vác được từ trong nước ra một cô vợ mới, trẻ ơi là trẻ!

Thế rồi việc di di về về Việt Nam cũng trở thành chuyện cơm bữa. Cuộc sống trở nên độc điệu dù rằng những chuyện riêng tư của người này, kẻ nọ vẫn là đề tài chung cho các cuộc gặp gỡ hay trong những buổi họp mặt trong vòng bạn bè thân mật.

Bỗng dưng một cái, Vĩnh đen *đổi mới*. Anh đoạn tuyệt với cái khăn cổ hữu chùm hụp trên đầu. Tóc cắt ngắn, gọn gàng dù đã nhuộm sương điểm tuyết. Khuôn mặt anh như sáng ra được một chút. Thiên hạ đoán quyết hiện tượng canh tân này hẳn phải có *chiều sâu* nào đây. Nhiều người muốn đóng vai trò điệp viên, tin tưởng mình sẽ khám phá trước nhất sự bí mật của *bước rẽ* này trong cuộc đời Vĩnh đen. Nhưng anh vẫn chỉ ngậm miệng như hến. Cho đến một hôm, như một trái bom nổ, tin động trời vang dội đến tận từng nhà *đồng bào*: Vĩnh đen bảo lãnh vợ từ Việt Nam! Thoạt nghe, các bà các cô bĩu môi, phán liền: “Ma nào mà nó thêm lấy thàng quý ấy!” Chẳng mấy ai dám tin. Nhưng lời đồn đãi mỗi ngày mỗi sôi nổi, như khi thị trường chứng khoán gặp lúc khủng hoảng. Nguyên nhân cũng chỉ vì Vĩnh vô tình nhờ một người giải thích cách điền mẫu đơn xin phép nhập cảnh Na Uy cho người phối ngẫu. Mà một người đã biết, át trăm họ đều hay. Nhiều khi người bên ngoài còn rõ sự việc hơn kẻ trong cuộc. Theo dư luận, cuộc hôn nhân của Vĩnh đen hoàn toàn do sự mới lái của gia đình bên Việt Nam. Bước đầu, người nhà viết thư nhắc nhở Vĩnh đen về trách nhiệm của người con trai trưởng trong việc duy trì tông đường đồng thời nhấn mạnh rằng tuổi đời của anh cũng đã cao trong khi cha mẹ ngày một mỗi mòn trông mong có cháu nội để bồng trước khi về với *ông bà*. Vĩnh đen hiểu ý thân nhân, nhưng trong thư hồi âm anh thú

thật những trắc trở trong việc chọn *bạn trăm năm* ở ngoại quốc. Anh kết thúc lá thư: "Thôi thì cứ dặt lẽ quê thói, con tuy phận trai nhưng cũng chịu cha mẹ dặt đầu con ngồi đó". Người nhà viết sang, khen Vinh như thế là có hiếu lắm đấy, vậy cứ chọn tấm hình nào đẹp nhất thì gửi về. Sau đó, người nhà gửi ảnh của một cô gái qua hỏi anh ưng không, anh trả lời ưng. Người nhà nhắn thế thì gửi nhanh về các giấy tờ tùy thân do chính quyền Na Uy cấp bằng Anh văn, anh thực hiện ngay. Người nhà lại bảo cần một số tiền để "chạy" giấy chứng nhận đã đính hôn ở phòng hộ tịch xã, quận. Anh chuyển đó là về liền. Thế là anh được vợ thôi!

"Cái thằng, lù lù vác cái lu!"

Đó là lời kết luận của một số người lớn tuổi nhằm ca ngợi chiến công của Vinh den. Thế nhưng không phải ai cũng nhất trí như vậy. Có kẻ bảo, có tiền mua tiên cũng được ở Việt Nam, huống gì vợ. Có người lại nói, vô phúc cho cô nào lấy phải Vinh den. Trong khi đó Vinh hí hửng thật sự. Ai hỏi thăm, anh cũng vui vẻ trả lời "nhà tôi" thế này, "nhà em" thế nọ. Thái độ hạnh phúc của Vinh den dường như đã làm nhiều người chướng mắt, ngứa tai:

"Rồi sẽ trở mắt ếch cho mà xem!"

Không hiểu câu nói này có ý thương hại Vinh den hay là một lời nguyên rủa?

Phải khách quan công nhận Na Uy là một quốc gia vừa nhân đạo vừa khôn ngoan. Việc đoàn tụ gia đình bao giờ cũng được xếp hạng ưu tiên. Chính phủ lại tỏ ra dãi ngộ thanh niên ngoại kiều độc thân. Họ sợ những kẻ này vì cô đơn mà dễ sa chân vào các tệ đoan xã hội. Châm ngôn của nhà cầm quyền vì thế mới là "công an trị không bằng...vợ trị". Thành thử chẳng cần phải có hôn thú chứng minh đã thành vợ chồng, các đơn xin bảo lãnh hôn thê, hôn phu hầu hết được chấp thuận tương đối nhanh chóng với điều kiện "*phải cưới nhau thật sự sau ba tháng nhập cảnh, bằng không người được bảo lãnh sẽ bị trục xuất về nguyên quán*". Nhờ vậy Vinh den sau khi nộp hồ sơ cho nha Ngoại kiều, không phải chờ đợi lâu, đã có quyền sửa soạn đón "nhà em" ở phi trường.

Hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh (*), Vinh den đi rước vợ chưa cưới. Vinh den diện bộ đồ lớn. Vinh mua thứ quần áo mặc liền, không kịp sửa, do đó dài rộng hơn nhu cầu của khổ người của anh. Đôi giày da màu vàng nghệ với đế cao và nhiều đường rãnh cựa để đi trên tuyết khỏi trơn cũng giúp anh cao thêm được ít phần. Vinh nhuộm tóc cho hợp với màu cổ định của cơ thể. Anh dùng cả hai tay để ôm một bó hoa lớn. Cặp mắt của anh biểu lộ rõ nhất những cảm xúc, như thể muốn nói

giùm anh rằng: “*Cảnh vật chung quanh đều thay đổi vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: Hôm nay tôi có vợ!*”(*) Một số người Việt cũng có mặt ở đây, đàn ông có, phụ nữ nhiều hơn, nhưng đông nhất vẫn là đám thanh niên độc thân. Họ bày tỏ tình nghĩa đồng bào, muốn chia sẻ niềm vui với Vinh đen, nhưng trong thâm tâm phần đông hiện diện vì tò mò. Vinh đen vốn bản tính chất phác chỉ thấy những người đồng hương này nhiệt tình với mình. Ai đến vỗ vai “chia mừng nhé”, anh cũng xúc động nói không ra lời. Phần hồi hộp, phần trời lạnh, Vinh cảm thấy bụng dưới của mình mỗi lúc một căng lên, tức thêm. Nhưng anh không dám chạy đi giải quyết, sợ lúc mình vắng mặt, máy bay hạ cánh. Thỉnh thoảng Vinh lại xuýt xoa qua kẽ răng khiến mấy người đứng gần lo ngại cơn bệnh sốt rét ngã nước của anh tới kỳ tái phát.

Cuối cùng giây phút long trọng cũng đến dù chậm hơn nửa tiếng như đã báo trước. Giữa đám hành khách Tây phương cao lớn một cô gái Việt Nam e ấp từ phòng trình giấy thông hành tiến ra. Vinh đen nhận diện được liền vợ mình. Anh đứng ngây người, quên hết mọi sự.

“Cha nội, tặng bông đi chứ!”

Đồng thời với lời nhắc một bàn tay đẩy mạnh vào lưng Vinh. Anh bước tới, trao hoa, dường như còn định ôm hôn vợ hay cọ má gì đó nhưng anh bỗng thụt lại. Ánh đèn của máy ảnh lóe lên liên tiếp, thu vội cảnh tượng tình cảm đầu đời của Vinh đen. Thế nhưng các cặp mắt của những người khác lại chỉ chú mục vào cô gái mà thôi. Có lẽ thiên hạ nghĩ Vinh đen đã bị đánh giá là... “thằng quí” thì kẻ đồng hành phải là... “con ma” mới xứng đôi vừa lứa. Nhưng không, người mà Vinh đen đón sang Na Uy làm vợ lại là một cô gái trắng trẻo, có khuôn mặt thanh tú, mái tóc dài và đen mượt, đặc biệt ăn nói linh hoạt. Quả thật, “một trời một vực” so với Vinh đen! Bởi vậy không lạ trong lúc trở về thành phố, trên chiếc xe chạy sau xe của vợ chồng Vinh đen, một bà đã không nén nổi cảm xúc của mình, thở dài:

“Thứ đó cùng lắm chỉ được ba bảy mai mười một ngày là... cuốn gói!”

Tức thì diễn ra một cuộc đánh cá “một ăn mười” về số ngày Vinh đen có vợ trước khi trở lại tình trạng “độc thân tại chỗ” như thuở ban đầu.

Đón vợ qua được ít ngày, Vinh đen làm một “bữa cơm thân mật” nhưng cũng đủ các món *chính qui* và ề chè bia rượu để “nhà em có dịp ra mắt các bác, các cô, các chú”. Phải nói, đây là một sự cố gắng vượt bậc của Vinh đen, bởi bản tính anh khép kín, không ưa những cuộc hội họp linh đình hoặc ăn nhậu ồn ào. Vợ anh phải thuyết phục:

"Thủ tục ở đời phải vậy, anh à. Mình đã không tổ chức đám cưới được, cũng nên có chút gì đãi đằng bà con, bằng không người ta cười cho keo kiệt, em còn dám vác mặt đi đâu."

Có lẽ đây là lần đầu và cũng là duy nhất Vĩnh đen bất đồng ý kiến chút xíu với vợ. Nhưng cuối cùng Vĩnh đen cũng hoan hỉ để vợ trở tài nữ công gia chánh trong khi anh đi mời khách.

Thời gian ngắn sau Vĩnh đen già từ cao ốc chung cư, đưa vợ ra cư ngụ ở một gian nhà vùng ngoại ô. Theo lời bàn tán, sở dĩ Vĩnh đen phải dọn đi vì sợ lũ thanh niên độc thân cuồn cuộn vợ. Đúng hay sai, không ai kiểm chứng được, trái lại người ta chỉ thấy vợ chồng Vĩnh đen ngày ngày cặp kè dạo phố. Lúa tốt nhờ phân, vợ Vĩnh đen trẻ đẹp hơn nữa trong những bộ âu phục cắt may đúng một hợp kiểu. Ngược lại, Vĩnh đen vẫn như cố thủ trong những manh quần, tấm áo dài rộng quá khổ và có khả năng *vượt thời gian*. Thân thể anh nhìn xạm hắc đi, lưng đã khởi sự hơi khòm xuống. Máu đen cổ hữu không che nổi các vết nhăn trên khuôn mặt hốc hác của anh. Về tiêu tụy này khiến dư luận suy đoán về hậu quả Vĩnh "bị hút hết sinh lực" hoặc đã gây cảm hứng cho thứ văn chương truyền khẩu: "vợ thì như thể nàng tiên, chồng thì như thể là tên ăn mày". Đường như ở đâu có sự hợp mặt của ba bốn người trở lên, Vĩnh đen lại trở thành đề tài tranh cãi sôi nổi:

"Này, liệu cha Vĩnh có con nối không?"

"Sao không! Vĩnh đen đâu đã già lắm, dư sức qua cầu!"

"Đành thế, nhưng đàn ông này Vĩnh đen đang mang bệnh."

"Bệnh gì, Aids hả?"

"Bậy! Sốt rét ngã nước! Bộ không nhớ à? Những người bị bệnh này kể như tuyệt sản."

"Thật sao?"

"Ừ, cứ chờ rồi biết!"

Và lại diễn ra các trận đánh cá "một ăn mười". Cả khối người Việt ở thành phố này lại hồi hộp chờ đợi. Như một cuộc chơi xổ số. Trong khi đó Vĩnh đen vẫn không biết mình đã vô tình trở thành "nguồn vui của thiên hạ" như nhiều kẻ lúc buồn miệng thường tuyên bố vậy. Ngay cả vợ Vĩnh cũng thế, được chiều cố tận tình mặc dù mới đến Na Uy, chị chưa có người bạn thân nào ở thành phố này hoặc chị cũng chưa có dịp tụm năm túm ba với nhóm bà này hay đám các cô khác. Có lẽ người ta chú ý đến chị chỉ vì chị là một biểu tượng đối nghịch với chồng... nhưng cũng có thể chị gây ra những kết quả trái ngược với những dự đoán của người ta. Ấy đấy cũng như lần này, hầu như ai cũng đinh ninh rằng Vĩnh đen không thể có con vì

căn bệnh sốt rét ngã nước thì bỗng có nguồn tin vợ Vinh đen đã có thai được hai tháng rồi. Nhiều bà bèn bấm đốt ngón tay, tính nhẩm thấy thời gian này vừa vặn với số ngày tháng vợ chồng Vinh đen đoàn tụ, không phải như một số kẻ đa nghi nói “con nhỏ đem bầu từ Việt Nam sang”.

Dư luận dường như lúc cũng mang tâm trạng “thua keo này bày keo khác”. Bao lần những sự kiện nơi Vinh đen đã xảy ra trái ngược với xác quyết, nay thiên hạ lại nóng lòng trông đợi ngày chào đời của đứa con đầu lòng của vợ chồng Vinh đen. Tuy người ta không dám bạo mồm bạo miệng lắm trong vụ này, nhưng không mấy ai nghĩ chị Vinh phù hợp với câu “mẹ tròn con vuông”. Chẳng thế mà khi hay tin chị Vinh sinh thiếu tháng, đã có người thốt lên như trúng số:

“Đấy tôi nói có sai đâu!”

Nhiều bà rủ nhau lên tận nhà thương thăm chị Vinh. Cũng bánh trái tặng dần bà để đúng phong tục tập quán. Nhưng sau đôi ba câu thăm hỏi xã giao, bà nào cũng xin “cho bế cháu chút, lấy... hên!”. Trong khi tay thì nắn nắn sờ sờ từng bộ phận của đứa bé, miệng bà nào cũng ngọt xớt:

“Gớm, giống bố như đúc! Chỉ thiếu cho mẹ mỗi cái... nước da!”

Nghĩa là đứa bé trắng. Tuy nhiên mục đích các bà bỏ thời giờ đích thân tới đây không phải để ca ngợi như thế nhưng muốn chứng nghiệm những gì mình đã suy đoán. Nay thấy đứa bé tuy không bụ mẫm nhưng khỏe mạnh, cứng cáp, nhất là lành lặn, họ lại cảm thấy như mình thua cuộc. Trong khi đó Vinh đen đã ra đứng ở hành lang, hoan hỉ nhường chỗ trong phòng cho khách thoải mái ngồi nói chuyện với vợ. Chờ khách ra về anh ăn cần tiền chân ra tận cầu thang máy đồng thời lập đi lập lại lời cảm tạ. Trước những câu chia mừng hay có ý trêu chọc Vinh cũng chỉ nhe răng cười; những nụ cười này rạng rỡ hơn bình thường dù vẫn chỉ nở trên đôi môi dày và đen như cặp đĩa trâu. Ai cũng hiểu đó là dấu chỉ anh đang hạnh phúc tràn trề.

Cũng từ ngày đó người thì đồn Vinh đen bị “vợ nó hành cho cả ngày lẫn đêm”; kẻ lại bảo Vinh đen càng “đội vợ lên đầu”. Tuy nhiên dù nói xuôi hay cãi ngược, thiên hạ đều như đã chụp hình được tất cả sinh hoạt trong gia đình của Vinh đen. Bởi thế khi tường thuật cho nhau nghe, người ta mau chóng đồng quan điểm rằng mọi công tác trong nhà Vinh đen bao thầu hết, không cho vợ mó chân sờ tay vào bất cứ việc gì. Cơm nước, giặt giũ, chợ búa, lau nhà, quét cửa... kể cả thay tã, pha sữa cho con, anh cũng *giành* lấy làm một mình. Đêm đêm con *chua* ọc ạch anh đã vội tung chân chạy ra bế kéo nó khóc làm vợ thức giấc. Ngày nào anh cũng mua thịt bò về làm *bí-tết* cho vợ ăn hầu mau lại sức sau kỳ sinh nở. Anh

lại ép vợ uống bia đánh với trứng gà để có nhiều sữa cho con bú. Ngoài ra anh còn gửi mua tận bên Mỹ những loại *thần dược* phụ nữ để bồi bổ cho vợ... Người ta lại còn quả quyết như đã thấu bằng được những lời trò chuyện giữa đêm khuya của vợ chồng Vinh đen. Theo đó khi gặp người ngoài, Vinh đen ấp a ấp úng mãi mới thốt ra được dăm ba câu nhưng nói với vợ, Vinh đen bao giờ cũng *ngọt như mía lùi*. Một điều "Mình ơi, thích món gì, nói đi, anh mua về mình ăn" - hai điều "Em ơi, cứ ở trên giường cho ấm, cần thứ chi, anh ra ngoài lấy vào cho" - ba điều "Cung ơi, ráng giữ gìn sức khỏe nhé, hè này anh đưa cung với con về Việt Nam thăm ông bà ngoại"...

Cuộc sống của người Việt tại thành phố này cứ vậy trôi, nhìn êm ả như một dòng sông nước đục ở quê nhà. Tuy không có lũy tre xanh bao bọc nhưng hầu hết những biến động trên thế giới cũng khó lọt vào được nếp sinh hoạt thường ngày của cộng đồng ở đây. Thế nhưng chuyện của nhau vô tình như đã trở thành một thứ nhu cầu, hay nói đúng hơn một thứ *gia vị* cho nếp sống khả dĩ nếu thiếu, người ta cảm thấy cuộc đời tẻ nhạt ngay, đến độ phải tìm cho bằng được, nhiều khi phải tạo ra. Sở dĩ vợ chồng Vinh đen *nổi tiếng* lâu dài cũng chỉ vì đáp ứng hữu hiệu nhu cầu này. Tôi vẫn không rõ anh chị Vinh có hay biết mình được bà con *chiếu cố* không, chỉ thấy hai người bên ngoài xem ra lúc nào cũng hạnh phúc lắm. Ngày ngày anh chị tiếp tục sánh vai dạo phố. Trong khi anh đẩy xe cho con, chị đi bên cạnh thủ thủ gì đó để rồi vợ chồng cùng cười. Mặc dù nhiều kẻ đã mô tả "nhìn cứ như thể bố giúp con gái đưa cháu đi chơi", nhưng dường như vợ chồng Vinh chẳng để ý tới ngoại cảnh, chỉ biết thế giới riêng của mình.

Mãi rồi vì bận rộn tôi cũng ít có dịp ghé nhà thăm anh chị Vinh. Cho tới một hôm tôi gặp bà Quảng, người cùng họ đạo với gia đình tôi hồi còn ở Việt Nam. Tôi chưa kịp hỏi thăm sức khỏe của chồng con bà thì đã được bà cho hay Vinh đen cách nay hai ngày đã được xe cứu thương chở vào bệnh viện cấp cứu. Tôi giật mình:

"Uả, Vinh bị gì vậy bà?"

Bằng một giọng chắc nịch bà Quảng trả lời:

"Ung thư gan!"

Tôi bàng hoàng:

"Tội nghiệp! Lâu nay không nghe chú ấy kêu ca gì, cứ tưởng chú ấy vẫn khỏe chứ, ai ngờ!"

Như một người thành thạo bà giảng giải:

"Được vậy đã phúc, ếm nhem đi đấy thôi!... Chứng sốt rét ngã nước

kinh niên nay nó chạy vào gan.”

Bà Quảng siêng đi nhà thờ nên tôi nghĩ nguồn thông tin nơi bà đáng tin cậy. Hơn nữa cứ bình thường lý luận hẳn thấy những lời của bà cũng thuận lý y học. Càng nghĩ tôi càng buồn ngủi thương Vĩnh đen. Hơn nữa khi kiểm điểm đã ba bốn trường hợp người Việt ở thành phố này bị bệnh ung thư gan đều đã “ra đi” cả, tôi càng lo cho anh, đặc biệt cho cảnh tượng “vợ góa con côi” mai này của chị Vĩnh. Tuy vậy tôi vẫn nín kéo chút hy vọng:

“Nhưng chắc cũng không đến nỗi nào, bà nhỉ. Bác sĩ Na Uy giỏi, may ra...”

Bà Quảng bĩu môi:

“Úi giào, giỏi! Người mình đã cá nhau...” một ăn mười” rồi đấy!”

Tôi tính hỏi thêm nhưng bà Quảng đã le te đi vội, nói với lại là cho kịp giờ lễ các thánh Tử Đạo.

Đang sẵn rảnh rang lại thuận đường về hướng bệnh viện của thành phố, tôi quyết định tới thăm Vĩnh. Biết đâu chẳng là lần cuối. Nghĩa tử là nghĩa tận!

Tôi vào quầy hướng dẫn xin số phòng nơi Vĩnh đen nằm. Nhân viên trực sau khi dò tên trong sổ đã cẩn thận ghi vào một tấm giấy nhỏ đưa cho tôi: *Khu ngoại thương - 517*. Đọc dòng chữ, tôi nghĩ ông ta đã lầm. Tôi giải thích lại. Ông ta đưa cả cuốn sổ trực cho tôi cùng đồ danh sách bệnh nhân. Ông ta nói đúng, không có người Việt nào - ngoài Vĩnh Nguyên Văn - hiện nằm điều trị tại đây. Đứng trong cầu thang máy lên tầng 5 tôi thầm đoán có lẽ khu nội thương hết chỗ nên người ta phải đưa Vĩnh sang “tạm trú” bên ngoại thương chăng? Nhưng khi vào đúng căn phòng đã được chỉ dẫn tôi chỉ thấy một bệnh nhân đang nằm ngủ say. Cẳng chân trái của người này bó bột thò ra bên ngoài tấm vải đắp. Tôi nhận ra Vĩnh đen. Bộ mặt anh nổi bật giữa màu trắng của chiếc gối. Nhìn Vĩnh giây lát, tôi tặc lưỡi quay ra vì không muốn phá giấc ngủ của anh. Bên tai tôi vang lên tiếng cười sặc sụa của bà Quảng. Vừa tới cuối hành lang tôi gặp chị Vĩnh cũng vừa ở thang máy ra. Mặc đầu trời lạnh chị vẫn mặc chiếc áo đầm cao đến trên đầu gối. Tôi lên tiếng trước:

“Ghé thăm anh Vĩnh nhưng thấy anh đang ngủ ngon, tôi không dám đánh thức, để hôm khác lại lên thăm anh vậy.”

Chị Vĩnh cười:

“Ấy hôm nay nhà em mới chợp được mắt đấy. Hai bữa trước nhức, cứ nằm mà rên thôi.”

“Anh bị sao vậy chị?”

Mặt chị Vĩnh thoáng đỏ lên:

"Chẳng là... em nhờ nhà em đóng cho cái dinh để treo giỏ hoa. Nhà em trồng hai chiếc ghế lên nhau chênh vênh thế nào mà... đỡ cả người lẫn ghế. Thấy nhà em ngất đi, gọi mãi cũng chẳng tỉnh, em sợ quá phải nhờ bà Na Uy hàng xóm kêu điện thoại dùm cho xe *ăm-bu-lăng* tới. Rõ khổ!"

"Vết thương của anh có nặng lắm không chị?"

"Cũng còn may, anh ạ. Nhà em chỉ bị gãy có một xương ống quyển thôi. Bác sĩ bảo bó bột chừng năm, sáu tháng gì đó thì lại đi đứng được bình thường."

Tôi nhủ mày:

"Những năm, sáu tháng cơ à?"

Chị Vĩnh cười:

"Giả như người ta chỉ ba tháng là cùng. Đằng này nhà em kể ra cũng... có tuổi, phải lâu hơn."

Rồi chị khoe bịch thực phẩm mang đến cho chồng vì "nhà em không nuốt nổi thức ăn nhà thương." Tôi vừa tính chào chị Vĩnh để ra về thì thấy chị có vẻ ấp úng. Tôi đoán chị có điều gì muốn nói. Quả thật:

"Em nghe bà con nói anh... sắp dọn đi thành phố khác."

Chẳng biết lúc đó tôi có trợn mắt, há hốc miệng hay không, chỉ đoán rằng mình đã bị cấm khẩu. Có lẽ hiểu "im lặng là một thái độ thú nhận", chị Vĩnh nói tiếp bằng một giọng vừa chân thật vừa như để an ủi:

"Em nghĩ anh thay đổi chỗ ở như vậy cũng phải, chứ ở đây mà còn nhìn thấy mặt nhau, e sống sao nổi..."

Chắc lúc đó bộ mặt tôi trông ngổ lăm hoặc thảm hại vô cùng. Chị Vĩnh như được thêm đà, chia xẻ hoàn cảnh:

"Người ta ai cũng có số phần anh ạ. Anh chị tuy có *tình* mà không có *duyên nợ* nên mới phải... xa nhau, chứ ai muốn như vậy, phải không anh."

Thì ra vậy! Một tia sáng lóe lên trong cái đầu thiếu chất xám của tôi. Lấy lại được bình tĩnh, tôi cười cười:

"Đầu gối chúng tôi còn *nổi tiếng* hơn anh chị mà không hay!"

Nói rồi tôi bỏ đi. Đằng sau tôi chắc chị Vĩnh đen cũng đang trợn mắt, há hốc miệng.

Tôi gọi một chiếc *taxi*. Hồi sáng khi tôi ra khỏi nhà, vợ tôi hôn tôi, thỏ thẻ "hôm nay em sẽ nấu món mà mình thích nhất đấy". Bụng tôi bỗng dói cồn cào và mũi tôi bắt ngay được mùi vị thơm tho: Phở! - Và tôi như đã thấy vợ tôi đang đứng sau khung cửa kính, giương đôi mắt to và nhoèn cái miệng rộng... chờ đón tôi về.

Hoài Mỹ (10.2000)

(*)- Hợp Lưu, số 50 - Xuân Canh Thìn.

(**)- Mượn của Thanh Tịnh (Quê Mẹ).

Cây Đời. CỔNGU

Anh đã tặng em những nhánh hoa nhiều màu
Nở thơm ngày cưới,
Nhánh lá rong xanh già,
Nhánh mơ ước son tươi,
Nhánh diệu kỳ: động phòng, chốn chiếu mới,
Em che miệng cười nghiêng, năm nhánh trắng hiền.

Em đã tặng cho anh nhánh luá tình yêu
cháy phừng chiều hoá hoạn,
Nhánh cuồng phong cuốn hết gió vào đêm,
Những nhánh rụng sáng mềm, môi chưa rời ngực,
Nắng đã lên, chín ứng hân hoan.

Ta dắt nhau chạy tràn vào nhánh xuôi xuôi tay
nối nhánh sông đổ về đồng bằng tìm nhánh biển,
nhớ hoài ngày nhánh tóc biếc chảy nghiêng xuống
nhánh đời phiên dụng ngược, những nhánh hồng
đỏ máu gai đâm, nhánh hồn giận tím bầm, nhánh
thú tha xanh muốt, nhánh xẻ chia ứt rứt vị ngọt
luá non.

Và từ mầm anh gieo vào hồn xác em-dắt mẹ,
những nhánh con bé xiú tượng hình nảy chồi
chuyển nhua, nhánh bình minh, nhánh đầu mùa,
nhánh xuân mới, thơ thổi bay vào nghìn năm
mở hội vui.

Có phải, em ơi, từ nụ cười, nở ra dây dâ
trăm ngàn nhánh cành hạnh phúc?

PARIS - CHOISY-LE-ROI
27.09.2000

Châu Mai

Nguyễn Thị Hoàng Bắc

Hai miếng gạch vuông đặt xéo, hình tam giác chững chạc, lổ ánh sáng tràn vào đều xứng với tâm mắt. Tổng ngừng trong phòng tắm, xà phòng dội xuống mắt, Khang đưa tay vuốt, mỉm cười rướn chân.

Cát vàng lổe nắng, triệu hạt cát cùng cộng hưởng hợp tấu bài nắng lấp lánh. Rực rỡ vàng hồ phách. Không khí khô lồng long lanh. Nó thường để trần trường, phơi thật khô, thật nóng, huyền thoại loan truyền bãi vắng bảo nhúng nước mặn trước khi phơi nắng sẽ dễ thành Tây đen. Nó thích thành Tây đen. Khắp người ẩm áp, cơn nóng ran ran giần giật, rún rẩy dưới nắng hè, hơi nước mặn, hơi thở nhẹ tênh, vắng người. Vách đá rắn chắc, vỏ ốc vỏ nghêu sò đen sạm vạm vỡ và mùa hè, từng mảng rêu bám đầy mặt đá. Thỉnh thoảng gió giục mạnh. Nó vươn vai hít dài, lồng ngực căng phồng gió. Nước mát, mát đến tận xương. Nhắm mắt, tung chuỗi rong nâu vàng lên trời, hụp xuống, rồi trôi lên, vươn sải tay dài rượt theo đám rong rêu đang trôi lênh bênh. Rong sẽ trôi, trôi tận chân trời, nó sẽ rượt, rượt mãi như trò u mọi ở trường. Mọi và Tây đen có họ hàng liên hệ với nhau không?

Ngồi lại vào bàn ăn sáng, khăn lông quấn quanh vai, chú ý vát lại mớ tóc bù xù, vuốt lưng vuốt mặt, phải bảo đảm là tất cả đã thật khô, Khang luôn luôn ghi nhớ là Quỳnh không thích bất cứ thứ giọt nước nào được rơi xuống. Sàn gạch phải bóng loáng. Ăn vội vàng, uống viên thuốc với nước cam, thay quần áo, thất cà-vạt, vì hôm nay có *meeting*, Khang nhanh nhẹn làm theo hiệu lệnh vợ: xách giỏ đồ cho em bé ra xe, mở máy xe, máy lạnh vừa mát, kiểm soát an toàn ghé Châu Mai, để giỏ đựng vũng giữ bình sữa khỏi đổ, tờ giấy di chợ nằm sẵn trong túi áo vét, trưa nay ra ăn trưa, nhớ ghé mua mấy món lặt vặt, hộp trái cây, hộp bánh, vi-ta-min, giấy lau miệng, xà bông giặt...

Nhịp nhàng, nhịp nhàng *nous marchons vers la victoire/ par le sang des compagnons... chúng ta đang đạt được chiến thắng/ bằng chính máu của đồng đội chúng ta...**

Lỗ sáng hình tam giác chững chạc, xuất hiện bãi cỏ vàng còi cọc úa, xơ xác bầu trời xám ngất. Chuồn chuồn kim, chuồn chuồn ngô vùn vụt hạ thấp rồi bay dặc không gian. Nhộn nhịp. Lũ chuồn kiêu kỳ chẳng bao giờ chịu chơi với ai, ở đâu bao lâu mới về một lần, thường bay tít tận trời, rượt đuổi nhau tung bồng trên các cọng cỏ. Mùi khời. Bước một bước nữa là té lộn nhào. Vàng kim lộng lẫy, rực đỏ cao kỳ, nó ngán ngờ trở mắt. Rình cả buổi, đập qua đám cỏ cú sắc như dao, đã đến lúc hai ngón tay kẹp lại chộp lấy cái đuôi phập phồng, lũ quái ác đã vụt bay xa. Nó ngồi phịch xuống bờ ao.

“*Xuống đi, xuống nữa đi, xuống thấp với!*” Tối lại, nó quờ tay loạn xạ hét lên, bất cứ bàn tay nào cũng sờ đập trúng được tấm thân nhóm nhóm của lũ chuồn chuồn trong mơ. Thịnh linh một con chuồn ngô mỗi cánh rớt phịch xuống trong lòng tay hứng, nó úp vội hai tay lại với phần xạ vừa ấp ủ vừa che chở. Ngó sang bên bạn cùng xóm đang huơ mấy cọng cây khô bôi mỡ nhựa loạn xạ trong không trung, lũ chuồn chuồn vô phước nào lỡ dính vào sẽ bị đem đi hành hình giết cánh bẻ chân, nó rùng mình nhào xuống gành nước, té sập. Giật mình thức dậy.

Luồng nước mát dội vào đầu vào cổ, Khang liếm miệng, chép chép miệng như có vị mặn pha trong vôi nước tắm.

Ngồi vào bàn, cố giữ cẩn thận không để tí nước nào vương vãi vào bàn ghế, sàn nhà, Khang ăn sáng, uống thuốc với sữa, rồi ung dung thay đồ bước ra xe.

“Chiều nay anh phải về trước đón con, trường đóng cửa sớm vì ngày mai lễ, về coi con thì đừng đánh đàn, 7 giờ cho Châu Mai bú, nhớ dốc ngược lên vỗ vào lưng em cho ợ, đồ con ngủ rồi ăn cơm, em đi tiệm làm đầu mai ăn đám cưới...”

Khang vẫn nghiêm chỉnh nghe lời vợ dặn dò.

“Đi tắm xong nhớ lau sàn nhà. Đánh răng xong nhớ dậy ống kem. Đồ ăn sáng, nước cam, sữa để tủ lạnh. Thịt bò kho, tôm ram mặn, cà-ri, ba món trong ngăn đá. Buổi sáng lấy ra cho tan đá, chiều về hâm *microwave* lại. Đừng quên đổ rác.”

Quỳnh ngẫm nghĩ tiếp :

“Đi làm về, không được chơi *internet*, có chuyện gấp, gọi về không được, *bill* tiền nhà, tiền rác, điện thoại, nợ xe, bảo hiểm, thuế xe, đã lo hết rồi, đại gì quên, phải đóng tiền phạt sao?”

Quỳnh cau mặt, rồi lại chột dụi xuống, lo âu:

“Em không có nhà, đi tám thì dừng có rống lên! Mỗi ngày nhớ uống thuốc. Rảnh ra đường chạy bộ cho khỏe!”

Tiếng xe của vợ đã chạy xa, Khang ngồi bần thần trên giường. Cứ gọi bệnh vào sở hai ngày, vợ nói, không mợ chợ cũng đông. Vợ sẽ gọi về nhà hàng ngày, thỉnh thoảng sẽ *email*, phải nhớ đọc *email*...

Khang bước nhìn vào tấm gương lớn trong phòng tắm của hai vợ chồng. Mặt bàn lủ khủ lọ kem hũ phấn nước hoa son môi hằm bà lằng, thứ nào ra thứ ấy, ngán nắp thứ tự. Trố mắt nhìn vào gương, một đứa tóc tai bù xù, râu ria lởm chồm đang kinh ngạc nhìn Khang. Khang trợn mắt nhìn lại, nó cũng trợn. Khang lo âu, nó cũng không cười. Thằng cha đánh trần, Khang giật thót mình, hai đầu vú đen, bụng hóp gập ghềnh. Trẻ quân, Khang ngơ ngẩn nhìn khối da bèo nhèo giữa háng, nó cũng lơ đãng nhìn Khang.

Vẫn đánh trần, Khang với cây đàn so lại dây. Mấy hôm nay tay đã nhuyển lại, tình tình tang, tang tính tính, Khang bắt giọng, là la la.

Khoảng sáng tam giác mở ra mệnh mông...

Mỗi tay và hơi choáng váng, nhớ lời Quỳnh dặn, Khang sửa bộ ra đường. Quần sọt ngắn, giày thể thao, chạy dọc theo hè phố, thỉnh thoảng thở phì phò lắc lư thấy một hai cô đầm thoáng chạy ngược lại. Đoạn đường đã khá dài, mà chắc cũng tại lâu không chạy nên chóng mệt, Khang dậm chân tại chỗ trước sân nhà, vô ý nhịp chân theo điệu quân hành, *nous marchons vers la victoire, par le sang des compagnons...*, máu nào, máu của đồng đội nó đã đổ xuống? Bỗng Khang vọt ra một tiếng rống “*où sont les compagnons?*”

Bố gác đèn ngoài hải đảo, chiều tối mới về. Nửa say nửa tỉnh, bước vừa tới cửa bố đã hét:

“*Où sont les compagnons*, đồng bọn đâu cả rồi?”

Như điện giật, đám trẻ Khang, Kiện, Hạnh, Kiểm, hai thằng con trai, một đứa con gái, bất cứ là đang ở đâu, trong sân, ngoài biển, ở bếp, hay đang lang thang ngoài hốc đá gần nhà, đều đồng loạt tiếp nhận tín hiệu như tiếng loa loan truyền, đồng nhập, chúng đồng loạt rống lên: “Oui, papa, vâng, chúng con ở đây bố!”

Có lần, Khang bị bố lột trường treo ngược lên đánh một trận thừa sống thiếu chết, Kiện thì phải quì gối hai tay nâng cục gạch. Hai đứa mãi chơi quên lượm củi, và về trễ, không kịp có mặt ở nhà để *oui, papa*... đúng giờ.

Tiếng chó sủa ran, bãi biển phơi những xác chết tươi chưa kịp sinh thối, lũ chó hoang xộc tới từng bày tranh nhau kéo đứt những đoạn chân

tay còn rỉ máu. Sóng biển xào xạc, gió đưa mùi tanh đập vào vách đá. Sau trận bão dữ, sóng đánh vào bờ hàng vạn xác cá? Không phải cá ươn, toàn là xác ươn. Xác người. Những xác còn nguyên áo, những xác rách toạc cả quần, những xác mất tay, xác tồn teng một cẳng phơ dưới nắng. Hàng gai xương rồng sâu trong bãi, những đốt xương rải rác được chớ liếm sạch, vương vãi lẫn lộn gốc cây, sọ trắng đục, và hai lỗ mắt không tham thắm. Sóng vẫn rất rào.

Nó ngơ ngác, chạy lùi theo bãi cát, sợ hãi thét lên, dừng lại, sợ bầy chó hoang đang say máu. Một lá, té nhào, thiếp đi, rồi thấy mình tỉnh dậy trong căn nhà toàn những người lạ. Một tháng, một năm, nó không thể ăn được gì ngoài mấy chén cơm trắng. Thường xuyên nôn, nôn tới mặt xanh mặt vàng. Người gầy ốm cong queo như que củi. Bây giờ trời trời chỉ có mình Quỳnh là bạn. *Compagnons* của nó, máu của đồng đội đã đổ xuống, bây giờ chúng đi đâu, về đâu, sao không về tìm nó trên con tàu sắt đen ngòm? Quỳnh đổ dầm, để tao dạy mày đàn, này, cầm lấy phím đàn đi, này, miếng nhựa này kêu là phím, gảy nó vào dây, nghe gì không? Nó mân mê chạm tay vào đàn, một tiếng choang bành hoàng, năm ngón tay đau ứa máu, rồi những âm thanh cuộn cuộn xô đuổi tuôn trào. Nó chết điếng vì đàn và lẻo đẻo theo Quỳnh từ đó...

Khang trượt chân trước sân nhà, lơ mờ trên sân khấu xa xưa, một diễn viên mặt trắng, môi bôi đỏ, trượt chân ngã sóng soài, Khang té nhào trên khối rêu trơn. Chối vớ, tay kiếm mò lỗ châu mai. Hai miếng gạch vuông đặt xéo hình tam giác, lỗ ánh sáng mọi khi nắng vẫn tràn vào. Đàn hình tim, eo Quỳnh chổng lên eo đàn, nằm trọn trong vòng tay ôm siết một khối thịt nhão nhèo. Ngọn hải đăng xẹt sáng chói tia lửa xanh thiếc cát mắt, Khang thả tay ôm, bùm mất. Nước mắt ứa nhoe nhoẹt trộn với lửa xanh, mơ hồ vạt áo lụa chuồn kim, những khối hình tam giác đen và xanh lục chổng chất lên nhau. Mẹ vẫn mãi mãi thơm mùi long não. Cánh áo bay lên bay lên phấp phới.

Cảm giác chung dụng thân thể như đang quen thuộc với một ngón tay thừa, một khúc chân thối, bỗng một sớm bị cắt lìa, người chung dụng đột ngột bỏ đi như trời sụp. Quỳnh chong đôi mắt đỏ ngó sững vào màn ảnh truyền hình mấp mô rung động, một bóng người vò võ không rõ mặt, hai cánh tay đưa cao chói vớ, miệng ú ớ ằng ặc những tiếng kêu tắt nghẹn. Quỳnh nhìn, nhìn, và nhìn. Đám đông nhào lộn trộn trạo. Bóng người mất dạng. Đám đông gợn sóng di chuyển, hai cánh tay chìm nổi hình như đang múa lên. Đôi bàn tay bỗng cất cao uyển chuyển, văng vẳng theo, một điệu nhạc bị ai rồi hùng tráng.

Khi hoa hướng dương tàn

PHẠM HẢI ANH

Cánh đồng hướng dương nơi tôi qua
không còn một đóa hoa nào sót lại
Chỉ có những dài hoa

sạm nâu

cúi gục

trước mặt trời.

Triệu gương mặt héo khô ngoảnh chung một hướng

Đó là hướng mặt trời lên

hay phía mặt trời

tàn?

—
Những cánh hoa cuối cùng đã nở

và rụng,

Triệu mặt trời vàng

khép lại

trước bình minh.

Trên từng gương mặt hoa mù lòa

tôi thấy,

Tàn tro của mùa hè.

—
Tôi đến muộn hay chỉ là quá sớm,

Trên đất này khi tới mùa sau,

Hào phóng nở như chưa từng lỗi hẹn

Cả rừng hoa bung cánh mặt ong vàng.

Chớm thu 2000.

Trời sập, nhưng trái đất vẫn có thể tái sinh cho người.

10/99-2/00

n.t.h.b.

*lời bài hát *Le Jour Le Plus Long* trong phim *Le Pont de la Rivière Kwai*.

Chờ Cơm

Diễm-Âu

(Cho KT, hạt trai, túi áo...)

1.

Từ ngày lấy nhau đến giờ, việc đầu tiên anh làm khi hai vợ chồng ngồi vào bàn ăn là tiếp thức ăn cho chị. Anh ăn cần lấy chiếc thìa lớn xúc đủ các món vừa kho, vừa xào để vào bát chị, rồi nhìn chị, anh nói:

- Ăn đi cưng.

Hôm nào thấy chị vẫn còn dở tay trong bếp, loay hoay hâm thêm thức ăn cho nóng để đem ra thì anh ngồi chờ chị ra ngồi cùng rồi mới cầm đũa lên gấp thức ăn. Nếu chị có giục anh ăn trước bát súp đi kẻo không súp nguội thì anh vẫn cứ một mực ngồi chờ, không lần nào anh chịu ăn trước.

Ăn xong, anh đi lấy thuốc bổ, rót một ly nước đầy đưa cho chị, lại nói:

- Uống đi cưng.

Năm chị về với anh, chị còn trẻ lắm. Trẻ vô cùng mà cũng... *trẻ con* vô cùng! Anh cưng chị như cưng trứng mỏng. Tối ngủ, chị rúc vào dưới nách anh như bé con rúc vào ngực mẹ tìm hơi ấm. Anh lấy tay áp lên tai chị, hôn lên trán chị, rồi anh nói:

- Ngủ đi cưng.

Hôm nào thấy chị mãi loay hoay làm những việc tần mẩn quá giờ đi ngủ, anh đi tìm chị, giục chị lên lầu. Có khi anh còn xoay lưng ra, bảo:

- Lẹ lên nào. Bố công lên lầu, phải đi ngủ thôi, không được thức khuya như thế!

Lâu lâu, vào giường rồi, anh còn kể chuyện cổ tích cho chị nghe. Truyện cổ tích toàn do anh...bịa ra cả, vậy mà cũng có lắm chi tiết thật li kỳ làm cho chị phải chú ý. Đôi khi trong đó có bà tiên, đôi khi có cô bé, có chó sói, có trắng rằm, có rừng già, có cả bà phù thủy. Đôi khi chỉ có

một ông lão già và một đứa bé con, bé còn còn con, lang thang dất nhau đi mò ngọc trai đáy giếng... Ngọc trai có thể là mẩu trắng vành vành thơm ngát ngoài biển khuya, mà cũng có thể là những giọt nước mắt như thủy tinh tròn xoe trên đôi má của chị.

Được chồng yêu, chồng chiều, chồng cưng như thế mà có khi chị còn... khóc, còn hờn, còn giận... thì cũng phải kể là chuyện lạ đời! Ai cũng bảo chị thế. Lần nào cũng vậy, anh âu yếm nhìn chị, trả lời thay, không, *nhà tôi* chỉ nhõng nhẽo tôi quá đấy thôi, *bám* tôi quá đấy thôi, hư lắm, không để cho tôi được yên phút nào, thật lắm khi cũng khổ cho cái thân tôi lắm, phải vác một... đứa bé về nhà để nuôi!

Nói thì nói thế, anh than khổ, nhưng cứ mỗi năm trôi qua, anh nuôi chị càng nhiều thì chị lại càng thấy mình bé lại, không lớn lên được chút nào... Nghĩa là được cưng chiều quá mức, thế thôi!

2.

Rồi anh chị sanh con đẻ cái. Mười mấy năm trôi qua... Chị bận rộn học làm mẹ. Anh phải theo chị bận rộn học làm cha. Mà muốn làm bố mẹ cho tới nơi tới chốn thì cũng không phải là chuyện dễ dàng! Thật là muôn vàn khó khăn, cực nhọc... Chị mở rộng tay ra ôm chặt lấy những đứa con, như anh đã từng ôm chặt chị. Chị chăm chút từng miếng ăn giấc ngủ cho các con, như anh đã từng chăm lo từng tấm chăn, từng viên thuốc cho chị. Học làm mẹ, tức là phải học làm người lớn! Vậy mà bà mẹ trẻ này vừa muốn nuông chiều con cái, lại vừa muốn được tiếp tục nuông chiều. Ngày đứa con cuối cùng của anh chị gần tròn một tuổi, anh có viết cho chị một tấm thiệp làm cho chị rất cảm động, ký tên mấy bố con...

Anh viết, "Mới ngày nào Bố đem một đứa bé... đi lạc về nuôi, để làm người bạn đời của Mẹ. Bây giờ đứa bé ấy đã trưởng thành trở thành một bà Mẹ. *Mấy mươi năm nữa có trôi qua* thì bà Mẹ ấy cũng sẽ vẫn mãi là đứa bé quý yêu luôn được cưng chiều trong lòng của Bố."

3.

Bỗng một hôm...

Không phải là mấy mươi năm trôi qua, mà chỉ chừng hơn 3 năm sau khi viết những giòng chữ đó, anh đi làm về trễ, bảo với chị:

- Từ giờ trở đi, đừng chờ cơm Bố nữa. Đói thì cứ ăn trước đi, chờ làm gì. Phải tập tự lập cho quen đi.

Giọng nói anh đượm vẻ khó chịu, như thể chị đã phạm phải một lỗi lầm rất to lớn khi đã kiên nhẫn ngồi chờ cơm anh.

Đến khuya, chị thấy anh còn loay hoay dưới nhà chưa lên lầu, chị

giục anh lên đi ngủ. Anh bảo, được rồi, chút nữa Bó lên. Chị nằm đọc sách, chờ anh... Lâu sau anh lên, anh ngạc nhiên nhìn chị mà ánh mắt không vui chút nào. Anh nhú mày, nói khẽ:

- Từ giờ trở đi, đừng chờ Bó đi ngủ nữa. Buồn ngủ thì cứ ngủ trước đi, chờ làm gì. Phải tập tự lập cho quen đi.

Rồi anh tắt đèn, nhắm mắt lại.

Chị nằm cạnh anh mà tưởng như đang nằm cạnh một người đàn ông xa lạ nào khác chưa từng một ngày chia sẻ vui buồn mặn ngọt với mình. Chị với tay lần tìm bàn tay anh dưới chân. Anh nắm tay chị lại, siết nhẹ nhẹ, xoay mình qua đặt một nụ hôn rất mỏng lên trán chị, rồi dần thiếp trôi vào giấc ngủ an bình riêng tư.

Từ hôm đó trở đi, đi đâu ra ngoài, có dịp gặp người đàn ông nào, chị cũng chặn lại hỏi:

- Nếu ông có vợ, và mỗi ngày vợ ông đều chung thủy ngồi chờ cơm ông sau một ngày ông đi làm về trễ và mệt nhọc, thì ông cảm thấy ra sao, hạnh phúc hay khó chịu, ông sẽ vui hay sẽ buồn ?

Lẽ dĩ nhiên, với chị, người đàn ông nào cũng trả lời một cách hết sức lịch sự là ông ta sẽ rất hạnh phúc với tấm lòng yêu thương, chung thủy mà vợ mình đã dành cho mình. Rồi khi nghe chị hỏi tiếp, tại sao ông vui, tại sao ông thấy hạnh phúc khi vợ ông ngồi chờ cơm ông như vậy? Người nào cũng khôn khéo trả lời, bởi vì như thế thì tôi biết được là vợ tôi yêu tôi nhiều lắm, chăm lo cho tôi nhiều lắm. Có người còn bông đùa với chị rằng, nếu bà tìm thấy đâu ra được người con gái nào thời nay mà hàng đêm còn sẵn sàng ngồi chờ cơm chồng như thế thì bà làm ơn báo cho tôi biết để tôi sẽ đem một cỗ xe song mã đến rước ngay cô ấy về nâng khăn sửa túi cho tôi...

Nhưng một hôm, có một người đàn ông, người ấy đã không lịch sự hay khôn khéo như vậy khi trả lời những câu gặng hỏi của chị. Người ấy đã chau mày, bực bội hỏi lại chị:

- Chờ làm gì? Đến giờ thì ăn trước đi chứ sao lại phải ngồi đó mà chờ... Cứ *bám* lấy chồng suốt ngày như thế thì làm sao ai mà sống nổi được?

Người đàn ông đó, không ai khác hơn là anh.

4.

Biết anh đã quyết lòng như vậy nên chị không muốn gặng hỏi thêm nữa. Hôm nào chờ được thì chị chờ. Hôm nào không thì thôi. Anh vẫn giữ thói quen tiếp thức ăn vào bát cho chị khi có chị ngồi cùng, nhưng những miếng cơm, lát rau, khoanh trứng chị đưa vào miệng thường nghẹn lại ở

cổ, như chị đang ăn cá, mắc phải xương. Cuống cổ nghẹn xương và trái tim rất bông cùng nhau hợp lại, làm cho chị thấy đau thốn ở hai bên thái dương, buốt lên đến óc.

Buổi tối đi ngủ cũng thế, hôm nào chờ được thì chị chờ, hôm nào không thì thôi. Anh lên giường trễ, vẫn giữ thói quen kéo chăn lên đắp kín vai chị, hôn lên trán chị, chúc ngủ ngon. Anh vẫn ôm ngang người chị, hoặc để cho chị rúc mặt vào ngực anh, rúc đầu vào dưới nách anh.

Nhưng cũng có những hôm, rất ư vô cớ, anh lộ vẻ cau có và nhắc lại với chị rằng đối thì cứ an trước, buồn ngủ thì cứ đi ngủ trước, đừng *bám* chặt lấy anh quá nữa, hãy để cho anh có chút thời giờ được *thở*, và được *yên*...

Nghe anh than vãn, chị nín thở, nằm yên!

Chuyện gì đã xảy đến với anh, đã làm cho anh thay đổi? Cho lòng anh thay đổi? Chị không tài nào đoán được, nhưng chị sợ hãi câu trả lời, và mơ hồ, chị nghe thấy tiếng tim mình rạn bẻ ra làm đôi, mẻ vụn văng tung toé.

5.

Chị không ngồi chờ cơm anh. Không nằm chờ anh đi ngủ. Chị lúi thủi ra vào làm *chiếc bóng* của một người vợ có chồng muốn được yên. Cho đến một hôm, khi trở về nhà, anh không cả tìm thấy ra được *chiếc bóng* của chị trên tường nữa!

Anh bỏ bữa cơm tối.

Anh bắt đầu hốt hoảng đi tìm.

Khay cơm tươm tất trên bàn được chị sắp xếp đẹp như một món quà bài trí. Món xào, món mặn, món canh. Lúc nào cũng y như thế, hiếm khi nào thiếu. Nhưng anh ngạc nhiên nhìn thấy trên chiếc khay vuông vắn ấy, đôi dưa mun thường ngày anh vẫn dùng, tối hôm nay, chỉ còn lại có một chiếc. Chờ vợ.

Vợ chồng, như dưa có đôi.

Chị vẫn thường hay nói với anh, hay hát với anh câu đó.

Trên chiếc khay cơm tươm tất, chị để lại mẫu giấy nhỏ, bảo là lúc nào chị cũng rất yêu anh cho dù có những lúc, chị đã không hiểu được anh, đã không đủ khôn ngoan, không đủ khéo léo để mang được đến cho anh sự vừa ý. Chị xin lỗi anh, nhưng chị bảo chị tin rằng, *tình yêu của anh dành cho chị lúc nào cũng rất tròn đầy, cũng luôn ở đó*, cho dù những bận bịu, những eo sèo, những xáo trộn, những sóng gió, và có thể cả những quyến rũ khác của cuộc đời đã làm cho anh có lúc quên đi.

Chỉ thoáng quên thôi, chứ chưa từng bao giờ mất.

Chưa từng. Chưa hề!

Lúc nào cũng rất tròn đầy. Cũng luôn ở đó!

Anh nhắm lại những lời chị viết rồi thoáng chốc, anh bỗng sực nhớ lại tất cả. Không! Thật ra đó là những lời chính anh đã từng dặn dò, nhắc nhở chị, đã từ lâu, trong câu truyện cổ tích mà anh đã nhiều lần kể cho chị nghe về ông lão già và đứa bé con dắt tay nhau đi mò ngọc trai đáy giếng, nào ngờ cuối cùng, họ lại tìm thấy ra được ngọc trai ở ngay trong đáy chiếc túi áo đã sờn của mình. Y như chuyện kể cùng tử trong một tạng kinh xưa!

Nhìn chiếc đũa mun lẻ bạn, lòng anh thất lại, tái tê....

6.

Rồi anh đi tìm chị...

Chị chẳng đi đâu xa, nhưng không hiểu sao anh tìm không thấy!

Chẳng ai tìm thấy!

Đứa-bé-đi-lạc của anh...

Chị ra ngoài bờ hồ ở ngoại ô thành phố ngồi, nhìn cây rừng chung quanh lơ mơ chìm vào trong bóng tối. Chị nhớ lại một câu hát không biết của ai... *Nhìn rừng cây, thấy đời người...* Mùa qua mùa. Rừng cây xanh tươi rồi tàn úa. Khô héo rồi lại đâm chồi. Đời người không mấy khác. Chị chỉ định ra đó ngồi ngắm rừng cây và nhìn lại cuộc đời mình. Rồi đến sáng ra, chị sẽ trở về nhà, và sẽ nói với anh rằng, nếu thật lòng anh muốn được yên, thì chị sẽ để cho anh được yên, và chị sẽ quay trở lại vào trong rừng cây đó.

Bấy giờ là mùa thu...

Rừng cây đang nhuộm màu thu phong, hiển lộ những màu sắc rực rỡ và kỳ diệu rải đều lên trên tấm lòng tràn ngập yêu thương của chị khi chị ngồi nhớ về anh, nhớ về những kỷ niệm rất tươi hồng, và nhớ về tất cả những nơi chốn và những khu rừng khác nhau mà hai vợ chồng đã cùng dắt tay nhau đi qua.

Về đêm, trời bất ngờ trở gió. Gió ào ào. Gió phàn phật. Gió cát thổi da...

Chị chỉ định ngồi qua một đêm như thế, rồi về.

Nhưng đến sáng ra, khi anh tìm thấy chị thì cả thân người chị đã đông lại thành như một tảng băng sơn.

Anh dụi mặt anh vào đôi má giá băng của chị. Hôn lên môi chị, lên trán chị, lên mắt chị. Lên những ngón tay cồng buốt. Lên những ngón chân. Anh thì thầm vào tai chị.

- Bố đây! Bố đang ở sát cạnh đây...

Chị không cự mình.

Anh lại gọi, giọng anh lạc đi:

- Tỉnh dậy đi cưng... Tỉnh dậy đi cưng...

Mắt chị vẫn nhắm nghiền. Khuôn mặt sưng ra, lạnh băng.

Bất giác anh rung mình, rồi anh vội vàng bế xốc chị lên, tay anh vô tình chạm phải một vật gì rất cứng từ trong chiếc áo ấm của chị chọc ra.

Anh lôi nó ra khỏi túi áo chị...

Chiếc đũa mun còn thiếu của anh!

Anh nhớ đến khay cơm tươm tất vẫn còn chung thủy đợi anh ở nhà từ đêm hôm trước. Và anh khóc, nước mắt lạnh lẽo rơi như lá mùa thu rơi. Anh cúi xuống ôm ghì lấy chị vào lòng, nước mắt anh lại ứa thành dòng. Rồi anh lặp lại những lời chị đã viết trên mẩu giấy nhỏ kẹp giữa khay cơm, cũng chính những lời từ đáy tim anh, trong câu truyện cổ tích mà anh đã nhiều lần kể cho chị nghe về ông lão già và đứa bé con dắt tay nhau đi mò ngọc trai đáy giếng. Đáy giếng không có, mà chiếc túi áo đã sờn luôn luôn sẵn có, ông lão già và đứa bé con liền hân hoan dắt tay nhau quay về...

Lần nào cũng thế, câu chuyện anh kể luôn luôn chấm dứt ở đó sau khi anh đã lừa bàn tay to và ấm của mình vào tóc chị, ngấm chị láng láng thiếp vào trong một giấc mộng trẻ thơ, nơi có ông lão già và đứa bé con đang khoác tay nhau bước đi trên một con đường thênh thang uốn lượn. Con đường trải ra như lụa, uốn lượn như sóng cả, vàng vạc những trăng và sao...

- Chỉ thoáng quên thôi, chứ chưa từng bao giờ mất... Chưa hề! *Lúc nào cũng rất tròn đầy, cũng luôn ở đó...* Cưng có nghe không?

Mơ hồ, anh biết là chị đang lắng nghe. Lắng lòng nghe...

Những lời anh nói nghe như tiếng tuôn chảy của một giòng sông đang tuôn chảy...phăng phăng, cuồn cuộn về nguồn. Không tảng đá, không ngọn núi, không một trở lực nào có thể ngăn cản được! Nước tiếp tục tuôn, vượt đá, vượt núi, vượt hết thủy mọi thử thách, mọi chướng ngại, một lòng chảy xô về biển cả.

Ở đó, tình nghĩa vợ chồng nở hoa.

Vừa khi ấy, ánh sáng tinh khôi, trắng lòa của ban mai bắt đầu rải những nhiệm màu lên trên khuôn mặt chị. Lên mắt, lên má, lên những ngón tay. Lên những ngón chân.

Trái tim của chị cự mình trở lại. Rất sẽ sàng.

Và đôi môi chị bất chợt mấp máy. Rồi chị mỉm miệng cười êm ái, với anh...

Với riêng anh.

Nơi khoe mắt vẫn đang nhắm nghiền của chị bỗng từ từ ứa ra một hạt nước tròn xoe, trong vắt, lóng lánh như thủy tinh. Hạt nước ngời ngời trong vắt ấy còn đẹp hơn là cả một hột ngọc trai gấp vạn nghìn lần, anh thầm nghĩ thế.

Không còn một thứ tiếng động nào khác xen vào từ sau đó nữa!

Chỉ còn lại sức chảy mãnh liệt của một giòng sông đang vượt đá, vượt núi, và... nụ cười của chị cho anh, cùng với chiếc khay cơm vẫn nằm chung thủy đợi anh ở nhà.

Từ bấy lâu nay...

Từ đêm hôm trước...

(11/2000)

phân ưu

Được tin Cụ

Lê Đình Yết

Pháp danh Minh Chiếu

*Nhạc phụ của Anh Trương văn Hùng (Huy Văn)
vừa tạ thế tại California ngày Bốn tháng 11 năm 2000,
hưởng thọ 79 tuổi.*

*Ban Biên tập Văn Học cùng ban hữu thành thật phân ưu cùng
hai bạn Trương văn Hùng-Lê Kim Hồng.
Cầu nguyện linh hồn Cụ sớm về Cõi Phật.*

Ông Bà Nguyễn Mộng Giác, Ông Bà Nguyễn Xuân Hoàng, Ông Bà Lê Thọ Giáo, Ông Bà Châu văn Thọ, Ông Bà Nguyễn Đức Quang, Ông Bà Tôn Thất Kỳ, Ông Bà Tôn Thất Khoát, Ông Bà Tôn Thất Ngự, Bà Trần Thị Giang, Phùng Nguyễn, Tạ Chí Đại Trường, Ông Bà Nguyễn Xuân Thiệp.

Độc “Catfish and Mandala” hồi ký Andrew X. Phạm Nguyễn Mạnh Trinh

Tôi đọc “Catfish and Mandala” (Cá bông lau và Mandala) không phải vì tác giả của nó, Andrew X. Phạm là người Mỹ gốc Việt. Không phải vì những ấn tượng do những bài điểm sách trên các tờ báo có uy tín như *The New York Times Book Review*, *San Francisco Chronicle*, *The Seattle Times*, *Chicago Tribune*, *The Philadelphia Inquirer*,... Cũng không phải vì cuốn sách đoạt giải Kinyama Pacific Rim Book Prize năm 1999. Hay, gần đây nhất, Andrew X. Phạm là một trong mười tác giả đoạt giải Whiting Writer’s Award, được coi là “những tài năng xuất chúng và đầy triển vọng” năm 2000. Danh sách mười tác giả gồm cả những tiểu thuyết gia Colson Whitehead, John McManus, Lily King, Samantha Gillison, Robert Cohen, những thi sĩ Claude Wilkinson, Albert Mobilio, James Thomas Stevens, kịch tác gia Kelly Stuart.

Tất cả những điều trên, chỉ là một phần. Mà, quan trọng nhất vẫn là tấm lòng kỳ vọng vào những cánh cửa mở để bước vào văn học quốc tế của người Việt Nam lưu vong. Theo bà Barbara Bristol giám đốc giải thưởng Whiting, mỗi tác giả đoạt giải đều chứng tỏ họ đang ở một khúc quanh quan trọng trong văn chương. Andrew X. Phạm, với “Catfish and Mandala” đã biểu hiện được tâm tình của người Việt, đang cố hội nhập vào đời sống xứ người nhưng vẫn không phai nhạt được những hồi ức về quê hương.

Tác giả “Catfish and Mandala” còn trẻ. Anh sinh năm 1967 ở Việt Nam và sang Mỹ định cư lúc vừa 10 tuổi. Vừa sau ngày 30-4-1975, anh và gia đình đã mưu tính vượt biển ở Rạch Giá nhưng bị bắt và người cha, ông Phạm Văn Thông bị giam tại trại tù Minh Lương và chịu đựng bao nhiêu điều khổ ải qua thời gian lao động cải tạo cực nhọc.

Andrew X. Phạm viết hồi ký về chính cuộc đời mình và gia đình mình. Chất sống động đã được nhìn thấy xuyên suốt những trang sách. Là người kể chuyện, anh nói về cuộc du hành bằng xe đạp của mình, đi dọc theo bờ biển Thái Bình Dương, qua những tiểu bang California, Oregon, Washington State. Nhưng cũng có những đoạn, là hồi ức của kỷ niệm ở quê nhà, về những giây phút căng thẳng khi vượt biên, hay những kỷ niệm êm đềm với người thân, với nơi chốn đã sinh trưởng và lớn lên.

Gia đình tác giả cũng có nhiều nét khác lạ, so với những gia đình Việt Nam bình thường. Người cha, ông Thông, là một thầy giáo và sau là một viên chức hành chánh cao cấp ở Phan Thiết. Ông bị tù sau khi vượt biên không thành công. Sang Mỹ, ông làm công việc khiêm nhường nhất, lau dọn nhà cửa, và đời sống vật chất không khả quan. Nhưng với gia đình, ông bảo thủ theo kiểu nghiêm khắc của người cha Việt Nam. Ông đã đánh đứa con gái lớn tên Chi và cô bé này bỏ nhà đi hoang và ông bị vào tù vì tội bạo hành con nít.

Bà mẹ, bà Phạm Anh là một mẫu người đàn bà Việt Nam, lo cho chồng, lo cho con, nhưng thụ động và ít xoay sở được trong đời sống xã hội mới lạ ở Hoa Kỳ. Chị của Andrew, Chi, là một người biến thái. Lúc còn nhỏ thì thích mặc quần áo con trai và đã bỏ nhà đi hoang. Sau, giải phẫu để thành nam giới, lập gia đình, sau ly dị và rớt cuộc, đã tự tử chết vào lúc ba mươi hai tuổi. Còn hai đứa em Huy và Hiền, cũng đều là những người đồng tính luyến ái dù học giỏi. Một người đã học y khoa ở UC San Diego, một người học luật ở UC Berkeley.

Ở gia đình này, thấy rõ những nét đặc thù của xung đột văn hóa. Một người mẹ Việt Nam ở thế hệ cũ xưa, một người cha còn ảnh hưởng sâu đậm của nếp sống cũ của quê hương. Những người con, giữa ảnh hưởng giao thời đôi bên, nên có những biến thái tâm lý phức tạp. Nói về cái chết của người chị tên Chi, sau thành đàn ông mang tên Minh, một người bạn Mẽ của Andrew đã nói "Chị mày bị chết vì nó bắt đầu làm người Mỹ". Có phải, ám chỉ đến đời sống nhiều biến thiên đầy biến cố của những người Việt Nam từ tay trắng xây dựng sự nghiệp ở xứ người.

Riêng tác giả, Andrew, cũng là một người trẻ phức tạp, học giỏi, tốt nghiệp kỹ sư hàng không từ UCLA, với Phi Beta Kappi, nhưng ra trường trong thời kỳ kinh tế suy thoái nên công việc làm cũng không may mắn mấy. Gửi cả trăm bản resumé mới được phỏng vấn và được nhận bởi vì người boss nghĩ rằng người Á đông làm việc siêng năng. Sau thời gian làm việc, bị mất việc và rớt cuộc, lao đao cả về sinh kế lẫn tâm linh và trở về sống với cha mẹ.

Khi đến Mỹ, Andrew còn nhỏ, sau 18 tháng học Anh ngữ vào học

lớp 5, đã gặp nhiều điều khó hiểu. Khi học môn lịch sử, về chiến tranh Việt Nam, Andrew đã cãi lộn với ông thầy giáo, dù không hiểu gì nhiều về chính trị. Bài học có lý luận khác với những điều mà Andrew nghĩ. Và đó, có phải là cảnh ngộ chung của những đứa bé Việt Nam học những bài học lịch sử ở trường học Hoa Kỳ?

"Catfish and Mandala" là một hồi ký của một người đi du lịch bằng xe đạp từ bờ biển Thái Bình Dương ở Hoa Kỳ, đến hơn một ngàn cây số ở Nhật Bản và ở Việt Nam, dọc đường quốc lộ số 1 lên phía Bắc và đi về miền Tây ở châu thổ sông Cửu Long. Chúng ta đã có những trang sách tả cảnh tả tình của một du ký đẹp.

Một nhà điểm sách đã cho rằng tác phẩm này là một câu chuyện điểm tình nhưng chua cay của một sử thi Hoa Kỳ, của một người du hành một mình đơn độc bằng xe đạp từ những tiểu bang dọc theo bờ biển Thái Bình Dương đến Việt Nam. Câu chuyện này của một người đàn ông Mỹ gốc Việt bị lôi kéo bởi đất mẹ nuôi dưỡng và đất cha ruộng bỏ. Quanh quất vào cuộc hành trình nhiều chất hài kịch của cả năm trời dãi dãi để tìm kiếm lại những điều đã in sâu trong trí nhớ về chiến tranh, về cuộc vượt thoát, và sau cùng, là những bí ẩn của gia đình. Tác giả đã viết với phong cách kể chuyện trong sáng, và cảm xúc từ những quan sát sâu sắc và kỳ thú để tạo thành một phiêu lưu ký xuất sắc. "Catfish and Mandala" là một tìm kiếm về nỗi niềm không quên để có một căn cước văn hóa riêng biệt cũng như bùng nổ niềm khao khát để góp một tiếng nói mới bằng chữ nghĩa ở xứ sở Hoa Kỳ tạm dung này.

Trong kỹ thuật diễn tả, Andrew đã xen lẫn vào dòng kể chuyện của mình những tiểu đoạn viết đẹp như những trang tùy bút, ngắn, nhưng đầy cảm xúc. Mang nhan đề "Fallen-Leaves" (Lá rụng), như những nhắc nhở rất thơ, về một thời kỳ thơ ấu đã qua, một kỷ niệm về người thân đã mất. Đặc biệt là người chị tên Chi, đã cùng với tác giả một thời thơ ấu nhiều biến động và tác giả đã thương mến người chị bất hạnh này nhiều nhất.

Cuộc đời của Andrew pha trộn nhiều đau đớn nhiều nỗi niềm: Anh yêu gia đình, yêu quê hương từ những ngày ấm nồng hạnh phúc đến những ngày phân ly buồn thảm. Đối với người Việt Nam sống lưu lạc ở xứ người, vẫn là sự vấn vương của quá khứ, của mảnh đất quê cha rặng buộc, dù là đói nghèo, dù là bất công, dù là xứ chậm tiến chịu nhiều sự thiếu thốn khổ nhục trong đời sống hàng ngày.

Với xứ sở Việt Nam, Andrew đã nghĩ về những ngày tù ngục hãi hùng của người cha, đêm chờ nghe đọc tên rồi dẫn vào rừng và tiếng súng rơi rạc nổ nhắc nhở đến những cái chết tức tưởi từ những mũi súng man rợ. Trở về Việt Nam, là một cuộc hành hương, để tìm về chỗ cũ. Sài Gòn,

Hà Nội, Rạch Giá, Phan Thiết, Vũng Tàu,... những nơi chốn mà Andrew tìm đến, là một người khách lạ trở về.

Andrew tả cảnh lúc anh về đến phi trường Sài Gòn khi từ Nhật Bản qua. Chiếc xe đạp trên vai, hai tay xách túi xách lĩnh lĩnh, chắc anh là một “Việt kiều” đặc biệt nhất. Tả cảnh thực, nhưng chuyện mà với người Việt Nam ai cũng biết, nhưng xa lạ với người ngoại quốc, tác giả tả với vẻ trào lộng ngầm chứa. Đất nước tôi đó, dân chúng của dân tộc tôi đó, sao gần gũi mà quá cách xa. Chen lấn, nói tục, ồn ào, mất mát, ăn cắp, hối lộ,... tất cả đã thành những dữ kiện chồng chất lên nhau trong cảm quan của một người trẻ mới trở về.

Đi du lịch bằng xe đạp thú vị không? Thú vị lắm chứ, nhưng cũng có nhiều bất trắc, ở xứ sở Hoa Kỳ tân tiến và cũng ở cả Việt Nam nghèo nàn. Tác giả đã viết với lòng say sưa về những giây phút cúi rạp trên yên ngựa sắt, từ San José ngược lên phía Bắc, qua San Francisco, Mendocino, Fort Bragg, Leggett, the Avenue of Giants, Eureka, Crescent City, Oregon, Corvallis,... Với giấc mơ kỳ thú du lịch Nhật Bản, Andrew đã trải qua cả ngàn cây số trên đường lộ. Về tới Việt Nam, anh vẫn khư khư với ý định đạp xe đi du hành khắp nơi, dù mọi người ngăn cản, khuyên bảo nên bỏ ý định ngông cuồng ấy đi.

“... “Đường xá thật nguy hiểm. Đất nước này không còn an toàn nữa” Bà cô già nói.

Ông chú cũng đồng ý và tiếp theo “Dân chúng thì nghèo. Không giống như bên Nhật bên Mỹ. Và còn tệ hại hơn cả bên Mễ nữa” ông nói như vậy dù chưa bao giờ ông rời khỏi đất nước Việt Nam.

“Tụi nó sẽ giết anh để cướp xe đạp” Việt nói.

“Tôi đã bị tụi nó dí vào người bởi hai thằng cướp. Chúng muốn cướp xe gán máy của tôi”. Hùng chỉ cho tôi thấy vết sẹo ở dưới quần soọc của anh.

“Một ngàn bảy trăm kilômét bằng xe đạp đến Hà Nội! Bằng xe đạp! Khi cha mẹ anh biết rằng anh đạp xe ra tới Hà Nội thì chắc hai người sẽ phát bệnh vì lo lắng. Hãy nghĩ đến cha mẹ anh. Họ không mang anh đến một thế giới khác để anh hủy hoại cuộc sống anh. Hãy suy nghĩ. Đừng làm như thế. Không phải chỉ có rừng sâu và cường đạo. Anh sẽ chết...” Ông chú kết luận với vẻ quả quyết tuyệt đối...”

Thế mà Andrew X. Phạm đã tạo được một du ký đặc sắc. Trở về những nơi chốn cũ, thăm lại và nhớ lại thời gian đã qua, anh viết với sự bồi hồi xúc động. Cảnh cũ, người xưa, sự còn mất qua thời gian biến thiên đã tạo phong vị để người đọc thẩm thía. Về Sài Gòn, thăm hồ Con Rùa, thăm Trung Tâm Văn Hóa Pháp, đến xóm cũ đường Lý Thái Tổ, để thấy

sự thay đổi hoàn toàn. Trong thế giới của những đường hẻm thuở ấu thơ, tất cả đã thay đổi để chỉ còn lại nhớ về những kỷ niệm. Về miền Tây, ghé trại giam Minh Lương, nơi đã từng thăm nuôi người cha. Về Phan Thiết, thành phố của những xưởng làm nước mắm, nơi đã cùng người chị tập bơi, nơi đã khởi hành một chuyến tàu đi tìm tự do. Đến Hà Nội, dễ thấy đời sống bị bóp chặt hơn, với sự theo dõi của công an, và đời sống thì cũng khó khăn hơn ở phương Nam.

Mỗi nơi chốn, đều là sự tìm về của tâm thức và sự ngập ngừng giữa tình và lý, giữa niềm đau đớn và sự khôi hài. Viết về quê hương mình, mà sao trong cách diễn tả, có một sự gì điều cợt cay chua. Trong ký ức, có lẽ Việt Nam nhắc nhở đến những bi kịch, những nỗi đau thương do thời thế tạo thành. Trở về đất nước, rồi uống say những giọt rượu già từ với bạn bè, với người thân, vẫn là chuỗi những cảm giác lạc lõng, nên khi máy bay trở về Hoa Kỳ, vẫn là cái ôm choàng của vòng tay nồng ấm.

Tất cả những nhân vật trong “Catfish and Mandala” đều có những vết sẹo từ chiến tranh. Dù ở bên này hay bên kia, người thua cuộc hay kẻ chiến thắng, kẻ tình nguyện nhập ngũ hay người bị bắt buộc, đều nhìn chiến tranh như bức màn đen thẳm khủng khiếp nhất. Dù sống lưu lạc ở hải ngoại, hay sống qua ngày vật lộn với đói nghèo ở trong nước, mỗi người đều bị cảm thấy mất mát và những hồi ức, có lẽ buồn nhiều hơn vui. Không khí trong hồi ký này là sự hoang mang chán chường của cả một thế hệ. Mọi người sống trong cảm giác lẫn lộn, giữa sự tin tưởng vào hưng vượng của dân tộc nhưng cũng ngỡ ngàng phân vân trước những đổ vỡ tiêu cực đầy dẫy trong đời sống hàng ngày.

Tôi nghĩ, ở vị trí của một người đọc ngoại quốc, tò mò muốn hiểu biết về một đất nước chậm tiến, “Catfish and Mandala” là một hồi ký hấp dẫn. Trong đời sống mấy mớic hưởng thụ, có một người viết về cuộc du hành bằng xe đạp, có phải là sự lạ lùng lôi cuốn sự tưởng tượng. Thành ra tôi không lạ lùng lắm với những lời khen từ các bài điểm sách của các tác giả và các tạp chí có uy tín. Riêng tôi, một độc giả Việt Nam, gập lại những trang sách, lòng lẫn lộn buồn vui. Đất nước tôi, dân tộc tôi sao nhiều bất hạnh quá thế. Quá khứ, là phân ly, là mất mát. Và hiện tại, cũng không khả quan gì. Nghèo đói, chậm tiến ở trong nước nhưng với những người ở hải ngoại, cũng không hoàn toàn may mắn. Làm sao để có một đời sống an vui cho tâm hồn, giữa những lực kéo và lực đẩy luôn luôn đối nghịch nhau. Làm sao, có một thái độ thích nghi giữa những bão bùng cuộc sống, giữa những cuộc vật lộn để sống còn.

Riêng với tác giả Andrew X. Phạm và tác phẩm “Catfish and Mandala”, tôi đã kết luận đây là một cuốn sách xuất sắc. Tâm tư người

viết được dàn trải giữa những dòng chữ. Đôi lúc, tôi nghĩ không phải chỉ của riêng Andrew X. Phạm mà còn của chung nhiều người nữa. Với người thân, người chịu nhiều bất hạnh của đời sống, có nén nhang nào ngát thơm hơn những dòng chữ tưởng niệm để nhớ về. Kỹ thuật kể chuyện đã được nâng lên một mức độ khiến cấu trúc trở nên nhịp nhàng, để cái hiện sống hiện thực và cái nhớ về hồi ức chan hòa không làm tản mạn ý hướng của tâm tư diễn tả.

Viết hồi ký, mang chính đời sống mình và gia đình mình làm đề tài để “mua vui cũng được một vài trống canh” có phải là một việc làm không suy tính? Tôi nghĩ, chắc không phải như vậy, bởi trong điều ập ủ, vẫn có những ý hướng của tia nắng yên bình, ngọn gió hiền hòa của một người yêu mình yêu cuộc sống hôm nay. Dĩ vãng, dù nhìn ngắm ở khía cạnh nào, dù sinh động đến mấy, vẫn là chuyện đã qua. Điều quan trọng là ở hôm nay, hay ở ngày mai, của những con người tích cực, năng động như vòng quay bánh xe đạp của tác giả “Catfish and Mandala”.

Chia mừng

Nhận được thiệp hồng của vợ chồng nhà thơ

Nguyễn Tôn Nhan - Quỳnh Hương

báo tin đám cưới của Trường nam

Nguyễn Tiên Yên

kết duyên cùng Cô

Đặng Nguyễn Liên Hương

Trường nữ của vợ chồng nhà thơ

Đặng Tấn Tới-Duy Khương

Bạn hữu các nhà thơ Nguyễn Tôn Nhan, Đặng Tấn Tới tại Hoa

Kỳ vui mừng nhận được tin vui, và cầu chúc cho hai cháu

Nguyễn Tiên Yên - Đặng Nguyễn Liên Hương

trăm năm hạnh phúc

Võ Phiến, Tạ Chí Đại Trường, Nguyễn Mộng Giác, Lữ Quỳnh, Khánh Trường, Nguyễn Trọng Khôi, Ngu Yên, Huy Lực, Hoàng Khởi Phong, Trần Hoài Thư, Hồ Minh Dũng, Trần Doãn Nho, Đào Đức Chương, Đặng Phú Phong, Nguyễn Chí Kham, Kinh Dương Vương

giới thiệu sách mới



THƠ

 Nguyễn Thị Minh Thủy, *Cõi riêng*, tập thơ, tác giả xuất bản, Tranh bìa Khánh Trường, Phụ bản Đinh Cường, Võ Đình, Nguyễn thị Hợp, Lê Thánh Thư, Hạ Quốc Huy, Hồ Thành Đức, ảnh Nguyễn Tất Nhiên, Hoàng Mai Đạt, thơ phổ nhạc Ngu Yên, thơ in trên giấy xám nhạt, dày 140 trang, giá 10 MK.

Từ lâu, thơ Nguyễn Thị Minh Thủy đã từng được bạn đọc các tạp chí *Văn Học*, *Văn*, *Hợp Lưu*, *Thế Kỷ 21*, *Làng Văn*, *Tuổi Hoa*, *Người Việt* chú ý, nay tác giả sưu tập những bài thơ đã làm in thành một tập, chắc chắn bạn đọc sẽ có một cái nhìn toàn diện hơn về thơ Minh Thủy.

Phần chính của thi tập là những bài thơ tác giả làm sau 1975. Phụ lục ở phần sau là một số bài làm trước 1975.

Thơ Minh Thủy “hiền lành” trong cách dùng chữ và thi ảnh. Không có những táo bạo gây sững sờ kinh dị hay khiêu khích. Không có những bất ngờ bàng hoàng. Nhưng đằng sau thứ ngôn ngữ hiền lành là những bão táp dồn nén khéo léo, như cái lặng lẽ ở trung tâm cơn bão.

Xin thử đọc bốn câu thơ ngắn của Minh Thủy:

*một mặt trời mọc ngược
từng nét mới gọi mời
vùng đam mê rờn rợn
gợn thân người, buông trôi.*

Muốn mua tập thơ, xin liên lạc:
Nguyễn Thị Minh Thủy

9082 Jennrich Ave.
Westminster CA 92683 USA
Email: saigonbolsa@yahoo.com

📖 Minh Viên, *The River of Poetry*, Tập thơ viết bằng Anh ngữ, Poems 2000 xuất bản, dày 80 trang, giá 10 MK.

Người giới thiệu sách không đủ trình độ thẩm định giá trị nhưng bài thơ Anh ngữ của Minh Viên, chỉ xin giới thiệu tập thơ, và

📖 Thanh Hải Võ Thượng Sư, *Giấc mơ của bướm, Kỷ niệm nào quên*, hai tập thơ in ấn vô cùng sang trọng, theo tiêu chuẩn sách quý quốc tế, sưu tập một số bài thơ do Thanh Hải Võ Thượng Sư viết bằng Anh ngữ, sau đó chính tác giả hay ban biên tập dịch sang tiếng Việt.

Vì mục tiêu của hai ấn phẩm là truyền bá tôn giáo, nên việc định giá nghệ thuật thơ Thanh Hải không thích hợp ở đây.

Trong lời Tựa cuốn “Kỷ niệm nào quên”, có câu: “Ngoài những bài thơ do chính Ngài tự dịch hoặc phong tác, các bài khác do ban biên tập dịch và được Ngài hiệu đính một cách cẩn thận.”

Hình như ban biên tập không cẩn thận như tác giả, nên ngay trong lời Tựa này, câu đầu đã thiếu sót một ý lớn, trở thành cụt ngùn sai văn phạm (Kỷ niệm nào quên là một thi tuyển gồm những bài thơ tình do Thanh Hải Võ Thượng Sư sáng tác trước khi Ngài.), và câu cuối dùng chữ sai (*phóng* tác thay vì *phong* tác).

Địa chỉ liên lạc:
P. O. Box 10040
Westminster CA 92683 USA

KHẢO CỨU, TRUYỆN

📖 Nam Dao, *Tiếng cồng*, Tiểu thuyết, Thi Văn (Canada) xuất bản.

Sau cuốn tiểu thuyết lịch sử “Gió Lửa”, trong “Tiếng Cồng”, Nam Dao cũng dựng lại cùng một không khí tiểu thuyết như cuốn đầu tay: một thế giới mù mờ, căng thẳng, trong đó cảnh ngộ thường ở mấp mé của bờ vực tuyệt vọng, còn nhân vật thì như người mộng du quờ quạng giữa thực và mơ, phải và trái, có và không. Như lời giới thiệu của nhà xuất bản ở bìa sau:

“Nam Dao mời bạn đọc vào thế giới hư ảo của “Tiếng Cồng”, trong đó đời thực và huyền thoại cộng tồn trong mâu thuẫn giằng co giữa hai

đầu căng từ ý thức đến vô thức của đám con nhận cha là Rồng mẹ là Tiên...”

Sách dày 182 trang khổ bở túi, giá 10 MK.

Địa chỉ liên lạc: Thi Van

2699 Morgan, Ste Foy

Quebec, Canada, G1W 4R9

Email: thivan@videotron.ca

📖 Nam Dao, **Ba vở kịch**, tập kịch ngắn, Thi Van (Canada) xuất bản, gồm ba vở kịch xuất sắc của Nam Dao đã đăng trên *Văn Học*: Treo đầu dây Quan họ, Kịch câm, Bốn phác thảo thời gian và Mối mơ của Cuội.

Từ khi Văn Học đăng vở kịch đầu tiên của Nam Dao, bạn đọc khắp nơi đã chú ý tới tài viết kịch của Nam Dao. Kịch của ông nhiều chất trí tuệ, đòi hỏi nhiều ở chẳng những người dựng kịch, diễn viên, mà cả khán giả nữa. Chưa được dàn dựng trên sân khấu nên chưa biết kịch Nam Dao sẽ hấp dẫn khán giả kịch thế nào, nhưng “đọc” kịch Nam Dao thì thú vô cùng. Kịch của ông, theo người phụ trách mục này, là một pha trộn tuyệt vời giữa chất lãng mạn thi vị và chất bi đát cuồng nộ.

Sách dày 232 trang khổ bở túi, giá 12 MK.

Liên lạc địa chỉ nhà xuất bản Thi Văn nói trên.

📖 Trang Châu, **Di Thu**, tập truyện ngắn của Trang Châu, Văn Mới xuất bản, Tựa của Mai Kim Ngọc, Bạt của Kiệt Tấn, gồm 12 truyện ngắn mà theo ý kiến nhà văn Mai Kim Ngọc: “Cả tuyển tập liên hệ đến đàn bà và cách họ xử lý đàn ông. Nói cách khác, tuyển tập cũng là một sưu tập người nữ, và truyện cũng như người của Trang Châu đều rất hấp dẫn”

(xin xem thêm bài đọc sách của Mai Kim Ngọc trên số báo này).

Sách dày 180 trang. Giá 10 MK (ngoài USA 12 MK).

Địa chỉ liên lạc: Văn Mới

1528 South La Cienega Bl.

Los Angeles, CA 90035

Phone: (310) 559-0413

📖 Trần Hoài Thư, **Thế hệ Chiến tranh**, tập truyện, Thư Ấn Quán xuất bản, gồm 13 truyện ngắn và tạp văn cùng viết về tâm tình của người lính Việt Nam Cộng Hòa trong và sau chiến tranh, một đề tài sở trường của toàn bộ văn nghiệp Trần Hoài Thư.

Sách dày 186 trang, giá 12 MK.

Địa chỉ liên lạc: Trần Hoài Thu
 P O Box 58
 S. Bound Brook, NJ 08880
 Email: tht5@juno.com

📖 Thái Tú Hạp, *Giữa trời hoa bay*, tản mạn văn học, Sông Thu xuất bản, sách dày 320 trang, Giá 15 MK.

Tác giả khiêm nhường khẳng định ngay trong Lời Mở Đầu: “Những tư duy tản mạn này không phải là những bài bình luận, biên khảo, nhận định về tác phẩm, tác giả, của các văn nghệ sĩ đã tạo nên thời vang bóng trên thi đàn văn học VN. Chỉ là những góp nhặt ngông cuồng của một người yêu thơ, ước mơ đứng trên đỉnh Hy Mã Lạp Sơn, thả bay hàng triệu cánh hoa trong ngọn gió thu phong, tỏa ngợp khắp trời đông phương diệu lý hùng vĩ của tâm thức chốn ngộ Chân Như.”

Tác giả vừa là nhà thơ, vừa là chủ bút một tuần báo Việt ngữ lớn ở vùng Los Angeles, nên các tản mạn ngắn trong tập ghi lại nhiều thời sự văn nghệ, vừa có tính đại chúng cao lại vừa có nhiều thi vị.

Địa chỉ liên lạc: Saigon Times
 9234 E. Valley Blvd.
 Rosemead CA 91770
 Phone: (626) 288-2696

📖 Kiêm Thêm, *Huế - Di tích văn hóa nghệ thuật*, biên khảo, Xuân Thu xuất bản, sách dày 360 trang, giá 15 MK.

Một cuốn biên khảo khá đầy đủ về các di tích văn hóa nghệ thuật của cố đô Huế, có kèm các hình chụp mới và đẹp. Sách gồm bảy chương:

Huế thời khai sinh, Những công trình kiến trúc Huế, Lăng tẩm Huế, Những di tích Huế, Bản sắc văn hóa Huế, Những ngôi chùa Huế, Lễ hội và Di sản.

Một cuốn chỉ nam cần thiết cho những người muốn du lịch ở Huế.

Một cuốn sách cần thiết trong tủ sách những gia đình người Việt gốc Huế ở hải ngoại.

Nhà xb Xuân Thu: PO Box 97 Los Alamitos CA 90720
 Phone: (714) 828-9222.

Cáo lỗi: Do ý kiến bạn đọc gửi về còn ít, Ban Biên tập xin gác lại “Mục ý kiến bạn đọc” sang số sau. Trân trọng cáo lỗi cùng một số bạn đọc đã đóng góp ý kiến trong tháng qua. *Văn Học*

Hộp thư

Thư từ liên quan việc mua báo, gia hạn:

University of Wisconsin-Madison Library (Madison WI), Đoàn Thế Hoàng (Lincoln NE), Châu thị Anh Đào (Houston TX), Tôn Thất Tuấn (Sudbury Ont Canada), Tôn Thất Thắng (Montpellier France), Hồng Huy (Canada, Hồng Phượng F.V. Ca gia hạn thay), Nguyễn Nga Mỹ (Gahanna OH), Hoàng Ngọc Khôi (Toronto, Canada), University of Berkeley Library (Berkeley CA), Ross Barnum Library (Denver, CO, gia hạn 2 số mỗi kỳ), Bibliothèque de Ville Montréal (Montreal, Canada), Carrie Estelle Doheney Memorial Library (Camarillo CA), Trần Tiền Ngạc (Stockton CA), Bùi Cận (Antioch CA, đổi địa chỉ), Nguyễn Trung Hối (Portland OR), Đoàn Khoách (San Diego CA), Milpitas Community Library (Milpitas CA), Đào Thanh Hào (Garden Grove CA), Nguyễn Khoa Diễm (Reseda CA), Trung Việt Bookstore (Montreal Canada), Nga Lâm (Seattle WA), Trần văn Nam (San Gabriel CA), Lê Đức Vi (Portland OR), Thu Đoàn (Plano TX), Triet Dang (Houston TX), Vi Khuê (Burke VA), Tạ Xuân Tắc (Eden Prairie, MN), Nguyễn Ngọc Thanh

(Phoenix AZ), Oneil Library (Boston, MA), Long Nguyen (Beavercreek OH), Duong T.D. (Netherland), Mai Tắt Đắc (Cocoanut Creek FL), Đỗ V. Lực (Houston TX), Phương Nguyễn (Denver CO), Tân Nguyễn (San Diego CA), Trần Thiện Hiệp (San Jose CA), Trần thị Lệ Chi (San Jose CA), Võ D. Nguyen & Sonia Lim (Olympia WA), Nguyễn Quý Bổng (Ottawa Canaada), Los Angeles Community Library (LA CA) University of Washington Library (Seattle WA), Lê Tạo (San Diego CA), Trương văn Nhi (Houston TX), Khanh Nguyen (Kent WA), Dao & Ann Nguyen (Fort Worth TX), Lâm Chương (Dorchester MA), Ecole de Langues Orientales (Paris, France), Tôn Thất Quỳnh Tiêu (Richardson TX), Ly T. Bichlan (Arlington Hts, IL), Sheridan Library (Denver CO), Chapman Library (Salk Lake City UT), San Francisco Public Library (SF CA), Phạm Tuyết Nga (Seattle WA), Hanh H. Le (Lexington KY), Đào Quang Mỹ (Norway), Vũ Đức Thanh (Orlando FL), Lê Quỳnh Mai (Montreal, Canada), Trần Doãn Nho (Worcester MA), Trương Mỹ Vân (Vancouver Canada), Trần văn Phê (Richfield MN), Ngô Bút (Hoang An ở Lenoyne PA gia hạn cho ông Ngô Bút), Hung Phan (Univestin Place WA, gia hạn 2 năm), Phan Diên (Wichita KS), John Diep (Boyton Beach FL, mua Mùa Biển Động)

Nhắn tin chung:**Bài nhận được qua bưu điện.**

“Bạn hiền”, “Tình yêu và Trí tuệ”, “Mưa tuyết nơi xứ lạ” gửi từ Vancouver Canada, “Năm cùng” gửi từ Chomedey Canada, “Thiết tha” gửi từ Long Beach CA, “Đem nhau về Huế”, “Dòng họ Nguyễn Khoa” gửi từ Lawrenceville GA.

Trong tháng Mười Một 2000, hộp thư e-mail Văn Học đã nhận được một số bài từ xa gửi tới. Trừ trường hợp do trục trặc kỹ thuật các email ấy bị trả lại, những bài khác đều đã tới hộp thư email Văn Học đầy đủ.

Trân trọng cảm ơn quý văn hữu đã gửi bài theo đường e-mail, rất tiện lợi cho Tòa soạn.

Một số bạn đọc ở Âu châu không quen cách ghi ngày tháng ở Hoa Kỳ đã tưởng lầm hạn mua báo đã hết. Ban Quản trị Tạp chí Văn Học một lần nữa xin giải thích rõ: Ngày hết hạn trên nhãn gửi báo ngoài phong bì được ghi theo cách ghi ngày tháng ở Hoa Kỳ, nghĩa là *ghi tháng trước, rồi tới ngày, và năm*. Ví dụ: 12/1/00 nghĩa là hạn mua báo của quý vị đến ngày 1 tháng 12 năm 2000 là hết. Hơn thế nữa, mỗi khi hạn mua báo đã đến hay sắp đến (hai tháng trước và hai tháng sau), máy vi tính tự động in hàng chữ PLEASE RENEW - XIN GIA HẠN trên nhãn địa chỉ.

Tìm mua những cuốn sách mới của nhà xuất bản **Văn Học**

thần, người, và đất việt

(bản mới)

của **Tạ Chí Đại Trường**

có nhiều bổ sung so với bản cũ xuất bản trước đây
đầy 370 trang. Giá 20 Mỹ kim. Văn Nghệ phát hành

đó đây...

tùy bút

của **Trúc Chi**

đầy 240 trang, giá 12 Mỹ kim

Sách do nhà xuất bản **Văn Nghệ** phát hành

Trung tâm Joiner Center
Nghiên Cứu về Chiến Tranh và Hậu Quả Chiến Tranh
Đại Học Massachusetts-Boston

**Đề Án Về Cộng Đồng Người Việt ở Nước Ngoài
Nghiên Cứu Gia Khoa Học Nhân Văn Quỹ Rockefeller
2001-2002**

Diễn Trình (Tái) Xây Dựng Diện Mạo và Quê Hương
của Người Việt ở Nước Ngoài

Đề Tài Nghiên Cứu:

Khảo sát Những Quan Điểm Hình Thành Lịch Sử Việt Nam

Khảo sát Những Tiếng Nói của Người Việt ở Nước Ngoài - Qua Văn Học,
Ngôn Ngữ, Văn Hóa

Diễn Trình (Tái) Xây Dựng Diện Mạo và Quê Hương của Người Việt ở
Nước Ngoài: Một Cái Nhìn Dài Hạn

Chương Trình Học Bổng:

Đề án sẽ cấp học bổng cho 2 tới 5 nghiên cứu gia hàng nam, với những
chương trình nghiên cứu từ 3 tới 9 tháng. Trợ cấp tối đa cho một chương
trình nghiên cứu 9 tháng là 35.000 Mỹ kim cộng với một khoản chi phí di
chuyến nhỏ. Nghiên cứu gia có thể nộp đơn và nghiên cứu hoàn toàn
bằng tiếng Việt. Phương cách nộp trú cá biệt có thể được thảo luận.

Thời Hạn :

Hạn chốt nộp hồ sơ: Ngày 31 tháng Giêng năm 2001 cho niên khóa
2001-2002.

Đề án Với Sự Đồng Tham Dự:

Chương Trình Nghiên Cứu Người Mỹ Gốc Á Châu, Chương Trình Đồng
Á Học

Viện Nghiên Cứu Người Mỹ Gốc Á Châu, Học Viện Cao Đẳng Giáo Dục,
Liên Minh Thanh Niên Thanh Nữ Mỹ Gốc Vùng Á Châu-Thái Bình Dương

Địa Chỉ Liên Lạc:

Kevin Bowen / Nguyễn Bá Chung

William Joiner Center for the Study of War and
Social Consequences

University of Massachusetts-Boston

Boston, MA 02125-3393

(617)287-5850, Fax (617) 287-5855

E-mail: Chung.Nguyen@umb.edu

Đây đủ chi tiết, xin tham khảo:

Web Site <http://omega.cc.umb.edu/~diaspora>

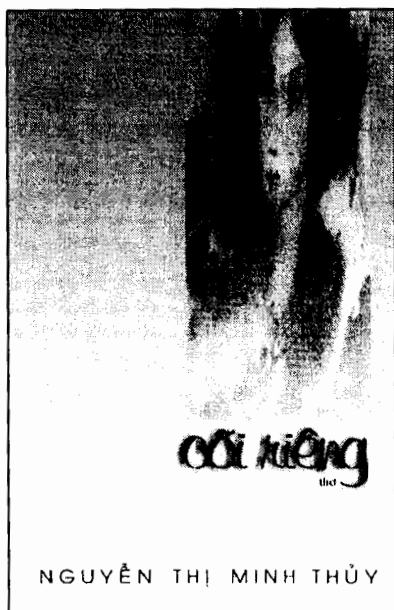
phân ưu

Nhà văn Hoàng Liên - Nguyễn văn Đãi

thân phụ của nhà văn Nguyễn Quý Đức
đã từ trần vào ngày 23 tháng 11 năm 2000
tại San Francisco, California, Hoa Kỳ, hưởng thọ 80 tuổi

Chúng tôi, các bạn văn và thân hữu của nhà văn Hoàng Liên và nhà văn Nguyễn Quý Đức, xin chân thành phân ưu cùng tang quyến, và cầu chúc linh hồn Anh Hoàng Liên sớm về cõi Phật.

Võ Phiến, Trần Hồng Châu, Võ Thắng Tiết, Vỹ Khuê, Cao Tiêu, Thích Mãn Giác, Trúc Chi, Hà Trung, Lê Tất Điều, Túy Hồng, Trùng Dương, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Mộng Giác, Thạch Hân, Mai Kim Ngọc, Châu văn Thọ, Trương Vũ, Ngô Thế Vinh, Đỗ Tiến Đức, Nguyễn Trung Hối, Trần Hoài Thư, Ngự Thuyết, Tạ Chí Đại Trường, Phan Nhật Nam, Nguyễn Vũ, Trịnh Y Thư, Thanh Tuệ, Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Phạm Xuân Đài, Hoàng Khởi Phong, Phạm Quốc Bảo, Bùi Hồng Sỹ, Nguyễn Xuân Nghĩa & Quỳnh Giao, Võ Đình & Trần thị Lai Hồng, Bùi Bích Hà, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Nguyễn văn Sâm, Đặng Phùng Quân, Khánh Trường, Thế Uyên, Duy Lam, Cao Xuân Huy, Bùi Vĩnh Phúc, Vũ Huy Quang, Đặng Tiến, Thụy Khuê & Lê Tất Luyện, Nguyễn Bá Trạc, Nguyễn Đức Quang, Phan Tấn Hải, Nguyễn Mạnh Trinh, Trần Mộng Tú, Thành Tồn, Hoàng Lộc, Lâm Chương, Ngu Yên, Triều Hoa Đại, Hồ Minh Dũng, Trần Doãn Nho, Đinh Cường, Hoàng Mai Đạt, Tường Vũ Anh Thy, Phan Minh Khánh, Huy Văn, Phùng Nguyễn, Nguyễn Khoa Diệu Chi, Hoàng Bích Đào, Thơ Thơ, Lê Minh Hà, Y Chi, Trần Vũ, Phan thị Trọng Tuyển, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Kiệt Tấn, Mai Ninh, Phạm Việt Cường, Tường Năng Tiến, Thượng Văn, Hồ Trường An, Hồ Minh Dũng.



CÔI RIÊNG

thơ

NGUYỄN THỊ MINH THỦY

“Thơ, một lúc nào đó, đối với tôi chính là những dòng nhật ký tuyệt diệu và gần gũi vô cùng. Tuyệt diệu, vì nét đẹp văn chương đẩy tôi bay bổng khỏi những eo sèo đời mọn. Và gần gũi, vì thơ có thể ngụ trong tim trong óc tôi bất kể hoàn cảnh, giờ giấc nào. Thơ dựng nên một cõi riêng để tôi yên bình trú ẩn, dù với vết thương đau đớn hay với niềm hoan lạc mong manh.”

Liên lạc tác giả
9082 Jennrich Ave.
Westminster, CA 92683
e-mail: saigonbolsa@yahoo.com

ấn phí 10MK

NHÀ XUẤT BẢN VĂN MỚI

Tác phẩm vừa phát hành.

TRUYỀN THỐNG VĂN HÓA DÂN TỘC VIỆT NAM TRONG VĂN CHƯƠNG ĐỐI LIÊN

tác giả: Minh Chánh Học Sĩ

TRẦN CÔNG ĐỊNH

Bìa: Khánh Trường



NHÀ XUẤT BẢN VĂN MỚI

1528 S. La Cienega Blvd.

Los Angeles, CA 90035

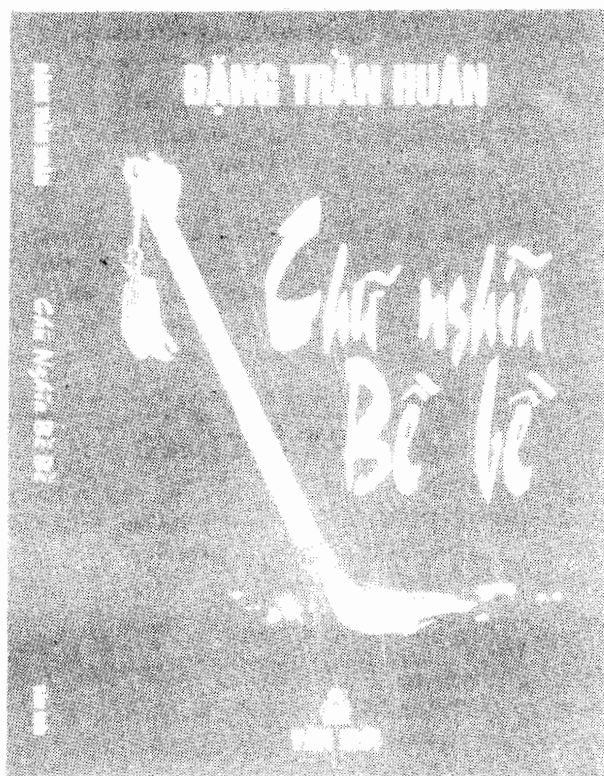
*Tel: (310) 559-0413 * Fax: (310) 659-2627*

Tác phẩm vừa phát hành tháng 11 năm 2000

CHỮ NGHĨA BỀ BỀ

Tác giả: Đặng Trần Huân

Biên: Phạm Thông



PHIẾU MUA/GIA HẠN BÁO

Họ và tên _____

Địa chỉ _____ Apt. _____

Thành phố _____ Tiểu Bang _____ Zip _____

Quốc gia _____

Đồng ý ☐ mua ☐ gia hạn báo Văn Học trong
thời hạn _____ năm,
từ số _____ tháng _____, gói hạng _____

Đính kèm chi/ngân phiếu số tiền US\$ _____, để trả cho Văn Học

PHIẾU GIỚI THIỆU ĐỘC GIẢ MỚI

Tôi giới thiệu thân hữu dưới đây làm độc giả mới của Tạp chí Văn Học:

Họ và tên _____

Địa chỉ _____ Apt. _____

Thành phố _____ Tiểu bang _____ Zip _____

Người giới thiệu _____

Địa chỉ _____ Apt. _____

Thành phố _____ Tiểu bang _____ Zip _____

GIÁ BÁO DÀI HẠN

HOA KỲ

Hạng tư (Fourth Class)

Một nămUS\$42.00

Hạng nhất (First Class)

Một nămUS\$50.00

CANADA

Đường bộ (Surface)

Một NămUS\$46.00

Máy Bay (Air Mail)

Một NămUS\$54.00

ÂU, Á VÀ ÚC CHÂU

Đường thủy (Surface)

Một nămUS\$56.00

Máy bay (Air Mail)

Một nămUS\$94.00

THU VIỆN/LIBRARY

US/ First Class/1 yr.....US\$50.00

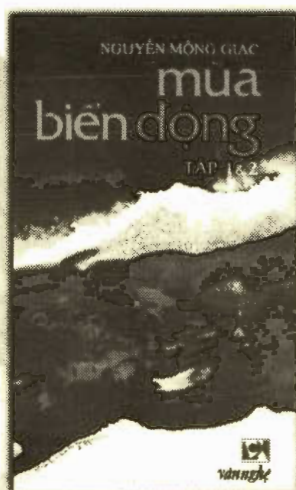
Overseas/AirMail/1yr. US\$100.00

Trả bằng Mỹ kim (US dollar). Ngoài Hoa Kỳ, xin trả bằng International money order. Ngân, chỉ hay lệnh phiếu để trả cho Văn Học. Please send check or international money order payable in US dollar, to Van Hoc.

*Đã tái bản hạn chế
hai bộ trường thiên của nhà văn*

NGUYỄN MỘNG GIÁC

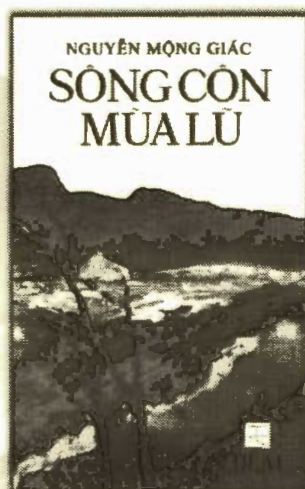
(ấn bản có sửa chữa & bổ sung)



Mùa Biển Động (5 tập)

Giá 65 MK

(Ngoài USA thêm 5MK)



Sông Côn Mùa Lũ (4 tập)

Giá 65 MK

(Ngoài USA thêm 5MK)

Thư từ, chi phiếu xin gửi về:

Nguyễn Khoa Diệu Chi
P.O. Box 1359
Garden Grove, CA 92842

Phone: (714) 894-8535

E-mail: nmg@vinet.com

SÁCH MỚI, SÁCH MỚI!

NHAN SẮC	10MK
truyện dài (tái bản) Dương Nghiễm Mậu	
GAITHOẠI THIÊN SƯ	10MK
Lâm Thanh Huyền, Phạm Huê dịch	
BÔNG HỒNG VÀNG	15MK
Konstantin Paustowsky, Vũ Thư Hiên dịch	
CHIẾN TRANH ĐÔNG DƯƠNG 3	13MK
Cuộc chiến Miên Việt, Hoa Việt 1997	
biên khảo Hoàng Dung	
NHẬN DIỆN CHÂN DUNG NHÀ VĂN	16MK
Xuân Sách "vẽ" bằng thơ, Lý Hồng Xuân luận bình	
TRẦM TƯ	7MK
danh ngôn Võ Hồng	
KHUNG RÊU	15MK
truyện dài giải thưởng văn chương toàn quốc 1970	
Nguyễn Thị Thụy Vũ	
(tái bản để giúp tác giả còn ở Việt Nam trên rừng Lộc Ninh)	
THE LOVER'S GIFT - Tặng Vật Của Tình Nhân	8MK
Rabindranath Tagore, bản Việt ngữ Bùi Bảo Trúc	
VĂN HỌC VÀ THỜI GIAN	15MK
BINH BIẾN 11-11-60	18MK
hồi ký Vương Văn Đông	
CỬU LONG CẠN DÒNG, BIỂN ĐÔNG DẬY SÓNG	25MK
tiểu thuyết Ngô Thế Vinh	
VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ ĐIỂM NHÌN H(ậu) H(ệ)N ĐẠI	17MK
phê bình, tiểu luận Nguyễn Hưng Quốc	
ĐỔI MỚI, NIỀM VUI CHƯA TRỌN	14MK
hồi ký Trần Độ	

Liên lạc

Nhà xuất bản **VĂN NGHỆ**

PO.BOX 2301, WESTMINSTER, CA 92683

(714) 934 - 8574.

Email: vannghe@pacbell.net

Giá:\$4.00